NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

TỤC-NGỮ' CA-DAO (1)

(Diễn-thuyết ở Hội Tri-tri)

Thưa các Ngài,

Mới đây tôi có tiếp một cụ linh-mục người quí-quốc, cụ là người rất am-hiểu tiếng ta mà lại thông cả chữ hán nữa. Nhân bàn về văn quốc-ngữ, tôi có phàn-nàn với cụ rằng có nhiều người Đại-Pháp không chịu công-nhận tiếng An-nam, lại có ý phản-đối, cho tiếng An-nam là không đủ dùng ở đời này, không sớm thời muộn, tất có ngày tự-nhiên phải tiêu-diệt đi và sẽ bị tiếng Pháp thế vào. Cụ đáp lại rằng: « Những người nói thế là xét lầm. Văn quốc-ngữ ngày nay đương tấn-tới, rồi cũng có ngày thành văn-chương hay được. Người ta cứ chê rằng văn quốc-ngữ phải mượn nhiều chữ tàu, nhưng không hiểu rằng tiếng An-nam đối với chữ hán thật là thuộc vào một cảnh-ngộ riêng, tưởng trong thế-giới không có tiếng nước nào giống như thế. Chữ nho mà đem dùng sang văn quốc-ngữ là tiện-thị thành tiếng An-nam rồi. Ông có mượn chữ nước người, nhưng ông đọc theo giọng ông, ông lại đặt vào giữa một câu tiếng An-nam, thời chữ ấy là hóa theo An-nam rồi, còn gì là tàu nữa. Đó là một sự rất tiện-lợi cho cái quốc-văn mới của các ông, vì tiếng các ông nhờ mượn chữ tàu mỗi ngày một giàu thêm ra, mà mượn chữ tàu thời mượn bao nhiêu cũng có thể tiêu-hóa được. Không kể ngày nay nhiều người học tiếng tây, một đôi khi cũng có thể mượn thêm chữ tây nữa. Như vậy thời văn quốc-ngữ không bao lâu sẽ thành một nền quốc-văn xứng-đáng . . . »

Tôi bình-sinh chỉ có một chút nhiệt-thành, là nhiệt-thành với chữ quốc-ngữ, hết sức trông-mong về cái vận-mệnh quốc-văn ta sau này, thường nghe thiên-hạ phẩm-bình về văn quốc-ngữ, người khen thời hời dạ, người chê thời đau lòng, dường như có quan-hệ đến công-phu bấy lâu nay, sự-nghiệp cả một đời. Vậy nghe lời cụ linh-mục là người đã nghiên-cứu về tiếng ta và chữ nho thâm lầm, phán-đoán mấy câu như thế, thật lấy làm vui lòng. Như thế thời quốc-văn ta có cơ thành-lập được, không đến nỗi bị tiêu-diệt như người ta nói. Mà nghĩ cho kỹ, tiêu-diệt làm sao được? Nước ta với nước Tàu là đồng-chủng đồng-văn, người Tàu cai-trị ta trong hơn ngàn năm, văn-hóa Tàu ta đồi-theo, phong-tục Tàu ta bắt-chước, duy tiếng ta ta nói, ta không nói tiếng Tàu; huống ngày nay Đại-Pháp sang bảo-hộ là lấy cái chính khoan-dung đại-độ mà mở-mang gây-dựng cho ta, hà-tằng lại có bụng muốn vùi-rập phá-hoại cái quốc-túy của ta; không có lẽ đâu như thế. Đương khi ta còn túy-tâm về hán-học, đương khi những

(1) Bài này của bản-chí Chủ-bút diễn-thuyết ở Hội Tri-tri ngày thứ năm 21 Avril 1921.

hàng thượng-lưu trong nước còn mài-miệt về chữ nho, nung kinh nấu sử, câu phú câu thi, thời trong dân-gian những kẻ làm ruộng hái dâu, cùng là đàn bà con trẻ, nói-năng với nhau bằng gì, lấy gì mà dạy-bảo khuyên-răn lẫn nhau, lấy gì mà truyền cho nhau cái tâm-thuật làm người, những mánh-khóe ở đời, những điều kinh-nghiệm về việc làm ăn, những sự từng-trải trong việc giao-tế ? lại những khi nhớ hão thương thầm, mối tình lai-láng, thời lấy gì mà giải-tỏ chút cảm-thương, lòng tưởng-nhớ ? Con trai con gái, đời nào nước nào cũng biết dùng lời hát giọng thơ mà tỏ cái lòng ham-muốn cho nhau biết, vậy mà trừ những bậc khuê-môn đài-các có thể lấy văn-chương mà tự-tỉ mình như Tư-mã Văn-quân, còn những kẻ tầm-thường vô-học thời biết lấy gì mà bày-tỏ nỗi lòng ? Há chẳng phải là cái tiếng quốc-âm rất quí-báu của ta rư ? Há chẳng phải là những lời tục-ngữ, câu ca-dao, ta thường nghe thấy trong dân-gian, mà dẫu người học-thức lắm khi cũng phải chịu là hay, cũng không từ dùng đến ? Há chẳng phải là cái văn-chương truyền-khẩu kia, mẹ dạy cho con từ khi bú-mớm, chồng nói với vợ những lúc đêm khuya, trai gái ngâm-vịnh với nhau những ngày hội-hè vui-vẻ hay là dưới bóng nguyệt tờ-mờ ? Mà cái văn-chương truyền-khẩu ấy, tuy chỉ xuất-bản ở miệng người, tuy không có sách nào biên-chép, mà tôi dám quyết là một cái văn-chương rất phong-phú, tưởng không có nước nào có một cái văn-chương truyền-khẩu giàu như nước ta. Mà cái văn-chương truyền-khẩu ấy, tuy không khỏi nôm-na mách-quê, song thật có ý-vị vô-cùng, có thể nói bao nhiêu luân-lý, học-thức, mĩ-thuật, văn-từ, phổ-thông trong dân-gian là bao-gồm chung-đúc cả ở đấy.

Coi đó thời biết giữa khi cái thế-lực của hán-học còn đương lấn khắp hết cả, những người trí-thức trong nước không ai chịu luyện-tập đến tiếng nôm mà tiếng nôm còn sinh-hoạt được mạnh như thế ; huống bây giờ quốc-dân đã biết hồi-tỉnh lại mà quí chuộng tiếng nước mình, thời cái quốc-âm kia thể sao mà tiêu-diệt đi được, không những không tiêu-diệt được, mà chắc càng tập-luyện càng ngày càng hay mãi ra, sau này cũng thành một nền văn-học xứng-đáng, chẳng kém gì người. Ngày nay ta chỉ cần gây lấy một thứ tiếng học-vấn mà thôi, nghĩa là một thứ tiếng để diễn-dịch các học-thuật tư-tưởng mới, dùng làm cái lợi-khí để truyền-bá văn-minh Thái-Tây trong quốc-dân ; còn cái tiếng thông-thường nhật-dụng thời ta đã có rồi, đã có đủ dùng rồi. Thứ tiếng thông-thường ấy chính là những tục-ngữ ca-dao của ta đó.

Tôi diễn-thuyết bữa nay là định nói về tục-ngữ ca-dao nước ta, muốn chứng-giải để các ngài biết cái văn-chương truyền-khẩu ấy phong-phú là dường nào, và tuy là nôm-na mà không phải là không có một cái tinh-thần riêng, không phải là không thể làm một cái kho tài-liệu cho quốc-văn ta đương gây-dựng bây giờ.

∴

Tục-ngữ là gì ? Ca-dao là gì ? Tục-ngữ ca-dao khác nhau thế nào ? Những tiếng ấy tuy không ai là không hiểu, song cũng nên định-nghĩa cho rõ-ràng. Tục-ngữ hay là ngạn-ngữ là những câu nói thường, hoặc vì cái thể nó gọn-ghẽ dễ nhớ, hoặc vì cái ý nó phổ-thông dễ hiểu, mà người trong một nước ai ai cũng nói đến, truyền ở cửa miệng người ta, nhất là ở những nơi lý-hạng, chốn dân-gian. Vì ở miệng người bình-thường ít học mà ra, thật-thà sỗ-sàng, không có bóng-bẩy chải-chuốt, nên gọi là tục, chớ không phải tất-nhiên là

thô-bỉ tục-tằn. Phương-ngôn là những câu tục-ngữ riêng của từng địa-phương, phương này thông-dụng mà phương kia ít dùng hoặc không biết. Lại cao hơn một tầng nữa là những câu cách-ngôn : câu tục-ngữ phương-ngôn nào có ý-nghĩa cao xa thời có thể gọi là cách-ngôn được, song cách-ngôn lại là một thể riêng đã có triết-lý văn-chương rồi, không phải là những câu tự-nhiên truyền-khẩu đi như phương-ngôn cùng tục-ngữ. Nói tóm lại thời tục-ngữ là những câu khẩu-truyền tự-nhiên, hoặc chỉ những sự-lý công-nhiên dẫu người dân nào nước nào cũng cho làm phải, hoặc chỉ những phong-tục riêng của một dân một nước.

Như câu :

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,

là một câu tục-ngữ có nghĩa chung ; còn như câu :

Cao nấm thì ấm mồ,

là một câu tục-ngữ có nghĩa riêng cho dân-tộc An-nam.

Cho nên người ta thường chia tục-ngữ ra làm hai loại : một là những tục-ngữ có nghĩa chung, hai là những tục-ngữ có nghĩa riêng. Song cách phân-loại ấy cũng hàm-hồ lắm, không đủ biện-biệt được các hạng tục-ngữ. Lại có người thời cứ suy nghĩa từng câu mà chia ra loại-mục, thành ra chủng-loại phiền-phức, cũng khó lòng mà nhớ hết được. Tôi thiết-tưởng tục-ngữ nhiều như rừng, vì cách ngôn-ngữ của người ta không biết đâu là bờ-bến, và nhất là tiếng An-nam ta, không có gì là không nói bằng phương-ngôn tục-ngữ được. Thành ra bao nhiêu cách nói là bấy nhiêu câu tục-ngữ, mà mỗi người lại nói ra một cách, mỗi câu lại dùng ra một nghĩa, như thế thời phân-loại làm sao cho khắp được. Vẫn biết rằng cố miễn-cưỡng thời thế nào cũng xếp được, nhưng phân-loại cốt cho dễ sự tìm-tòi, nếu chia ra loại-mục phiền-phức quá thời còn có ích-lợi chi. Theo ý riêng tôi thời muốn biên-tập các tục-ngữ phương-ngôn không thể lấy ý-nghĩa mà phân-loại cho hết được, tất phải dùng đến cách giản-dị là làm như quyển tự-điển xếp theo vần tây, nhưng không phải là xếp theo vần chữ đầu, phải xếp theo vần chữ chính trong câu, câu nào có hai ba chữ nghĩa quan-trọng như nhau thời xếp ra hai ba vần thuộc về những chữ đó. Tỉ như câu :

Cõng rắn cắn gà nhà,

nghĩa là đem người ngoài về hại nhà mình, nhưng cứ lấy ý-nghĩa mà phân-loại thời đặt về loại « phản-bội », hay là loại « khờ-dại, » hay là loại « hiểm-độc » ? Thiết-tưởng đặt vào loại nào cũng không được ổn lắm, bất-nhược xếp vào vần *rắn* và vần *gà* là tiện hơn cả.

Đó là cách biên-tập các tục-ngữ. Nói về nghĩa-lý các tục-ngữ thời đại-loại là những lời ví-von, những cách nói lối, những câu răn-dạy, những giọng khen-chê, toàn là thuộc về thể « nói lối » cả. Có thể nói phàm tục-ngữ là những câu « nói lối » hết.

Tục-ngữ thường có một câu hay là hai câu đối nhau ; nhưng cũng có nhiều khi thành hai câu lục-bát hay là song-thất như lối thi-ca thường. Khi nào như thế thời tục-ngữ đã nhất-biến mà hầu thành ra ca-dao rồi.

Như những câu :

— Chim chích mà ghẹo bồ nông,
Đến khi nó mổ lạy ông tôi chừa !

— Mấy đời bánh đúc có xương ?
Mấy đời dì ghẻ có thương con chồng ?

— Mồ côi cha ăn cơm với cá,
Mồ côi mẹ liếm lá đầu chợ.

— Của làm ra, để trên gác,
Của cờ bạc, để ngoài sân,
Của phù-vân, để ngoài ngõ.

Mấy câu đó thời đã xa lối tục-ngữ

và gần thể ca-dao rồi.

Nay ca-dao là những bài hát nhỏ, từ hai câu trở lên, mà không bao giờ dài lắm, giọng-điệu tự-nhiên, cũng do khẩu-truyền mà thành ra phổ-thông, trong dân-gian thường hát. Ca-dao tức như những bài « quốc-phong » trong kinh *Thi*, thường là lời ngâm-vịnh về công-việc nhà-quê hay là lời con trai con gái hát với nhau. 風則閭巷風土, 男女情思之詞. Cách chế-tác cũng phảng-phất như các bài trong kinh *Thi*, và có thể chia ra ba thể: một là *phú* 賦, hai là *tỉ* 比, ba là *hứng* 興. Ông Chu-tử trong bản chú-thích kinh *Thi* giải ba thể như thế này: « Phàm nói rõ tên, kể rõ việc, thế gọi là *phú*. Dẫn vật để mà ví thế gọi là *tỉ*: tỉ là lấy một vật này ví với một vật khác, mà cái việc định nói thường lại ở ngoài lời nói. Định nói việc gì, nhưng giả đặt ra mấy câu để mượn đó mà tiếp-tục, thế gọi là *hứng*. Hứng là mượn một vật để dẫn-khởi một việc, mà cái việc ấy thường ở câu dưới. »

Như câu:

Ai ôi! chớ lấy học trò!
Đài lưng tốn vải ăn no lại nằm.
Ngày thì cắp sách đi rong,
Tối về lại giữ đèn chong một mình!

Thế là thể *phú*, vì nói thẳng đến việc, không có quanh-co.

Như câu:

Vò-vò mà nuôi con nhện,
Ngày sau nó lớn nó quến nhau đi.
Vò-vò ngồi khóc ti-ti:
«Nhện ơi nhện hỡi! mày đi đường nào?»

Thế là thể *tỉ*, vì từ đầu chí cuối là lời ví cả, mà cái ý-tứ lại ở ngoài lời nói.

Như câu:

Giùi trống thon-thon,
Giùi vàng quấn chỉ.
Anh ngồi anh nghĩ,
Vuốt bụng thở dài,
Thuyền trúc nhớ mai,
Thuyền phiên nhớ khách,
Ta nhớ mình đây,
Như bóng nhớ cây,
Ta nhớ mình đây,
Như chim nhớ tổ,
Nay chim vào lồng,
Biết thủa nào ra?

Thế là thể *hứng*, vì hai câu khơi mào « Giùi trống thon-thon, giùi vàng quấn chỉ » là hai câu giả-thác, không có quan-hệ gì với dưới cả, chẳng qua là mượn đó mà lấy chỗ tiếp-tục xuống cái bản-ý ở dưới mà thôi. — Thể *hứng* này là thể thông-dụng nhất trong các lối ca-dao của ta. Như câu:

Quả cau nho-nhỏ,
Cái vỏ vân-vân,
Nay anh học gần,
Mai anh học xa,
Anh lấy em từ thủa mười ba,
Đến năm mười tám em đà năm con.
Ra đường thiếp hãy còn son,
Về nhà thiếp đã năm con cùng chàng!...

Hay là câu:

Cái cò trắng bạch như vôi,
Có ai lấy lẽ bố tôi thì về!
Mẹ tôi chẳng đánh chẳng chê,
Mài dao cho sắc móc mề mà xem! v.v.

Đều là thuộc về thể *hứng* cả.

Các ngài coi đó thời đã biết tục-ngữ ca-dao khác nhau thế nào, một đàng là câu nói, một đàng là câu hát, hai đàng không thể lẫn được. Song có nhiều câu đôi như trên kia đã nói, cho là tục-ngữ cũng được, mà cho là ca-dao cũng không phải là không được, chỗ giao-giới hai lối không được phân-minh lắm, nhưng cũng chẳng hề gì.

Như những câu:

— Thế-gian chẳng ít thi nhiều,
Không nhưng ai có đặt điều cho ai?
— Rồng vàng tắm nước ao tù,

Thiết đại-triều trong điện Thái-hòa sau khi tế Giao xong

Đứng trên bệ, bên tả là Đức ông Hưng-nhân, quan Thượng Lại Nguyễn Hữu-Bài, quan Thượng Học Hồ Đắc-Trung; bên hữu là Đức ông Tuyên-hóa, quan Thượng Hình Tôn Thất-Hân, quan Thượng Công Đoàn Đình-Duyệt và quan Tả-tôn-khanh phủ Tôn-nhân

Người khôn ở với người ngu nặng mình.
— Người thanh tiếng nói cũng thanh,
Chuông kêu sẽ đánh bên thành cũng kêu.
— Dễ-dàng là thói hồng-nhan,
Càng cay-nghiệt lắm càng oan-trái nhiều.

Bấy nhiêu câu thời cho là tục-ngữ cũng có lẽ phải, vì là dùng giọng ca mà nói những sự-lý công-nhiên.

Đến như những câu :

— Đố ai quét sạch lá rừng,
Để ta khuyên gió gió đừng rung cây !
— Đố ai lượm đá quăng trời,
Đan gầu tát bể ghẹo người cung trăng !
— Xin chàng đọc sách ngâm thơ,
Dầu hao thiếp rót đèn mờ thiếp khêu.
— Thương chồng thiếp phải lầm-than,
Xưa nay ai bắt việc quan đàn bà ?
— Chàng ơi! phải lính thì đi,
Cửa nhà đơn-chiếc đã thì có tôi.

Bấy nhiêu câu thời chắc là những câu ca, là vì hát những giọng tiêu-dao cùng là tả những tình-tiết riêng cả.

Nhưng hoặc có nhiều câu ý-nghĩa không được rõ-ràng như thế, mà cho là tục-ngữ hay-là ca-dao, tưởng cũng chẳng hề gì.

Trên kia tôi có nói về cách biên-tập các tục-ngữ theo vần tây như lối làm tự-điển, nhưng chắc các ngài cũng hiểu rằng cách ấy dùng về ca-dao thời không được. Muốn xếp - đặt ca-dao thời phải suy-nghĩa mà phân - loại ; làm thế không sợ phiền như tục-ngữ, vì ca-dao thường thành bài, có ý-tứ quán-thông, xếp ra tiết-mục cũng dễ. Ông Đoàn Duy-Bình năm xưa có chép tập *Gương Phong - tục* đăng trong *Đông-dương tạp-chí* cũng suy-nghĩa mà phân-loại các câu ca-dao như thế.

.·.

Nay đã giải nghĩa tục-ngữ và ca-dao là thế nào rồi, xin chia ra hai phần trước bàn về tục-ngữ, sau bàn về ca-dao.

Trên kia tôi đã nói rằng phàm tục-ngữ là những câu « nói lối » cả. Nói lối là xếp đặt câu thế nào cho êm tai dễ đọc. Các ngài đi xem tuồng ta chắc đã nhận rằng phàm những câu con hát hát lên được là những câu nói lối cả, câu nào không nói lối thời phải nói ra giọng thường, thành ra điệu hát tuồng vẫn có hai giọng khác nhau. Xét ra thời bởi tính-chất tiếng An-nam ta và cũng bởi cái cú-pháp của ta nó khiến như thế. Tiếng An-nam ta là một thứ tiếng độc-vận, khác với các tiếng Âu-Mĩ là những tiếng liên-vận. Độc-vận là đọc rời từng vần một, mỗi chữ là một vần. Các tiếng Âu-Mĩ thời đọc liền-vần, mỗi chữ hai, ba, bốn, năm vần. Đã liền-vần mà cách đặt câu lại có một cái trật-tự tự-nhiên : trong một câu có tiếng chủ, có tiếng phụ, có tiếng động, có tiếng tĩnh (*sujet, attribut, verbe, adverbe . . .*), khi xướng lên thời tự-nhiên nó liên-hợp với nhau, tùy theo cái ý-nghĩa câu, như có một cái khuôn tự-nhiên in với tư-tưởng người ta. Tiếng ta tiếng tàu thời không thế : mỗi vần là một tiếng, mỗi tiếng là một chữ, mỗi chữ là một nghĩa, tiếng nào cũng như tiếng nào, chữ nào cũng như chữ nào, không có phân-biệt chủ, phụ, động, tĩnh gì cả, thành ra như một mớ tiền rời, muốn sâu lại cho thành món thời phải có chỉ, có lạt. Cái lạt cái chỉ để buộc những tiếng độc-vận của ta cho thành câu ấy là mấy cách như sau này.

Cứ nhận kỹ phép kết-cấu các câu tục-ngữ của ta thời thấy đại-khái có ba cách thông-dụng nhất.

Thứ nhất là cách « thanh-âm hưởng-ứng », nghĩa là lấy cho trong một câu có mấy tiếng đọc tương-tự nhau. Những câu đặt theo cách này thời nhiều lắm, không biết bao nhiêu mà kể. Như :

— Cả *cây này* buồng.
— Tay *làm hàm* nhai.
— Nói *ngọt lọt* đến xương.

— Tốt *danh* hơn *lành* áo.
— Cái *khó bó* cái khôn.
— Sai một *li đi* một dặm.
— Ăn một *miếng tiếng* một đời.
— Chém *tre* không *rẻ* đầu mặt.
— Đề là hòn *đất cất* nên ông bụt, v.v.

Các ngài nhận có phải bấy nhiêu câu đều có hai chữ thanh-âm tương-tự mà hưởng-ứng nhau, làm cho câu dễ đọc và dễ nhớ.

Thứ nhì là cách « đối-tự đối-ý », nghĩa là trong câu có hai chữ hay là hai ý đối nhau. Như :

— Dơ cao đánh sẽ.
— Miệng nói chân đi.
— Bới lông tìm vết.
— Đục cây tra ngành.
— Giàu điếc sang đui.
— Bới bèo ra bọ.
— Đất bụt ném chim trời.
— No nên bụt, đói nên ma, v.v.

Bấy nhiêu câu đều hoặc có chữ đối nhau, hoặc có ý đối nhau cả.

Thứ ba là cách « hội-ý suy-loại », nghĩa là hoặc lấy ý, hoặc suy-nghĩa mà đặt thành câu, cách này có ý không rõ-ràng bằng hai cách trên, vì ở ý nhiều hơn ở lời. Như :

— Nước đổ lá khoai.
— Đèn soi ngọn cỏ.
— Chó cắn áo rách.
— Quỉ quấy nhà ma.
— Chết đuối đĩa đèn.
— Trống bỏi vật mình.
— Há miệng chờ ho.
— Lừa-lọc nhau như miếng mộc, v. v.

Bấy nhiêu câu đều lấy ý mà đặt, không phải lấy chữ mà đối hay là lấy vần mà tiếp. Đại-đề những câu nào không thuộc vào hai cách thứ nhất và thứ nhì thời tất thuộc vào cách thứ ba.

Nhưng trong ba cách ấy duy có cách « thanh-âm hưởng-ứng » là thông-dụng hơn cả. Cách này thật đã giúp cho tiếng ta được giàu thêm ra nhiều, vì vần nọ gọi vần kia, lắm khi thành ra nhiều tiếng mới cũng lạ. Thí-dụ như muốn nói hết cái nọ đến cái kia, mà tùy âm-vận mỗi câu nói một tiếng khác, hay lắm.

— Hết của *nhà ra* của người.
— Hết truyện *nọ dọ* truyện kia.
— Hết *gạo cạo* thêm khoai.
— Hết *nạc vạc* đến xương.
— Hết *khôn dồn* ra dại.
— Hết việc *này bày* việc khác.
— Hết thức *nọ gọ* thức kia, v.v.

Trên kia tôi đã nói rằng tục-ngữ ta nhiều như rừng, không biết bao nhiêu mà kể, vì nói gì cũng có tục-ngữ. Các ngài thử nghe hai người đàn-bà nhà-quê nói truyện hay cãi nhau, từ đầu chí cuối thuần là phương-ngôn tục-ngữ cả, cứ từng hồi từng tràng, như một bài diễn-thuyết trường-thiên. Người nào hay chê tiếng An-nam là nghèo hãy về nơi dân-thôn hay ra chốn chợ-búa, nghe bọn phụ-nữ nói-năng : tôi tưởng nhiều bậc tu-mi phải ghê cái tài hùng-biện của các bạn quần trồi ! Nghe đó mới biết tiếng quốc-âm ta phong-phú là dường nào : thượng vàng hạ cám, không gì là không đặt thành câu sẵn, nói ra trơn tuột, có ý-tứ mà có tiết-điệu, khác nào như một bộ « vận-phủ » vị-thành-văn truyền ở cửa miệng các bà các cô nhà-quê vậy. Hoặc ông nào có tính thanh-nhã quá, sợ những câu nôm-na mách-qué, không dám ra trực-tiếp mà nghe các bà các cô diễn-thuyết, thời tôi xin hiến một mớ chữ như sau này, đủ chứng rằng tiếng An-nam ta giàu biết bao nhiêu.

Các ngài chắc đã từng nhận trong quốc-âm ta có nhiều những tiếng rắp-

đôi hay lắm, những tiếng ấy phần nhiều là thuộc về hạng « hình - dung - từ », nghĩa là để tả cái hình-dung trạng-thái của người ta cùng sự-vật. Vậy tôi có chịu khó nhặt được một mớ những tiếng rắp-đôi như thế, mỗi tiếng thành một câu ví rất có ý-vị, tôi kể một ít ra đây để các ngài biết cái tinh-thần của quốc-âm ta. Xin nhớ đâu kể đấy, vì tôi chưa nhặt được hết, chưa xếp-đặt ra thứ-tự gì.

— *Lanh-chanh* như hành không muối.
— *Láo-nháo* như cháo với cơm.
— *Lon-xon* nghe con mắng láng giềng.
— *Léo-nhéo* như mõ réo quan-viên.
— *Xo-xúi* như thày bói dọn cưới.
— *Lủng-túng* như thợ vụng mất kim.
— *Lừ-thừ* như ông từ vào đền.
— *Lôi-thôi* như cá trôi lòi ruột.
— *Lù-dù* như chuột chù gặm quanh.
— *Khư-khư* như ông từ giữ oản.
— *Lăn-lóc* như cái cóc leo tường.
— *Lật-đật* như ma vật ông vải (1).
— *Lầm-đầm* như dĩ khấn tiên-sư.
— *Lấm-lét* như quạ chui chuồng lợn.
— *Lầm-lầm* như chó ăn vụng bột.
— *Xoi-xoi* như thày bói đâm cua.
— *Soen-soét* như mép thợ ngôi.
— *Xám-xít* như thịt trâu toi.
— *Xoay-xỏa* như ả bán hàng.
— *Thin-thít* như thịt nấu đông.
— *Thao-láo* như cáo trông trăng.
— *Thỏ-thẻ* như trẻ lên ba.
— *Vênh-váo* như bố vợ phải đấm.
— *Lảng-vảng* như chó phải giùi.
— *Lầm-cầm* như sầm đi đường cong.
— *Lang-lẳng* như chó cái chốn con.
— *Len-lét* như rắn mùng năm.
— *Linh-lỉnh* như chĩnh mắm thối.
— *Loanh-quoanh* như chó nằm chồi.
— *Lò-dò* như cò bắt tép.
— *Lông-bông* như ngựa chạy đường quai.
— *Lờ-đờ* như chuột phải khói.
— *Mui-múi* như lợn ăn khoai.
— *Nhâng-nháo* như cáo bắt gà.
— *Nhao-nhao* như chào-mào rỉa hoa.
— *Nhăn-nhó* như nhà khó ăn gừng.
— *Nhểnh-nhãng* như trâu dãng sừng.
— *Nhởn-nhơ* như con dĩ đánh bồng.
— *Nhẳng-nhẳng* như cưa phải rơm.
— *Oai-oái* như rắn bắt nhái.
— *Phập-phồng* như đàm bị bông.
— *Đềnh-đoàng* như canh cần nấu xuông.
— *Dửng-dưng* như bánh chưng ngày tết.
— *Gia-giả* như cuốc kêu mùa hè.
— *Dề-dề* như cá trê đẻ ống.
— *Bừng-hờ* như hàng tổng duổi cướp.
Vân-vân, vân-vân...

Tôi còn có thể kể nhiều hơn nữa, nhưng thế cũng đủ rồi. Các ngài thử nhận những câu ví ấy có hay không ? Ví là để làm gì ? Ví là lấy một cái vật tiếp-cận mà giải nghĩa cho người ta dễ hiểu. Như vậy thời việc chi phải tìm những phong-hoa tuyết-nguyệt ở đâu xa, sao không lấy những vật mắt trông thấy ở quanh mình mà tỉ-dụ ? Bởi thế nên những câu ví này tuy không có văn-chương cao-thượng gì, mà có ý-vị biết bao nhiêu ! Như tả một cậu thiếu-niên hãy còn khách-khí, chưa có tính thuần, mà nói : « lanh-chanh như hành chưa muối », thời tôi tưởng là tuyệt-bút, chớ không gì bằng ! Lại cái gì không thể điều-hòa được với nhau mà nói : « láo-nháo như cháo với cơm, » thời cũng là cực-tả cái « láo-nháo chi trạng-thái. » Làm loay-hoay mãi không xong, mà nói : « lẳng-nhẳng như cưa rơm, » thời cũng là tỉ-dụ đến điều...

Nhân nói về câu ví, không kể những tiếng rắp-đôi như trên, tiếng một thường cũng nhiều tiếng thành câu ví có ý-vị lắm.

Như :

— Đắng như bồ-hòn.
— Nhạt như nước ốc.
— Ngọt như hồng tâu.
— Trong như bột lọc.
— Đẹp như ông sao băng.
— Đỏ như mặt trời mọc.
— To như con voi nan.
— Trắng như trứng gà bóc.
— Dương như mắt ếch.
— Ngỏng như cổ cò.

(1) Câu này đàng trong đọc là : *lật-đật như xe vật ống vải*, có lẽ phải hơn.

— Ngay như ruột ngựa.
— Xốp như phổi bò.
— Rỗng như đít bụt.
— Ngay như cán tàn.
— Nổ như pháo đang.
— Đẹp như tranh vẽ.
— Thắt như cổ bồng.
— Rối như canh hẹ.
— Xanh như lá, bạc như vôi.
— Đen như tro, vàng như nghệ.
— Dát như cây sấy.
— Nói như rồng phun.
— Xoay như chong-chóng.
— Rối như bòng-bong.
— Dai như trão.
— Vững như kiềng.....

Vân vân, vân vân.

Phương-ngôn tục-ngữ là cái gương phản-chiếu cái tư-cách bình-thường của người dân ít học, cho nên muốn tìm lấy những lý-tưởng cao-xa, ý-kiến lỗi-lạc thời không sao có được. Song cứ nhặt lấy những câu nói về cách ăn-ở mà lý-hội lại thời cũng tập thành một nền luân-lý trung-bình, đủ làm cái kim chỉ-nam về đạo xử-thế cho những người tầm - thường mộc - mạc. Không có tầm-nguyên thuyết-lý gì, chỉ lấy những điều kinh - nghiệm hằng ngày mà chứng những việc ở trong phận-sự.

Đại-khái nói rằng người ta ở đời cần phải dạy, có dạy có hay :

Cá không ăn muối cá thối,
Người không ăn lời người hư.

Mà dạy thời phải dạy từ thủa nhỏ :

Dạy con từ thủa con thơ..
Bẻ không uốn cả gẫy ngành.

Lớn lên ra ăn-ở với người thời phải khôn-khéo mới giữ được cái địa-vị ở đời :

—Khôn sống bống chết,
Mạnh được yếu thua...
—Của đời chỉ có bấy nhiêu,
Khéo ăn thì no khéo co thì ấm.

Tuy lời-lẽ thật-thà mà đó chẳng phải là cái thuyết « sinh-tồn cạnh-tranh », « ưu-giả thắng, liệt-giả bại, thích-giả tồn » của Au-châu ru ?

Khôn-khéo cốt nhất là phải giữ-gìn :

Khó giữ đầu giàu giữ của,

Vì ở đời thiếu gì những kẻ giả-trá hiểm-độc :

Miệng na-mô bụng bồ dao găm...
Nọc người bằng mười nọc rắn.

Muốn tránh nguy-hiểm, phải biết cẩn-thận :

Ăn cỗ đi trước lội nước đi sau.

Lời ăn tiếng nói cũng phải giữ-gìn :

Làm trai cứ nước hai mà nói.

Ai trao cho vật gì cũng nên kiểm-điểm, kẻo sợ vạ lây :

Gửi lời thì nói gửi gói thì mở.

Chớ có bảo-lĩnh cho người vay nợ mà khốn đến mình :

Ăn no nằm ngủ, chớ bảo chủ mà lo.

Đối với quỉ-thần thời bất-luận có hay không, nhưng :

Có thờ có thiêng có kiêng có lành... ;

nhất là những khi ốm đau lại càng nên cầu cúng, còn thời cũng chỉ nên *kính nhi viễn chi*:

Có bệnh thì vái tứ phương,
Không bệnh tiền hương chẳng mất.

Ở đời trọng nhất là miếng ăn :

Ăn hơn hớn thiệt....
Ăn tìm đến đánh nhau tìm đi.

Nhưng ăn uống cũng phải giữ-gìn, trước là giữ lấy sức khoẻ :

Vạ bởi miệng ra, bệnh chẳng qua bởi miệng vào.

Sau là dè lấy của, vì của ăn là của mất :

Buôn thuyền buôn bè chẳng bằng dè miệng....
Buôn thủy buôn vã chẳng bằng hà tiện....
Bớt bát mát mặt ;

Sau nữa là giữ lấy tiếng-tăm, vì :

Miếng thực là miếng nhục.

Nói tóm lại thời miếng ăn tuy là cần, mà phải nhớ rằng :

Tham thực là cực thân ;
Ăn một miếng tiếng để đời ;
Ăn để sống chớ sống mong ăn.

Ở đời nên cẩn-thận cho khỏi nguy-hiểm, nhưng cuộc đời này là một cõi lao-động, có ăn phải có làm :

Ăn đã vậy múa gậy làm sao ?...
Hữu thực hữu tác, vô tác vác mỏ !

Nhưng làm mà cứ xuần-động như cái máy thời cũng vô-ích, phải biết suy trước tính sau mới nên :

Một người hay lo bằng kho người hay làm.

Biết lo-tính đã vậy, song cũng không nên mơ-tưởng những sự cao-xa quá, vì :

Sự làm hay hỏng, sự hòng hay trơ-

Tuy vậy mà làm thân con người ở đời, cũng nên cầu lấy cái tiếng thơm trên đời, có khi sống nhơ-nhuốc không bằng chết còn hơn :

Sống đục sao bằng thác trong.

Danh-tiếng ở đời là trọng, vì :

Trăm năm bia đá cũng mòn,
Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ-trơ.

Muốn được tiếng với người, phải mua chuộc lòng người :

Có đi có lại mới toại lòng nhau ;
Đao năng liếc thời sắc người năng chào thời quen ;

và ở với người ta phải nên rộng-rãi, chớ có bo-siết, vì :

Ở xởi-lởi thì trời gởi cho,
Ở xo-lo thì trời gò lại ;

như thế thì lợi cho người rút lại cũng là lợi cho mình, vì mọi việc đều có họa - phúc ứng-báo ở đấy cả ; vân-vân, vân-vân. . . . .

Đấy là tôi nhớ câu nào nói câu ấy, nhưng đại-khái cái luân-lý trong tục-ngữ đều sàn-sàn như thế cả. Ông danh-sĩ nước Tỉ-lợi - thì MAURICE MÆTERLINCK nói rằng phàm luân-lý có ba bậc đối với ba cái trình - độ trong lý-tính người ta : dưới cùng là cái « thường-thức » (*le sens commun*), giữa là cái « chính-thức » (*le bon sens*), trên nhất là cái « lương-tri » (*la raison mystique*), ba bậc ấy mỗi bậc có một cái luân-lý riêng. Cái luân-lý của thường-thức thời chỉ biết sự lợi-ích trước mắt, biết cái nhân-thân một mình, ngoài việc ẩm-thực cư-xử hằng ngày, không có lòng hoài-vọng gì cao-xa cả ; bậc này chỉ đủ khiến cho người ta biết giữ mình, không phạm tội, mà chưa gây được cho người ta có nhân-cách thanh-cao. Cái luân-lý của chính-thức thời ngoài cái cận-lợi đã biết đến sự nghĩa-vụ, đã gây được cho người ta một cái nhân-cách cao hơn, biết ham những sự cao-thượng thuộc về tính-tình, về lý-tưởng. Đến cái luân-lý của lương-tri thời là cái luân-lý của những bậc trung-thần nghĩa-sĩ, hào-kiệt anh-hùng, cùng những kẻ triết-nhân quân-tử đời xưa đời nay, đều là những người đã thấu hiểu thiên-lý nhân-đạo và lâm-thời biết đem mình hi-sinh cho cái nghĩa cả ở đời. — Trong ba bậc luân-lý như vừa giải đó, thời cái luân-lý của tục-ngữ phương-ngôn ta chẳng qua là thuộc vào bậc « thường-thức » mà thôi ; thời-hồ cũng có một đôi khi ngưỡng tới bậc « chính-thức », nhưng không khi nào lên được đến bậc « lương-tri ». Đó cũng là một lẽ tự-nhiên, vì phần tinh-hoa của một dân-tộc không phải ở trong đa-số phổ-thông, mà là ở trong thiểu-số đặc-biệt, và những bậc triết-nhân quân-tử, hào-kiệt anh-hùng, không phải là những của hằng ngày trông thấy. Song tuy cái luân-lý thường-thức không đủ làm được những người lỗi-lạc phi-thường mà cũng đủ gây được cái tư-cách một quốc-dân cần-cù cần-thủ, biết trọng sự làm ăn, tránh đường tội-lỗi ; như thế cũng đã là hay lắm rồi. Mà được như thế thực là nhờ một

phần nhiều ở những câu tục-ngữ như các câu tôi vừa kể mới rồi, khác nào như những câu « xử-thế cách-ngôn » của mẹ dạy cho con từ khi mới bập-bẹ, và nhờ cửa miệng người ta cứ lưu-truyền đi mãi mãi trong khắp các hạng người trong xã-hội.

Nhưng tục-ngữ phương-ngôn không những là một cái kho luân-lý, mà lại là một cái kho tri-thức cho người dân nữa. Dân ta là một dân chuyên nông-nghiệp, nên những câu tục-ngữ thuộc về nông-vụ và thời-tiết nhiều lắm. Tôi không thể kể ra hết được, xin lược-cử ít nhiều câu để các ngài nghe. Hoặc cũng có điều không hợp với cách-trí đời nay, nhưng cũng là những sự kinh-nghiệm của người ta đã tích-lũy nhiều đời, không nên khinh thường.

Nói về thời-tiết :

— Chớp đông nhay-nháy gà gáy thì mưa.
— Gió may hiu-hiu riều kêu thì rét.
— Mưa chẳng qua ngọ, gió chẳng qua mùi.
— Sáng ngày gió may, tối quay gió nồm.
— Trăng quầng thì cạn, trăng tán thì mưa.
— Vồng rạp mưa rào, vồng cao gió táp.
— Mười rằm trăng náu, mười sáu trăng treo.
— Hai mươi giấc tốt, hai mốt nửa đêm.
— Mùa hè đang nắng cỗ gà trắng thì mưa.
— Tháng bảy heo may chuồn-chuồn bay thì bão.
— Rồng đen lấy nước thì nắng, rồng trắng lấy nước thời mưa.
— Đêm tháng năm chửa nằm đã giậy, ngày tháng mười chửa cười đã tối, v. v....

Nói về các việc canh-nông :

— Trời nắng tốt rưa, trời mưa tốt lúa.
— Đất thiếu trồng rừa, đất thừa trồng cau.
— An kỹ no lâu, cầy sâu tốt lúa.
— Tháng năm kêu bầu, tháng mười rầu rơm.
— Tháng tám mạ chà, tháng ba mạ thóc.
— Vụ mùa cấy cao, vụ chiêm cấy trũng.
— Tháng tám mưa chai, tháng hai mưa thóc.
— Lúa giỗ ngả mạ, vàng rạ thì mạ xuống được.
— Cấy thưa thừa thóc, cấy giầy thì cóc được ăn.
— Thừa mạ thì bán, chớ có cấy rán ăn rơm.
— Muốn ăn lúa tháng năm trông trăng mười rằm tháng tám.
— Muốn ăn lúa tháng mười trông trăng mồng tám tháng tư.
— Đói thì ăn ráy ăn khoai,
Chớ thấy lúa trỗ tháng hai mà mừng.

Vân-vân, vân-vân...

Những câu tục-ngữ phương-ngôn hay kể còn nhiều lắm nữa ; lắm câu thật là chua-cay, lại cũng lắm câu thật là buồn-cười.

Như những câu :

— Râu dữ mất họ, chó dữ mất láng giềng.
— Giặc bên Ngô không bằng bà cô bên chồng.
— Của người bồ-tát, của mình buộc lạt.
— Thuốc nam đánh giặc, thuốc bắc lấy tiền
— Trung-hậu cũng là trung-hậu bạc.
— Nhân-nghĩa chẳng qua nhân-nghĩa tiền.
— Giầu sơn-lâm lắm kẻ tìm, khó giữa chợ ít người hỏi, v. v.

Lại mấy câu :

— Tiếng chào cao hơn mâm cỗ,

rõ ra các quan-viên nhà - quê ngồi đóng cỗ ;

— Dạy đĩ vén sống, dạy ông cống vào trường,

ông cống với con đĩ, mỗi người mỗi nghề, thanh thô đủ cả !

— Thứ nhất vợ dại trong nhà,
Thứ nhì trâu chậm, thứ ba dựa cùn,

ba cái cũng đồng-loạt như nhau !...

Đại-khái các phương-ngôn tục-ngữ, tuy không có ý-tứ cao-thượng gì, mà thật là rạch-ròi chí-lý. Dẫu nói những sự tầm-thường thiển-cận mà nói đâu ra đấy, nói thật đến lời. Bởi thế nên Âu-châu thường có câu : « Phương-ngôn tục-ngữ là cái túi khôn của các dân-tộc » (*Les proverbes sont la sagesse des nations*). Xét lịch-sử các nước Âu-châu cũng thấy nói rằng về đời Trung-cổ trong dân-gian duy có phương-ngôn tục-ngữ là cái học-thức độc-

nhất vô-nhị (*Au moyen âge les proverbes formaient l'unique fonds intellectuel du peuple*). Lại xét văn-học tiến-hóa ở các nước thời nước nào cái trình-độ ban đầu cũng là thuộc về lối văn-chương truyền-khẩu, là phương-ngôn tục-ngữ. Như ở nước Pháp mãi đến thế-kỷ thứ 16 mà văn-học hãy còn chưa thoát vòng tục-ngữ : xem như sách của ông RABELAIS, ngày nay các trường còn học, lời văn như ken những tục-ngữ cùng phương-ngôn.

Một hôm tôi nói truyện tục-ngữ với một cụ lão-nho : bàn đến câu nào cũng thấy chí-lý cả, cụ lấy làm thâm-phục cái « túi khôn » của dân-tộc An-nam ta, bèn than rằng : « Các cụ đời xưa đặt ra tục-ngữ phương-ngôn thật là di guốc trong bụng chúng mình, chớ không sai ! » Lời đó là cực-tả cái giá-trị của tục-ngữ về đường tâm-lý, về đường phong-tục.

Tôi tiếc không thể kể được nhiều câu tục-ngữ hay nữa để các ngài nghe, nhưng tôi nói về tục-ngữ đã nhiều rồi, nay xin nói đến ca-dao.

.·.

Ca-dao là gì và cách chế-tác thế nào, mới rồi tôi đã giải tường. Nay ca-dao rất là quan-hệ với phong-tục, vì cái tính-tình tự-nhiên của người dân thổ-lộ ra cả lời hát câu ca ở các chốn quê-mùa, cho nên có ông chép sách ca-dao đã đề là « Gương phong-tục », lại có ông đề là « Việt-Nam quốc-túy », thật không phải là quá-đáng. Phong-tục nước ta phản-chiếu ra cả đấy, quốc-túy của ta chung-đúc cả vào đấy ; lắm khi nghe câu hát réo-rắt véo-von, tưởng như cái linh-hồn của tổ-quốc phảng-phất ở đâu trên cành tre ngọn cỏ vậy. Thanh-âm này mới thật là thanh-âm tự-nhiên của ta, thật như ở trong ống thiên-lại mà ra. Ngày xưa về thời-đại còn mê-tín, thường cho câu đồng-dao là có thần-ứng, nghiệm đó biết được cớ thịnh-suy trong nước ; lại có người lợi-dụng câu ca-dao mà bao-biếm kẻ cầm quyền đương-đạo, việc chính-trị đương-thời. Xét về một phương-diện khác, thời ba trăm thiên trong kinh *Thi* là gì ? Chẳng qua là những lời ca-dao trong dân-gian đời bấy giờ, thánh-nhân biên-tập san-định, truyền cho đời sau, tôn-sùng làm một bộ kinh-sách thánh-thần, có nghĩa huyền-bí. Tôi thiết-tưởng nhiều bài ca-dao của ta lại còn hay hơn những bài trong kinh *Thi* nhiều ; chỉ vì không có lòng mê-tín sùng-thượng nên thường coi là bỉ-lý nôm-na. Nhưng ngày nay người mình đã biết quí-chuộng tiếng quốc-âm, thời những tục-ngữ ca-dao chính là kinh-điển cho các nhà làm văn đó, hà-tất phải đi mượn những điển xưa tích cũ ở đâu xa ?

Tục-ngữ nhiều bao nhiêu thời ca-dao cũng nhiều đến bấy nhiêu, nghĩa là cứ lấy nghìn mà kể, không sao nói cho hết được. Ngắn từ hai câu bốn câu, dài đến mười-lăm hai-mươi câu, hễ có cái giọng-điệu tự-nhiên thanh-thoát, thật-thà mà có ý-tứ, nhỏ từ trẻ con chăn trâu ngoài đồng, lớn đến bà già ẵm cháu ngồi võng, vừa vừa như các trai gái nhà-quê khi gieo mạ, khi tát nước, khi gánh củi, khi hái dâu, tự-nhiên ứng-khẩu mà hát lên, ấy là lời ca-dao đó. Nay không thể biết được hết các câu ca-dao, cũng không thể đọc được hết các câu đã biết, xin lược-cử ra ít nhiều câu, nhớ đâu nói đấy, để các ngài rõ cái phong-thú tự-nhiên, cái ý-vị thâm-trầm của lối thi-ca truyền-khẩu ở nước ta.

Ví-von mà như câu :

Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn,
Sao trăng lại phải chịu luồn đám mây ?
Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng,
Đèn ra trước gió được chăng hỡi đèn ?

chẳng thanh-thú và có ý-tứ lắm ru ?

Lại câu :

Trăng bao nhiêu tuổi trăng già ?
Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non ?
Trăng còn thời núi hãy còn !

có thi-vị biết bao nhiêu !

Lại câu :

Đố ai mà được như sen,
Chung-quanh cánh đỏ giữa chen nhị vàng,
Nhị vàng ngó trắng lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn !

tưởng không bài vịnh hoa sen nào bằng bốn câu ấy.

Lại câu :

Người thì mở bảy mở ba,
Người thì áo rách như là áo tơi.
Cha đời cái áo rách này,
Mất chúng mất bạn vì mày, áo ơi !

than thân mà lại trách đời, nhưng nói thanh nói mát biết bao !

Lại những câu ngông-nghênh mà cũng có thú-vị :

Ngồi rồi may túi đựng trời,
Đan phên chắn gió giết voi xem đò.
Ngồi rồi vác thước đi đo,
Đo từ núi Sở đo lên chùa Thầy !

Ba khoản trên thời có lẽ khó thật, chớ khoản dưới thời ngày nay ta đã có các ông đạc-địa-kỹ-sư rồi.

Lại :

Đố ai quét sạch lá rừng,
Để ta khuyên gió gió đừng rung cây.
Đố ai biết lúa mấy cây,
Biết sông mấy khúc, biết mây mấy từng !

Lại những câu hát trẻ con, ngớ-ngẩn mà cũng hay ;

— Con kiến mày ở trong nhà,
Tao đóng cửa lại mày ra đàng nào ?
Con cá mày ở dưới ao,
Tao tát nước vào mày lội đằng mô ?
— Con cò lặn-lội bờ ao,
Tôi có tội nào ông sẽ sáo măng.
Có sáo thời sáo nước trong,
Đừng sáo nước đục đau lòng cò con !
— Bắc thang lên đến tận trời,
Hỏi sao Cuội phải ấp cây cả đời.
Cuội nghe thấy nói Cuội cười,
Bởi hay nói dối phải ngồi ấp cây !

Lại bài hát trẻ con này nữa, thật là một bài cách-trí dạy về các giống chim :

Tùng ! ! Tùng ! !
Đánh ba tiếng trống,
Sắp quân cho chỉnh.
Phượng-hoàng thống-lĩnh,
Bạch-hạc hiệp-đồng.
Tả chi thì công,
Hữu chi thì sếu.
Giang cao ngất-nghếu,
Đi trước tiên-phong.
Cả mỏ bồ-nông,
Đi au tiếp-hậu.
Sáo đen sáo sậu,
Dặn-dục đôi bên.
Chú quạ thông tin,
Dóng-dả ba quân.
Đội lương đi trước,
Một đàn vịt nước.
Chú két chú le,
Sắm-sửa thuyền bè,
Cho anh chảy thủy.
Chim chích chim di,
Bé mọn biết gì,
Ở nhà coi-sóc.
Chú cốc chú cò,
Coi-sóc các làng,
Chèo-bẻo nỏ-nang,
Bàu cho làm huyện.
Đêm hôm đi tuần,
Phó cho chú vạc.
Chú ngỗng nghếch-ngác,
Như thể đàn bà,
Chú vịt chú gà,
Nhắc vỗng ông già,
Trèo lên núi Triều,
Giặc thấy đã nhiều,
Chạy như cun-cút !...

Các cậu bé thuộc được bài này thời cũng biết được một mớ tên chim.

Ngoài những câu đồng-dao đó, còn nhiều câu mô-tả về người đời, chào-phúng về thói đời, xem đấy mà rõ

được hết thế-thái nhân-tình.

Như những câu :

— Sự đời nghĩ cũng nực cười,
Một con cá lội mấy người buông câu.

— Khi vui thì vỗ tay vào,
Đến khi tẻ ngắt thì nào thấy ai.

— Chồi cùn cắp nách khăng-khăng,
Hễ ai hỏi đến thì văng nghìn vàng.

— Củi mục bà để trong rương.
Hễ ai hỏi đến trầm hương của bà.

— Tôi yêu anh vạn, tôi mến anh nghìn,
Anh có muốn ăn thuốc đưa tiền tôi mua !

— Bây giờ tiền hết gạo không,
Anh ơi, trở lại mà trông lấy hòm.
Bao giờ tiền có gạo còn,
Bấy giờ tôi lại trông hòm cho anh !

— Ở sao cho vừa lòng người,
Ở rộng người cười ở hẹp người chê.

— Cao chê ngỏng thấp chê lùn,
Lớn chê béo trục béo tròn,
Gày chê xương sống xương sườn bày ra; v.v..

Răn những kẻ hay chê người :

— Nói người chẳng nghĩ đến thân,
Thử sờ lên gáy xem gần hay xa.

— Nói người chẳng ngẫm đến ta,
Thử sờ lên trán xem xa hay gần.

— Ai ôi, chớ vội cười nhau,
Ngắm mình cho tỏ trước sau sẽ cười.

— Cười người chớ có cười lâu,
Cười người hôm trước hôm sau người cười.

Nói về nòi-giống, không thể nào chộn lẫn được :

— Trứng rồng lại nở ra rồng,
Liu-điu lại nở ra dòng liu-điu.

— Con vua thì lại làm vua,
Con nhà thày chúa lại nhặt lá đa.

Nói về nghĩa gia-tộc là trọng, dẫu lòng yêu-dấu riêng cũng phải theo cái trật-tự trong gia-đình :

Bốn con ngồi bốn chân giường,
Mẹ ơi, mẹ hỡi, mẹ thương con nào ?
Mẹ thương con bé mẹ thay,
Thương thì thương vậy chẳng tày trưởng nam.

Về đạo vợ chồng, nhiều câu tỏ được cái đức-tính người đàn bà, và rõ cái bạc-tình của bọn tu-mi. Như những câu :

— Vợ chồng là nghĩa già đời,
Ai ơi ! chớ nghĩ những lời thiệt hơn !

— Thuyền bàu trở lái về đông,
Con đi theo chồng để mẹ cho ai ?

— Mẹ già đã có con trai,
Phận con là gái dám sai chữ tòng.

— Đi đâu cho thiếp đi cùng,
Đói no thiếp chịu lạnh-lùng thiếp cam.

— Chồng giận thì vợ làm lành,
Miệng cười hớn-hở rằng anh giận gì ?

— Tay bưng đĩa muối chấm gừng,
Gừng cay muối mặn xin đừng bỏ nhau ! v. v

Câu sau này chắc là anh nhà quê nào mới ra tỉnh trông thấy nhiều các ả mĩ-miều trắng đẹp, về nhà đã có ý rẻ-rúng mẹ-đĩ :

— Trắng da vì bởi phấn giồi,
Đen da vì bởi em ngồi chợ trưa.

Trắng da là đĩ, anh ôi !
Đen da là vợ ở đời với anh !

Lại chị này gặp anh chồng không ra gì, tuy cay đắng trong lòng mà vẫn giữ đạo thủy-chung :

— Chồng em nó chẳng ra gì,
Tổ-tôm sóc-đĩa nó thì chơi hoang.
Nói ra xấu thiếp hổ chàng,
Nó giận nó phá tan hoang cửa nhà.
Nói đây có chị em nhà,
Còn năm ba thúng thóc với một và cân bông,
Tôi bán đi trả nợ cho chồng,
Còn ăn nết nhịn băng lòng chồng con.
Tôi cay đắng ngậm quả bồ-hòn,
Nói thêm xấu hổ chồng con chẳng ra gì !

Cái nết nhẫn-nhục phục-tòng của người đàn-bà nước ta thật đáng kính đang trọng muôn phần !

Còn cái tính ghen - tuông thời đàn bà đời nào nước nào chẳng có :

Ớt nào là ớt chẳng cay,
Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng?

Vôi nào là vôi chẳng nồng,
Gái nào là gái có chồng chẳng ghen ?

Nhưng lỗi đó tại ai ? Há chẳng phải tại đàn ông hay ra dạ bắc nam, sinh lòng phụ bạc rư ?

Có trăng nên mới phụ đèn,
Có nơi trang-trọng phụ-phàng nghĩa xưa.

Cái tính hay nết tốt của người đàn-bà ấy cũng bởi sự giáo-dục trong gia- đình mà ra. Hãy nghe lời mẹ dặn con đi lấy chồng :

Con lạy cha hai lạy một qui,
Lạy mẹ ba bốn lạy con đi lấy chồng.
Mẹ sắm cho con cái yếm nhuộm nhất-phẩm-[hồng,
Thắt lưng đũi tím bộ nhẫn đồng con đeo tay.
— « Con gái lớn ơi ! mẹ bảo đây này,
Học buôn học bán cho tày người ta.
Con đừng học thói chua ngoa,
Họ-hàng ghét bỏ người ta chê cười.
Dù no dù đói cho tươi,
Khoan ăn bớt ngủ là người lo-toan.
Phòng khi đóng góp việc làng,
Đồng tiền bát gạo lo-toan cho chồng.
Trước là đẹp mặt cho chồng,
Sau là họ-mạc cũng không chê cười.
Con hãy nhớ bấy nhiêu lời !

Ấy đàn-bà ở nước Nam ta xưa nay công-việc nặng-nề như thế :

Lấy chồng phải gánh giang-san cho chồng.

Nay đàn-bà bây giờ thế nào ? Chắc người hay vẫn còn nhiều, nhưng cũng đã thấy nhiều hạng ứng với mấy câu sau này :

— Chồng ăn chả vợ ăn nem,
Đứa ở có thèm mua thịt mà ăn.
— Chồng đánh bạc vợ đánh bài,
Chồng hai ba vợ, vợ hai ba chồng !

Nhưng lỗi ấy cũng lại tại ai ? Há chẳng phải tại người đàn ông đã đem cái gương xấu vào trong gia-đình rư ?

Song đời nào cũng vậy, lạ gì cái thói đàn-ông, người chồng hiền thời ít, kẻ ăn chơi thời nhiều, vì :

Thế-giau có vài sự khôn chừa,
Rượu nồng dê béo gái vừa đương xuân ;
Quần lĩnh thâm vỗ trái đùi non ! ....

Mấy cái thú đó nhiều ông không thể cầm lòng được, cho nên có người tạ-dĩ lấy câu :

Đàn ông năm thiếp bảy hầu,

để phỉ cái lòng tùng - dục, rồi về nói cối với vợ :

— Mới yêu thì cũ cũng yêu,
Mới có mĩ-miều cũ có công-lênh.
— Dù chàng năm thiếp bảy thê,
Chàng cũng chẳng bỏ nái sề này đâu.
— Rõ ràng giấy trắng mực đen,
Duyên ai phận nấy chớ ghen mà gầy !...

Tuy vậy mà lấy chồng nước nhà, dù chồng hư đi nữa, rượu chè trai gái, người vẫn còn đấy đi đâu, không đến nỗi Bắc Nam đôi ngả, Đông Tây cách vời, như tình-cảnh các cô các thím đời nay. Hãy nghe lời thím Khách than thân :

Ba mươi tết, tết lại ba mươi,
Vợ thằng Ngô đốt vàng cho chú Khách.
Một tay cầm cái rù rách,
Một tay sách cái khăn bông,
Em đứng bờ sông,
Em trông sang bên nước người,
Hỡi chú Chiệc ơi, là chú Chiệc ơi !
Một tay em cầm quan tiền,
Một tay em sách người bồ-dìn,
Em ném xuống sông,
Quan tiền nặng thì quan tiền chìm,
Bồ-dìn nhẹ thì bồ-dìn nổi.
Ới ai ôi ! của trọng hơn người !

Song Ngô-Khách cũng có năm bảy loài, đó là chú Khách kiết, che cái rù rách, nên thím mới cực thân như thế, chớ vào những chú sang-trọng thời các thím cũng sướng.

Cho nên nhiều cô con gái vẫn ước-ao rằng :

Mẹ ơi, em chẳng lấy dân,
Dù xa dù gần lấy Khách mà thôi.
Lấy Khách được mặc áo đôi,
Được đi giầy đỏ được ngồi ghế cao !

Xin tùy ý cô, nhưng phải nhớ câu :

Thân gái như hạt mưa sa,
Hạt vào đài-các, hạt ra ruộng cầy ;

may ra thời được mặc áo đôi, mà chẳng may ra thời phải cầm rù rách, cũng đành chịu vậy chớ sao !

Phận con gái như thế. Nay làm trai ở đời thời phải, thế nào ?

Làm trai quyết chí tu thân,
Công-danh chớ vội nợ-nần chớ lo.
Khi nên trời giúp công cho,
Làm trai năm liệu bảy lo mới hào.
Trời sinh trời chẳng phụ nào,
Phong-vân gặp hội anh-hào ra tay.
Trí khôn sắp đề dạ này,
Có công mài sắt có ngày nên kim !

Phải biết rằng :

Người đời muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh-hùng mà thôi.

Lại phải biết :

Anh-hùng khi gặp khúc lươn,
Khi cuộn thì ngắn, khi vươn thì dài.

Dẫu không gặp dịp làm nên cũng không nên ngã lòng mà tự-hạ:

Nên ra tay kiếm tay cờ,
Chẳng nên thì chớ chẳng nhờ tay ai.

Mấy câu đó cũng ra cái chí nam-nhi hào-hiệp lắm.

Còn những chàng ăn chơi táng-chí, những cậu « công-tử bột », thì chắc trong bụng nghĩ rằng :

Cơm cha áo mẹ, ai ôi,
Chẳng ăn cũng thiệt chẳng chơi cũng hoài !

Cần gì làm - ăn học - hành cho khó nhọc :

— Đời người sống mấy gang tay,
Hơi đâu cặm-cụi cả ngày lẫn đêm.
— Tối rồi trời lại sáng ra,
Đi đâu mà vội cho già mất thân.

Vì muôn sự là bởi số-hệ cả :

Số giàu tay trắng cũng giàu,
Số nghèo chín đụn mười trâu cũng nghèo.

Rút-cục thành con người ngang-tàng vô-dụng :

Ở đâu mà chẳng biết ta,
Ta con ông sấm cháu bà thiên-lôi.
Xưa kia ta ở trên trời,
Đứt giây rơi xuống làm người thế-gian !

Bởi thế nên vào đâu hại đấy, nhỏ hại cha mẹ, lớn hại vợ con, trong nước nhiều những hạng công-tử ngang-tàng vô-dụng như vậy thời thành cái nguy-hiểm cho cả xã-hội.

Những người hay chơi cờ-bạc thời nên thuộc mấy câu này :

— Cờ bạc là bác thằng bần,
Áo quần bán hết ngồi trần tô-hô.
— Cờ bạc là bác thằng bần,
Ruộng vườn bán hết chôn chân vào cùm !

Nhưng mà ở đời người khôn kẻ dại, kẻ dữ người lành, lại những hạng không lành không dữ, không dại không khôn, mà dơ-dở ương-ương, nói bao nhiêu cho xiết, người năm bảy bậc, của năm bảy loài, hạng nào cũng có những câu khuyên-răn, lời châm-biếm đích-đáng ; nay không thể kể hết được những thói xấu, nết tốt cùng là tính dởm của người ta, ít ra cũng nên biết qua các hình-dáng người, vì người đời tâm-tính thường hiện ra ngoài mặt, và thói đời hay trông mặt bắt hình-dong.

Vậy phải biết :

— Đàn ông rộng miệng thì sang,
Đàn bà rộng miệng tan-hoang cửa nhà.
— Người khôn con mắt đen sì,
Người dại con mắt nửa chi nửa thâu.
— Những người tí hí mắt lươn,
Trai thì trộm cướp gái buôn chồng người.
— Những người phinh phinh mặt mo,
Chân đi chữ bát thì cho chẳng màng.
— Những người thắt đáy lưng ong,
Vừa khéo chiều chồng lại khéo nuôi con.
— Những người mặt nạc đôm giầy,
Mo nang trôi sất biết ngày nào khôn.
— Những người con mắt lá răm,
Lông mày lá liễu đáng trăm quan tiền ; v. v.

Lại câu này để an-ủi cho những người ít nhan-sắc :

Người xấu duyên lặn vào trong,
Bao nhiêu người đẹp duyên bong ra ngoài.

Bấy nhiêu câu tuy không đủ làm được ông thày tướng, song cũng đủ đoán được hình-dọng nhiều người.

Các ngài xét những câu phong-dao tôi kể từ trước đến giờ, thời cũng lượng được cái phạm-vi của ca-dao rộng biết dường nào. Bao nhiêu nhân-tình thế-thái là diễn ra câu hát được cả, câu êm-ái, câu chua-cay, câu chơi-đùa bỡn-cợt, câu nào cũng có cái giọng thanh-thoát tự-nhiên, hình như không có tay người chải-chuốt. Ấy ca-dao khác những lối vận-văn khác là thế. Nhưng đó mới là một phần trong ca-dao mà thôi, còn phần nữa hay hơn nhiều, là những câu hát phong-tình. Trai gái hát ghẹo nhau, nhưng ghẹo nhau một cách thanh-tao chỉnh-đính, không có thô-tục lả-lơi, vẫn giữ được cái mùi quê thật-thà, chưa nhiễm phải những thói giả văn-minh điêu-bạc phù-phiếm đời nay. Tôi tiếc rằng không thể nào đọc được hết những câu hay tôi đã lựa, vậy xin kể qua rằm ba câu để các ngài nghe.

Con trai ve con gái muốn lấy làm vợ :

— Lấy ai thì cũng một chồng,
Lấy ta ta bế ta bồng trên tay.
— Yêu nhau chữ vị là vì,
Chữ dục là muốn, chữ tùy là theo....

Ve cô con gái mắt sắc như con dao cau :

Trên trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng.
Ước gì anh lấy được nàng,
Để anh mua gạch Bát tràng về xây.
Xây dọc anh lại xây ngang,
Xây hồ bán-nguyệt cho nàng rửa chân.
Có rửa thì rửa chân tay,
Chớ rửa lông mày chết cả ao anh ! ...

Tất có bụng thương-yêu mới ra lời ve-vãn, nhưng thương-yêu vì nỗi gì ?

Một thương tóc bỏ đuôi gà,
Hai thương ăn nói mặn-mà có duyên.
Ba thương mà núng đồng tiền,
Bốn thương răng lánh hạt huyền kém thua.
Năm thương cổ yếm đeo bùa,
Sáu thương nón Thượng quai tua dịu-dàng.
Bảy thương nết ở khôn-ngoan,
Tám thương miệng nói lại càng thêm xinh.
Chín thương cô ở một mình,
Mười thương con mắt hữu-tình với ai !

Người mà được đủ mười phân vẹn mười như thế thời cũng đáng thương thật !

Con trai ve, con gái nếu thuận tình tất phải đáp lại. Nhưng trước hẳng mời ăn khẩu trầu, vì miếng trầu là đầu câu truyện :

— Tiện đây đưa một miếng trầu,
Chẳng ăn cầm lấy cho nhau bằng lòng.
— Vào vườn hái quả cau xanh,
Bổ ra làm sáu mời anh xơi trầu.
Trầu này têm những vôi tàu,
Giữa têm cát-cánh hai đầu quế cay.
Trầu này ăn thật là say,
Dầu mặn dầu nhạt dầu cay dầu nồng,
Dầu chẳng nên vợ nên chồng,
Xơi rằm ba miếng kẻo lòng nhớ thương !

Miếng trầu ở nước ta thật là môi-giới cho cuộc ái-tình :

Gặp nhau ăn một miếng trầu,
Gọi là nghĩa cũ về sau mà chào.
Miếng trầu đã nặng bằng bao,
Muốn cho đông-liễu tây-đào là hơn.
Miếng trầu kể hết ngọn cơn,
Muốn xem đây đấy thiệt hơn thế nào.
Miếng trầu là nghĩa tương-giao,
Muốn cho đây đấy duyên vào hợp duyên.

Đêm khuya đương gạn-gùng nhau, đến lúc đã gần siêu lòng thời trời sáng mất rồi : tức thay !

Đêm qua nghe hạc cầm canh,
Nghe chim phượng nhắn nghe anh khuyên nàng.
Anh khuyên nàng đã hồ nghe,
Trách con gà sống te-te gáy đồn !

Cho nên ước-ao rằng :

Cũng nên bắt họ Hi-Hòa,
Từ rầy làm lịch đêm ra cho dài !

Trai gái làm ruộng ngoài đồng hát ghẹo nhau :

Hôm qua tát nước đầu đình,
Bỗ quên cái áo có cành hoa sen.
Em được cho chúng anh xin,
Hay là em để làm tin trong nhà.
Áo anh sứt chỉ đường tà,
Vợ anh chưa có mẹ già chửa khâu.
Áo anh sứt chỉ đã lâu,
Mai mượn cô ấy vào khâu cho cùng.
Khâu rồi anh sẽ trả công,
Ít nữa lấy chồng anh lại giúp cho.
Giúp em một thúng xôi vò,
Một con lợn béo một vò rượu tăm.
Giúp em đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp đôi chằm em đeo.
Giúp em quan tám tiền cheo,
Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau !

Giúp em thế thời em đến mất cả người!

Con gái đã mắc phải ái-tình, khác nào như chim mắc lưới, gỡ sao cho được:

Chim khôn mắc phải lưới hồng,
Ai mà gỡ được đền công lạng vàng.
Đền vàng anh chẳng lấy vàng,
Lòng anh chỉ quyết lấy nàng mà thôi !

Thương-yêu nhau lúc còn con gái thời mới mong nên vợ nên chồng được, chớ thương yêu lúc đã lấy chồng rồi thời biết sao được ?

Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống ruộng cà hái nụ tầm-xuân.
Nụ tầm-xuân nở ra xanh biếc,
Cô có chồng anh tiếc lắm thay !
— Ba đồng một lá trầu cay,
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không ?
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thủa nào ra ?

Cho nên trước khi buông lời ve-vãn, nên biết người yêu hãy còn con gái hay đã có chồng rồi :

— Thân em như tấm lụa đào,
Còn nguyên hay đã sẻ vào cho ai ?
— Thân em như mảnh lụa đào,
Phất-phơ trong chợ biết vào tay ai ?

Nhưng cũng có khi không biết rõ, thành ra xôi hỏng bỏng không :

— Hôm xưa anh đến chơi nhà,
Thấy mẹ nằm võng thấy cha nằm giường.
Anh thấy em nằm đất anh thương,
Anh ra kẻ-chợ đóng giường tám thang.
Bốn góc thời anh thếp vàng,
Bốn chân thếp bạc tám thang trạm rồng.
Bây giờ phải bỏ giường không,
Em đi lấy chồng phí cả công anh !
— Ngỡ rằng em chưa có chồng,
Để anh mua cốm mua hồng sang sêu.
Ai ngờ em đã có chồng,
Để cốm anh mốc để hồng long tai.
Ngỡ là long một long hai,
Ai ngờ long cả trăm hai quả hồng !

Cũng có khi chị con gái còn phân-vân, bên nọ hỏi, bên kia hỏi, chưa biết nhận bên nào, đừng bên nào, anh con trai phải khuyên-dỗ đến lời :

Công anh đắp nấm trồng chanh,
Chẳng được ăn quả vin cành cho cam.
Xin em đừng ra đa Bắc Nam,
Nhất nhật bất kiến như tam thu hề,
Huống tam thu nhi bất kiến hề,
Đường kia nỗi nọ như chia mối sầu.
Chắc về đâu đã hẳn hơn đâu,
Cầu tre vững dịp hơn cầu thượng-gia.
Bắc thang lên thử hỏi trăng già,
Phận đàn bà con gái hạt mưa sa giữa trời.
May ra gặp được giếng khơi,
Vừa trong vừa mát lại nơi thanh-nhàn.
Chẳng may ra số-phận gian-nan,
Phải nơi cay đắng biết phàn-nàn cùng ai.
Trót yêu nhau giá-thú bất luận tài !

Lại cũng có chị làm cao, ve hoài mà không thèm trả lời :

Ba đồng một quả hồng ngâm,
Bên ấy chẳng nói thời câm mất mồm.
Ba đồng một quả hồng dài,
Bên ấy có tài thì cất tiếng lên.
Cất lên một tiếng la-đà,
Cho chim nhớ tổ cho gà nhớ con.
Cất lên một tiếng linh-đinh,
Cho loan nhớ phượng cho mình nhớ ta

Nhưng lạ nhất trong lối hát phong-tình, là những câu hát đố, trai gái đố

lẫn nhau, cốt là nói truyện tình mà mượn vật ngoài để tiếp-tục, tức là thuộc về thể *hứng* như tôi đã nói trên kia. Xin đọc một câu hát đố nữa thời thôi, vì giờ đã muộn, không dám giữ các ngài ngồi lâu nữa.

— Ở đâu năm cửa, nàng ơi?
Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một giòng?
Sông nào bên đục bên trong?
Núi nào thất cổ hồng mà có thánh sinh?
Đền nào thiêng nhất xứ Thanh?
Ở đâu lại có cái thành tiên xây?
Ở đâu là chín từng mây?
Ở đâu lắm nước ở đâu nhiều vàng?
Chùa nào mà lại ở hang?
Ở đâu lắm gỗ thời nàng biết không?
Ai mà xin lấy túi đồng?
Ở đâu mà lại có con sông Ngân-hà?
Nước nào dệt gấm thêu hoa?
Ai mà sinh ra cửa ra nhà, nàng ôi?
Kìa ai đội đá vá trời?
Kìa ai trị-thủy cho đời được yên?
Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời,
Xin em giảng rõ từng nơi từng người.

— Thành Hà-nội năm cửa, chàng ơi!
Sông Lục-đầu sáu khúc nước chảy xuôi một giòng.
Nước sông Thương bên đục bên trong,
Núi đức thánh Tản thất cổ hồng mà lại có thánh sinh.
Đền Sòng thiêng nhất xứ Thanh,
Ở trên tỉnh Lạng có thành tiên xây.
Trên trời là chín từng mây,
Dưới sông lắm nước núi nay lắm vàng.
Chùa Hương-tích mà lại có hang,
Trên rừng lắm gỗ thời chàng biết không?
Ông Nguyễn Minh-Không xin được túi đồng,
Trên trời lại có con sông Ngân-hà.
Nước Tàu dệt gấm thêu hoa,
Ông Hữu-Sào sinh ra cửa ra nhà, chàng ôi!
Bà Nữ-oa đội đá vá trời,
Vua Đại-Vũ trị-thủy cho đời yên-vui.
Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời,
Em xin giảng rõ từng nơi từng người.

Mấy câu đó kiêm cả thiên-văn, địa-lý, lịch-sử, phong-tục, thật là một bài học phổ-thông.

Nhiều khi trai gái đố nhau như thế thành ra một cuộc hát thi, bên nam bên nữ đối đáp nhau, ứng-khẩu thành-chương, dùng toàn bằng những lời tục-ngữ ca-dao mà kết liền lại khéo lắm, thành từng bài hát trường-thiên. Gặp khi giai-tiết, hay là lúc hội-hè, các làng thường đặt cuộc thi, cheo giải thưởng, gọi là hát trống-quân hay là hát quan-họ, tài-tử giai-nhân các nơi đến mà hát thi lấy giải, khác nào như một hội hàn-lâm của công-chúng đặt ở nơi cửa đình ngoài hàng quán vậy. Ngày nay những cách tiêu-khiển của người ta mỗi ngày một nhiều, một tạp, nào là tuồng tây, tuồng tàu, nào là chớp bóng, múa « xiếc », rồi cái tục rất phong-thú là tục trai gái hát thi nhau sẽ dần-dần biến đi mất, thật cũng nên tiếc.

Thưa các Ngài,

Tôi xin cám ơn các ngài đã chịu khó ngồi nghe được lâu như thế. Mục-đích tôi trong bài diễn-thuyết này là muốn chứng rõ rằng tiếng quốc-âm ta phong-phú là dường nào, và cái văn-chương truyền-khẩu của ta thanh-thú biết bao nhiêu. Tiếng An-nam ta hay lắm, các ngài ạ. Người ngoại-quốc cũng phải khen là một thứ tiếng êm như ru, vui như hát, mỗi vần đánh ra năm dấu, đọc thành sáu giọng khác nhau, như trong cung đàn vậy, tưởng không có mấy thứ tiếng hòa-bình êm-ái bằng tiếng ta. Vậy thời bọn ta phải nên chân-trọng lấy cái quốc-âm quí-báu ấy, ra công tập-luyện trau-dồi cho mỗi ngày một hay một đẹp hơn lên. Dù ta học chữ tây hay học chữ tàu, ta cũng chớ nên quên bỏ tiếng tổ-quốc, là cái tiếng từ khi lọt lòng ra đã học

nói, và đến khi hấp-hối chết cũng còn nói. Ta nên nhớ lấy câu ca-dao của nước nhà :

Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn !

Các ngài ôi !

Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Tiếng của tổ-quốc thời thương lấy cùng! (1)

PHẠM QUỲNH

PHỤ-LỤC ÍT NHIỀU CÂU TỤC-NGỮ

TỤC-NGỮ BỐN CHỮ, XẾP THÀNH CÂU ĐỐI
(mà có liền vần nhau)

1. — Sống lâu giàu bền,
Ăn no làm có.
2. — Trói voi bỏ rọ,
Đo bò làm chuồng.
3. — Cả cây nây buồng,
Xấu giây tốt củ.
4. — Có mới nới cũ,
Dấu đầu hở đuôi.
5. — Nước đổ lá khoai,
Đèn soi ngọn cỏ.
6. — Ăn không nói có,
Con dại cái mang.
7. — Giật gấu vá tràng,
Nặng bồng nhẹ tếch.
8. — Chó cắn áo rách,
Quỉ quấy nhà tray.
9. — Bán đất buôn may,
Học hay cày biết.
10. — Miệng đọc tay viết,
Ăn điều tiêu sòng.
11. — Xanh vỏ đỏ lòng,
Nở ngành xanh ngọn.
12. — Nợ mòn con lớn,
Ăn hóc học hay.
13. — Ngang bằng sổ ngay,
Cưa tây vạc nhọn.
14. — Tài yếu sức mọn,
Phận đẹp duyên ưa.
15. — Dễ mời khó đưa,
Già đòn non lẽ.
16. — Giơ cao đánh sẽ,
Bóc ngắn cắn dài.
17. — Tay làm hàm nhai,
Miệng nói chân bước.
18. — Đánh cờ lấy nước,
Nghe mõ ra tiền.
19. — Thăm vàn bán thuyền,
Qua cầu cất dịp.
20. — Mạnh bạo só bếp,
Chết đuối dĩa đèn.
21. — Coi mặt đặt tên,
Đứt tay hay thuốc.
22. — Cầm sào đợi nước,
Rút giây động rừng.
23. — Mượn gió bẻ măng,
Truyền ngòi đốt pháo.
24. — Nuôi ong tay áo,
Đánh rắn đề đầu.
25. — Thương con ngon rau,
Ít thày đày đãy.
26. — Năng nhặt chặt bị,
Nặng chì đi chài.
27. — Suy ta ra người,
Ơn cha nhớ mẹ.
28. — Rồng leo cây nghệ,
Cú đỗ nghành mai.
29. — Gáo dài quá chuôi,
Áo có nọ dải.
30. — Ăn vừa ở phải,
Kẻ quí người thanh.
31. — Trống bỏi vật mình,
Vại sành vững cẳng.
32. — Trứng đề đầu đẳng,
Đất vất chuồng bèo.
33. — Đầu trê đuôi nheo,
Hàm chó vó ngựa.
34. — Một gươm đôi lưỡi,
Một đố mấy ngàm.
35. — Đứt nối tối nằm,
No cơm ấm áo.

(1) Tục-ngữ ca-dao là do khẩu-truyền, nên lắm khi vô-bằng. Có khi một câu mà mỗi nơi đọc ra một khác, mỗi người hiểu ra một nghĩa. Những câu tôi chép trong bài này, hoặc sở-đắc ở miệng người, hoặc nhặt được ở các sách người trước biên-tập, chắc cũng nhiều câu không được đúng, không thể nào biết hết được. Vậy có chỗ sai-lầm xin hải-nội chư-quân-tử chỉ-giáo cho, tác-giả có lời cám ơn trước. — PH. - Q.

36. — Mép trơn rắn ráo,
Mắt liệng riều hâu.
37. — Được chân lân đầu,
Thơm tay may miệng.
38. — Mười ăn chín nhịn,
Một nhịn chín lành.
39. — Có tật dật mình,
Tốt lẽ dễ nói.
40. — Đất lề quê thói,
Ăn xôi ở thì.
41. — Kẻ nọ người kia,
Đinh nào đám ấy.
42. — So đòn đánh gậy,
Trông gió phất cờ.
43. — Một mất mười ngờ,
Một vừa hai phải.
44. — Cầm gươm đang lưỡi,
Bắt giáo giữa dòng.
45. — Gạo chợ nước sông,
Tiền rừng bạc bể.
46. — Trên kính dưới nể,
Mẹ tròn con vuông.
47. — Mềm nắn rắn buông,
Cơm ráo cháo nát.
48. — Cơm tẻ mẹ ruột,
Người gầy thày cơm.
49. — Được cá bỏ nơm,
Tham bùi chày gắp.
50. — Của đau con xót,
Tiền mất tật mang.
51. — Leo cây đến buồng,
Bới bèo ra bọ.
52. — Được của thua nõ,
Đất lo è mừng.
53. — Được vạ má sưng,
Cầm vàng nhịn đói.
54. — Gan già ma mọi,
Chân son minh rồi.
55. — Nước chảy bè trôi,
Đầu xuôi đuôi lọt.
56. — Oẳn chùa cúng bụt,
Đất ruộng đắp bờ.
57. — Khôn cậy khéo nhờ,
Vụng đẽo khéo chữa.
58. — Rày lần mai lữa,
Ăn chực nằm nhờ.
59. — Sen ngó đào tơ,
Chuối sau cau trước.
60. — Cá mạnh vì nước,
Lo bò trắng răng.
61. — Giả nẻo dưt chẳng,
Lạt mềm buộc chặt.
62. — Bớt bát mát mặt,
Tham thực cực thân.
63. — Cốc mò cò ăn,
Quít làm cam chịu.
64. — Chuột sa chĩnh gạo,
Chó chạy đường quai.
65. — Cảnh cau rau khoai,
Nhà ngói cây mít.
66. — Nước đổ đầu vịt,
Mỡ để miệng mèo.
67. — Vì cây giây leo,
Rồ rò cò đỗ.
68. — Bán sành ra mỡ.
Đánh bùn sang ao.
60. — Dắt trâu qua rào,
Dấu voi đụn dạ.
70. — Chèo-bẻo đánh quạ,
Châu-chấu đá voi.
71. — Đánh trống bỏ dùi,
Cầm rù mất cán.
72. — Thương vàng hạ cám,
Lớn bùi bé mềm.
73. — Bưng mắt bắt chim,
Dấu tay ném đá.
74. — Mua trâu bán chả,
Bắt chuột thấy đuôi.
75. — Tiền vẫn mất dài,
Ruồi nhiều mật ít.
76. — Ngửa tay xin việc,
Nhắm mắt bước qua.
77. — Đánh giáo giữ nhà,
Rung chà hứng vạt.
78. — Vẫn hai dài một,
Rộng kép hẹp đơn.
79. — Giàu hởi khó phiền,
Đường hơn lẽ thiệt.
80. — Bới lông tìm vết,
Đục cây tra ngành.
81. — Liệu oản đọc canh,
Giận cá chém thớt.
82. — Ăn hơn hờn thiệt,
Kẻ trọng người khinh.
83. — Ở hiền gặp lành,
Làm phúc phải tội.
84. — Hết khôn dồn dại,
Nhiều thay rối ma.
85. — Áo mẹ cơm cha,
Của chồng công vợ.
86. — Khôn nhà dại chợ,
Trước lạ sau quen.
78. — Cầm giấy mất tiền,
Cất lúa rụng thóc.
88. — Tre già măng mọc,
Cây cao lá dài.

KHẢO VỀ LỊCH-SỬ LUÂN-LÝ-HỌC NƯỚC TÀU (1)

IX

Học trò hai ông Trình

Học-trò hai ông Trình cũng nhiều, song những người có đặc-tính ảnh-hưởng đến kẻ hậu-học thời có ông Tạ Thượng-Sái 謝上蔡 và ông Dương Qui-Sơn 楊龜山. Ông Thượng-Sái thời thiên về đàng tôn đức-tính, nối được nghiệp ông Trình Minh-Đạo mà khai-đạo cho ông Tượng-Sơn; ông Qui-Sơn thời thiên về đàng nói học-vấn, thiệu-thuật được đạo ông Trình Y-Xuyên mà truyền đến ông Chu Khảo-Đình.

Tiểu-truyện ông Thượng-Sái. — Ông Tạ Thượng-Sái tên là Lương-Tá 良佐, tên tự là Hiền-Đạo 顯道, người đất Thượng-sái châu Thọ. Khi trước ông chăm về đường học-vấn ghi nhớ, khoe là yêm-bác, đến khi theo học ông Trình Minh-Đạo, ông Minh-Đạo nói rằng: « Anh sao nhớ nhiều lắm mấy! chẳng hóa ra ngoạn-vật mà tàng-chí đi mất hay sao! » Thượng-Sái nghe nói có ý bẽn-lẽn. Ông Minh-Đạo nói rằng: « Đó tức là động cái bụng trắc-ẩn vậy. » Bèn khuyên ông Thượng-Sái phải yên-lặng mà tu-luyện, chớ đừng học những lời ngôn-ngữ làm gì. Ông Thượng-Sái đỗ tiến-sĩ năm Nguyên-phong nguyên-niên, làm quan lịch-lý các châu huyện; thời vua Huy-Tôn nhà Tống, mắc tội vạ miệng, phải phế làm thứ-dân, có làm ra giải-thuyết sách Luận-ngữ và ba thiên *Ngữ-lục*, ông Chu Hối-Am có biên-tập lại.

Học-thuyết. — Ông Thượng-Sái cho điều nhân là bản-thể của tâm, nói rằng: « Tâm là gì? Là nhân mà thôi. Tâm người ta cũng rộng như trời đất, chỉ vì có tư-ý nên mới tự nhỏ đi mất; nếu cứ lẽ công tùy việc mà làm không có dự gì ý riêng của mình, thời cũng như trời vậy. » Lại bảo người ta phải hết sức giữ điều kính và biết cho cùng lý, nói rằng: « Vật gì cũng có lý, biết cùng hết lý thời biết được việc trời làm, biết được việc trời làm thời cũng như trời, đã xét được cùng-kỳ-lý thời tự-nhiên không phải miễn-cưỡng mà hợp, không phải tư-lự mà được, chỉ thung-dung mà làm việc gì cũng hợp-đạo cả. » Hoặc người hỏi muốn cùng-lý thời việc gì cũng phải xét cho cùng hay sao? Nói rằng: « Cứ xét cùng các việc lớn, chỉ có một lẽ mà thôi, hễ xét cùng được lẽ này thời lẽ khác cũng thế: bụng thứ là cái căn-bản để cùng-lý. » Nói về lẽ trí-kính thời bảo rằng: « Muốn gần đạo thời không gì bằng tĩnh-mịch, nên trai-giới để cho đức minh được thần-minh; đó là cõi trí-tĩnh trong thiên-hạ. » Lại rằng: « Kính là cốt giữ được tâm-trai mà trong bụng thường tĩnh-giác. »

Tiểu-truyện ông Dương Qui-Sơn. — Ông Qui-Sơn tên là Thời 時 tên tự là Trung-Lập 中立, người đất Tương-lạc thuộc về Nam-kiếm, năm Hi-ninh nguyên-niên đỗ tiến-sĩ, làm quan lịch-lý các châu huyện, thăng đến chức Thị-giảng. Ông mất năm niên-hiệu Thiệu-hưng thứ năm, thọ 83 tuổi. Trước ông học ông Trình Minh-Đạo, ông Minh-Đạo mất, ông lại theo học ông Trình Y-Xuyên, hai ông Trình

(1) Dịch sách *Trung-quốc luân-lý-học-sử* 中國倫理學史 của ông SÁI-CHẤN 蔡振. Tiếp theo kỳ 45, trang 189-200.

đều trọng ông lắm. Ông thường đọc thiên *Tây-minh* của ông Trương Hoành-Cừ, ngờ rằng ông ấy gần như đạo kiêm-ái ; đến khi nghe lời ông Y-Xuyên biện nghĩa là lý-nhất mà phân-thù, ông mới khoát-nhiên tỉnh-ngộ. Học-thuyết của ông chép ở *Qui-sơn tập* và các bài *Ngữ-lục*.

Học-thuyết. — Ông Qui-Sơn bảo người ta phải lấy ông thánh-nhân làm chuẩn-đích, mà cố sức phải học cho trí-tri cách-vật. Ông nói rằng : « Kẻ học-giả nên trước phải trí-tri cách-vật, nếu biết chửa đến nơi, dẫu muốn chọn lấy điều thiện mà cố giữ, cũng chửa chắc đã phải đạo. Người ta ai cũng biết vạc dầu sôi, hầm máy bẫy không nên giẫy séo vào, nên người đời không ai dám séo vào là vì rằng trông thấy rõ vậy. Để mình vào bậc hạ-lưu, cái điều xấu trong thiên-hạ đều đổ cho cả, thời khác gì vạc dầu sôi, hầm máy bẫy, thế mà cũng cứ giẫy séo vào mà không biết tránh, là vì rằng không biết rõ vậy. Nếu biết rõ điều đó là bất-thiện, coi như vạc dầu sôi, hầm máy bẫy, thời ai còn làm điều bất-thiện ấy nữa.» Cái thuyết ấy hình như là do kinh-nghiệm, song ông ấy kinh-nghiệm chỉ cốt tại nghiên-cứu lục-kinh, cho nên nói rằng : « Sáu kinh ấy là chép lời nói tinh-vi của ông thánh-nhân, đạo-lý là ở đó cả, những đạo-lý sâu-xa, dẫu không thể lấy lời nói mà truyền được, song muốn biết ông thánh-hiền sở-dĩ thế nào mà nên được bậc thánh-hiền, ngoại sáu kinh ra thời còn xét vào đâu, cho nên kẻ học-giả phải nên tinh-tư thực-hành, hội-ý ở những lời nói trong sáu kinh, thời ngõ-hầu xét biết được đạo-lý vậy.»

Kết-luận. — Ông Thượng-Sái nói học phải cùng-lý, ông Qui-Sơn nói học phải cách-trí, ý cũng giống nhau. Song ông Thượng-Sái lấy điều thứ làm bản để học cho cùng-lý ; ông Qui-Sơn thời bảo phải nghiên-cứu sáu kinh mà học cho trí-tri cách-vật, điều đó thời có khác nhau, cũng tức như học-thuyết hai anh em ông Trình có khác nhau, rồi sau phân ra làm hai phái : một là học-phái ông Chu Khảo-đình, hai là học-phái ông Lục Tượng-Sơn.

Chu Hối-Am 朱晦庵
(Chu-tử)

Tiểu-truyện. — Học-phái ông Qui-Sơn nhất-truyền đến ông La Dự-Chương 羅豫章, tái-truyền đến ông Lý Diên-Niên 李延年, tam-truyền đến ông Chu Hối-Am, từ đó học-thuyết ông Trình Y-Xuyên mới là tập đại-thành. Ông Hối-Am tên là Hy 熹, tên tự là Nguyên-Hối 元晦, cũng gọi là Trọng-Hối, Hối-Am là tên hiệu của ông vậy. Tổ-tích nhà ông trước là người đất Vụ-nguyên 婺源 châu Huy 徽. Cha là Tùng 松, làm quan Úy đất Vưu-khê, ngụ ở phía nam đất ấy sinh ra ông Hy, rồi dời đến ngụ ở Khảo-đình 考亭 thuộc đất Kiến-dương. Ông Hy 18 tuổi đỗ tiến-sĩ, sau làm quan lịch-lý chức chủ-bạ đề-cử, và chức đề-điểm hình-ngục, lại làm chức phụng-ngoại-từ ; dẫu thường bị hặc là ngụy-học, mà ông vẫn giảng-tập mãi không thôi. Ông mất năm Khánh-nguyên thứ sáu, thọ 71 tuổi. Vua Tống Cao-tôn đặt tên thụy cho gọi là « Văn », đời vua Lý-tôn truy-phong làm Tín-quốc-công 信國公. Học-trò là Hoàng Cán 黃幹 làm bài trạng-tán đức-hạnh ông nói rằng : « Nhan-sắc ông trang-nhã, lời nói ông nghiêm-lệ, lúc đi thời thư-từ mà cung-kính, lúc ngồi thời đoan-trang mà chính-trực. Lúc nhàn-cư thời chửa sáng đã giậy, mặc áo thâm, bịt khăn nếp, đi giầy vuông, vào lạy nhà miếu và các đấng tiên-thánh, rồi lui ra ngồi nhà thư-viện, án-thư để tất ngay-ngắn, sách vở đồ dùng để tất chỉnh-tề. Lúc ăn uống, đồ ăn thức đựng bầy đặt có định-vị, cái thìa đôi đũa cất nhắc có thứ-

tự; khi mỏi nghỉ-ngơi thời nhắm mắt ngồi ngay-ngắn, khi ngồi đứng giây thời nhắc bước đi thư-từ; nửa đêm mới đi ngủ, hễ còn thức-nhắp thời ôm chăn mà ngồi có khi đến suốt sáng; uy-nghi dáng-dấp lúc nào cũng giữ phép-tắc, từ thuở nhỏ đến già, lúc rét lục nắng, cho đến lúc điên-bái tháo-thứ, không lúc nào là lìa bỏ lễ-phép.» Ông có làm ra sách rất nhiều như là: bài chương-cú, bài hoặc-vấn để giải nghĩa sách *Trung-dung* sách *Đại-học*, bài tập-chú sách *Luận-ngữ*, tập-chú sách *Mạnh-tử*, bài bản-nghĩa kinh *Dịch*, tập truyện kinh *Thi* và *Thái-cực đồ-giải* 太極圖解, *Thông-thư-giải* 通書解, *Chính-mông-giải* 正蒙解, *Cận-tư-lục* 近思錄, cùng các văn-tập, ngữ-lục, đều có quan-hệ về học-thuyết luân-lý cả.

Phân-biện lý với khí. — Ông Hối-Am theo cái nghĩa ông Trình Y-Xuyên phân-biện ra lý với khí mà nói rằng: « Cứ tự lúc còn sâu-xa khí mới tan khắp ra muôn vật mà xem, thời gọi là Thái-cực; lại xét cái gì tương-đối với khí ấy tức là lý. Lý là cái đạo hình-thượng, là nguyên-lý sở-dĩ sinh ra muôn vật; khí là cái đồ hình-hạ, là cái chất cứ theo nguyên-lý mà đúc ra thành hình. Lý không phải riêng là một vật, lý bao giờ vẫn ở trong khí mà thôi. Có lý ấy thời tức là có khí ấy, nguyên-lý bao giờ vẫn là gốc vậy.» Ông lại theo cái nghĩa lý-nhất phân-thù của ông Hoành-Cừ mà bàn rằng: « Muôn vật thống cả vào một Thái-cực, mà vật nào cũng có một Thái-cực riêng, dẫu vật nào đều có một lý, mà tóm lại chỉ là nhất-lý; tuy rằng lý không phân-biệt, mà khi thời có phân-biệt ra nhiều loài, có khí thanh-sảng, có khí hôn-chọc, bởi thế mới phân-biệt ra các loài muôn vật. Song vật nào cũng có một lý Thái-cực, ví như hòn ngọc châu ở trong đáy nước, ở về bậc thánh-hiền thời là ở trong đáy nước trong, tinh-quang nó tự-nhiên phát-hiện; ở về loài người trí-ngu bất-tiếu, thời là ở trong nước đục, không có lọc hết bùn cát đi thời không trông thấy bóng sáng ngọc châu được.»

Tính. — Ông Chu-Hi lại theo cái thuyết ông Hoành-Cừ mà phân ra tính bản-nhiên với tính khí-chất; tính bản-nhiên thuần là lý cả không ai khác ai; tính khí-chất thời vì chịu cái khí-bẩm có trong đục, vậy mới hay có thiên-mếch khác nhau; ông lại theo cái thuyết của Hán-nho đem năm hành phối-hợp với năm đức mà nói chứng-minh ra rằng: « Người nào chịu được mộc-khí trọng, thời cái bụng trắc-ẩn (1) thường nhiều hơn, mà cái bụng tu-ố, từ-nhượng, thị-phi (2) thường bị bế-tắc đi mà không phát ra được; người nào chịu được kim-khí trọng, thời cái bụng tu-ố thường nhiều hơn, mà cái bụng trắc-ẩn, từ-nhượng thị-phi thường bị bế-tắc đi mà không phát ra được; suy ra chịu cái khí hành-thủy, hành-hỏa cũng vậy. Cho nên người nào hoàn-toàn được cái tính khí-chất, cùng hợp đức với khí âm khí dương, thời năm tính toàn-bị mà trung-chính ấy là bậc thánh-nhân vậy.» Ông lại cho cái tính bản-nhiên vẫn mật-tiếp với tính khí-chất, nói rằng: « Tính khí-chất dẫu là cái hình-thể, song nếu không có hình-chất, thời cái tính bản-nhiên

(1) Trắc-ẩn 惻隱 là bụng thương-xót, là phát-đoan cái mối nhân-đức.

(2) Tu-ố 羞惡 là thẹn-thò, là phát-đoan cái mối bụng nghĩa. Từ-nhượng 辭讓 là nhún-nhường là phát-đoan cái mối bụng lễ; Thị-phi 是非 là biết phân điều phải điều trái, là phát-đoan bụng trí-khôn. Những bụng trắc-ẩn, tu-ố, từ-nhượng, thị-phi trên đó, ông Mạnh-tử gọi là tứ-đoan là cái mối nhân, nghĩa, lễ, trí bốn bụng ấy phát-đoan ra từ đó.

không có cái gì để yên-trí cái địa-vị của mình, ví như một gáo nước kia, không có cái đựng thời nước chứa vào đâu. » Vì nghĩa trên đó cho nên ông bàn tính khí-chất vẫn phải kiêm cả lý với khí mà nói.

Tâm với tình với dục. — Ông Y-Xuyên nói rằng : « Tính của người ta, chủ về nhân-thân mà nói thời là tâm. » Ông Chu-Hi cũng theo nghĩa ấy nói rằng : « Tâm là thống cả tính tình. » Nói về phương-diện tính thời tâm vốn là tịch-nhiên bất-động ; nói về phương-diện tình thời tâm hễ cảm đến là linh-thông. Ông lại nói rằng : « Lúc tâm chưa động thời còn là tính, lúc tâm đã phát-động thời mới là tình ; bụng dục là bởi tự tình phát ra, mà bụng dục thời có thiện có ác. » Lại rằng : « Tâm ví như nước, tính là lúc nước còn tĩnh, tình thời là nước chảy, dục là lúc nước gợn sóng ; song-le cũng có cơn sóng hay, cũng có cơn sóng dở, như là bụng dục ta muốn điều nhân, ấy là bụng dục tốt, bụng dục không tốt thời như là sóng nước cứ cuồn-cuộn chảy đi, rồi nổi thành cơn ba-lãng » Xem thế thời tình là cái vật phụ-thuộc của tính, mà dục là cái vật phụ-thuộc của tình, cho nên ông Chu-Hi vốn cho cái bụng trắc-ẩn thuộc về tứ-đoan là tình, mà cái lòng mừng giận thuộc về thất-tình là tình, mà lại bảo rằng thất-tình vốn bởi mối tứ-đoan mà phát ra, như là tình thương sợ là phát tự mối lòng trắc-ẩn, tình giận ghét là phát tự mối lòng tu-ố, v. v. . Song thất-tình không thể đem chia ra để phối-hợp với tứ-đoan được, mà tứ-đoan vẫn là quán-thông với thất-tình vậy.

Nhân-tâm với đạo-tâm. — Ông Chu-Hi đã cho tâm là cái tôn-thống cả tính-tình, song tâm lại có hai phương-diện, là lý với khí, bởi lý mà phát ra là đạo-tâm, bởi khí mà phát ra là nhân-tâm, cho nên ông có nói rằng : « Đạo-tâm là bởi trên nghĩa-lý mà phát-hiện ra, nhân-tâm là bởi tự trên thân người ta mà phát-hiện ra ; dẫu ông thánh-nhân cũng có nhân-tâm, đại-khái như là đói muốn ăn khát muốn uống ; dẫu kẻ tiểu-nhân cũng có đạo-tâm, như là bụng thương-xót người ta. Ông thánh-nhân cốt dạy người lấy đạo-tâm làm chúa-tể trong thân mình, khiến cho nhân-tâm phải khuất theo mệnh-lệnh ; nhân-tâm không thể diệt đi được, mà cũng không nên diệt đi. »

Cùng-lý. — Ông nói cái phép tu-vi là cốt phải học cho cùng-kỳ-lý, cùng-lý thời phải cách-vật trí-tri, cho nên nói rằng : « Muốn cùng-cứu mười việc mà mới thông-thấu được chín việc, dẫu một việc còn chưa thông cũng không sao. Nếu chỉ học có một việc mà mới biết đến chín phần, còn một phần nữa không hiểu thấu thời không được, phải xét cho hiểu thấu cả mười phần mới được. » Ông lại bảo muốn cùng-lý thời phải đọc sách, cho nên nói rằng : « Cái phép đọc sách cốt phải tuần-tự mà tiến dần lên, phải học cho kỹ mà nghĩ cho tinh, xét nghĩa đen từng chữ, ngẫm ý-tứ từng câu ; câu trước chưa xong không nên vội đọc câu sau, nghĩa này chưa thông không nên nghĩ quàng nghĩa khác ; trước phải học cho kỹ như là lời ấy tự mồm mình nói ra ; rồi lại nghĩ cho tinh như là ý ấy tự bụng mình nghĩ ra vậy. »

Dưỡng-tâm. — Ông nói cái phép dưỡng-tâm thời bảo người ta phải giữ dạ-khí, đó là theo cái nghĩa ông Mạnh-tử bảo rằng đương lúc đêm thanh thời dạ-khí còn tĩnh, lương-tâm sáng tỏ, nếu ta nghĩ đạo-lý xét luân-thường đương lúc dạ-khí tĩnh-minh ấy, lương-tâm lại càng quang-minh. Song lại phải tĩnh-tọa, đó là theo lời nói ông Lý Diên-Bình 李延平 bảo rằng :

« Ban ngày có kê-cứu đạo-lý gì, đến đêm phải ngồi yên-lặng mà ngẫm-nghĩ thời mới hiểu thấu được. » Ông lại bàn rõ cái phép tĩnh-tọa nói rằng : « Tĩnh-tọa không phải như nhà sư lúc ngồi nhập-định, đoạn bỏ cả tư-lự, chỉ thu cái tâm lại chớ không nghĩ-ngợi chi phiền cả đâu. Lúc tĩnh-tọa nghĩa là trong bụng mình thái-nhiên vô-sự, tự-nhiên chuyên-tâm mà nghĩ, đến lúc gặp có việc thời tùy việc mà ứng-phó, xong việc rồi tâm mình lại thái-nhiên như không. » Ông lại theo cái nghĩa ông Trình-tử bảo phải chủ-kính mà chuyên-tâm, nói rằng : « Có dụng tâm nghĩ vào việc gì thời tâm mới có sở-chủ, chớ không nên lông-bông du-đãng thời hay theo về đàng tà-khúc vậy. »

Kết-luận. — Đời nhà Tống có ông Chu Hối-Am, cũng như đời nhà Chu có ông Khổng Phu-tử, đều là một nhà tập-thành cả đạo-đức của dân-tộc nước Tàu. Trước đời ông Khổng-tử thời cái tư-tưởng đạo-đức mới biểu-hiện ra lời nói việc làm mà thôi, đến ông Khổng-tử mới diễn-thuật lại làm thành ra học-thuyết. Sau đời ông Khổng-tử, cái học-thuyết đạo-đức, dẫu vẫn triết-trung theo ông Khổng, song còn là lúc ly lúc hợp chớ không định hẳn ; đến ông Chu Hối-Am mới đem đạo Khổng-giáo mà sửa-sang trấn-chỉnh lại, cho có phạm-vi nhất-định. Nguyên là Khổng-giáo ở về đời ông Đổng Trọng-Thư mới có cái hình-thức tôn-giáo mà thôi. Đến đời ông Chu Hối-Am mới lập-thành cái uy-quyền tôn-giáo. Học-thuyết ông Hối-Am : gần thời vốn theo ông Trương Hoành-Cừ, ông Trình Y-Xuyên, mà lại phụ thêm những lời của ông Châu Liêm-Khê, và ông Trình Minh-Đạo ; xa thời vốn theo ông Tuân-Khanh, mà dùng lời nói thời hay bắt-chước ông Mạnh-tử, rồi làm ra bài chú-thích để giải nghĩa những lời nói của ông Khổng-tử, lập-thành ra phái Khổng-giáo tự đời Tống trở về sau này. Phàm những học-thuyết ở về trước đời ông Khổng, thời ông đều thích nghĩa ra cho thông, cho khỏi trở-ngỡ với thuyết Khổng-giáo ; còn những học-thuyết của các nhà ở về sau đời ông Khổng, thời ông đều lấy Khổng-giáo làm chuẩn-đích mà phân hơn kém ; ông thực là nghiên-cứu rất cần, trước-thuật rất giàu, đồ-đảng rất nhiều, các nho-gia đời trước không ai kịp được. Song học-thuyết ông ấy thiên về phần uốn điều ác quá, hơn là phần cứ cho người ta tự-nhiên vui điều thiện ; thiên về độc-đoán quá, hơn là hoài-nghi ; câu-nệ danh-nghĩa quá, hơn là xét thực-lý ; tôn-trọng trật-tự quá hơn là cầu quân-bình ; chuộng bảo-thủ quá hơn là phần cải-cách ; chỉ cốt phần hoà-bình hiện-tại hơn là cái hi-vọng vị-lai ; thực là một người con đích nối được dòng tư-tưởng phương Bắc, lại hợp với cái tính tập-quán của phần nhiều người dân-tộc nước Tàu, lại tiện cho kẻ quyền-thế lợi-dụng, nên mới nhờ được cái thế-lực khoa-cử mà thịnh-hành mãi đến đời nhà Minh sau này.

Lục Tượng-Sơn 陸象山

Học-thuyết phái nhà nho đến ông Chu Hối-Am đã thành ra một tôn-giáo. Song đương lúc học-thuyết ông Chu thành-lập thời có ông Lục Tượng-Sơn ; đương lúc thịnh-hành thời có ông Vương Dương-Minh, tuy rằng xã-hội tin theo không được lâu bằng học-thuyết họ Chu, song cái thế-lực học-thuyết họ Vương họ Lục phát-siển ra cũng hầu làm đồ được họ Chu vậy. Đại-khái học-thuyết họ Chu thời thiên theo về ông Trương Hoành-Cừ, ông Trình Y-Xuyên ; mà họ Vương họ Lục thời thiên theo về ông Châu Liêm-Khê, ông Trình Minh-Đạo ; họ Chu thời thiên theo về ông

Tuân-Tử, mà họ Vương họ Lục thời theo về ông Mạnh-Tử ; cứ lấy cái tư-trào cuối đời nhà Chu mà so-sánh ra thời ông Chu-tử thuần là tư - tưởng phương Bắc, mà họ Vương họ Lục thời thuần là tư-tưởng phương Nam vậy.

Tiểu-truyện. — Ông Lục Tượng-Sơn tên là Cửu-Uyên 九淵, tên tự là Tử-Tĩnh 子靜, hiệu là Tồn-trai 存齋, người đất Kim-khê, ông thân-sinh là Hạ 賀, Tượng-Sơn là con út vậy.

Năm Kiền-đạo thứ tám, ông đỗ tiến-sĩ, làm quan đến tri Kinh-môn-quân, năm Thiệu-hi thứ ba, ông mất, thọ 54 tuổi; năm Gia-định thứ 10, được tứ-thụy là Văn-an 文安. Ông khi mới lên ba bốn tuổi thường hỏi cha rằng : « Trời đất đến đâu là cùng ? » Đến khi đề chỏm nghe người ta đọc sách ông Trình Y-Xuyên, như là phải bị-thương, nói rằng : « Lời nói ông Y-Xuyên hình như không giống lời ông Khổng ông Mạnh phải không ? » Ông lại thường đọc sách cổ-thư thấy có hai chữ « vũ trụ 宇宙 » giải nghĩa là : bốn phương trên dưới gọi là « vũ 宇 », đời cổ qua đời kim lại gọi là « trụ 宙 », ông bèn tỉnh-ngộ ra nói rằng : « Thế ra phàm việc trong vũ-trụ đều là việc trong phận-sự mình cả; mà phận-sự mình đều là việc trong vũ - trụ cả. » Lại nói rằng : « Vũ-trụ tức là bụng ta, bụng ta tức là vũ-trụ, ở về Đông-hải hay Tây-hải có ông thánh-nhân xuất-hiện ra cũng là đồng thử-tâm thử-lý cả ; Nam-hải hay Bắc-hải có ông thánh-nhân xuất-hiện ra cũng là đồng thử - tâm thử - lý cả ; trăm nghìn đời về trước có ông thánh ra, thử-tâm đồng thời thử-lý cũng đồng ; trăm nghìn đời về sau có ông thánh ra, thử-tâm đồng thời thử-lý cũng đồng vậy. » Năm Thuần-hi, ông tự Kinh-sư đi trở về, người theo học rất nhiều ; hễ đến nơi thành-ấp nào học-trò họp quanh cả đến hàng hai ba trăm người, đông quá không thể dung-chứ được ; rồi làm nhà ở Tượng-sơn, học-trò theo học lại càng đông, xét sổ đến hơn vài nghìn người ; hoặc có người khuyên ông làm sách, ông nói rằng : « Sáu kinh chua nghĩa cho ta hay ta chua nghĩa cho sáu kinh ; học nếu biết đạo, thời nghĩa sáu kinh đều là chú-cước cho ta cả. » Ông có làm ra tập *Tượng-Sơn.*

Chu, Lục hai họ cùng biện-luận với nhau. — Tự khi họ Chu họ Lục phân ra hai phái, các học-trò thường bỉ-bác lẫn nhau ; năm Thuần-hi thứ hai, ông Đông-Lai họp các bè-bạn tỉnh Giang-tích ở chùa Nga-hồ thuộc về Tín-châu để quyết-định, khi đã họp đông đủ cả, ông Tượng-Sơn với ông Hối-Am hai người cùng biện-nạn mãi đến mấy ngày không quyết-định ; ông Hối-Am nói rằng : « Người ta đều có sở-kiến, không gì bằng cứ để cho người đời sau quyết-định. » Về sau hai người thường đưa thư cho nhau để biện-bác, những lời biện-nạn về cái danh-nghĩa Thái - cực - đồ-thuyết cũng có khác nhau, còn lời biện-nạn về học-thuyết luân-lý thời ông Hối-Am bảo ông Tượng-Sơn chỉ *tôn-tâm* là theo về dư - phái đạo thiền - gia ; người học - giả phải nên xét theo lời dạy của thánh-hiền để lại ở trong sách, mà phép tu-thân thời phải giữ từ lời ứng-đối, lễ sái-tảo. Ông Tượng-Sơn thời cho học-thuyết của ông Hối-Am là *trục-mạt* ; đạo học-vấn không phải ở ngoài, cốt ở phần trong, không phải ở sách vở của cổ-nhân, cốt ở tinh-thần. Ông thường cật - vấn ông Hối-Am rằng : « Nếu cứ nệ sách mới là học thời trước kia ông Nghiêu ông Thuấn học sách gì ? »

Tâm tức là lý. — Thiên-lý với nhân-dục, đạo - tâm với nhân - tâm, ông Tượng - Sơn không có phân - biệt,

bảo rằng : « Tâm tức là lý, tâm chỉ có một mà thôi, tâm người ta sao lại có hai bao giờ. Cái thuyết phân ra thiên-lý với nhân-dục rất là không phải. Tự sách *Lễ-ký* nói rằng : « Người ta sinh ra vốn tính, đó là bản tính trời ; cảm đến ngoại-vật mới sinh động, đó là bụng dục của tính. » Người sau cứ theo mãi lời nói ấy mới phân ra lý với dục là không phải. Nếu động là thế thời tĩnh cũng là thế cả, há có phân gì thiên-lý với nhân-dục. » Ông lại thấy trong cổ-thư có câu : « Nhân-tâm duy nguy, đạo-tâm duy vi », thời ông biện-thuyết rằng : « Tự về phần người mà nói thời cho nhân-tâm là nguy-ngập, tự về phần đạo mà nói thời cho đạo-tâm là tinh-vi. » Cứ như thuyết ông ấy thời cổ-thư chẳng qua xét về hai phương-diện mà nói, chớ tâm không có hai bao giờ. Ông lại nói rằng : « Tâm là chỉ có nhất-lý, mà lý cũng chỉ có nhất-lý, lý đã trí-đáng qui-nhất tức tâm cũng tinh-vi vô-nhị, tâm ấy chỉ một lý ấy, không lẽ lại có phân ra hai. Xem như ông Mạnh-tử nói rằng : « Người ta không phải tư-lự mà biết, đó là cái lương-năng ; lương-tri ; lương-năng, lương-tri, người ta ai cũng có sẵn cả, không phải tự ngoài mà đúc vào cho ta vậy. »

Ông Tượng-Sơn cho tâm tức là lý, nên bàn đến Vũ-trụ thời nói rằng : « Khắp cả Vũ-trụ chỉ là nhất-lý, lẽ muôn vật đều ở cả tâm ta, chỉ cốt xét cho cùng-lý. » Xem như thế thời Vũ-trụ tức là lý, lý tức là tâm, đều là một cả, chớ không có chia ra, làm hai vậy.

Khí-chất với tư-dục. — Ông Tượng-Sơn đã không phân-biệt ra lý với dục, nên ông cũng có theo các tiên-nho mà lập-thuyết rằng : « Hễ người nào khí-chất hơi thiên mà nhu-nhược, thời tai mắt ngu tối bỉ ngoại-vật nó che đi, vật này lại giao-tiếp với vật khác rồi nó dẫn-dụ cái tâm đi mất ; bởi thế cái bụng trung-tín, lưu-đãng thành ra phóng-tích tà-xỉ, không biết tự - phản mình, lúc ấy trong tâm chủ-đích đều là vật-dục cả. » Lại rằng : « Khí-bẩm có cái nó ám đi, vật-dục có cái nó che đi, tình-thế có cái nó thiên đi, tập-nhiễm có cái nó di đi, đi mất mãi không trở lại, mê-mẩn mãi không gỡ được, rồi thành ra ngu, thành ra bất-tiếu, bại-hoại cả luân - thường, bội-nghịch cả thiên - mệnh. » Lại rằng : « Người ta đến nỗi hại đạo ấy có hai điều : một là tại tư - chất, hai là tại tập-nhiễm. » Song ông đã cho vũ-trụ chỉ có nhất-lý thời đều là thiện cả, sao lại có cái tư - chất và tập-nhiễm bất-thiện, nghĩa đó ông chửa nghiên-cứu ra vậy.

Bụng suy-nghĩ. — Ông nói cái phép tu-vi là cốt phải biết suy - nghĩ, nói rằng : « Nghĩa-lý ở tâm người ta, thực là trời phú cho không thể dẫn-diệt đi được. Người nào bị vật-dục nó che đi, đến nỗi bội-lý trái nghĩa, là tại mình không suy-nghĩ đó mà thôi. Nếu biết tự-phản mà suy-nghĩ, thời điều nào phải hay trái, nên lấy hay nên bỏ, tự-khắc áy-náy hỏi ở tâm mình mà phán-đoán rõ ra được cả. » Lại rằng : « Cái công học-vấn trước phải mài rũa, rồi nghĩ mãi tự - nhiên sinh bụng nghi, đã nghi rồi nghĩ cho đến cùng tự-khắc là biết. »

Thế thời người ta nên nghĩ như thế nào ? Nói rằng : « Người ta nên trước lý-hội nghĩ cái cớ sở-dĩ thế nào mới gọi là người, nghĩ kỹ lấy những điều trọng-đại mà xét lấy mình, không nên đắm-đuối bỏ phí thì-giờ đi mất. Nếu không biết cái cớ sở-dĩ vi-nhân, bỏ sót mất điều quan-trọng, mà chỉ câu-nệ học những lễ-tiết tặt - vặt thời có làm gì. »

Ông lại yết cái nghĩa chữ *thành* để làm phương thực-hành, nói rằng :

« Cổ-nhân cố biết thực-lý để làm thực-sự ; cái thân của mình là di-hài của cha mẹ, nghĩ làm sao ngửa cúi trong khoảng trời đất, không đến nỗi thẹn lòng hổ bóng thời là quí. »

Kết-luận. — Lời lý-luận của ông Tượng-sơn đã cho tâm với lý cùng với vũ-trụ là một, sau lại nói có khí-chất, có vật-dục, mà không nghiên-cứu bởi tại làm sao mà có, đó là đương luận về nhất-nguyên mà bất-giác lại hóa ra nhị-nguyên, cũng giống như ông Mạnh-tử chỉ toàn chú-ý về một phương-diện tích-cực vậy. Song được cái tư-tưởng tự-do, công-phu giản-dị, về nhân-sinh-quan thời coi là bình-đẳng, khiến cho kẻ học-giả khỏi cái tệ câu-thúc tiểu-tiết, nệ-nập sách cổ, chỉ cốt tại mình sửa lấy mình cho tấn-tới lên mà thôi.

Dương Từ-Hồ 楊慈湖

Tiểu-truyện. — Ông Dương Từ-Hồ tên là Giản 簡, tên tự là Kính-Trung 敬中, người đất Tứ-khê, năm Kiền-đạo thứ năm đỗ Tiến-sĩ, làm quan chủ-bạ Đương-dương, sau làm đến chức Thái-trung đại-phu, rồi về tri-sĩ, năm Bảo-khánh thứ hai, ông mất, thọ 86 tuổi, tên thụy là Văn-nguyên 文元. Khi ông Từ-Hồ làm quan ở Đương-dương, gặp ông Tượng-Sơn, ông Tượng-Sơn thường bảo cho hai chữ « Bản-tâm ». Ông Từ-Hồ hỏi rằng thế nào gọi là bản-tâm ? Ông Tượng-Sơn nói rằng : « Nay ông hỏi kiện hai bên, tất có một bên phải một bên trái, nếu xét ra một bên nào là trái, thời quyết-định cho bên kia là phải, ý quyết-định ấy chẳng tự bản-tâm là gì ? » Ông Từ-Hồ nghe nói tự-nhiên thấy trong bụng thanh-minh, vội hỏi lại rằng : « Như thế mà thôi ư ? » Tượng-Sơn rằng : « Lại còn gì nữa. » Ông Từ-Hồ lui về, nghiêm-chỉnh ngồi nghĩ suốt sáng, rồi xin làm học-trò ông Tượng-Sơn. Ông Từ-Hồ có làm ra sách *Kỷ-dịch* 己易 và sách *Khải-tế* 啓蔽.

Sách *Kỷ-dịch* của ông Từ-Hồ nói rằng : « Dịch là mình biến-dịch không phải ở người khác ; coi kinh Dịch là một pho sách không coi như là mình thời không phải ; coi Dịch-lý là lẽ trời đất biến-hóa không coi như là lẽ mình biến-hóa cũng không phải ; trời đất ấy là trời đất ở mình ta, biến-hóa ấy là biến-hóa ở ta, không phải ở vật khác. » Lại rằng : « Tính người ta thanh-minh không hư, không phải là một vật gì khả lượng được ; trời là cái tượng tính người ta, đất là cái hình trong tính người ta ; ở trời thành ra tượng, ở đất thành ra hình, đều là tính ta dung-hợp quán-thông cả. » Lại rằng : « Tâm trời đất có thể biết được chăng, hay không thể biết được ? Có lúc phát-động hay là chửa khi nào phát-động ? Sao vẫn hình như động mà không khi nào dời, hình như biến mà không khi nào đổi ? Không dời không đổi, vốn là tịch-nhiên bất-động ; thế mà vẫn không cần-kíp mà nhanh, không hành-động mà đến, đó thực là cái cơ tri-động mà tri-huyền-vi vậy. Ta chửa thấy trời đất người chia ra làm ba bao giờ, hình dẫu là ba mà tính thời là một vậy ; đó tức là đạo, tức là lẽ kinh Dịch, gọi tên dẫu khác nhau, mà kỳ-thực là nhất-thể cả. »

Kết-luận. — Ông Tượng-sơn bảo khắp cả trong vũ-trụ là nhất-lý, song cái hiện-tượng trong vũ-trụ thời chửa nói phát-minh ra ; được thêm cái thuyết của ông Từ-Hồ mới lại càng rõ cái thuyết vũ-trụ nhất-lý, mà vũ-trụ cũng chẳng ngoại ở tâm ta vậy.

Vương Dương-Minh 王陽明

Học-thuyết họ Lục tự ông Từ-Hồ trở về sau, không có mấy người đắc-truyền ; học-thuyết họ Chu thời từ cuối đời nhà Tống đến nhà Nguyên nhà Minh, lưu-hành lại càng rộng mãi ra, lại xuất-hiện ra được nhiều bậc danh-nho, song học-thuyết cũng không

có sáng - kiến gì, còn những người phụ-họa theo lại hay lưu về đảng chi-li phiền-toái. Vả lại theo về đường học khoa-cử, càng thêm một cái tệ ngôn với hành sai nhau cả. Đến khoảng giữa đời nhà Minh có ông Vương Dương - Minh xuất - hiện ra, chấn-hưng học - thuyết họ Lục, tư-tưởng-giới bấy giờ mới lại nhất-tân khí-tượng.

Tiểu-truyện. — Ông Vương Dương-Minh tên là Thủ-Nhân 守仁, tên tự là Bá-An 伯安, người đất Dư - diêu. Khi thiếu-niên có làm nhà học ở trong đỗng núi Cối-kê ; về sau học-trò dựng nhà Dương - Minh thư - viện ở đất Thiệu - hưng, nên mới gọi là ông Dương - Minh. Ông đỗ tiến-sĩ năm Hoằng-trị thứ mười hai, thường đi dẹp giặc ở Chương-nam, Hoành-thủy, phá quân phiên, bình giặc mán, làm quan đến Tả-đô ngự-sử, phong tước Tân-kiến-bá. Năm Gia-tĩnh thứ bảy, ông mất, thọ 57 tuổi. Năm Long-khánh, truy tặng là Tân-kiến-hầu, tứ-thụy là Văn-Thành. Ông Dương-Minh thiên-tư tuyệt-luân, khi 18 tuổi, yết-kiến ông Lâu Nhất-Trai, rồi khái-nhiên nghĩ rằng có thể học đến bậc thánh được. Ông thường đọc hết cả sách của ông Chu Khảo-Đình, theo thứ bậc tự cách-vật mà học lên, thấy tâm với vật phân ra làm hai không hợp với nhau, ông bèn trải-qua học đạo Phật Lão. Thời vua Võ-tôn, ông bị đầy ra làm Dịch-thừa ở Long-tràng châu Quí, chỗ đất ấy ở nơi núi sâu rừng rậm, rắn rết ma quỉ độc-trùng lam-chướng vô-vàn, ông phải trải nếm mùi cay-đắng, động-tâm nhẫn-tính, mới nghĩ ra rằng nếu ông thánh-nhân gặp cảnh này, thời có đạo gì để tự-xử, từ đó mới tỉnh-ngộ cái chỉ-thú cách-vật tri-tri, mới biết đạo ông thánh-nhân là đủ cả ở trong tính người ta không phải cầu ở đâu cả, bèn bỏ hết cả những chi-tiết lặt-vặt, chỉ chuyên-tâm học xét chốn căn-bản mà thôi. Có làm ra bộ sách *Dương-Minh toàn-tập* và bộ *Dương-Minh toàn-thư.*

Tâm tức là lý. — Học-thuyết ông Tượng-Sơn bảo tâm tức là lý, ông Dương-Minh lại giải nghĩa ra rằng : « Lý chỉ có một mà thôi, song tự cái phần lý ngưng-tụ mà nói thời gọi là *tính* 性 ; tự cái phần tính ngưng-tụ mà có chủ - tể thời gọi là *tâm* 心 ; tự phần chủ-tể mà phát-động ra thời gọi là *ý* 意 ; tự phần phát-động mà có minh-giác thời gọi là *tri* 知 ; tự phần minh-giác mà có cảm-ứng thời gọi là *vật* 物 ; cứ theo từng vật mà xét thời gọi là *cách* 格 ; theo phần tri-giác mà suy cho cùng thời gọi là *tri* 致 ; cứ giữ phần ý cho thực thời gọi là *thành* 誠 ; giữ phần tâm cho ngay thời gọi là *chính* 正 ; chính là chính cái tâm của mình, thành là thực cái ý của mình ; trí là suy cùng cái tâm của mình ; cách là xét cho tận cái tâm của mình ; đều là học cho cùng-lý để suy-xét cho tận-tính vậy ; không có lý nào là ở ngoài tính ; chỉ vì kẻ học-giả nhận tâm cho là ở bề ngoài và nhận rằng vật cũng là ở ngoài, không biết cái thuyết nghĩa-nội cho nên học không biết được rõ vậy. »

Tri-hành hợp-nhất. — Học - thuyết ông Chu - tử thời chỉ câu-nệ về cái nghĩa tuần-tự tiệm-tiến, bảo rằng phải học theo lời nói ông thánh-hiền chép ở trong sách, phải tập từ lễ sái-tảo, ứng-đối, tiến-thoái, vì thế về sau sinh ra câu-nệ nhút-nhát không dám bạo bước lên con đường tiến-thủ. Ông Dương-Minh uốn lại mới lập ra cái thuyết tri-hành hợp - nhất nói rằng : « Tri là lúc mới sắp làm, hành là lúc biết đã thấu, ngoài sự tri không có hành, ngoài sự hành không có tri. Điều gì biết (tri) cho đến chốn thiết-thực sác-đáng đó tức là hành ; làm (hành) cho đến chốn tinh-mật rõ-ràng

đó tức là tri ; nếu làm không được tinh-mật rõ-ràng, đó là làm mờ, ấy là người học mà không nghĩ thời nghĩa-lý mờ-mịt ; nếu biết mà không được thiết-thực sác-đáng, đó là vọng-tưởng, ấy là người nghĩ mà không học thời trong bụng sinh nghi-hoặc vậy. » Lại rằng : « Sách *Đại-học* nói rằng : « Như hiếu hảo-sắc » nghĩa là lúc trông thấy sắc đẹp là thuộc về phần tri, muốn là thuộc về phần hành, song lúc trông thấy là lập-tức sinh muốn, không phải trông thấy rồi sau mới định ý muốn. Bây giờ lại bảo trước học cho biết (tri) đã, rồi sau mới làm (hành), phải giảng-tập nghiên-cứu để cầu cho biết, đợi đến lúc biết thật rồi mới đi làm, cho nên suốt đời không làm được việc gì, mà cũng suốt đời không biết một tí gì. » Ông Dương-Minh gọi là tri là trỏ cái tri-khôn ở trong đức-tính, không phải như tri-thức tầm-thường; mà gọi là hành là nói cái cơ phát-động, tức như sách *Đại-học* gọi là ý, như thế thời tri tức là hành, hành tức là tri, lời nói ấy phải vậy.

Ông Dương-Minh lại theo nghĩa hai chữ « lương-tri » ở sách *Mạnh-tử*, và hai chữ « tri-tri » ở sách *Đại-học*, mà hợp lại bảo người ta phải tri-lương-tri, nói rằng : « Tính là tự mệnh trời phú cho vốn là thuần-túy chí-thiện, cái điều chí-thiện phát-hiện ra nó vẫn linh-minh không ám-muội chút nào, đó là cái bản-thể minh-đức, tức là bụng lương-tri người ta. Trong lúc chửa phát-hiện ra bụng lương-tri ấy vốn không phân trước sau trong ngoài gì cả, chỉ là hồn-nhiên nhất-thể mà thôi. Dẫu có lúc phát ra vọng-niệm mà bụng lương-tri ấy vẫn còn, có lúc cực là mê-tắc mà bụng lương-tri ấy vẫn sáng. » Lại bàn đến nghĩa tri-tri thời bao cả thành-ý, cách-vật mà nói rằng : « Nay muốn phân-biệt điều thiện điều ác mà thực ý để làm, thời cốt phải suy cùng cái tri-biết của bụng lương-tri mới được. Sao vậy ? Cái ý-niệm của mình mới phát ra bụng lương-tri mình đã biết điều ấy là thiện, nếu không thực bụng muốn điều ấy mà lại trái bỏ đi, thế là mình lại cho điều thiện ấy là ác, thời cái bụng lương-tri biết điều thiện của mình lại tối đi mất. Lúc ý-niệm mới phát ra bụng lương-tri mình đã biết điều ấy là bất-thiện ; nếu không thực bụng ghét điều ấy mà lại cứ theo mà làm, thế là mình lại cho điều ác ấy là thiện, thời cái bụng lương-tri biết điều ác của mình lại tối đi mất. Như thế thời dẫu gọi là biết cũng như không biết, ý sao cho thành-thực được. Nay bụng lương-tri mình biết rõ điều gì là thiện hay là ác, mà định thực cái ý của mình muốn hay là ghét, đừng tự dối cái bụng lương-tri của mình thời ý mình mới thành-thực được. » Lại rằng : « Điều gì bụng lương-tri mình đã biết là thiện thời cứ thực ý ở đó mà làm cho đến nơi ; điều gì bụng lương-tri mình đã biết là ác thời cứ thực ý ở đó mà bỏ đi cho hết ; như thế thời sự-vật nào mà chẳng suy biết được cùng, cái tri biết của bụng lương-tri mình không còn điều gì khuy-khuyết chướng-tế, thực là biết đến cùng-cực vậy. » Cái thuyết ấy là tóm cả cách-vật, thành-ý về một điều tri-tri, cũng là cái nghĩa tri-hành hợp-nhất.

Nói về điều nhân. — Ông Dương-Minh bàn nghĩa lương-tri nói rằng : « Lương-tri của người cũng như là lương-tri của loài cây cỏ ngói đá, nếu loài cây cỏ ngói đá không có cái lương-tri của người, thời không thành ra loài cây cỏ ngói đá ; há những loài cây cỏ ngói đá như thế đâu, trời đất nếu không có cái lương-tri của người thời cũng không thành ra trời đất vậy. » Đó tức là cái nghĩa tâm-lý hợp-nhất, bảo cả trong Vũ-trụ cũng chỉ có một cái lương-tri, suy cái bụng lương-tri cho đến cùng-cực

thời công-hiệu khắp cả Vũ-trụ, đó tức là bụng nhân, nên ông nói rằng : « Thấy đứa bé con sắp ngã xuống giếng, thời mình tất sinh bụng sợ-hãi thương-xót, đó là bụng nhân cùng với đứa bé con là nhất-thể, vì đứa bé con cũng là đồng-loại vậy. Thấy chim muông hộc-tốc kêu sợ, thời mình tất động lòng bất-nhẫn, đó là bụng nhân cùng với loài điểu thú cũng là nhất-thể, vì loài điểu thú cũng có tri-giác vậy. Thấy cây cỏ tồi-tàn thời mình tất sinh lòng thương tiếc, đó là bụng nhân cùng với cây cỏ cũng là nhất-thể, vì cây cỏ cũng có sinh-ý vậy. Thấy ngói đá vỡ tan thời mình tất sinh lòng ngùi-tiếc, đó là bụng nhân cùng với loài ngói đá cũng là nhất-thể ; cái bụng nhân nhất-thể ấy dẫu kẻ tiểu-nhân cũng có bụng ấy, nguyên là tự tính trời phú cho, nó vốn tự-nhiên linh-minh không bao giờ mờ tối vậy. » Lại rằng : « Muốn sáng đức sáng của mình thời phải thân yêu nhân-dân, thân yêu người chính là tỏ rạng cái đức sáng của mình ; cho nên thân yêu cha mình, suy bụng ấy ra đến cha người, đến cả cha người trong thiên-hạ, như thế thời bụng nhân của mình thực cùng với cha mình, cha người và cả cha người trong thiên-hạ đều là nhất-thể cả, có cái bụng nhân nhất-thể ấy thời cái minh-đức của điều hiếu mới rõ vậy. Thân yêu anh mình, suy bụng ấy ra đến anh người, đến cả anh người trong thiên-hạ, như thế thời bụng nhân của mình thực cùng với anh mình, anh người và cả anh người trong thiên-hạ đều là nhất-thể cả, có bụng nhân nhất-thể ấy thời cái minh-đức của điều đễ mới rõ vậy. Suy ra đến đạo vua tôi, vợ chồng, bè-bạn, cho đến núi sông, qui-thần, cây cỏ chim muông, mình đều thực bụng thân yêu cả để cho đạt hết cái bụng nhân nhất-thể của mình, như thế thời minh-đức của mình mới sáng, hay cùng với trời đất muôn vật cùng là nhất-thể vậy.

Kết-luận — Ông Dương-Minh là bậc thiên-tài minh-mẫn, mà lại lịch-duyệt nhiều, nghiên-cứu kỹ, do tự quảng-bác mà ước lại nói ra cho rõ bản-nguyên, bài-bác hết cả cái thói câu-nệ văn-nghĩa, lại phát-minh được cái nghĩa « tâm-lý hợp-nhất » của họ Lục, và lại nói thêm được cái thuyết « tri-hành hợp-nhất ». Ông Khổng-tử nói rằng : « Bụng ta muốn điều nhân ấy là sẵn có bụng nhân ; » Ông Mạnh-tử bảo rằng : « Người ta ai cũng có thể học bằng được như vua Nghiêu vua Thuấn » ; những lý-luận ấy được cái thuyết của ông Dương-Minh này lại càng rõ thêm ra, dẫu lời nói ông ấy cũng có chỗ y-vi, song uốn được cái lưu-tệ của học-phái họ Chu, giục lòng người ta tư-tưởng tự-do, hết sức cố-gắng theo về đường thực-tiễn, thời công ông ấy cũng không thể bỏ đi được.

Tổng-luận về thời-kỳ thứ ba

Từ nhà Tống đến nhà Minh các bậc danh-nho bối-xuất, như là ông Châu Liêm-Khê, ông Trương Hoành-Cừ, thời mở đường trước cho hai ông Trình ; tự ông Trình Minh-Đạo truyền đến ông Tạ Thượng-Sái rồi diễn-thành ra học-phái ông Lục Tượng-Sơn ; tự ông Trình Y-Xuyên truyền đến ông Dương Qui-Sơn rồi diễn-thành ra học-phái ông Chu Hối-Am. Học-thuyết ông Tượng-Sơn được Vương Dương-Minh diễn-giải ra lại càng quang-đại thêm lên ; học-thuyết ông Hối-Am dẫu truyền nối mãi không dứt, song không hay khoáng-trương được phạm-vi cho rộng ra. Chu-học về sau lưu-tệ thành ra y-vi độc-đoán ; Lục-học dẫu hay thông-tình đạt-lý, cứu được cái lưu-tệ của học-phái họ Chu, song vì cái cớ tư-tưởng tự-do, có khi lại vượt ra ngoài cái phạm-vi bản-giáo. Tự ông Vương

Dương-Minh trở về sau chỉ có ông Đới Đông-Nguyên 戴東源 than về cái lưu-tệ học-phái nhà Tống, mới phát-minh học-thuyết ông Mạnh-tử để củ-chính lại, cũng không thẹn là một nhà có tư-tưởng ; còn như ông Hoàng Lê-Châu 黃梨洲, ông Du Lý-Sơ 俞理初, thời về phương-diện thực-tiễn luân-lý cũng có phát-minh được cồ-nghĩa để bày tỏ ra, sẽ kể đại-khái như sau này,

— Ông Đới Đông-Nguyên tên là Chấn 震, người đất Hựu-ninh, mất năm Kiền-long thứ 42, thọ 55 tuổi, có làm ra sách quan-hệ về luân-lý học là sách *Nguyên-thiện* 原善 và sách *Mạnh-tử tự-nghĩa sớ-chứng* 孟子字義疏證.

Học-thuyết. — Kiến-thức đặc-biệt của ông Đông-Nguyên là hay khám-phá được cái lưu-tệ học-phái đời nhà Tống, nói rằng : « Trong sáu kinh và lời nói ông Khổng ông Mạnh cùng các sách truyện ký, không thấy nói rõ chữ Lý, thế mà đời nay dẫu người chí-ngu, trái-ngược càn-dỡ, giá có xử-đoán việc gì hay trách-mắng ai, cũng giở ngay chữ lý ra, đó là tự đời nhà Tống đến nay, người ta đã tập-tục thành quen, hình như cho lý là có một vật gì tự trời phú cho mà đã đủ sẵn ở trong tâm mình, rồi cứ lấy cái ý-kiến ở tâm mình mà biện-bác ; vì thế có người phụ-khí, có người tạ-thế, lại thêm được mồm-miệng giảo-hoạt thời lý thắng ; người nào sức yếu khí nhát, mồm-miệng không được giảo-hoạt thời lý khuất. » Lại rằng : « Tự các nhà Tống-nho phân-biệt ra lý với dục, bảo rằng điều gì không hợp với lý thời là dục, điều gì không phải là dục thời là hợp với lý. Bởi thế coi những sự người ta đói rét kêu-gào, trai gái ai-oán, hoặc là gần chết mong sống, đều cho là tại bụng dục người ta cả, bèn bảo người ta tuyệt bỏ cái bụng cảm tình-dục đi, thời thiên-lý bản-nhiên vẫn giữ được ở trong tâm mình. Đến khi ứng việc may ra mà phải thời không phải thể-sát sự-tình gì cả ; nếu không may việc gì còn chửa rõ sự-tình, thời cứ chấp cái ý-kiến của mình mà làm, tự-tín đó là thiên-lý không phải nhân-dục, thành ra việc nhỏ thời làm hại cho một người, việc lớn thời làm hại cho cả thiên-hạ quốc-gia. » Lại rằng : « Đời nay trị người cứ trách lấy lý, thời dẫu hạng người cao-tiết cũng có thể lấy nghĩa-lý mà bắt tội được ; như là người tôn lấy lý trách kẻ ti, người trưởng lấy lý trách kẻ ấu, người quí lấy lý trách kẻ tiện, dẫu sai-lầm cũng bảo là thuận ; nếu người ti-ấu hạ-tiện lấy lý cãi lại, dẫu phải cũng bảo là nghịch. Vì thế kẻ dưới không hay đem những điều đồng-tình đồng-dục trong thiên-hạ mà đạt lên người trên ; người trên lấy lý trách kẻ dưới, thời tội kẻ dưới không kể sao cho xiết. Người nào mắc tội về phép mà chết thời còn có người thương ; người nào chết về lý thời không còn ai thương nữa. » Lại rằng : « Phân-biện ra lý với dục, thời phàm cái bụng cảm-thường tình ẩn-khúc như là đói rét, sầu oán, ăn uống, trai gái, đều cho là nhân-dục cả, thành ra suốt đời cũng không chế hết được bụng dục. Vả lại đã tự-tín bụng mình không có tư-dục, nghĩ lại không còn thẹn điều gì cả, như thế cứ ý-kiến mình chê ai thời bảo người ấy là ăn ở vô-lý. » Lại rằng : « Lý dục đã tiệt-nhiên chia làm hai, thời trị mình hễ điều gì không phải dục thời cho là lý ; trị người cũng tất xem điều gì không phải dục thời cho là lý ; phàm những thường-tình người ta cảm về sự đói rét, sầu-oán, ăn uống, trai gái đều cho là bụng tư-dục đáng khinh cả ; khinh-bỉ những điều ấy là cốt để trọng thiên-lý, trọng công-nghĩa, nói như thế dẫu là hay, song dụng ra trị người thời làm vạ cho người, khiến cho kẻ dưới phải khi-trá để ứng-phó với người trên, thời lại chê là bất-

thiện; ấy phân ra lý với dục khiến cho khắp cả người trong thiên-hạ đều biến ra trá-ngụy cả, cái vạ đó sao kể xiết được. » Còn về phương-diện kiến-thiết thời ông theo ông Mạnh-tử làm gốc, và dẫn thêm lời nói trong các cổ-thư để chứng-minh cho rộng thêm ra, nói rằng: « Đạo trời ấy là khí âm khí dương và ngũ-hành mà thôi; người ta sinh ra là phân-thụ khí âm khí dương và năm hành mới thành ra tính, bởi thế mới có huyết-khí có tâm-tri; có huyết-khí nên mới có bụng dục; có tâm-tri nên mới có tình, có tri; cấp đủ cho bụng dục mình ấy là các thứ thanh, sắc, sú, vị, nhân thế mới có thứ yêu thứ sợ; phát ra tự tình mình ấy là những lúc mừng, giận, thương, vui, nhân thế mới có lúc thảm lúc thư; phân-biện ở ý biết của mình ấy là những sự xấu, tốt, phải, trái, như thế mới có điều yêu điều ghét. » Đó là ông Đông-Nguyên bảo rằng dục với tình với tri ba điều ấy là nguyên-chất của tính, thế thời thiện với ác bởi đâu mà khởi ra? Ý ông bảo trời là cốt ở tại sinh-sinh, người ta cũng vậy, bụng nhân chính là cái đức sinh-sinh, thế cho nên ở bụng dục hễ chuyên-dục thời là ác, đồng-dục thời là thiện; ở tình hễ quá với bất-cập thời là ác, hợp tiết-độ thời là thiện; mà muốn phân-biệt điều-lý cho phải thời cốt ở tri, cho nên nói rằng: « Người ta sinh ra không gì hại bằng không được thỏa-mãn cái đời mình, muốn thỏa-mãn cái đời mình cũng phải làm cho thỏa-mãn đời người ta ấy là bụng nhân; nếu muốn thỏa-mãn đời mình mà làm tàn-hại đến đời người ấy là bụng bất-nhân; bụng bất-nhân ấy là khởi-thủy tự cái bụng mình chỉ muốn thỏa-mãn cái đời mình, nếu không có bụng dục ấy thời khỏi mang tiếng bất-nhân. Song không có bụng dục ấy thời cái đạo nhân-sinh hẹp-hòi quá, thành ra coi nhau nhạt-nhẽo lắm, mình đã không muốn thỏa đời mình, thời cũng không có tình gì muốn làm cho thỏa đời người nữa. » Lại rằng: « Mình với người giao-thiệp nhau ấy gọi là tình, không quá-tình không bất-cập-tình ấy gọi là lý, lý là chỗ tình không sai-lầm, không hợp tình mà hợp lý chửa có thể bao giờ. Phàm có điều gì muốn gia cho người, hãy thử trở lại mình nghĩ xem, nếu người ta lấy điều ấy gia cho mình, thời mình có chịu được không? Phàm có điều gì muốn trách người, hãy thử trở lại mình nghĩ xem, nếu người ta lấy điều ấy trách mình, thời mình có nhịn được không? Cứ lấy bụng mình mà lường đo bụng người thời lý tự rõ. » Lại rằng: « Đạo sinh-dưỡng tại ở bụng dục, đạo cảm-thông tại ở mối tình, hai điều ấy (là dục với tình) vẫn tự-nhiên như in nhau mà thành ra mọi việc. Xét cùng được điều thiện điều ác là cốt tại điều *xảo*, cái quyền tề-chế cũng bởi đó mà ra; biết hết được điều phải điều trái là cốt tại trí khôn, cái đức ông thánh-hiền cũng đủ cả ở đó; hai điều ấy (là trí với xảo) vẫn tự-nhiên in như nhau, tình-vi cho cùng đến thời tất-nhiên làm hết được cả việc trong thiên-hạ. » Lại rằng: « Đã có thân ấy nên phải có cái bụng dục thanh, sắc, sú, vị; đã có thân ấy thời cái đạo vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bè bạn đều sẵn đủ cả, nên mới có cái tình mừng, giận, thương, vui; vì có dục có tình mà lại phải có tri, thời dục mới được thỏa, tình mới được đạt; khiến cho dục được thỏa tình được đạt thời việc trong thiên-hạ là xong cả. Song người ta cốt phải có tri, việc nhỏ thời biết cho cùng xấu tốt, việc lớn thời biết cho cùng phải trái, làm cho toại bụng dục mình, suy rộng ra hay toại được bụng dục người; làm cho đạt tình mình, suy rộng ra hay đạt được tình người; khiến người ta ai

cũng toại được dục đạt được tình, thời đạo-đức mình đã thịnh lắm vậy. » Học-thuyết ông Đông-Nguyên có ba điều ưu-điểm: một là phân-tách ra tâm với lý; xưa nay các nhà nho hay bàn đến tình với tình có quan-hệ, còn đến như tình với dục thời không có ai phân-biệt, đến như tri cũng vậy; đến ông Đông-Nguyên mới cho tình với dục với tri ba điều ấy là nguyên-chất của tính, cũng giống như nhà tâm-lý-học phương Tây phân-biệt cái năng-lực của tâm có ba bộ-phận là: ý-chí, cảm-tình, tri-thức; trong bộ-phận tri-thức ông lại chia làm hai là tri với xảo, cũng giống như cái lẽ mĩ-học với triết-học khác nhau vậy. Hai là ông nói rõ cái giới-hạn tình-dục; trước kia ông Vương Kinh-Công, ông Trình Minh-Đạo đều bảo người ta thiện hay ác là bởi tại tình có hợp tiết-độ hay không; còn đến cái chuẩn-đích thế nào thời hợp tiết-độ thời chửa nói đến; đến như dục thời lại bảo tuyệt-dục, gần như cái chủ-nghĩa chán đời, phàm người có sinh-mệnh không ai hay thực-hành được; đến như nói quả-dục cũng không hay nói rõ cái chuẩn-đích thế nào là đa với quả; đến ông Đông-Nguyên mới lấy bụng dục người làm cái giới-hạn bụng dục của mình, lấy tình người làm cái giới-hạn tình cho mình, cũng giống như luân-lý-học của phái công-lợi phương Tây bảo rằng người ta đều được tự-do song phải lấy cái tự-do của người khác làm giới-hạn cho mình. Ba là hay nói rõ được cái trạng-thái chí-thiện, Trang-tử gọi là tâm-trai, Phật-thị gọi là cõi nát-bàn, đều cho cái cõi chí-thiện là siêu-tuyệt ra ngoài hiện-thế; đến phái nhà nho thời cứ lấy nội trong thế-giới làm phạm-vi, dẫu các tiên-nho hay nói cái chủ-nghĩa vạn-vật như nhất-thể, coi dân như đồng-bào, song cũng là nói xa-xỉ chớ không được thực. Ông Đông-Nguyên mới theo nghĩa trước mà nói rõ ra, bảo rằng chí-thiện ấy là cốt khiến cho người ta ai cũng được thỏa-dục, ai cũng được đạt-tình, tức như ông Khổng-tử bảo là đạo nhân-thứ, cố sức mà theo cũng rất là giản-dị. Phàm những ý-kiến ấy các nhà nho đời Hán đời Tống không kịp ông được. Song toàn-thư của ông đã dựa theo sách Mạnh-tử, lại lấy lời nói các kinh phụ thêm vào, nên cũng có chỗ khiên-cưỡng. Sau ông Đông-Nguyên thời có ông Nguyễn Văn-Đạt 阮文達 làm ra thiên *Tính-mệnh cổ-huấn*, *Luận-ngữ luận-Nhân-luận*; ông Tiêu Lý-Đường 焦理堂 làm ra thiên *Luận-ngữ thông-thích*, đều là một phái ông Đông-Nguyên cả, nên không thoát được ngoài cái phạm-vi ông Đông-Nguyên vậy.

— Ông Hoàng Lê-Châu 黃梨州 tên là Tôn-Hi 宗羲, người đất Dư-diêu, là di-dân đời nhà Minh, mất năm Khang-hi thứ 34, thọ 06 tuổi, làm sách rất nhiều, đây lược tự hai thiên: *Nguyên-quân* 原君, *Nguyên-thần* 原臣 trích ở trong *Minh-di-đãi-phóng-lục* 明夷待訪錄 ra sau này.

Học-thuyết. — Tự đời nhà Chu trở lên nói cái nghĩa vua với dân quan-hệ với nhau, như ông Chu-công nói rằng: « Vua có đức thời dễ được hưng-thịnh, vua không có đức thời dễ đến suy-vong. » Ông Mạnh-tử rằng: « Dân quí hơn cả, xã-tắc thứ hai, vua là khinh. » Nói cái nghĩa vua với tôi quan-hệ với nhau như ông Yến Bình-Trọng nói rằng: « Vua mà chết về việc xã-tắc thời bày-tôi cũng phải chết theo; nếu vua mà chết về việc riêng mình, không phải người bày-tôi thân-mật thời ai chịu cái trách-nhiệm ấy mà chết theo. » Ông Mạnh-tử nói rằng: « Quan Khanh họ nhà vua, can vua mà vua không nghe thời đổi ngôi vua khác; quan Khanh khác họ nhà vua, can vua mà vua không nghe thời từ-chức mà về. » Những nghĩa ấy cùng với chính-thể phương Tây cũng

không khác mấy. Từ Tuân Khanh, Hàn Phi xướng lên cái thuyết cực-tôn quân-quyền, đời Tần đời Hán cứ theo dùng mãi, mới làm mất cả cổ-nghĩa đi. Đến ông Hàn Dũ làm ra thiên *Nguyên-đạo*, bèn nói rằng : « Mệnh-lệnh là từ vua xướng-xuất ra, bày-tôi đem cái mệnh-lệnh của vua mà sức cho đến dân ; dân phải nộp thóc gạo tơ gai, và chế ra khí-mạnh thông-đồng của-cải để phụng-sự vua. » Ông lại suy ý ông Văn-vương làm ra bài hát lúc phải giam ở Dữu-lý rằng: « *Tội tôi nào dám kêu oan, ngửa trông vua thánh muôn vàn sáng soi.* » Đó đều là chủ-nghĩa tôn-quân cùng với cổ-nghĩa không hợp cả, thế mà từ đời Đường trở về sau không ai kiểu-chính lại cả, nay mới có ông Lê-Châu kiểu-chính lại làm ra thiên *Nguyên-quân* nói rằng: « Lúc nhân-dân sơ-sinh, người nào cũng đều tự-tư tự-lợi cả, trong thiên-hạ có điều công-lợi không ai chấn-hưng lên cho, có điều công-hại không ai trừ-khử đi cho, có đấng nhân-quân dấy lên, không lấy sự lợi một mình làm lợi, muốn khiến cho thiên-hạ đều được lợi chung ; không lấy sự hại một mình làm hại, muốn khiến cho thiên - hạ đều khỏi cả hại ; vua đời sau thời không thế, muốn thâu cả cái quyền lợi hại trong thiên-hạ về tay mình, muốn làm cho bao nhiêu lợi của thiên-hạ về hết cả mình, bao nhiêu hại trong thiên-hạ đổ cả cho người, khiến người trong thiên-hạ không ai dám tự-tư tự-lợi điều gì, mà chính sự tư của mình lại cho là sự công cả trong thiên-hạ, lúc mới còn lấy làm thẹn, lâu rồi cũng thôi, coi cả thiên-hạ là một cái sản-nghiệp lớn - lao để truyền cho con cháu hưởng-thụ vô-cùng. Đó là bởi đời cổ-giả coi thiên-hạ là chủ, vua là khách, làm vua mà kinh-doanh hết đời là chỉ vị thiên-hạ mà thôi. Đời nay coi vua là chủ, thiên-hạ là khách, thiên - hạ không mấy lúc được yên là chỉ để cung - phụng một ông vua vậy. » Thiên *Nguyên-thần* nói rằng : « Đạo làm tôi thế nào là phải ? Vì trong thiên-hạ rộng lớn không phải mình ông vua trị nổi được, phải chia cho trăm quan để phân-trị ; cho nên ta ra làm quan vị thiên-hạ chớ không vị một ông vua ; vị muôn dân chớ không phải vị một họ. Song những người ra làm quan bây giờ thời quên mất nghĩa ấy, bảo rằng đặt ra bày-tôi là vị vua, vua đem thiên-hạ ủy cho ta phân-trị, vua đem nhân-dân giao cho ta chăn nuôi ; coi thiên-hạ nhân-dân là cái vật riêng ở trong túi nhà vua. Nếu bốn phương nhiễu - động, dân-sinh tiều-tụy, mà có thể nguy đến vua ta, thời ta là bày-tôi phải ra tay cứu chữa. Nếu không có quan-hệ gì đến xã-tắc tồn vong, thời dẫu bốn phương lao-nhiễu, dân-sinh tiều-tụy, ta làm quan cũng cứ phó mặc chớ không coi vào đâu. » Lại rằng : « Trong thiên - hạ trị hay loạn không hệ chi một họ còn hay mất, cốt hệ ở muôn dân vui hay lo. Thế cho nên chúa Kiệt chúa Trụ mà mất tức là thiên-hạ trị ; nhà Tấu nhà Nguyên mà dấy tức là thiên-hạ loạn ; nhà Tấn, nhà Tống, nhà Tề, nhà Lương mà hưng hay vong cũng không hệ chi đến thiên-hạ trị hay loạn. Làm quan mà cứ phó mặc cho nhân-dân bị lầm-than, dẫu hay phò vua mà dấy, theo vua mà mất, cũng là trái đạo làm tôi vậy. » Bây giờ cái học-thuyết chủ-trọng về quốc-gia tự phương Tây thâu-nhập, thời ai cũng đã hiểu rõ cái nguyên-lý quân-thần như ông Lê-Châu bàn ở trên đó, như thế thời ông thực là trác-kiến vậy.

— Ông Du Lý - Sơ 俞理初 tên là Chính - Nhiếp 正燮, người ở huyện Khỏa, mất năm Đạo-quang thứ 20, thọ hơn 60 tuổi, có làm ra sách *Qui-tị loại-cảo* và *Tồn-cảo*.

Học - thuyết. — Người dã - man với

người văn-minh khác nhau thế nào ? Chỉ bởi tại cái quan-niệm về nhân-cách khinh hay trọng mà thôi. Người dã-man quan-niệm về nhân-cách khinh, nên đối với người khác chỉ quen thói sợ kẻ mạnh bắt-nạt kẻ yếu. Người văn-minh quan-niệm về nhân-cách trọng, nên đối với người khác vẫn quen tính phù kẻ nhược mà kháng kẻ cường ; kháng kẻ cường là giữ cái nhân-cách của mình, mà phù kẻ nhược là để bảo-hộ cái nhân-cách cho người. Trong loài người, đàn-bà yếu hơn con trai, nhưng cũng đồng một nhân-cách ; các loài dân-tộc thường không khỏi cái thói cho đàn-bà làm một giai-cấp chỉ để làm cái phẩm cướp-giật, phẩm bán buôn. Song tôn-giáo ở bên Thái-Tây đã xướng cái nghĩa « vạn-nhân đồng-đẳng », cho nên đã sớm định cái qui-chế một vợ một chồng: Người ky-sĩ đời Trung-cổ đi đánh trận rất là hăng-hái, mà về nhà ở với đàn-bà rất là tử-tế, rõ là thực-hành cái đức tốt phù kẻ nhược kháng kẻ cường. Bây giờ con trai ai cũng lấy cái thói tôn - trọng nhân-cách đàn-bà làm nghĩa-vụ. Đạo phu - phụ nước Tàu dẫu đã qua cái thời-đại mãi-mại đi rồi, gần theo cái chế - độ một vợ một chồng, song vẫn hãy còn cái thói lấy vợ lẽ ; mà lại chỉ chuyên - trách đàn-bà phải thủ-trinh, lại bảo cái đức đàn-bà phải ti - thuận không được ghen-tuông. Tự đời Tống trở về sau, phàm việc gì cũng chỉ nói lý mà bỏ tình, như ông Trình Y-Xuyên bảo rằng người gái-góa mà lại đi lấy chồng là thất-tiết, cho sự chịu ngồi chết đói là việc nhỏ, mà sự thất-tiết là lỗi to, cầm-hãm đàn-bà đến nỗi cùng - cực. Ông Lý-Sơ vẫn tiềm-tâm nghĩ về vấn-đề ấy, cho nên đối về cái thói đàn-bà bó chân, ông có một bài chép ở sách *Cựu-Đường-thư dư-phục-chí*, xét về lối giầy đàn-bà và thói bó-chân khởi ra tự đời nào, ông có phán-đoán rằng : « Đời cổ-giả con trai là đinh-nam, mà con gái là đinh-nữ, tự khi có thói bó chân thời thiệt mất đinh - nữ, âm-nhược quá thành ra lưỡng - nghi không được hoàn-toàn. » Ông lại làm thuyết tiết-phụ nói rằng : « Thiên giao-đặc sinh 郊特牲 ở kinh *Lễ* nói rằng : « Vợ chồng đã sánh vai lấy nhau thời chung-thân không đổi, cho nên chồng chết thời không được lấy chồng khác. » Sách *Hán-thư* truyện Tào Thế - Thúc nói rằng : « Chồng có nghĩa lại lấy vợ, vợ không có lẽ lại đi lấy chồng, cho nên vì chồng cũng như trời vậy. » Xét đàn-bà không có lẽ lại đi lấy chồng thời đã đành, song đàn-ông cũng không có lẽ lại lấy vợ, thánh-nhân sở-dĩ không đặt ra lẽ ấy cũng như là nói lẽ không trách đến kẻ thứ-nhân, hình không bắt đến quan Đại-phu, đó không phải là bảo kẻ thứ-nhân không phải theo lẽ, quan Đại-phu không phải sợ hình vậy. Từ khi lẽ-ý không rõ, chỉ thiên-trách về bên đàn - bà, không biết cổ - lễ vợ chồng vốn là hợp-thể đồng-tôn, có kẻ lại ti - bỉ vợ quá ; lễ cổ nói rằng : « Chung-thân bất - cải, » nghĩa chữ thân là kể cả thân con trai thân con gái, có phải trách riêng chi thân đàn - bà. Đàn - bà có bảy điều phải xuất là bảy điều được cải - giá, đàn ông chỉ giở nghĩa - lý văn - pháp ra để dối đàn - bà, thực là vô - xỉ vậy. Đàn-bà cải-giá không nên chê, nếu người không cải - giá mà ở góa thời nên kính-lễ là phải. » Ông lại bàn về nghĩa ghen không phải là ác-đức của đàn-bà, nói rằng: « Người sĩ-quân-tử ghen thời bảo là nghĩa, còn đàn-bà mà ghen thời chê là ác-đức, không phải là thông-luận vậy. Đạo vợ chồng cũng như một cả, chồng lấy hầu thiếp mà vợ không ghen, có thể khiết-nhiên được thế chăng, cứ khiết-nhiên đi không hỏi đến thời gia-đạo hoại mất. Kinh *Dịch* quẻ Tồn nói rằng : « Ba người đi thời tổn bớt đi một, một

người đi thời gặp được bạn. » Nghĩa là đạo phu-phụ cứ chồng một vợ một mới là chuyên-nhất, nếu lấy thêm một người nữa thời là tồn. » Ông lại làm bài thuyết trinh-nữ, bác thế-tục cứ bắt ép đàn-bà thủ-trinh là không phải, nói rằng : « Than ôi ! đàn-ông lấy trung-nghĩa tự trách mình thời phải, chớ như đàn-bà mà trinh-liệt, có phải là vinh-diệu cho đàn-ông đâu. » Ông lại thường xét về cái sổ nữ-nhạc thay đổi, thấy tự đời nhà Thanh mới bỏ cái sổ ấy đi, cho việc ấy là giải được bì-phẫn cho bọn đàn-bà con hát. Lại xét lịch-sử nghiệp xướng-kỹ, bảo rằng những kẻ xướng-kỹ đều là kẻ cùng-dân vô-cốc, nếu mà ngược-đãi họ là ngược-đãi kẻ cùng-dân vậy. Phàm những vấn-đề ấy xưa nay chưa ai nghĩ đến, đến ông Lý-Sơ mới lấy lẽ công-bình mà xét-đoán, dẫu lời bàn cũng chưa giải-quyết đến căn-bản, chưa thành ra một thống-hệ học-lý nào, song cũng nên trích lấy những ý-kiến ấy mà nhận cho là một học-thuyết có giá-trị vậy.

Tổng-luận. — Luân-lý học-thuyết nước Tàu tự đời Tần trở về trước thời cực-thịnh, cũng như học-thuyết phương Tây lạm-tràng [1] ra từ nước Hi-lạp. Song học-thuyết phương Tây thời mỗi ngày một tiến lên, dẫu những cổ-nghĩa tự nước Hi-lạp truyền lại đến đời sau vẫn còn, mà những nhà Tây-nho nối ra sau lại càng tham-bác mà tinh-khảo thêm ra, cổ-nhân cũng không kịp được. Học-thuyết nước Tàu thời tự đời nhà Hán trở về sau, dẫu có các nhà tư-tưởng xuất-hiện ra cũng nhiều, trừ những nhà thanh-đàm chỉ là chủ-nghĩa thiển-bạc lợi-kỷ ra không kể, dẫu cũng có nhà xuất-nhập đạo Phật đạo Lão, song đại-ý cũng không thoát khỏi ngoài vòng phạm-vi phái Nho-gia. Vả lại trong học-thuyết nhà Nho, những nghĩa lớn tự ông Khổng ông Mạnh đã phát-minh ra cũng vẫn còn, chớ chửa mai-một đi hết, song xem như lịch-sử kể ở trên dẫu có như ông Chu Hối-Am là người cần-học, ông Tượng-Sơn, ông Dương-Minh là người minh-mẫn, ông Đông-Nguyên là người tinh-tư, mà tư-tưởng sở-đắc chỉ có như thế, là bởi tại cớ gì ? Một là tại không có tự-nhiên-khoa-học để làm cơ-sở, tự trước đời nhà Tần chỉ có ông Mặc-tử đã có trị khoa-học, tự đời Hán trở về sau thời tuyệt-tích. Hai là tại không có luân-lý-học để làm cái qui-tắc cho tư-tưởng ngôn-luận. Ba là tại chính-trị với tôn-giáo với học-vấn đều kết-hợp làm một. Bốn là tại không có học-thuyết nước khác để cùng so-sánh, dẫu có Phật-giáo đạo-lý cũng hoằng-thâm, song cái phép chán đời đi tu, cùng với thói học thực-hành luân-lý của nước Tàu cách xa nhau lắm, cho nên không có ảnh-hưởng gì mấy, nên tự đời Hán đến đời Minh Thanh trải 2000 năm, mà học-thuyết tiến-bộ chỉ được từng ấy mà thôi. Song tự ông Lê-Châu, ông Đông-Nguyên, ông Lý-Sơ, đã thoát dần cái giàng-buộc về lý-học tự đời nhà Tống, mà khởi phát ra tư-tưởng tự-do. Đến bây giờ đã nhiều người luyện-tập về khoa-học danh-số và chất-lực, tư-tưởng tự-do, ngôn-luận tự-do, trong triều ngoài dã ai cũng đã công-nhận, mà học-thuyết phương Tây cũng đã thâu-nhập dần, thế thời luân-lý-học nước Tàu có lẽ cũng bởi đó mà phát-siển được tân-tự-tưởng ra vậy.

HẾT

ĐÔNG-CHÂU *dịch.*

---

(1) Lạm-tràng 濫觴 nghĩa là chén nước mới đây dàn ra, ví như sự mới khởi-thủy vậy.

MẤY ĐIỀU YẾU-LƯỢC VỀ KINH-TẾ-HỌC (1)

II

6. — Loài người và thổ-địa xưa nay thay đổi thế nào

Từ xưa, trong các nước, hoặc một người chiếm lấy một miếng đất, hoặc một bọn người chiếm lấy một miếng đất, cầy cấy mà ăn, kết thành một làng một xóm, tùy ý vào rừng xuống sông, săn bắn chài lưới, không ai ngăn-cấm ai. Thổ-địa chưa có quyền địa-chủ.

Đến trung-cổ, mới đặt phép « tỉnh-điền », lấy một miếng đất vạch làm 9 khu ra hình chữ tỉnh (井), cùng là cách hợp sức người để giúp nhau cầy cấy cho dễ ; mà quyền thổ-địa vốn chưa thuộc về của ai. Các nước bên Thái-Tây cũng vậy. Nước Nga mỗi năm một lần chia đất cho dân, nước Anh chia ra từng thôn từng lạc.

Từ khi có thôn-lạc, mới có thổ-địa-quyền. Nguyên người nào có công-đức gì với mọi người trong thôn-lạc, chúng lấy một phần thổ-địa mà thù-báo cho người ấy. Lâu lâu người này nhường bán cho người khác, mới có công-thổ tư-thổ. Khi mỗi người đã chiếm một phần thổ-địa chia ra từng khu từng vực như ngày nay, Nhà-nước phải kinh-lý những việc khai sông, đắp đường, tổn-phí cũng chia về từng khu từng làng phải chịu. Bấy giờ mới có thổ-địa công tư ; luật-lệ các nước cũng lấy điều ấy làm trọng-yếu.

Nhà nước đã có công kinh-hoạch, lợi thổ-địa càng được thịnh hơn. Vì sông ngòi đường đi đã chỉnh-đốn, những đất vô-dụng cũng nên hữu-dụng.

Những nơi đông người lại cần phải chỉnh-lý thổ-địa ; kế-hoạch càng lớn, sinh-sản càng nhiều. Bắc-Mĩ về Nam-bộ có châu Mi-tư-ba đất bờ sông nguyên cao hơn bình-nguyên, khó lấy nước sông để bón tưới ; mới dùng cơ-khí lấy nước, mà bao nhiêu nơi sỏi-sạn đều thành ra cao-chi. Người ta nói tương-lai cái lợi thổ-địa ở châu Mĩ nhất trong thế-giới. Trung-quốc có sông Hoàng-hà, sông Dương-Tử, sông Tây-giang ; Đông-dương có sông Hồng-hà, sông Cửu-long, nếu gia công chỉnh-đốn thời lợi-nguyên thực là ở đó.

Phép dùng cơ-khí cũng phải đủ ba điều cốt-yếu như đã nói bên trước : phân-nghiệp, hiệp-lực, kế-hoạch, mới có thực-hiệu. Duy cơ-khí và đồ dùng khác nhau. Đồ-dùng như cái cầy, cái bừa, con dao, cái búa, còn phải lấy sức người mà vận-dụng. Cơ-khí như sức điện, hơi nước, không-khí, không phải nhờ đến sức người.

Trong một trăm năm nay, cơ-khí vận-động bằng than mỏ, phát-minh ra đã nhiều, còn thứ cơ-khí vận-động bằng giây thiết-liễn lại càng xảo-diệu hơn, vì không nhờ sức điện sức hơi mà tự-động được. Ấy là cách tiến-bộ về cơ-khí. Cơ-khí ấy dùng trong việc làm mỏ càng tiện hơn. Nhân phép dùng nó lấy thế vật xuống sinh ra cái sức mạnh vật lên. Đất mỏ có chỗ cao chỗ thấp, đều tùy ý lên xuống được.

(1) Tiếp theo kỳ trước, N.-P. số 45, trang 200-206.

Sức mạnh bằng cơ-khí có thể cất nổi những vật nghìn muôn người không cất nổi. Vì thế ngày nay các công-nghệ, việc khai-khoáng, việc làm ruộng, việc hằng-hải, việc vận-tải đều dùng cơ-khí.

Vậy cơ-khí thực chiếm hai phần ba thế-lực trong đạo kinh-tế.

7. Việc tổ-chức về sản nghiệp.

Tư-bản, nhân-lực và thổ-địa là ba cái nguyên-tố để sinh tài-sản, mà lợi-dụng ba cái nguyên-tố ấy, lại ở nhà thừa-nghiệp. Thừa-nghiệp là người có tri-thức, có lực lượng tổ chức ba nguyên-tố ấy mà sinh sản-nghiệp. Kẻ có thổ-địa được hưởng một phần lợi gọi là địa-chủ, kẻ lấy sức người làm việc được lĩnh tiền công tiền bổng gọi là lao-dịch, kẻ có tư-bản cũng ăn một phần lợi-tức gọi là nhà tư-bản. Kẻ kinh-doanh lợi-dụng ba người trước mà hưởng cái lợi-quyền ưng-đắc hơn, gọi là nhà thừa-nghiệp. Thế-lực những nhà thừa-nghiệp càng phát-đạt thời sở-sinh tài-sản càng thịnh-vượng. Tài-sản Nhà-nước cũng là tập-hợp những nhà thừa-nghiệp mà duy-trì.

8. – Phép giao-hoán về tài-chính

Giao-hoán tài-chính nghĩa là đem vật này đổi lấy vật khác, đem nơi có chuyển đến nơi không, thực là cách phương-tiện trong đường kinh-tế, cho nên sự-nghiệp kinh-tế quá nửa là việc giao-hoán.

Giao-hoán không như việc qui tặng. Giao-hoán phải có giá-trị cho quân-bình. Qui-tặng là kẻ kia tặng mình vật này, mình tặng kẻ kia vật khác. Qui-tặng bởi tình-nghĩa không so-sánh giá-trị có bằng nhau hay không.

Trong việc giao-hoán nếu còn có lòng tư-lợi nặng quá, không thủ-tín với người ta được mà sinh ra những sự giả-trá. Trong việc giao-hoán đã không giữ cho khỏi có lòng tư-lợi, phải định giá các vật, phải phân-biệt khinh-trọng, phải có chương-trình nhất-định.

Lúc giao-hoán, ai cũng muốn lấy phần ích-lợi, cho nên giá vật không có thể nhất-định được. Bấy giờ phải so-sánh triết-trung mà định. Cách dùng tiền-tệ để thay vật-giá là bởi đấy.

Muốn biết nguyên-chất vật-giá trước phải khảo-cứu việc mua bán. Kẻ mua muốn trả dễ, kẻ bán muốn giá cao, hai bên triết-trung gọi là định-giá. Như có một vật. Ất là người mua hạn giá 10 đồng, hơn nữa không mua ; Giáp là người bán hạn giá 20, k m nữa không bán. Vậy định giá ở khoảng 10 đồng và 20 đồng. Đó là lấy hai người, một kẻ bán, một người mua, mà định-giá. Nay có một vật, hai người muốn mua, Giáp là chủ bán, đòi giá 10 đồng, Ất trả 5 đồng, Bính trả 8 đồng, định-giá ở khoảng 8 và 10 đồng ; mà không ở khoảng 5 và 8. Lại như một người mua, có hai người bán : Giáp đòi 5 đồng thời bán, Ất đòi 7 đồng thời bán, định-giá ở khoảng 5 và 7, mà người đòi giá hạ có thế-lực hơn. Lại còn một cách người bán liên-lạc với nhau mà định giá cao, người mua liên-lạc với nhau mà định giá hạ. Lại là cách ngoại định-giá. Trong việc buôn-bán, người Tàu hay lập ra « thương-bang », tức là lợi-dụng cái phép liên-lạc ấy. Nay người Mĩ cũng có đặt ra phép ấy.

Vật-giá bất-đồng là bởi tự-nhiên : hoặc nhân tình-hình thổ-địa mà định, hoặc nhân việc làm tiện-lợi mà định. Như Đông-dương sản gạo, Trung-quốc sản chè, Nhật-bản sản than mỏ. Ấy là tiện-lợi về thổ-địa. Người Pháp tinh về y-học, người Đức tinh về hóa-học, ấy là tiện-lợi về nhân-sự.

Vật-giá cũng nhân thời mà định cao hạ. Như năm được mùa, ngũ-cốc phong-thu, thời giá hẳn phải hạ ; nếu nhà làm

ruộng có thể tàng-trữ lại, phòng năm đói kém thời giá hẳn được cao. Hàng tấm hàng mầu thời không thể, quá mùa thời mất giá, ấy là cái lẽ nhất-định.

Trong một nước có nhiều chức-nghiệp, không có thể một người kiêm mọi việc, phải có giao-hoán mới nên, và có mấy người kiêm một việc ; phân-nghiệp càng nhiều việc làm càng tinh.

Việc làm đã có giao-hoán, tất phải chuyển-đệ kẻ này sang người khác, cho nên sự-nghiệp truyền-đệ như hỏa-xa, luân-thuyền, bưu-chính, cũng phải giảng-cầu, mới đạt cái mục-đích giao-hoán được.

9. — Giao-dịch với nước ngoài.

Giao-dịch với nước ngoài cũng là một đạo giao-hoán, vì thị-dục người ta có nhiều khi tự nước mình không cầu cho sung-mãn được mà phải cầu ra nước ngoài. Giao-dịch chỉ với người trong nước ích-lợi có hạn, giao-dịch ra ngoài ích-lợi vô-cùng :

1° là bớt được công-phí, như Trung-quốc nhiều bông, mà nhà máy còn nhỏ, thời giá vải phải cao, không bằng bán bông ra nước ngoài cho bớt công-phí.

2° là bình được vật-giá, như Nhật-bản nhiều than giá hạ, bán ra nước ngoài được nhiều thời giá tự-bình ;

3° là thêm lợi quốc-dân, như những nước có thuộc-địa nhiều, thu được sản-vật nơi lĩnh-thổ để bổ-trợ cho quốc-nhân.

4° là tránh tệ chuyên-lợi, những nhà chuyên-nghiệp trong nước hay tích lấy sản-vật để chẹt giá cao, nếu có hàng-hóa ngoại-quốc đem vào, sẽ tránh được cái tệ ấy;

5° là giao-hoán tri-thức ; trong các nước, mỗi nơi sở-trường một việc, cũng một vật mà hai nước đều có, tự-nhiên sinh lòng tranh-thắng mà phát-minh tri-thức càng nhiều;

6° là giữ được tín-dụng ; cái hại khi-trá làm mất tín-dụng với người trong nước còn nhỏ, mà cái hại khi-trá làm cho mất danh-dự với người ngoại-quốc còn lớn hơn ; cho nên nhân việc thông-thương, mà khiến cho quốc-nhân phải giữ điều tín-dụng :

7° là giữ được hòa-bình ; nước này đã giao-dịch với nước khác, tình-nghĩa thân-mật, lợi-ích cùng hưởng, tự-nhiên sinh ra quan-hệ mà giữ được cái hạnh-phúc hòa-bình.

10. — Định nghĩa về tiền-tệ.

Tiền-tệ là cái môi-giới các vật, cái tiêu-chuẩn các vật, bản-vị các vật, và là nơi trữ-tàng các vật. Từ đời thượng-cổ cứ lấy vật mình có thừa mà đổi lấy vật mình không có. Song vật mình không có, vị-tất mà người khác đã có, vậy đổi-chác cũng là một cách bất-tiện. Bấy-giờ đổi lấy một vật thông-dụng của mọi người, rồi lại lấy vật ấy mà đổi lấy vật mình không có, như thế cũng là một cách quanh-co. Thuở xưa có người nhà thừa cung mà thiếu tên, đem cung đi chợ cũng không được tên, phải đổi lấy tấm da, rồi lại đem da đi chỗ khác mới đổi lấy tên. Như thế phải có hai ba ngày mới xong một việc.

Sau có người thông-minh nghĩ đem vật có thừa đổi lấy một vật có thể làm đại-biểu cho các vật, để làm của công-cộng đổi-chác. Người trong các đảo Nam-dương hay chuộng một thứ vỏ chai, gọi là Bối (貝), nhận Bối làm vật đại-biểu các vật. Ngày nay chữ *tài* (財) bên có chữ *Bối* (貝) cũng bởi nghĩa ấy.

Sau các nước văn-minh mới dùng vàng, bạc, hay đồng làm của thông-dụng gọi là tiền-tệ.

1° Thế nào gọi tiền-tệ là môi-giới các vật? — Vì thực-vật đổi lấy thực-vật, có nhiều điều bất-tiện. Có tiền-tệ là vật rất trọng của thiên-hạ, giao-hoán với vật gì cũng được, cho nên gọi là môi-giới của các vật, như nhà có trâu ngựa chưa giao-hoán được còn phải mất của nuôi, mà tiền-tệ có thể tùy thời đổi-chác được các vật khác.

2° Thế nào gọi tiền-tệ là tiêu chuẩn các vật? — Vì việc giao-hoán lấy có lợi làm chủ; muốn được lợi nhiều phải biết giá-trị vật này vật khác; muốn thi-thố những việc giao-hoán ấy phải định tiêu-chuẩn các vật, như cái đấu, cái cân, cái thước để định các vật nặng nhẹ, nhiều ít, vắn dài thế nào; tiền-tệ là cái để định phân-số các vật. Lấy một việc hợp-cổ mà nói, có tiền-tệ thời các cổ-phần có thể hợp-bản để doanh-nghiệp, mà gây nên sự-nghiệp các công-ti. Lấy tiền-tệ mà so-sánh tài-chính trong nước, lấy tiền-tệ mà khảo-cứu tài-lực của quốc-dân, lấy tiền-tệ mà chia các hạng thuế cho quân-bình. Cho nên gọi tiền-tệ là tiêu-chuẩn các vật.

3° Thế nào gọi tiền-tệ là bản-vị các vật-giá? — Lấy việc thóc gạo mà nói: thời-giá vô-định, Ất cho Giáp vay thóc, lúc vay thóc cao, lúc trả thóc hạ, thời Giáp lợi mà Ất thiệt. Cho nên lấy tiền-tệ định giá thóc, lúc vay cùng giá với lúc trả, cho nên gọi tiền-tệ là bản-vị các vật-giá.

4° Thế nào gọi tiền-tệ là trữ-tàng các vật? — Như có người muốn đi xa buôn bán, đem vườn đất sản-vật bán lấy tiền; thế là đổi vật lớn ra vật nhỏ, đổi vật nặng ra vật nhẹ, đổi của xa ra của gần; tiền-tệ tức là cái tàng-trữ vườn đất sản-vật của người đi đường.

Tiền-tệ bằng vàng bạc đã là tiện, mà phép xem bạc chưa được nhanh chóng, vận-dụng chưa được nhẹ-nhàng, còn phí mục-lực, mất thi-giờ, không bằng chỉ-tệ còn tiện hơn.

Lấy đại-thế cả thế-giới mà luận, trong nước lấy vàng làm bản-vị là phải, vì nước Mĩ là nước sản vàng rất nhiều, đã dùng vàng làm bản-vị, mà các nước không thể tất phải thụ-khuy. Vả ngày nay nhân-sự đã nhiều, hóa-học lại lắm, phép dùng bạc tốn hơn dùng vàng, tất có ngày phải thiếu.

11. — Tín-dụng trong việc kinh-tế

Việc giao-hoán trong thế-giới lúc đã cực-thịnh không phải nghi-ngại, không dùng chước-lượng, thấy việc thời đoán-định ngay, gọi là tín-dụng.

Tín-dụng trong việc giao-dịch có hai cách: một là lập-tức giao-hoán, hai là định-kỳ giao-hoán.

Lập-khắc giao-hoán như bằng đơn giao tiền, hiện tiền giao hàng, tức thời có hiệu-lực ngay; định-kỳ giao-hoán như vay tiền, đặt đồ, có kỳ có hạn, đúng hẹn có hiệu-lực ngay.

Tín-dụng trong việc giao-hoán, hai bên đều có ích-lợi, vì tin nhau là bởi tự-nhiên. Như thuê người làm công, hoặc trả tiền trước, làm việc sau, hoặc làm việc trước, trả công sau, đều có tín dụng. Sự tín-dụng trong việc giao-dịch, có điều thuộc về cá-nhân, có điều thuộc về xã-hội.

Thuộc về cá-nhân: như có người mắc nợ, phải xem thế lực có trả được hay không, ý-tình có muốn trả hay không; thế-lực trả được, tình-ý muốn trả là có tín-dụng; thế-lực không trả được, ý-tình không muốn trả, là không có tín-dụng. Thuộc về xã-hội, như cá-nhân đã không đủ tín-dụng, còn nhờ đạo-nghĩa lệ-luật của xã-hội duy-trì bổ-trợ lại. Như người thiếu nợ không có thế-lực

tinh-ý muốn trả đã có pháp-luật Nhà-nước bắt-buộc phải trả. Tín-dụng cá-nhân và tín-dụng xã-hội khác nhau là thế.

Những nước văn-minh đã có tín-dụng cá-nhân, lại có tín-dụng xã-hội. Còn những nước chưa được văn-minh đã không có tín dụng cá-nhân, cũng không tín-dụng xã-hội, biết làm thế nào.

Tín-dụng xã-hội một là ở đạo-đức, hai là ở pháp-luật ; song pháp-luật không có, đạo đức cũng không đủ dùng Các nước Âu Mĩ pháp-luật đã hoàn-bị, cho nên cá-nhân càng buộc phải giữ đạo-đức. Có nhà ngân-hàng ấn-ước từ ba bốn mươi năm vẫn không biến-đổi. Cũng là nhờ có pháp-luật bảo-hộ đạo-đức.

Chiếu theo pháp-luật, có người cáo kẻ thiếu nợ không trả, pháp luật phải tịch-biên tài-sản kẻ ấy mà trả cho chủ nợ, đã không mất thì giờ, cũng không tổn-phí. Lúc đi báo-cáo, hai bên đều không phải có mặt đến tòa, có thể dùng thày kiện đại-lý. Đại-để việc đã đến pháp-luật, thời kẻ mắc nợ không có thể chối-cãi, mà kẻ chủ nợ cũng không đến nỗi thiệt-thòi. Như thế gọi là tín-dụng xã hội. Trong nước đã có tài-chế về pháp-luật, tự-nhiên kẻ có của không phải tàng-trữ ở nhà, cứ bỏ ra mà giao-tế với thiên-hạ.

Tài-hóa trong nước đã lưu-thông thời Nhà-nước cũng được ngày một giầu-thịnh. Vì nông, công, thương đều phải nhờ đến tư-bản to mà làm nên sự nghiệp lớn. Trong nước có pháp-luật hoàn-toàn, có thể vay của ngoại - quốc mà kinh-doanh mọi việc. Quốc gia thịnh suy là ở tài-phú ; tài-phú đủ thiếu là ở kinh-tế, mà kinh-tế thực phải nhờ cái tín-dụng về đạo-đức và pháp-luật của xã-hội.

12. — Thiết-lập ngân-hàng

Ngân-hàng là nơi làm môi-giới cho các nhà tư-bản và nhà doanh-nghiệp, là một cái cơ-quan rất lớn lấy chỗ thừa bù chỗ không đủ.

Ngân - hàng có nhiều chủng - loại : 1· là « Phổ-thông-ngân-hàng » ; 2· là « Trữ-súc ngân hàng » ; 3· là « Đề-đang ngân-hàng » ; 4· là « Thực-dân ngân-hàng » ; 5· « là Hưng-nghiệp ngân-hàng ». Trong nước Nhật-bản còn có một thứ ngân-hàng rất lớn gọi là « Trung-ương ngân-hàng ». Trung - ương ngân - hàng dù là tư-lập mà Nhà-nước có đặt hai viên quan cao-cấp để giám-đốc, và quan Tài-chính-đại-thần làm Thống-chế, cho nên giữ được mọi điều lưu-tệ. Ngân-hàng có quyền chế ra chỉ-tệ. Như chỉ-tệ phát ra 200 triệu, không cứ phải có đủ hiện-ngân ; các nhà tư-bản chỉ đem sản-nghiệp mà đầu-cổ, đủ làm bằng-cứ. Đầu phiếu không đủ, Nhà nước mới lấy của kho sung vào, mà cho vay lãi nhẹ.

« Trung-ương ngân-hàng » có vô-cùng quyền-hạn, vì duy Chính-phủ có quyền phát-hành giấy bạc, nhân-dân đến vay cũng có điều bất-tiện.

Còn ngân-hàng tư-lập của dân, không có Chính-phủ can-thiệp đến, cũng không sao cho khỏi tệ. Vì nhà tư-bản lấy nhiều lãi làm tôn-chỉ, giấy bạc bỏ cho vay vài năm, lãi gần bằng vốn, như thế trong nước sao cho khỏi những nhà vỡ nợ khánh-nghiệp.

Người ta không muốn dùng tiền-tệ mà dùng chỉ-tệ là vì tiền bạc nặng-nề mà giấy bạc thời nhẹ. Có người muốn đem khối vàng khối bạc đúc ra tiền-tệ, chỉ phải đem vào công-cục cho quan đúc. Dù không mất tiền thuê, mà vàng bạc xấu tốt triết-háo gian-nan, chờ đợi lâu ngày, cũng không bằng đổi lấy giấy bạc cho tiện.

Nhà-nước đã có trung-ương ngân-hàng được ích-lợi rất lớn. Khi có việc tiêu có thể vay được vài mươi triệu ; nhất là những lúc chinh-chiến phải dụng đến thực-ngân, có quyền cầm nhà ngân-hàng tạm-thời không được đổi-chác.

Phổ-thông ngân hàng là nhà ngân-hàng chỉ để cho những nhà buôn bán giao-hoán cùng nhau.

Súc-trữ ngân-hàng là thứ ngân-hàng để những người khổ-công trong nước được gửi từ một đồng su trở lên. Trong nước có súc-trữ-ngân-hàng một là có ích cho kẻ khổ-công có nơi để giành phòng khi thiếu-thốn ; hai là có ích cho Nhà-nước tích lấy những số nhỏ-mọn mà nên một số tiền lớn. Ấy cách hoạt-động của nước văn-minh là thế.

Đề-đang ngân-hàng hay lập tại các phủ huyện cho nhà làm ruộng hay nhà làm nghề không đủ tư-bản, có thể đem cầm ruộng đất hay nhà ở vào ngân-hàng mà vay tiền, kỳ-hạn có khi khoan đến bốn năm mươi năm. Nhờ tư-bản ấy mà cải-lương được thổ-địa, hay khai-khẩn hoang-địa, hay tạo cơ-khí, mỗi năm sinh-lợi có doanh-dư sẽ trả dần cho ngân-hàng.

Thực-dân ngân-hàng, là ngân-hàng ập nơi thuộc-địa, để giúp cho thực-dân, lấy tư-bản mà khai-thác nơi lĩnh-thổ.

Hưng-nghiệp ngân-hàng, chuyên để giúp-đỡ cho những nhà vào phần các công-ti. Các nhà cổ-phần, lúc mới lập công-ti chưa được phát-đạt, được đem cổ-phiếu gửi vào ngân-hàng mà lấy tiền. Có khi ngân-hàng tự mua lấy cổ-phiếu, đến sau công-ti phát-đạt lại được hậu-lợi hơn. Ngân-hàng ấy dù lập tư, cũng phải có Nhà-nước bảo-hộ. Trong nước công-nghệ chưa được mở-mang, nên kịp lập Hưng-nghiệp ngân-hàng, thời sự-nghiệp công-ti mới thành-lập được.

Nước Anh, nước Pháp có những nhà phú-hào, tư-bản dùng không xiết, sinh lợi rất nhiều ; đại-ước lợi-tức mỗi năm chỉ hai ba li. Nếu bên Đông-Pháp có thể mộ được ngoại-trái để làm tư-bản, mới nói có ngày hưng-nghiệp được. Nếu mình không đủ tư-bản, để người ngoài đem tư-bản tranh lấy lợi-quyền, cũng là một sự đáng tiếc.

NGUYỄN BÁ-HỌC
tập-dịch.

VIỆT-NAM NHỊ-THẬP-TỨ-HIẾU DIỄN-CA

TIỀU-DẪN

Hiếu là đầu trăm nết, người ta sinh ra ở đời ai cũng phải lấy chữ hiếu làm đầu. Nếu giữ được nết hiếu thời suy ra trăm nết cũng đều nên. Vậy trong gia-đình giáo-dục cần phải giảng đọc những truyện nết-na hiếu-hạnh, khiến cho đàn-bà trẻ con được dễ hiểu, thời những lúc mẹ bồng con đỗ chị ẵm em thơ, ru hời ru hời, toàn nghe những lời hiền nết thảo, cũng là một sự bổ-ích về đường luân-lý trong gia-đình vậy. LÝ VĂN-PHỨC *tiên-sinh trước kia có nhân sự-tích « nhị-thập-tứ-hiếu » nước Tàu mà diễn ra ca lục-bát giản thất, cũng là có thâm-ý ấy vậy.*

Nhưng chẳng xem những truyện đâu xa, hãy xem những truyện nước ta cho gần, năm trước cụ quận HOÀNG THÁI-XUYÊN *tướng-công có xét trong lịch-sử và các liệt-truyện*

bản-triều, mà biên-tập ra hai mươi bốn sự-tích hiếu-tử nước Nam ta, đã dịch ra văn xuôi đăng ở báo Đông-dương tạp-chí. *Mới đây quan huyện Lương-tài về hưu-trí hiệu là* Mai-đình Phạm Xuân-Khôi *tiên-sinh có theo các sự-tích trên ấy mà lược-dịch ra văn vần lục-bát, và mỗi sự-tích lại vịnh một bài thơ; ý ngài muốn để cho được phổ-thông dễ hiểu, ngài có đưa bản sơ-thảo cho tôi xem mà nói rằng : « Lời văn nôm thường dễ tục, mà bút kỹ-thực lại khó hay. » Nhân bảo tôi sửa-soạn lại cho được đủ ý. Tôi không dám từ, có lạm bút chính-đính lại, cầu cho được trôi lời dễ hiểu, trước là thể ý diễn-giả sao cho khỏi mất những ý hay nết tốt trong sự-tích cũ, mà truyền-bá cho rộng thêm ra ; sau là hiến các nhà độc-giả thường ngâm-nga những sự-tích hiếu-tử nước Nam nhà, hoặc sinh ra lòng cảm-động được chăng, thời cũng không phải là vô-bổ vậy.*

Đông-châu Nguyễn Hữu-Tiến
cẩn-chí

Lời phát-đoan

Đội trời đạp đất ở đời,
Người đời ai cũng là người thai-sinh.
Có cha có mẹ có mình,
Ở sao cho xứng chút tình làm con !
Trời Nam riêng một nước non,
Lắm người hiếu-hạnh hãy còn thơm
Tiếc cho học sử ít khi, [ghi.
Không ai làm truyện lấy gì làm khuyên.
Nhị-thập-tứ-hiếu trước in,
Lý-Công Văn-Phức đúc nên gương Tàu.
Gương ta sánh thử kém đâu,
Thái-Xuyên-Hoàng-tưởng bắt đầu soạn
Vậy nên chắp-chảnh diễn-ca. [ra.
Hai mươi bốn truyện nước nhà soi
[chung.

* *

Làm con phải hiếu mới là con,
Trăm nết suy ra ắt hẳn tròn.
Đất nghĩa trời kinh gương tổ đó,
Người xưa tích cũ sử xanh còn.
Ai hay kính-thuận cùng cha mẹ,
Dựng được cương-thường với nước non.
Này nước Nam ta hai bốn truyện,
Nghìn năm bia miệng chắc không mòn.

I

Trần Anh-tôn 陳英尊

Xem trong Việt-sử đời Trần,
Anh-tôn hiếu-đức quốc-quân nào tầy.
Gặp khi Đoan-ngọ tới ngày,
Rượu bồ[1] vui chén quá say mơ-màng.
Thượng-hoàng ở phủ trợt sang,
Trách người say đắm, vội-vàng về ngay.
Bệ-rồng sực tỉnh giấc say,
Hãi-hùng ra cửa dắt tay Nhữ-Hải.
Mượn làm biểu tạ một bài,
Qui dâng xin lỗi mấy lời thiết-tha.
Rượu ngon từ đó rất xa,
Nhữ-Hải từ đó vua đà thưởng quan.
Cha nghiêm con hiếu mới ngoan,
Chớ rằng lỗi nhỏ mà khoan đổi dời.

* *

Trần-sử còn ghi sự-tích này,
Cha nghiêm con hiếu lạ-lùng thay !
Con nhân vui chén nên cha giận,
Cha tới không truyền nọ kẻ hay.
Biền tạ dâng ngay khi giấc tỉnh,
Rượu ngon từ đó dứt men say.
Dẫu rằng lỗi nhỏ không khoan đổi,
Bởi vậy Anh-tôn hưởng phúc dầy.

II

Vua Thánh-tổ 聖祖仁皇帝
(Minh-mệnh)

Đức vua Minh-mệnh mới rồi,
Phụng thờ Quốc-thái vâng lời dám sai.
Chính-cung trợt có con trai,
Minh-hoàng con thứ mẹ người họ Ngô.
Thông-minh tính sẵn trời cho,
Muốn sau để nối ngôi vua thay già.
Đã truyền ấn báu đúc ra,
Lại truyền Ngô-thị phong là Chính-cung.
Việc ngoài lọt động tai trong,
Dạy rằng lập thứ thời lòng ngại thay !
Vâng lời ấn ấy tiêu ngay,

---

(1) Là rượu ngâm cỏ thạch-xương-bồ.

Chiếu cho Thái-tử sau này truyền ngôi.
Rất tôn mà hiếu chẳng dời,
Hiếu thời làm trọng tình thời lắm khinh.

. . .

Đức vua Minh-mệnh hà không minh,
Thuận mẹ cho nên đổi ý mình.
Yên dựng Minh-hoàng lòng đã rắp,
Thấy lời Quốc-thái dạ không đành.
Chính-phong từ đó liền tiêu-ẩn,
Trừ-vị (1) *sau này vẫn chấp-kinh.*
Ai biết rất tôn mà rất hiếu,
Nặng bên hiếu phải nhẹ bên tình.

III

Vua Hiến-tổ 憲祖章皇帝

(Thiệu-trị)

Vua Thiệu-trị thực hiền-minh,
Thờ bà cháu chẳng khác tình như con.
Rất chăm chầu sớm chực hôm,
Cân-đai chẳng bỏ thần-hôn thường lề.
Khi Hoàng-thái ngự xem huê,
Khi nào ngài cũng đẩy xe theo cùng.
Đợi khi ngự-giá về cung,
Đẩy về tiêm-tất có lòng ngại chi.
Bởi già gân sức đã suy,
Ngự xe ngộ lúc hiểm-nguy không đành.
Vậy nên giữ hiếu quên mình,
Già đi một bước trẻ dành đưa chân.
Mới hay vua đến quan dân,
Ai hay giữ hiếu mười phân mới là!

. . .

Này vua Thiệu-trị cháu thờ bà,
Bà ngự xe chơi, cháu đẩy xe.
Chẳng trễ kinh-thờ khi dưới nguyệt,
Lại chăm gìn-giữ lúc trên hoa.
Rất sang mà xử như người tiện,
Vì trẻ không chi sợ tuổi già.
Vậy biết trí-tôn mà trí-hiếu,
Làm con chớ vội cậy mình ta.

IV

Vua Dực-tôn 翼宗英皇帝

(Tự-đức)

Vua Tự-đức nối nghiệp nhà,
Thờ bà Từ-Dụ rất là hiếu-cung.
Tính ham ngự bắn quanh vùng,
Khi nào cũng trước tâu cùng mẹ hay.
Chẳng may xẩy có một ngày,
Không ngờ cung-nữ quên rầy không tâu.
Khi về đến buồi vào chầu,
Thừa-hoan bỗng thấy ra mầu cải-dung.
Hạt châu lai-láng đôi dòng,
Rằng: « Đi chẳng nói để mong nhớ [hoài. »
Cũng không biện-bạch một lời,
Càng khóc càng lạy khóc thôi mới đành.
Than ôi, có biết lỗi mình,
Mới là con hiếu thực-tình chẳng ngoa.

. . .

Đức vua Tự-đức nối ngôi trời,
Ngự bắn thường tâu mẹ hẳn-hoi.
Một buổi cung-nhân sơ-suất quá,
Suốt ngày Từ-Dụ nhớ-mong hoài.
Về chầu mẹ bỗng sinh trăm giận,
Tạ tội con không biện một lời.
Càng khóc lại càng van vái lạy,
Ai ôi biết lỗi mới nên người!

V

Trần Quốc-Tuấn 陳國俊

Trần Quốc-Tuấn ở đời Trần,
Hiếu trung gồm cả mười phân vẹn
Khi cha gần thác dặn lời: [mười.
« Báo-thù cướp lấy ngôi trời mới yên. »
Biết lời loạn-mệnh không nên,
Vâng lời nhưng vẫn giữ bền chữ trung.
Thờ vua khăn-khẳn một lòng,
Có trung thời hiếu mới mong vẹn tuyền.
Hai lần đánh dẹp quân Nguyên,
Đã yên được nước lại yên được nhà.
Ba triều thờ vẹn hòa ba,
Nghìn năm tiếng tốt để cha bao ngần.
Mới hay hiếu-tử trung-thần,
Dựng nên công-nghiệp là phần hiển- [dương.

. . .

Quốc-Tuấn cha xưa có chút hiềm,
Dặn con con biết sự không nên.
Thù riêng chẳng lẽ làm phi-nghĩa,
Mệnh loạn nên chi phải dụng-quyền.

---

(1) Trừ-vị 儲位 là ngôi Thái-tử để chực sẵn nối ngôi.

Dốc chí ba triều yên nước Tồ,
Gia công hai độ dẹp quân Nguyên.
Đề cha tiếng tốt nghìn thu nức,
Trung vẹn tuyền nên hiếu vẹn tuyền.

VI

Nguyễn Trãi 阮 廌

Ông Nguyễn Trãi ở Nhị-khê,
Dốc lòng hiếu-nghĩa một bề thờ cha.
Cuối Trần gặp buổi binh-qua,
Phải quân Minh bắt cha là Phi-Khanh.
Theo cha khóc-lóc thảm-tình,
Cha rằng: « Khóc có ích mình chi đâu ?
« Nam-quan đây đã giáp Tàu,
« Con đành trở lại báo-cừu cho ta. »
Nghe lời lòng những xót-xa,
Trở về quyết-chí vì cha báo-thù.
Lam-sơn thẳng lối thăm-dò,
Phò vua Lê-tổ cơ-đồ lo-toan.
Quét thanh Minh-tướng một đoàn,
Mới hay việc khó có làm cũng nên.

. . .

Thù cha giận nỗi giặc bên Ngô,
Chẳng đội trời chung quyết báo-thù.
Vì nước lòng đau cơn khổ-biệt,
Theo cha bước ngại nỗi thương-lo.
Nam-quan trở lại đành vâng mệnh,
Lê-tổ tìm theo để giúp mưu.
Có chí thời nên không ngại khó,
Dẹp tan Minh-tặc dựng cơ-đồ.

VII

Hoàng Kim-Sán 黃 金 燦

Hoàng Kim-Sán người Phú-yên,
Con quan Hoàng Hoán sau lên Phú-bình.
Cử-tri [1] nhờ có triều-đình,
Trong ngoài lịch-lị nên danh trọng-thần.
Dẫu mình rỡ vẻ đai cân,
Mà lòng hiếu-kính chẳng phần nào suy.
Mẹ cha hay thích thức gì,
Kính nhường không dám tỉ-ti đúng vào.
Thông huyên đã khuất non cao,
Trọn đời thức ấy chẳng bao giờ thời.
Khi tang nói chuyện cùng người,
Chửa từng thấy có mỉm cười một khi.
Lấy trong việc nhỏ mà suy,
Kể đường hiếu-hạnh khác thì người ta.

. . .

Hoàng Sán thờ thân hiếu trọn đời,
Tấm lòng kính-cẩn chẳng khi dời.
Thức gì cha mẹ chừng hay thích,
Nhường để hôm mai chẳng dám thời.
Đã khuất cũng không qua miệng nếm,
Khi tang nào thấy mỉm môi cười.
Lấy trong việc nhỏ mà suy-xét,
Hiếu-hạnh như ông thực khác người.

VIII

Phan Tam-Tỉnh 潘 三 省

Phan Tam-Tỉnh ở Sơn-la,
Làm quan bổng-lộc chẳng hòa riêng tiêu.
Có bao dâng mẹ bấy nhiêu,
Vợ con chẳng dám chuyên giao bao giờ.
Em nghèo chẳng dám riêng cho,
Bảo về xin mẹ ấm no được nhờ.
Cúc tùng [2] khi tới cảnh già,
Mẹ rằng : « Của ấy nay đà cho ai ? »
Thưa rằng : « Lộc dẫu lộc trời,
« Cũng như của mẹ có tài làm ra ;
« Xin chia cho cả một nhà,
« Hai em đó cũng đều là như con. »
Khen thay ở thế mới tròn,
Xem bên hiếu-hữu nặng hơn tiền-tài.

. . .

Ông Phan Tam-Tỉnh ở Sơn-la,
Hoạn-bổng đều dâng kính mẹ cha.
Yêu vợ không phần đưa giấu mẹ,
Thương em nào dám nhận ơn ta.
Trọn đời của chẳng làm riêng trữa,
Hầu thác ân chia khắp một nhà.
Con với hai em coi cũng vậy,
Mới hay hiếu-hữu xiết bao là.

IX

Nguyễn Phùng 阮 逢

Nguyễn Phùng người huyện Đông-[thành,
Gặp cơn nước lụt đầy doành chứa-chan.
Cha lên cây tránh đã yên,

(1) Cử-tri 舉 知 là biết người nào hiền hiếu thời cử cho triều-đình dụng.
(2) Lúc già cáo lão về ở vườn thông vườn cúc ở nhà.

Mẹ già sức yếu lại càng hiểm-nguy.
Vội-vàng cõng mẹ ra đi,
Trèo lên nóc để khỏi khi ngập tràn.
Thấy con sa nước rõ-ràng,
Cũng không ngảnh cổ tìm đường cứu
Nghĩ rằng mẹ sống là hơn, [con.
Con dù có thác hãy còn khi sinh.
Vậy nên đành vậy cũng đành,
Nặng tình bên mẹ, nhẹ tình bên con.
Khuyên ai cha mẹ hãy còn,
Phải thương cha mẹ hơn con mới là!

. . .

Nước dâng tai-hại khắp xung-quanh,
Cha tránh lên cây dạ đã đành.
Thương mẹ giở trời nên cõng chạy,
Thấy con sa nước phải làm thinh.
Mẹ không cứu kịp khi nào thấy,
Con chẳng may rồi có lúc sinh.
Cho biết Nguyễn Phùng người rất hiếu,
Đoạn-tình mà trọng nghĩa sinh-thành.

X

Nguyễn Cư-Sĩ 阮居士

Nguyễn Cư-Sĩ ở Phương-trà,
Thương cha mắc tội mình đà xin thay.
Khi đi nét mặt vui-vầy,
Đỡ cha khỏi khổ lòng này mới an.
Người sao tuổi trẻ nết ngoan,
Ngờ đâu có chỉ được khoan tha về.
Sau cha mắc bệnh ê-trề,
Một mình nâng-đắc chẳng hề khiến ai.
Rồi ra học Giám thành-tài,
Làm quan Bố-chính ở nơi Nam-kỳ.
Vì cha chẳng ngại tiết-lụy (1),
Hiếu-tâm ấy có kém gì Đề-Oanh (2).
Có cực-khổ có hiển-vinh,
Trời kia thực chẳng phụ tình thảo-ngay.

. . .

Cư-Sĩ cha xưa phải tội đầy,
Thương cha lao-khổ quyết xin thay.
Khi đi vui-vẻ không lòng oán,
Được chỉ khoan tha đội phúc dầy.
Nâng đắc hầu cha nào những lúc,
Học-hành nối nghiệp kể từ nay.
Vinh-hoa bỏ lúc phong-trần trước,
Trời phụ chi người dạ thảo-ngay.

XI

Nguyễn Tế 阮濟

Ông Nguyễn Tế ở Sơn-tây,
Cha yêu di-ghẻ của rầy phó trông.
Chẳng cho mẹ được ở chung,
Anh em theo mẹ ở cùng nơi xa.
Thường-thường đi lại thăm cha,
Kính dì-ghẻ cũng như là mẹ sinh.
Yêu con dì như em mình,
Không khi nào có chút tình ghét-ghen.
Mẹ cha khi đã qui-tiên,
Kính thờ dì vẫn một niềm như xưa.
Rồi ra dì hóa mẹ từ,
Yêu con chồng lại cũng như con mình.
Than ôi! cảnh-ngộ bất-bình,
So ông Mẫn-tử (3) hiếu-tình khó hơn.

. . .

Cha thương di-ghẻ chẳng thương con,
Nguyễn Tế khen thay xử cũng tròn.
Theo mẹ ở riêng không oán-giận,
Nhớ cha thường tới để thăm-nom.
Yêu con dì chẳng hề ghen-ghét,
Kính mẹ sau thường vẫn ngọt - ngon.
Dì hóa mẹ từ vì hiếu-cảm,
Xem con chồng cũng lại như con.

XII

Tạ Hữu - Độ 謝有度

Tạ Hữu-Độ ở Nghệ-an,
Nhà thông sớm vẳng tính ham học-
Gặp khi loạn-lạc đao-binh, [hành.
Từng đem mẹ lánh xung-quanh các làng.
Đâu đâu cũng gặp tai-nàn,
Mẹ kinh-hãi xiết, con van-vỉ hoài.
Hai lần đều thoát cả hai,
Ai hay giặc cũng cảm người hiếu-tâm.
Mẹ từng đau yếu năm năm,
Một mình thang-thuốc lại chăm từng [ngày.

---

(1) Tiết-lụy 絏 縲 là bị giam phải siềng trói lại.
(2) Đề-Oanh là con gái mà dâng sớ lên vua Hán xin làm cung-tì để chuộc tội cho cha.
(3) Mẫn-tử 閔子 nhà nghèo ở với di-ghẻ rất hiếu.

Hết nạn ấy đến nạn này,
Dẫu gan là sắt nỗi rầy khó đương.
Khen thay xử-biến như thường,
Bởi người học-thức vậy nhường xem [khinh.

. . .

Đương cơn loạn-lạc bước tai-nàn,
Đem mẹ lần quanh trốn các làng.
Gặp giặc mẹ từng thêm sợ-hãi,
Liệu lời con lại khéo kêu-van.
Giặc thương hai độ đều tha khỏi,
Mẹ yếu năm năm lại thuốc thang.
Tạ Độ vốn xưa người học-thức,
Vậy nên ngộ-biến vẫn như thường.

XIII

Nguyễn Hữu-Danh 阮有名

(Tú-tài)

Quảng-yên có bác tú Danh,
Thương cha hồ bắt cố tình tìm thây.
Được thây xét dấu hồ ngay,
Thấy chân sau nhỏ lấy dây đo liền.
Ghi lòng tạc dạ chẳng quên,
Thù này hồ ấy quyết phen sinh-cầm[1].
Lắm phen lừa bắt chửa nhằm,
Bắt nhằm cũng chửa xứng tâm báo-thù.
Tức thì mổ thịt tế mồ,
Tế xong ăn hết phát rồ người lên.
Thấy ai người đến thăm xem,
Hầm-hầm như hồ cơn điên tỉnh dần.
Nặng ân nên phải đền ân,
Vậy nên chẳng nghĩ cái thân là gì.

. . .

Tú Danh này truyện chẳng hồ-đồ,
Hồ hại cha nên quyết báo-thù.
Tìm xác táng yên lần dấu xét,
Thấy chân sau nhỏ lấy dây đo.
Mừng lòng bắt được khi sa bẫy,
Mổ ruột ăn ngay lúc tế mồ.
Ăn hết phát điên gầm tựa hổ,
Vì thân nên lại khỏi cơn lo.

XIV

Nguyễn Áng 阮盎

Nghệ-an Nguyễn Áng cũng kỳ,
Làm người rất hiếu thấy nguy chẳng [trốn.
Mẹ con gặt lúa chân non,
Hùm đâu vồ mẹ lòng con những là...!
Một mình vội bỏ hái ra,
Liền vơ đòn sóc sông pha đánh hùm.
Ai hay cốt-nhục tình thâm,
Hùm kia tuy dữ khó lăm hại người.
Bị đau hùm phải bỏ dời,
Lòng người rất mạnh hơn loài hổ-lang.
Mẹ nhân hổ bắt bị-thương,
Suốt năm nuôi-nấng thịt xương lại lành.
Vì thân còn tiếc chi mình,
Dẫu trong nguy-hiểm chẳng kinh chút [nào.

. . .

Vì thân nào có tiếc chi mình,
Nguyễn Áng này không khác tú Danh.
Thấy mẹ bị hùm chồm đến bắt,
Một mình cầm gậy đánh tan-tành.
Hồ khôn địch nổi liền buông chạy,
Mẹ bị thương đau lại chữa lành.
Cho biết lòng người hơn thú mạnh,
Dẫu trong nguy-hiểm chẳng xờn kinh.

XV

Nguyễn Tựu, Nguyễn Thiệu

阮就 阮紹

Nguyễn Tựu người hiếu làm sao!
Thờ thân khi khuất khác nao khi còn.
Khi còn sớm tối thăm-nom,
Khi tang ấp mộ đạo con chẳng dời.
Nào hay phúc thiện đạo trời,
Con là Nguyễn Thiệu cũng người hiếu-tâm.
Khi cha đau yếu cũng chăm,
Cha không ăn được cũng cầm không ăn.
Khi cha khuất núi băng ngàn,
Sầu tuôn đứt ruột khóc ran thảm lòng.
Hiếu-tâm thấu đến cửu-trùng,
Ban cho: « *Khắc thiệu hiếu-phong* » chữ [bài.
Xưa nay hiếu-thuận những người,
Sinh con hiếu-thuận lẽ trời sai đâu.

. . .

Nguyễn Tựu thờ cha có hiếu-tâm,
Khi còn khi khuất một niềm chăm.
Nhà riêng chẳng trễ hầu hai buổi,
Mồ ấp càng thương khoảng mấy năm.
Con cũng một lòng theo thói tốt,

(1) Sinh-cầm 生擒 là bắt sống.

Vua cho bốn chữ đội ân thâm.
Những người hiếu lại sinh con hiếu,
Báo-phục xưa nay thực chẳng lầm.

XVI

Nguyễn Trình 阮 程

Nguyễn Trình người huyện Quỳnh-[lưu,
Mẹ thường đau bụng con lo hằng ngày.
Tìm thày tìm thuốc sao đây,
Rằng không dạ dím bệnh này sao yên.
Non sâu thú dữ gần miền,
Cố tìm được dím mẹ thuyên đã mừng.
Lại phiền giặc bắt phụ-thân,
Đòi trăm rưởi lạng tinh-ngân thục hồi.
Gia-tài bán được chín mươi,
Lòng tham chửa chán toan bài hại ngay,
Đau lòng con lạy xin thay,
Giặc kia chẳng nỡ nạn này mới qua.
Cho hay hiếu với mẹ cha,
Thú yên dấu dữ, giặc ra lòng lành.

.·.

Hiếu như Nguyễn Trình ấy mới là,
Mẹ đau cha bị giặc đem xa.
Khó tìm dạ dím cho yên mẹ,
Khôn đủ cân vàng để chuộc cha.
Rừng dữ cố tìm may bắt được,
Nhà nghèo xin thế lại thương tha.
Mới hay có hiếu cùng cha mẹ,
Bệnh cũng yên mà nạn cũng qua.

XVII

Mai Khang 枚 康

Tổng Khang người ở tỉnh Thanh,
Nhỏ thời họ Nguyễn lớn thành họ Mai.
Vì chồng cô vẫn hiếm-hoi,
Nuôi làm con để trông coi khi già.
Đền ơn báo nghĩa mẹ cha,
Công nuôi chẳng khác như là công sinh.
Khắp làng khen hiếu phục tình,
Bàu làm lý-trưởng thừa-hành thâm niên.
Có người lái ở Nghệ-yên,
Trọ nhà chôn bạc bỏ quên vội về.
Trồng cây con trẻ tỉ-tê,
Được sáu mươi lạng lái kia lại hoàn.
Sau nên Chánh-tổng giàu sang,
Bởi lòng hiếu-nghĩa vậy vàng khó đen.

.·.

Tò-vò nuôi nhện có ai khen,
Ai biết Mai Khang lại thảo hiền.
Sinh cũng xót thương nuôi cũng trọng,
Công mong báo đáp nghĩa mong đền.
Lòng vàng nào phụ người xa-khuất,
Được bạc chi thèm của bỏ quên.
Thật chẳng tham vàng mà bỏ nghĩa,
Bởi người rất hiếu dạ khôn đen.

XVIII

Bùi Tán 裴 贊

Ông Bùi Tán đã làm nên,
Nhiệt-tình thị-dưỡng (1) vậy liền từ-qui.
Đi đâu thưa mẹ mới đi,
Một niềm kính-cẩn chẳng khi nào dời.
Tuổi già đã đến bảy mươi,
Mộ-từ (2) không khác chi người còn thơ.
Gặp khi làng có việc thờ,
Vào xin phép mẹ đến trưa thời về.
Đến trưa việc hãy bộn-bề,
Người làng lưu lại quyết bề cáo-lui.
Rằng : « Đi đã bẩm mệnh rồi,
Vì-dù sai hẹn chắc người nhớ mong. »
Trời cùng mà hiếu chẳng cùng,
Tuổi già mà hiếu một lòng như xưa.

.·.

Bùi Tán thờ thân rất hẳn hoi,
Một lòng kính mến chẳng khi dời.
Đi đâu thưa thực cho yên mẹ,
Đến hẹn cần chi phó mặc ai.
Lộc nước dẫu sang khôn đổi nết,
Việc làng còn giở cũng xin lui.
Mộ-từ không khác như con trẻ,
Tuổi bảy mươi mà vẫn thế thôi.

XIX

Nguyễn Liệu 阮 料

Nguyễn Liệu người ở Nam-kỳ,
Cha thì sớm khuất, mẹ thì giữ trinh.

(1) Thị-dưỡng 侍 養 là ở nhà hầu-hạ nuôi-nấng cha mẹ.
(2) Mộ từ 慕 慈 là mến-yêu mẹ già.

Mẹ nuôi con đến trưởng-thành,
Con thờ mẹ cũng hiếu-tình chẳng suy.
Ngày-ngày ăn uống thức gì,
Thường-thường tay cất chân qui mà
Đến khi mẹ khuất cõi trần, [dâng.
Ở liền bên mộ cho gần thăm-nom.
Dạy và ba đứa trẻ con,
Lại đem kinh Lễ đề ôn chuyên-cần.
Rượu chẳng uống, thịt chẳng ăn,
Tấm lòng thủ-hiếu hơn phần tri-trai.
Thế-gian đọc Lễ mấy người,
Mà hay giữ lễ nào ai đó mà?

. . .

Nguyễn Liệu Nam-kỳ rất hiếu thân,
Bữa thường thường vậy cũng qui dâng.
Cù-lao chín chữ chi công báo,
Tang chế ba năm giữ lễ cần.
Nhà mấy gian tray trò mấy đứa,
Thịt không hơi tạp rượu không gần.
Ấy người đọc Lễ hay theo lễ,
Cho biết người xưa hiếu hạnh thuần.

XX

Phạm Hội 范會 (1)

Quan giáo Hội huyện Đường-an,
Khi nghèo theo mẹ đi lên tỉnh Hà.
Lấy gì ăn học nuôi già,
May nhờ hai chị thêu thùa khéo tay.
Mẹ ưng uống nước hồ Tây,
Học xong đi lấy mỗi ngày một trai.
Năm-năm tháng-tháng chẳng sai,
Đến khi hiển-đạt mẹ thời qui-tiên.
Trở về vui thú điền-viên,
Thương thay hai chị cao-niên lỡ thời.
Việc gì bẩm trước chị coi,
Kính-thờ chẳng khác như người mẹ
Mới hay lễ bởi ở tình, [sinh.
Một nhà hiếu-hạnh thơm danh muôn
[đời.

. . .

Này ông Phạm Hội Hải-dương ta,
Theo mẹ cùng lên học tỉnh Hà.
Hai chị nuôi thân nên quá lứa,
Một mình kính mẹ cũng như cha.
Nước hồ Tây sạch thường đi lấy,
Tình mẹ già ưa chẳng ngại xa.
Mẹ khuất hiển-vinh về dưỡng chị,
Khen thay hiếu-hạnh vẹn hòa ba.

XXI

Nguyễn Hoằng 阮弘

Nguyễn Hoằng nghèo rớt mùng-tơi,
Sớm đi giã gạo tối thời học nho.
Tháng ngày giã mướn quanh-co,
Đủ nuôi cha mẹ ấm no chẳng cầu.
Đến triều Tự-đức năm đầu,
Đỗ liền nhất-cử ai hầu chẳng khen.
Hiền-thân những muốn báo đền,
Nào hay chửa chút như nguyền đền ân.
Vậy nên quyết chí điền-viên,
Sĩ nông canh độc giảng truyền cho dân.
Rằng: « Làm quan để nuôi thân,
Hai thân đã khuất há cần quan sang. »
Rồi ra cảm-hóa khắp làng,
Thói thuần văn thịnh ấy quan nào tầy.

. . .

Nguyễn-Hoằng tuổi trẻ lại gia bần,
Giã gạo thuê quanh để độ thân.
Còn mẹ cha già cung-cấp đủ,
Không thầy bạn giục sử kinh cần.
Khoa danh mừng đã may nhờ phận,
Thăng dầu buồn chưa kịp dưỡng thân.
Quyết chí điền-viên không mộ-qui,
Thói thuần cảm-hóa khắp thôn dân.

XII

Nguyễn Huy-Đức 阮輝德

Nguyễn Đức người Hạ-thái đây,

(1) Cụ Phạm-Hội, hiệu Dưỡng-am tiên-sinh, chính là cụ năm đời của bản-chí chủ-bút Phạm-quân. Phạm-quân tuy là hàng huyền-tôn mà được vào ngành thừa-tự — Cụ đỗ cử-nhân về đời Gia-long, bổ giáo-thụ phủ Anh-sơn, được ít lâu thời xin từ-chức về nuôi mẹ già. Nhà thanh-bạch, có hai bà chị tình-nguyện không lấy chồng để nuôi mẹ nuôi em. Cụ cố bà mất trước, rồi đến bà chị lớn mất, cụ để tang ba năm. Đến khi bà chị nhỏ mất thời chính cụ cũng đã mất rồi; con trai cụ là Khiêm-trai tiên-sinh, tức là tằng-tổ Phạm chủ-bút, thay cha để tang cô ba năm. Gương hiếu-hạnh của hai cụ thật là lừng-lẫy một thời, xưa nay ít có vậy. — Cụ Dưỡng-am bình-sinh dạy học-trò tới ba bốn nghìn người, cốt dạy lấy đạo-đức mà không ưa những văn-chương phù-phiếm. Cụ thường có đôi câu-đối chỗ ngồi chơi rằng: « 市城豈不懷農業·文字何能係士風 », câu ấy Phạm-quân nay còn giữ được. Những học-trò cụ làm đến cao-quan hiển-hoạn rất nhiều. Chính cụ cũng là học-trò cụ Phạm Lập-Trai, cùng người Hoa-đường. (N.-P.)

Tam-công chẳng đổi một ngày dưỡng-
Đăng-khoa mẹ đã thất-tuần, [thân.
Ý không muốn để con châu xa mình.
Vậy nên vui thú gia-đình,
Mặn tình thiện-dưỡng nhạt tình quan
Mấy lần triệu cử làm quan, [sang.
Cố xin từ để được an nuôi già.
Lâu năm ở chốn phồn-hoa,
Chân không chút bước đi ra thị-thành.
Thái-Xuyên Hoàng-tướng tỏ tình,
Tâu cho Trước-tác phương-danh bao
Ai ôi! thế mới là con, [môn.
Được lòng cha mẹ nào còn chi hơn.

. . .

Nguyễn Đức đăng-khoa mẹ tuổi già,
Mẹ không muốn chút để con xa.
Tranh danh đua lợi khuây niềm tục,
Dạy trẻ nuôi già vẹn chí ta.
Triệu-cử đã đành không bụng mến,
Thị-thành chẳng thấy bước chân ra,
Được lòng cha mẹ chi hơn nữa,
Khuyên kẻ làm con thế mới là.

XXIII

Nguyễn Huy-Đầu 阮 輝 斗

Nguyễn Huy-Đầu ở Hải-dương,
Hết lòng hiếu - dưỡng bữa thường
[chẳng quên.
Tính cha rượu nếp uống quen,
Cơm rồi và chén dâng lên mới đành.
Trong nhà đặt rượu để dành,
Ngày thường thường có của mình
[mình dâng.
Nghĩ rằng sống chẳng được ăn,
Đến khi có chết làm văn tế ruồi.
Ma tray báo-đáp hẳn-hoi,
Sao bằng gặp được kính nuôi khi còn.
Vậy nên ở hết đạo con,
Khi cha đã khuất rượu ngon chẳng gần.
Hiếu-thân nên biết phụng-thân,
Dẫu rằng khẩu-thể (1) chớ phần xem
[khinh.

. . .

Nguyễn Đầu thờ cha chẳng trái tình,
Muốn sao chiều vậy một lòng thành.
Cha ưng rượu nếp thường quen uống,
Nhà vẫn cơm men đặt để dành.
Nghĩ có cao dầy khi đã khuất,
Chi bằng thành-kính lúc còn sinh.
Làm con nên biết nuôi thân trọng,
Khẩu-thể đừng xem mấy chút khinh.

XXIV

Tô Thế-Mĩ 蘇 世 美

Tô Thế-Mĩ đọc Hiếu-kinh,
Thấy câu kinh-thuận trọn mình chẳng
[quên.
Cha thường tính nóng như điên,
Bất-bình lấy gậy đánh liền người ta.
Khóc can ôm lấy chân cha,
Khi nguôi cơn giận lại ra can người.
Mẹ thường hà-tiện lạ đời,
Thức ăn hỏi giá tốn thời không ăn.
Vậy nên dặn kẻ hầu gần,
Hỏi thời bớt giá liệu phần trình tâu.
Trăm năm hợp táng non sâu,
Đá hằng khuân đắp, hồ nhiều chẳng
[kinh.
Can phải lẽ, dối mà thành,
Ấy người đọc sách Hiếu-kinh mới là.

. . .

Tô Thế-Mĩ xưa đọc Hiếu-kinh,
Nhớ câu kinh-thuận trọn đời mình.
Giận ai từng thấy cha liền đánh,
Ăn tốn thường khi mẹ chẳng đành.
Khóc lại ôm chân can nhiễm-nhặt,
Hỏi thời bớt giá bữa dâng trình.
Thăm mồ có sợ chi rừng dữ,
Đá đắp trăm năm nặng vị tình.

PHẠM XUÂN-KHÔI
và NGUYỄN HỮU-TIẾN

(1) Khẩu-thể 口 體 là phần thức ăn để nuôi miệng cho thích, đối với phần nuôi chí cha mẹ cho được yên vui.

DỊCH PHÁP-VĂN

De l'instruction des femmes

On craint deux choses dans l'instruction des femmes. On craint, d'une part, que les hauteurs de la science ne les dégoûtent de leurs devoirs domestiques et de l'humble rôle de maîtresse de maison.

On craint aussi que la sécheresse et la pédanterie de la science ne leur ôtent la grâce, l'agrément, la délicatesse qui font le charme de leur sexe. Il faut convenir que ces deux sortes de craintes sont un peu contradictoires. Ce n'est pas précisément à titre de ménagère que la femme déploie ses grâces et ses agréments: c'est à titre de femme du monde ; et la femme du monde n'est pas toujours une bonne ménagère ; l'agrément n'est pas toujours uni à l'utilité, ni l'utilité à l'agrément. On oublie que le ménage et la famille ont des ennemis bien plus dangereux que la science et l'instruction : ce sont les sens, l'imagination et l'ennui. La frivolité suffit pour éloigner les femmes du foyer domestique, et l'ignorance se concilie très bien avec l'oubli des devoirs sérieux... Le bavardage à vide, la médisance, la toilette, les courses et la promenade ne sont peut-être pas toute la destinée des femmes, ni la meilleure préparation à la gestion d'un budget domestique et à l'éducation des enfants. Il peut donc y avoir une ignorance qui éloigne du ménage autant et plus que la science elle-même.

Il y a également une ignorance qui éloigne de la grâce et du charme de la femme du monde, et qui réduit la femme à son rôle le plus vulgaire et le

Về sự giáo-dục đàn-bà

Trong sự giáo-dục đàn-bà, người ta sợ có hai điều. Một là sợ rằng đàn bà học-vấn cao-kỳ, rồi đến chán những việc tề-gia nội-trợ là việc bổn-phận của mình.

Hai là sợ học lắm thành kênh-kiệu, ráo-riết, mất cả cái vẻ thanh-thú yểu-điệu tự-nhiên của người đàn-bà. Phải công-nhận rằng hai cái sợ đó cũng hơi trái ngược nhau một chút. Không phải là trong việc tề-gia nội-trợ mà người đàn bà phô-bày được cái vẻ thanh-thú yểu-điệu ra ; có cái vẻ ấy chính là người khuê-các, mà người khuê-các không phải bao giờ cũng là tay tri-gia giỏi ; cái phong-thú không phải bao giờ cũng đi với sự lợi-ích, mà sự lợi-ích không phải bao giờ cũng liền với cái phong-thú. Người ta thường quên rằng còn có nhiều cái khác hại gia-đạo hơn là sự học-vấn nhiều : như sự dục-tình, sự vọng-tưởng, sự ngồi buồn. Đàn bà có tính phù-phiếm cũng đủ biếng việc gia-đình, và ngu-dốt thường hay quên nghĩa-vụ, hai cái không phải là không quan-hệ với nhau... Như ngồi không nói hão, chỉ-nghị người ta, hay là chỉ chăm phấn-sáp, đi lại ngao-du, tưởng phận người đàn-bà không phải chỉ có thế mà thôi, và cũng không phải có tập thế mới khéo quản-trị được gia-sản, giáo-dục được các con. Vậy thời có một cái dốt nó làm cho người đàn-bà trễ-biếng việc nhà cũng bằng và có khi hơn sự học vậy.

Lại cũng có một cái dốt nó làm cho tiêu mất cái vẻ thanh-thú yểu-điệu của người khuê-các, và hạn người đàn-bà vào trong vòng một cái chức-vụ rất

plus humble, très nécessaire sans doute, mais qui n'est pas non plus toute sa destinée... Combien de femmes, à force de se renfermer dans la vie domestique et de se réduire à n'être que leur propre servante, se rendent insupportables à leur mari ! Chez elles, ce n'est pas la science et la pédanterie, c'est l'ignorance qui détruit le charme de leur sexe et qui en fait de vulgaires cendrillons (1).

C'est donc une erreur de croire que l'instruction bien entendue soit nécessairement ennemie du rôle utile ou du rôle charmant qui revient de droit à la femme. Nous croyons, au contraire, que c'est l'instruction qui, en corrigeant la frivolité de la femme du monde, pourra en faire une sérieuse ménagère, une bonne mère de famille ; et c'est aussi l'instruction qui, en élevant les idées de la ménagère, en fera une femme digne d'amour et de respect. Par cela seul qu'une femme a étudié et pensé, elle comprend le vide des plaisirs mondains ; mais elle comprend en même temps que le mé-

(1) « L'instruction insuffisante et superficielle qu'on donne à la femme, dans notre pays, est la cause première du manque d'union, d'harmonie qui existe trop souvent dans le mariage et dans la famille. Trop souvent le mari garde en lui le secret de ses plus sérieuses préoccupations, parce que la compagne qu'il a associée à sa vie n'est pas apte à les comprendre. La femme reste donc, en face de son mari et de ses fils, dans une situation humiliante qui ne peut avoir que des résultats désastreux.

« Quelle triste chose qu'un ménage dans lequel il ne saurait exister aucun échange d'idées sur les sujets les plus sérieux et les plus intéressants de la vie ! »

E. Deschanel

(*La question des femmes et la morale laïque*)

tầm-thường, rất ti-tiện, chức-vụ ấy vẫn biết rằng cần lắm thực, nhưng tưởng thân-phận người đàn-bà không phải chỉ có thế mà thôi... Biết bao nhiêu đàn-bà vì chỉ biết khu-khu trong việc bếp nước, tự-hạ làm nô-lệ người chồng, mà đến người chồng cũng phải lấy làm khó chịu ! Những hạng đó không phải là vì học lắm lên mặt hay chữ, mà mất cái vẻ phong-thú người đàn-bà, nhưng chính là ngu-dốt không biết gì mới tự-cam làm bậc nô-tì hèn-hạ (1).

Vậy nói rằng sự học-vấn dù phải đường cũng tất-nhiên là có hại cho cái chức-vụ thiên-nhiên của người đàn-bà, hoặc về đường lợi-ích, hoặc về đường phong-thú, là nói lầm vậy. Ý-kiến chúng tôi thời khác hẳn. Chúng tôi thiết-nghĩ rằng người đàn-bà khuê-các mà có học thời có thể sửa được cái tính phù-phiếm, mà hóa thành một người trị nhà giỏi, dạy con khéo ; người nội-trợ thường mà có học thời có cái tư-tưởng cao-thượng hơn, mà trở nên người đàn-bà đáng yêu đáng kính. Người đàn-bà đã có học-vấn, đã biết tư-tưởng, thời tiện-thị là hiểu rằng sự

(1) Ông Emile Deschanel trong sách « Vấn-đề đàn-bà đối với phổ-thông luân-lý », có nói rằng : « Ở nước ta, việc vợ chồng ăn ở với nhau trong gia-đình thường sinh ra bất-hòa, bất-mục, cái nguyên-nhân thứ nhất là ở sự nữ-học còn sơ-sài quá. Nhiều khi người chồng có sự gì nghĩ-ngợi cao-xa, chỉ mình biết với mình, không bàn với vợ được, vì vợ không đủ tư-cách mà hiểu được. Như vậy thời người đàn-bà ở trong nhà đối với chồng đối với con phải đứng một cái địa-vị kém-hèn, thật là không lợi cho gia-đạo.

« Một cái gia-đình mà đến những việc thiết-thà quan-trọng ở đời vợ chồng không thể cùng nhau bàn-bạc được, thời còn gì buồn bằng ! »

nage n'est pas tout, qu'il doit y avoir place pour l'esprit, pour les arts, pour la lecture, enfin qu'elle ne doit pas être seulement la servante de son mari et la nourrice de ses enfants, mais la compagne de l'un et l'institutrice des autres.

D'où vient la crainte que l'on manifeste et quels sont les excès dont on se préoccupe ? C'est que l'on voit, dit-on, quelques femmes qui, parce qu'elles ont plus appris que les autres, s'en font un rôle, se transforment en Philamintes, tiennent des bureaux d'esprit, parlent philosophie à tort et à travers. ... Il est permis de dire que c'est précisément parce que l'instruction est insuffisamment répandue que la pédanterie est à craindre chez celles qui en savent plus que les autres. Ce qui fait le ridicule de certaines femmes savantes, c'est qu'elles sont des exceptions ; c'est que, se distinguant par une certaine supériorité qui les sépare des autres femmes, elles oublient un peu leur propre sexe pour se faire honneur de ressembler à l'autre. Comme on les tourne en ridicule sous le titre de bas-bleus, elles mettent leur amour propre à exagérer ce qu'on leur reproche. Elles rendent raillerie pour raillerie, mépris pour mépris : elles font caste à part. Mais il est permis de penser que ce travers, ou disparaîtra, ou s'atténuera quand l'instruction, plus répandue, ne sera plus un privilège ou une exception. Enfin, c'est une question de savoir si l'on ne produit pas précisément le ridicule dont on se plaint par l'injustice dont on frappe celles d'entre les femmes qui ont le goût de l'étude. « Si on était plus indulgent, dit Mgr Dupanloup, si on ne frappait pas de ces stupides anathèmes les femmes qui

chơi-bời thù-tạc không có lợi-ích gì ; nhưng cũng lại hiểu rằng ở đời không phải chỉ có việc nội-trợ mà thôi, cũng phải có lúc di-dưỡng tinh-thần bằng văn-chương, bằng mĩ-thuật, nghĩa là biết rằng mình không phải chỉ là con ở hầu chồng, người vú nuôi con đâu, mình chính là người bạn của chồng, bà giáo của con vậy.

Bởi sao mà có người lại sợ như thế, và vì cớ gì mà người ta lo ? Có người nói rằng bởi thường thấy mấy người đàn-bà, vì có chút học-vấn hơn người, biệt-lập ra một hạng người riêng, tự coi như những bậc nữ-bác-sĩ cả, đến đâu cũng nói văn-chương, bạ đâu cũng bàn triết-lý . . . Xin trả lời rằng ấy chính bởi sự học ban-bố chưa được khắp trong bọn nữ-lưu, nên những người có biết hơn người khác mới thường có cái tính lên mặt hay chữ như vậy. Mấy bà đàn-bà hay chữ sở-dĩ thành ra dởm như vậy, chính là bởi các bà là một hạng người đặc-biệt ; chính là bởi các bà tự thấy mình cao hơn bọn chị em, hầu như quên mình là đàn-bà và muốn lấy cho giống với đàn-ông làm danh-dự. Lại thấy thiên-hạ chê là « nữ-tú-tài », thời lại càng làm thêm làm quá ra, lấy thế làm tự-cao. Hình như tự nghĩ rằng thiên-hạ đã bỉ-báng, đã diễu-cợt, thời ta không cần đến ai nữa, ta lập đảng riêng. Nhưng thiết-tưởng đến ngày nữ-học ban-bố ra được khắp, không phải là cái đặc-quyền của một hạng người nữa, thời cái thói tệ ấy, hoặc mất hẳn, hoặc cũng bớt dần đi. Sau nữa, những người đàn-bà có tính hiếu-học mà sở-dĩ mang tiếng là dởm, có lẽ chính là bởi cái cách thế-nhân đối-đãi với các bậc ấy không được công-bằng, đó cũng là một vấn-đề nên xét. Đức Tư-giáo DUPANLOUP đã nói rằng : « Nếu người đời đối với những người đàn-bà học-hành, biết lấy lẽ khoan-dung mà đừng gia

étudient, celles qui en ont le goût s'y livreraient sans penser qu'elles font une chose extraordinaire, et alors, fussent-elles même un petit nombre, elles communiqueraient une certaine vie à la société. Peut-être le niveau des conversations et des idées s'élèverait-il ; les choses élevées inspireraient plus d'intérêt, et vraiment, qui pourrait s'en plaindre ? »

P. Janet, *L'éducation des femmes*

(*Revue des Deux Mondes*)

những lời bỉ-báng vô-nghĩa-lý, thời chắc người đàn-bà nào có tính ham-học cũng cứ tự-nhiên mà học, không nghĩ rằng mình học là một sự lạ-lùng gì, như vậy thời dù những người ấy là số ít nữa, cũng làm thêm được cái vẻ sinh-hoạt cho xã-hội. Có lẽ nhờ đó mà cái trình-độ sự đàm-luận sự tư-tưởng được cao hơn lên ; những việc cao-thượng sẽ được nhiều người ưa người mến ; như vậy thời thử hỏi còn ai phải phàn-nàn gì không ? »

T.-C. *dịch*.

TIỂU-THUYẾT

I

CÂU TRUYỆN MỘT TỐI CỦA NGƯỜI TÂN-HÔN

Người bạn tôi ở góa đã sáu bảy năm, tuổi ngót bốn mươi, mới tục lấy một người con gái. Hôm sau lấy tình thân-mật, tôi cười mà hỏi : « Đêm qua cái quang-cảnh tân-hôn thế nào ? » — Bạn tôi nét mặt tần-ngần, có ý cảm-thương. Tôi coi lấy làm lạ.

Hồi lâu, bạn tôi thở dài mà nói : « Tôi không muốn giấu bác chuyện này, vả cũng không có hề gì mà phải giấu. Người tân-nhân tôi cũng là con em một nhà tai-mặt, vì sau sa-sút, mới phải đi làm thuê trong nhà máy sợi, gọi là « con gái nhà máy », với nhà tôi từ xưa vốn là nhà thế-nghị, xa-cách nhau đã hơn mười năm, nay lại được xum-họp một nhà, bâng-khuâng duyên mới, ngậm-ngùi tình xưa, tưởng cái ý-vị đoàn-viên hôm ấy càng đằm-thắm lắm là phải. Sao mà trong lúc đứng ngồi lui tới, tân-nhân cứ thời-thời giấu một tay tả, như có sự gì bí-mật, không có thể để cho ai biết mà tiết-lộ ra ngoài. Tôi lấy làm nghi, cầm lấy tay mà hỏi. Tân-nhân càng hoảng-hốt thất-thố, cứ giựa mình vào vách. Thừa lúc vô-ý, tôi kéo tay ra mà xem, thì thấy bàn tay chỉ còn có ba ngón. Tân-nhân tinh - thần thê-thảm, nói thật là vì máy kẹp phải tay, nhân kể nguyên-ủy thậm-tường vừa cho đến sáng. Thương ôi ! người tân-nhân tôi khổ thật, mà thiên-hạ trầm-luân trong khổ ấy biết là bao nhiêu ! »

Tôi (1) nghe chuyện càng cảm càng thương, dù đó là sự không may riêng của một người, mà cũng là cái dấu thương-tâm chung cho đồng-loại. Nhân thuật lời tân-nhân nói như sau này :

« Than ôi ! cái khổ-cảnh của thiếp sao nỡ để cho chàng nghe ; song thiếp cũng không dám giấu chàng mà không

(1) Thuật-giả tự-xưng.

nói. Trong mấy năm nay trên thờ mẹ già, dưới nuôi cháu mồ-côi, một thân thiếp vừa làm con gái, vừa làm con dâu; ngày - ngày còn phải đi làm thuê làm mướn để hồ-khẩu một nhà, ngày không được ngồi, đêm không được ngủ, dù người sắt cũng phải đau lòng. Hồi-tưởng những ngày cha anh tôi còn, đang như cây ngọc đầy sân, hạt châu trên án, nào bao lâu vật đổi sao dời, nay đã thành ra cảnh mộng.

« Sau khi cha tôi đã mất, liền bị mấy lần tàn-phá, mẹ tôi đem chúng tôi về ở làng Cổ-sự, là nơi mẫu-quán. Anh tôi đi dạy học làng xa, cũng mất ở đó. Chị dâu tôi ở nhà nhân sản-nạn mà chết, để lại cho mẹ tôi một chút con thơ; sự bất-hạnh trong gia-đình đến thế là cực.

« Bấy giờ tôi mới có 17 tuổi, mẹ tôi đã ngoài 50 tuổi, bình-thời tinh-thần linh-mẫn, như người ba bốn mươi. Mới trong 2 năm khóc con khóc dâu mà tóc bạc hồ hết, mắt càng lóa, tay càng run, như người bảy tám mươi tuổi. Thiếp đã lo gia-biến lại thương mẹ già, cũng muốn chia cay sẻ đắng, lấy chữ cần che chữ chuyết, để mẹ con nương náu qua thời. Tiếc thay! Từ xưa cha tôi làm quan, không tập cho chúng tôi theo đường thực-nghiệp; chỉ tưởng những nỗi một người đội ơn vua, cả nhà ăn lộc nước; lấy phấn-sức làm thanh-cao, cho doanh-sinh là trục-mạt. Để cho con em tập thói kiêu-sa, quen thân biếng-nhác; chỉ xu-hướng về sự phù-hoa, không có thể suy ra thực - dụng. Đến bây giờ trí vụng tài hèn, cơ-hàn thiết-thân, còn giữ sao cho được phong-thể!

« Sau tôi đến nhà một bà láng-giềng, kể cảnh-ngộ cho Bà nghe, và xin Bà bầy tỏ cho tôi một lối mà đi làm mướn. Bà nói: « Đã lâu nay, trong vùng này có còn nghề gì là làm ăn được. Tự khi có máy sợi máy dệt, thời bao nhiêu khung cửi guồng sợi đều gác lên xà nhà; từ khi có máy rượu máy say, thời khó-nhọc nhất là nghề đâm say nuôi lợn, cũng không làm cho đủ mà ăn được. May thuê vá mướn là nghề của con gái nhà nghèo, mà từ khi có máy khâu, thời còn ai hỏi đến đường kim mũi chỉ nữa. Tội-nghiệp thay! Làm thân con gái, gặp buổi nghèo-nàn như các con ngày nay, trừ một cách bán cái sỉ-nhục đi mà kiếm ăn thời không còn phương-kế gì là tự-cứu được. Này có một lối là vào làm công trong nhà máy, suốt ngày dùng hết sức, hai tay hai mắt cũng chỉ đủ cung một cái dạ dầy. Còn đến điều xẩy ra nguy-hiểm trong việc làm, thực chưa có pháp - luật nào bảo - hộ bênh-vực cho kẻ khổ-công cả. »

« Tôi nghe nói lại càng ngao - ngán, trong thích - lí đã không có cha - chú nào tí-hộ, ngoài xóm làng lại cùng gặp buổi gian-nan. Thôi! đã sinh ra làm một đời dân vô-cốc, còn tránh sao cho khỏi kiếp lầm-than; thà chịu một thân mình nắng dãi mưa rầu, còn hơn là ngồi mà trông thấy một nhà đói rét. Tôi xin Bà dẫn lối cho tôi vào nhà máy sợi.

« Bà đưa ngay tôi đến một người cai con gái. Người cai cũng nói cho nghe các chương-trình về việc làm trong nhà máy. Công nhất mỗi ngày là 25 su, công nhì 20 su, công ba 17 su, còn con gái mới vào làm việc chưa quen, công ăn mỗi ngày 14 su, lâu lâu sẽ lên hạng nhì, hạng nhất. Chỉ giờ làm việc có điều hơi ngặt, mỗi ngày phải làm 15 giờ; từ 6 giờ sáng cho đến 9 giờ tối, trừ cho có nửa giờ ăn. Ai đến làm trễ giờ thời phải phạt.

« Nghĩ mà chán thay! Thân-giá một người khổ-công hèn-hạ đến thế là cực: cả ngày lao-động tổn-phí bao nhiêu là tinh-lực, mà một giờ không đáng được một su. Cũng là vì việc có ít người thời

nhiều, cho nên người ta thắt buộc người mình, bói rẻ còn hơn là ngồi rồi. Tưởng những thủa cha anh mình đang đắc-ý, cứ tập thói sa-xỉ, huy-hoắc tiền của như đất bùn ; nghĩ đâu những nông-nỗi con em sau này phải đi làm thuê làm mướn cho người ta, cực-khổ không bằng thân trâu ngựa. Hôm sau, tôi dạy từ lúc 4 giờ sáng, thổi cơm cho mẹ và cháu ăn rồi, 5 giờ tôi tự làng ra đi, vừa đến 6 giờ thời vào làm nhà máy. Việc làm ở máy con (sẻ cúi thành sợi), cũng là việc giản - dị, chỉ phải đứng không được ngồi.

« Các chú đốc-công trong nhà máy, lại là những người Hoa-kiều, các chú ngôn-ngữ bất-đồng, chỉ nghe những tiếng si-só, tiếng doi vọt, đánh mắng người ta mà mình đã khiếp. Tính các chú sạch-sẽ, thấy người ta ăn mặc rách-rưới cũng ghét ; tính các chú mạnh-mẽ, thấy người ta yếu đuối cũng ghét ; hễ một lời không hiểu là chửi mắng theo ngay ; hễ một bước sai lầm, là doi vọt theo liền. Tội-nghiệp thay ! cũng là một loại người, sao nỡ coi nhau như thù-nghịch. Cũng vì nhà mình nghèo, cho nên thân mình yếu ; vì thân mình yếu cho nên người mình hèn. Ôi ! Các chú ăn của ta, ở đất ta, sao nỡ ngược-đãi người ta. Đối với nhân-đạo thời các chú có phụ với lương-tâm ; song cứ lẽ tự-nhiên, thời thực là mình có điều tự-thủ.

« Cơ-cực nữa là cái lúc ăn. Người đem cơm cho con gái, cứ phải đứng chực tự ngoài hàng rào. Chờ đến giờ các chú gọi từng tên, như điểm số tù, cho ra nhận lấy cơm vào ngồi bên chỗ làm mà ăn. Còn hàng quá hàng nước đi lại đi qua đều phải phạt.

« Từ khi tôi vào làm trong nhà máy, không còn được trông thấy mặt trời. Từ 4 giờ sáng, còi nhà máy gọi lần thứ nhất, tôi trở dạy mà nấu ăn, đến 5 giờ còi gọi lần thứ hai, tôi bắt đầu ra đi, đến 6 giờ đến nơi vào làm, lại cho đến 9 giờ tối ra về ; 10 giờ đến nhà, dọn-dẹp cho đến 12 giờ thời đi ngủ.

« Nghe nói các nước văn-minh trong thế-giới, đều có hạn-chế giờ làm giờ nghỉ cho những kẻ khổ-công, có đâu ép-uổng người ta làm quá sức mình mất cả đạo dưỡng-sinh đến như thế !

« Tính các chú lại hay cợt-nhợt, thấy con gái sạch-sẽ hay thương hay yêu, khi ra bẹo má, khi vào nắm tay, con gái nhà máy là cái quà của các chú. Chị nào vô-ý chống-cự lại thời các chú nói với ông Chủ phải đuổi, mất việc làm ngay. Bấy giờ tôi mới hiểu lời bà lãng-điếng nói « bán cái sỉ - nhục đi mà kiếm ăn » là vì thế.

« Một hôm, trước ngày phát tiền công, theo lệ, tôi đang lau cái máy chỗ mình làm cho sạch-sẽ, thấy một chú nhăn-nhở đi lại, tôi đã sợ, đứng nép vào một bên. Bỗng chốc thấy có tay ai mó vào mình tôi, dật-mình, tôi ngã xô ngay vào cái máy đang chạy. Nghe một tiếng « soẹt », thấy máu ở tay tóe ra, đau buốt lên tận óc, tôi kêu lên một tiếng thời liền ngã ra, không còn biết gì nữa.

« Đang bàng - hoàng sợ-hãi, thần-hình tiền - tụy, cứ đi vơ - vẩn bên đường không biết đâu là làng đâu là nhà. Chợt thấy những lũ đông người, kẻ thời đang chen-chen chúc-chúc trong đám chèo-hát, kẻ thời đang cười-cười nói - nói trong cuộc tỉnh - say, tôi lại gần mà trông thời là những người có quen biết với cha anh tôi khi trước cả, là những người đều trong họ ngoài làng với chúng tôi cả. Tôi cứ kêu cứ gọi, mà không có một người nào ngảnh lại mà nhìn tôi. Cũng có người đứng lại mà hỏi, thấy con nhà khốn-khó cũng ra ý ngậm-ngùi, rồi có bọn khác lại kéo lại lôi, thời lại xô tôi ngã xuống một bên đường mà đi mất.

« Nhớ ngày nào cha anh tôi còn sống, với những người này vốn là đồng-chí, hay luận-bàn về việc tiến-hóa cho quốc-dân : nào là khai thương-điểm, nào là lập công-xưởng, nào là chấn-hưng thổ-hóa, nào là bảo-thủ lợi-quyền ; rút cục đến bây giờ vẫn để con em mình chết mòn sống tủi dưới những tay chuyên-lợi, tay cường-quyền; thậm-chí điên-nguy không ai cứu ai, thân-cố cũng không ai nhìn ai, những bọn này chẳng qua là mượn hai chữ « đồng-bào » để làm cái mặt nạ, xu thời phụ thế. Tôi càng kêu càng khóc, họ càng làm thinh, thành ra một lũ vừa câm vừa điếc.

« Tôi đương thiêm-thiếp, nghe thấy tiếng gọi văng-vẳng bên tai, bừng mở mắt, thấy mẹ tôi đang đứng một bên năn-nỉ mà nói : « Mẹ đây, con có biết không, con? Mẹ nghe tin con phải máy kẹp mất tay, người ta đưa con vào nhà thương từ trưa đến nay, mẹ lật-đật đến đây, con có biết không, con ? » Tôi mới bàng-hoàng tỉnh lại, thấy mình đã mất hẳn hai ngón tay : « Mẹ ôi! mười mấy đồng su, con đã bán rẻ cái mệnh con, may mà con còn trông thấy mẹ đây, biết bao giờ trả cái tủi-nhục này cho được ! »

« Tôi phải ở lại nhà thương hai tuần lễ nữa, bình-phục rồi lại về nhà, không còn đi làm con gái máy sợi nữa.

« Ngày chàng cho bằng-nhân lại hỏi chính là ngay mẹ tôi đang phải chứng đau tức kịch lắm. Mẹ tôi cứ bối-rối mà nhận lời. Tôi nghe nói thất-kinh rụng dời, vì mẹ đang đau cháu còn dại, chưa biết ỷ-thác vào đâu. Nghĩ mình thiếp đã vô-đức vô-tài, lại mang lấy tiếng tàn-tật vào thân, dù trượng-phu có đức bao-dong, song tự mình cũng lấy làm hổ-thẹn lắm. Mẹ tôi gạt nước mắt mà nói : « Mẹ nay đã già, con cũng đã lớn, trước sau sao cũng phải về nhà người ; dữ-kỳ mẹ con tạm thời luần-quần với nhau mà cùng-khốn, sao bằng gửi thân vào nơi có đức để phòng khi hoãn-cấp mà dựa-nương. Vả mẹ nay bệnh ngày một nặng, biết có nay, nào biết có mai, mong cho con được yên vợ yên chồng thời mẹ nhắm mắt dưới cửu-toàn cho đành dạ. » Tôi nghe bấy nhiêu điều, không còn muốn cưỡng lời mẹ tôi nữa. Than ôi ! Sự mình càng nói càng đau, dẫu người đá cũng sa châu nghìn hàng. Trời đã rạng đông, xin chàng đi nghỉ..... »

NGUYỄN BÁ-HỌC *thuật.*

II

TRUYỆN MỘT THẦY BÀ-LA-MÔN (1)

(Hoạt-kê-tiểu-thuyết dịch ở Pháp-văn)

Tôi thường đi du-lịch, có gặp một thầy bà-la-môn già, người khôn ngoan, tài-giỏi và thông-thái lắm; lại thêm có của nữa, nên lại càng đạo-đức lắm : vì không phải thiếu-thốn gì, không cần phải lừa-dối ai. Việc nội-trị trong nhà đã có ba bà phu-nhân, người rất nhan-sắc, chỉ chăm-chút để làm cho thầy đẹp lòng. Khi nào thầy không vui-thú với các bà thời thầy ngồi bàn triết-lý.

---

(1) *Bà-la-môn*, là người đạo-sĩ ở Ấn-độ.

Nhà thày cực-kỳ tráng-lệ, chung-quanh lại có những vườn hoa xinh-đẹp. Cạnh đấy có một mụ-già rất sùng-đạo, tính lần-thần mà nhà thời nghèo.

Một hôm thày bà-la-môn đương ngồi nói chuyện với tôi, thày bảo tôi rằng: « Tôi muốn giá không sinh ra đời làm gì thời hơn. » Tôi hỏi cớ sao, thày đáp lại rằng: « Tôi học bốn-mươi năm nay, thành bốn-mươi năm bỏ đi; tôi dạy người ta mà tôi có biết gì đâu. Tôi nghĩ cái thân-phận tôi rõ tủi rõ chán quá, không muốn sống làm gì nữa: tôi sinh ra ở đời, tôi sống trong thời-gian, mà tôi chẳng biết thời-gian là cái chi-chi; theo các nhà triết-học thời thân tôi đứng ở trên đời khác nào như một nét chấm ở giữa hai khoảng vô-tận, mà tôi có hiểu vô-tận là cái vật gì; người tôi làm bằng vật-chất, tôi lại biết tư-tưởng, nhưng tôi có rõ cái gì làm ra tư-tưởng đâu; tôi không biết rằng sự tư-tưởng của tôi có phải là một tính tự-nhiên như sự đi, sự ăn, và nghĩ bằng óc có phải cũng như là cầm bằng tay không. Không những cái nguyên-lý sự tư-tưởng của tôi mà tôi không biết, đến cái nguyên-lý sự cử-động của tôi tôi cũng không rõ. Tôi cũng không biết làm sao mà lại có tôi nữa. Vậy mà ngày nào cũng có người chất-vấn tôi về những khoản đó; người ta hỏi phải trả lời, tôi trả lời chẳng ra gì cả; tôi có nói nhiều, mà hễ nói xong lại tự mình thẹn với mình.

« Tệ nhất là khi nào người ta hỏi tôi rằng thần Bà-la-ma [1] có phải tự thần Vệ-sĩ-nô [2] sinh ra không, hay là hai thần đều có từ khi tạo-thiên lập-địa. Trời đất ôi! nào tôi có biết gì đâu, nên tôi trả lời lúng-túng. Lại có người hỏi: « Bạch tôn-sư, xin tôn-sư dạy chúng con vì cớ sao mà thế-gian chìm-đắm trong vòng ác-nghiệp. » Tôi cũng như họ, tôi có biết sao: có khi tôi bảo họ rằng trong thế-gian cái gì cũng tốt cả; nhưng mà những kẻ bị tai-hại, bị tàn-tật về chiến-tranh, nghe tôi nói không chịu tin, mà chính tôi cũng không tin lời tôi nói nữa; bấy giờ về nhà, càng thêm bực vì mình dốt, càng thêm tức vì không hiểu. Dở sách cũ ra đọc lại, lại thấy càng mờ-mịt thêm. Đem bàn với anh em: người thời nói rằng ở đời chỉ nên ăn - chơi cho sướng thân, còn thời mặc kệ người đời; người thời tưởng rằng mình đã đạt lẽ, kỳ - thực chỉ thấy nghị-luận viển-vông. Càng đọc sách, càng nghe nói, lại càng thấy bực-tức trong mình. Lắm khi tôi nghĩ tôi học-hành bấy lâu mà không biết mình ở đâu đến, mình là cái gì, rồi mình đi đâu, sau này thế nào, thật cũng chán quá. »

Tôi nghĩ tình-cảnh thày Bà-la-môn đó mà cũng lấy làm phiền lòng; tưởng người ta không mấy người thành-thực phải-chăng hơn thày. Tôi ngờ rằng có lẽ trí thày càng sáng-suốt, bụng thày càng cảm nhiều, thời thày lại càng lắm nỗi đau khổ vậy.

Ngay ngày hôm ấy, tôi lại gặp mụ già ở bên cạnh nhà thày: tôi hỏi mụ rằng mụ có lấy sự không biết linh-hồn mụ thế nào là phiền lòng không. Mụ ngơ-ngác không hiểu câu tôi hỏi là gì nữa: phàm những vấn-đề làm cho thày bà-la-môn rầu lòng, mụ bình-sinh nhất-thiết không nghĩ đến bao giờ; mụ vẫn hết sức tin rằng thần Vệ-sĩ-nô biến-hóa mà thành ra các thần khác, và miễn là thỉnh-thoảng mụ được ít nước sông Hằng-hà mà rửa mặt, mụ tự coi là người đàn-bà sung-sướng nhất ở đời.

Tôi cảm cái hạnh-phúc của mụ già đó, bèn trở lại với thày bà-la-môn

(1) *Brahma.*
(2) *Vishnu.*

mà bảo thày rằng : « Thày không coi ở ngoài cửa nhà thày có một mụ già như cái bù-nhìn không biết tư-tưởng gì mà vẫn sống được sung-sướng, vậy mà thày cứ làm tự-khổ lấy mình, không xấu-hổ ru? » Thày trả lời rằng : « Ông nói phải ; biết bao nhiêu lần tôi vẫn tự nghĩ rằng ví tôi cũng dại-dột như mụ già đó thời tôi cũng được sung-sướng ; song tôi không muốn cái sung-sướng ấy. »

Nghe câu trả lời đó, tôi lại cảm-giác hơn là cả câu truyện từ trước đến giờ ; tôi tự xét mình cũng thấy rằng ví mình phải dại-dột mới được sung-sướng thời cũng chẳng muốn sung-sướng làm gì.

Tôi lại bàn với mấy nhà triết-học nữa, các ngài cũng đồng-ý với tôi. Song tôi tự nghĩ : « Nếu vậy thời chẳng là trái-ngược lắm ru ? Vì rút cục lại, mục-đích người ta ở đời là gì ? Là được sung-sướng. Còn khôn-ngoan hay dại-dột thời có hề chi ? Không những thế. Người nào vui lòng an-phận thời chắc rằng mình an-phận vui lòng ; nhưng người lấy lẽ xét-đoán, thời đã chắc rằng mình đoán-xét phải lẽ đâu. Như vậy thời rõ rằng nếu có lẽ phải mà phải chịu khổ thời thà rằng không còn hơn. » Tôi luận như thế, thầy đều đồng-ý với tôi, tuy vậy mà không có người nào nhận cuộc chịu ngu-si để cho được sung-sướng. Nhân đó tôi kết-luận rằng người ta dẫu có ham sự hạnh-phúc mà vẫn còn trọng cái tri-thức hơn.

Nhưng nghĩ cho kỹ, cho tri-thức là hơn hạnh-phúc, tưởng cũng dại thật. Vậy thời sự trái-ngược này cũng như trăm nghìn cái trái-ngược khác ở đời, làm thế nào mà giải-quyết cho được ? Muốn nghị-luận cho ra, thật là vô-cùng-tận vậy.

P. T. C.

dịch trong thuyết-bộ của Voltaire tiên-sinh.

III

THI CHẠY VỚI HỔ

(Kỷ-thực tiểu-thuyết)

Hồi bấy giờ tôi đương du-lịch ở mấy cái đảo lớn trong quần-đảo Mã-lai, là đảo Tô-mã-đạt và Gia-hoa (1), đi cùng với nhà địa-dư-học nước Hòa-lan Mâu-yên và nhà địa-chất-học nước Pháp Lư-tiên.

Một buổi chiều chúng tôi vừa đến nơi đồn-điền Nữu-văn-huy. Đấy có mươi người thực-dân (2) Hòa-lan ở đấy, cùng với một đội nô-bộc người Mã-lai và người Tàu. Đồn-điền to rộng, diện-tích ước chừng hai dặm vuông, trông xa tựa-hồ như một cái vết sang ở giữa một dám rừng rậm tối-tăm, mênh-mông bát-ngát. Chính cái ấp thời có rào lũy chung-quanh để phòng giữ hổ, vì vùng này nhiều hổ lắm, hồi người Mã-lai còn thực-dân ở đây đã từng hai phen, vào năm 1811 và 1853, bị hổ phá hại dữ lắm.

Chủ-nhân là ông Ôn-văn-lăng, tiếp-đãi chúng tôi một cách rất trọng-thể. Ông có cái nhà lầu bằng gỗ, trên có gác sân ; tối hôm ấy chúng tôi lên ngồi chơi trên gác sân, được hưởng một cái cảnh đêm rất đẹp : quanh mình tối-

---

(1) Sumatra et Java.

(2) Thực-dân là người nước khác đến di-cư mà làm ruộng đất, tức là người ngoại-quốc làm đồn-điền, như các Tây đồn-điền ở bên ta.

tăm mù-mịt mà lại thoảng đưa những hương thơm ngạt-ngào, dưới đất đom-đóm nhấp - nhánh, trên trời sao bay vùn-vụt.

Đương nói truyện săn - bắn, tôi bèn hỏi chủ-nhân rằng :

— Các gia-nhân ngài có thường bị hổ bắt không ?

Ông trả lời rằng :

— Không. Trong mười năm, chừng mất độ ba bốn đứa mà thôi. Vả bây giờ nó cũng không dám vào nhiều đến trong ấp nữa, nó biết rằng chúng tôi đã phòng-bị kỹ lắm, không thể nào lọt được.

Tôi lại nói :

— Song vùng này vẫn có tiếng là nhiều hổ lắm mà ?

Ông đáp :

— Trong rừng biết bao nhiêu mà kể, giữa ban ngày cũng có. Đi chơi không nên vào gần rừng quá mà nguy-hiểm.

Chúng tôi còn ngồi ít lâu uống nước cà-phê, dưới bóng đèn xanh tờ - mờ trong khoảng đêm tối, rồi ai nấy đi nghỉ.

Sớm mai tôi thức giậy thời chủ-nhân đã ra đồng rồi. Tôi uống một chén nước chè, rồi đi dạo chung-quanh nhà. Đương phân-vân chưa biết nên đi chơi một lát gần đấy, hay là vào bàn giấy xếp lại một mớ giấy tạp-ký bỏ ùn ra đó, thời chợt nhìn thấy một cái xe-đạp to-lớn đẹp-đẽ để trong xưởng chứa xe.

Nhận ra thời là một hiệu xe có tiếng bên nước Mĩ. Từ khi tôi đánh gẫy cái xe của tôi trong lúc chạy chơi ở gần thành Mã-lạc-ca, thời tôi không từng đi xe-đạp lần nào nữa.

Mà tôi là một người rất ham chạy xe-đạp. Người ham chạy xe-đạp cũng như người nghiện hút thuốc, trông thấy cái xe đẹp-đẽ chắc-chắn muốn dùng quá, không đừng được. Lúc đầu còn miễn-cưỡng một chút, sau khẽ lôi cái bánh xe lại, rồi nhảy lên đạp, định trong bụng rằng chỉ đi thử một tí thôi.

Trước nhà có một con đường cũng khá, của sắp dân Mã-lai bị hổ hại hồi xưa khởi - công đắp, rồi sau này bọn thực-dân Hòa-lan mới đắp nốt. Tôi đạp lấy làm khoái-lạc lắm, mau bằng chạy thi. Xe này thiệt là một cái xe hoàn-toàn, dễ khiến, dễ đưa mà mau lạ. Thôi, bấy giờ không thể cầm lòng được nữa, trước định đi thử một tí, nay thành ra chạy tít qua những ruộng lúa cùng đồng cà-phê, chắc rằng chủ-nhân là người nhã-nhặn cũng đẹp lòng để mình tiêu-khiển như vậy.

Chỉ còn năm sáu cây - lô - mét nữa thời đến rừng, chạy phăng đi mấy phút tới nơi. Bỗng thấy quanh mình như một cái bể cây man-mác, cảm cái khí-vị sầm-uất mà hình như mê người đi, bèn xuống xe để ngoạn-cảnh, ngồi lên trên một tảng đá lớn.

Đương khi ngồi như thế thời nghe thấy tiếng sột-sạt ở trong cành cây, như có cái vật gì vừa nặng mà lại vừa nhẹ đương rẽ đường để ra bờ suối. Quả tim tôi như dừng hẳn lại, như có cái gì nó đè ép trên ngực không thở được, mà mặt thời sám ngắt đi. Cách tôi ba mươi thước, tôi trông thấy một con hổ to lớn lạ-lùng, thật là đức vua trong loài ác-thú, mới thò mình trong bụi rậm ra. Hình-thể rất đẹp, hai mắt lòng-lánh vàng, đứng yên một lát, ngắm kỹ thời quả là giống hổ lớn thật.

Tôi ngồi đấy có hai ba cái lá rủ to che lấp đi, không dám nhúc - nhích. Cái xe-đạp thì để ngoài đường, phải chạy ra mới lấy được. Mà chạy ra tất con hổ nó biết, nó chỉ nhảy hai cái là tới mình.

Trong lúc nó nhảy đến, mình làm thế nào mà lên xe cho kịp, lại đạp cho xe chạy ? Cho dẫu nó không ngờ mà không nhảy ra bắt ngay thời mình chạy rồi nó đuổi mình cũng chết. Cái

xe-đạp chạy chừng một dặm đường thời có mau hơn con hổ thật, nhưng lúc mới đầu nó đương hăng hết sức nhảy chồm mà đuổi theo thời địch sao cho được? Tôi biết rằng không thể sao được, nên trong mấy giây đồng-hồ lúc ban đầu có kinh-ngạc ngần người ra, mà rồi sau run cầm-cập, tim đập như búa bổ, miệng khô như hòn đá.

Lại ngặt trong tay không có một cái khí-giới gì, đến cái súng lục xưa nay đi đâu cũng đem theo, mà hôm nay lúc ngủ giậy lại quên bỏ ở nhà.

Trong bụng còn mong thầm rằng có lẽ con hổ này ăn mồi đêm đã nó ứ, ra suối đấy để nống nước mà thôi.

Nhưng tuy nó có rúng lưỡi xuống nước thật, mà xét ra không phải khát mà uống. Nó ngửng ngay mõm nó lên, rồi có ý nghe-ngóng rình-mò. Tôi tự hiểu rằng tôi đoán lầm, con này đêm chắc không bắt được gì, bây giờ đương đi tìm mồi ban ngày để thế cho đêm. Tôi mà động-đậy thời mồi ấy tức là tôi đây.

Trong khi con hổ đứng yên, mắt vàng từ-từ đưa cây nọ sang cây kia, bụi này sang bụi khác, tôi kinh-hãi mà đợi mong, tưởng lâu không biết bao nhiêu mà kể.

Một lúc nó đã hình như muốn quay lại, thủng-thỉnh đi về mặt rừng. Nhưng nghe tiếng chim bay trên cây, nó xoay ngay cổ lại, tôi trông thấy cái bóng sáng loáng hai con mắt. Nhưng nó không trông thấy gì cả; nó cứ đứng nghiêng đầu như thế, hơi tựa vào vai, như giáng một con mãn lớn đương đứng nghe, coi cũng đẹp thật. Chắc là nó còn ngần-ngại, hai đường chưa biết đi đường nào: bấy giờ tôi nghe thấy quả tim tôi đập, lại hình như nghe thấy cả trong óc vù-vù.

Đến sau nó mới quyết đi về bên suối, bước một bước lại gần bờ. Bước ấy không phải về phía tôi ngồi; có lẽ nó đi về hướng khác, không việc gì đến mình. Nhưng nó bước một bước nữa mau hơn thời tôi hoảng người lên, đứng phắt giậy. Tôi nhảy đánh vụt một cái, lại nhảy cái nữa, thời nắm được cái xe-đạp.

* *

Lúc bấy giờ người tôi như mê-hoảng, thoạt-tiên không biết rằng con hổ có động-đậy hay không. Nhưng giữa lúc lên xe, nhìn lại đánh thoáng một cái thời trông thấy nó nằm rạp mình xuống và nghe tiếng nhảy đánh vụt lại. Cùng một lúc ấy thời chân tôi bắt đầu đạp.

Tuy tôi kinh-hoảng hết sức mà tôi đạp vẫn mạnh-mẽ, nhanh-nhẹn, dịp-dàng lắm. Bấy giờ tưởng như tinh-thần đi đâu hết cả mà duy có cái bản-năng nó sai khiến hết-thảy, tựa hồ như bao nhiêu gân thịt trong người xu-hướng mà theo cả cái sức mạnh ngầm đó, sức mạnh ấy gặp lúc nguy-hiểm đến nơi nó giúp mình được trăm nghìn phần hơn là sự suy-nghĩ rõ-ràng. Tôi hết sức đạp hai vòng thời xe đã tới đại-tốc-độ, và chỉ trong khoảng chút-đỉnh con hổ nhảy cái thứ nhất rồi nhảy đến cái thứ nhì, là tôi đủ sức chạy thi với nó được. Cốt là làm thế nào chạy trước được nó một tí trong năm chục thước, rồi thời cái sức đuổi của nó tuy vẫn còn mạnh nhưng chắc không đến nỗi ghê lắm nữa.

Tôi đạp một cách hăng-hái lạ-lùng, nhưng nó nhảy đến cái thứ tư thời tôi với nó cách nhau chỉ còn vài bước, đến cái thứ năm thời tưởng nó chỉ vươn chân là đủ nắm được, đến cái thứ bảy thời nó đã suýt nắm được bánh xe rồi. Tôi biết mình rằng nguy, tưởng gắng sức cũng không được nữa. Nhưng may sao móng nó lướt qua mà không nắm được bánh xe, cái xe cứ quay tít chạy hoài, con hổ nhảy đến cái thứ tám thời đã thấy chậm kém

tôi rồi, chính là bởi cái trước cậu bắt hụt.

Trong lúc hăng-hái ấy tôi nghĩ ngay quay xe về phía cây ổi bên bờ đường, quả-nhiên thấy con hổ hơi như ngần-ngại một chút, vì cái cây ngăn - trở, hoặc là không nhảy được hết sức, hoặc là phải nhảy chệch đi.

Bấy-giờ tuy cái tốc-độ xe đã đến cực-điểm, mà tôi cũng không còn hi-vọng gì nữa. Tôi biết rằng nó chỉ nhảy dấn hai ba cái nữa là nó theo kịp mình. Ngay cái sau nó đã suýt nắm được rồi ; nhưng trong khi bánh xe chạy lướt qua móng nó thời tôi nhác trông thấy trước mắt có một cái cầu nhỏ dài-dài mà hẹp bắc qua một cái suối nước. Thấy thế cũng hơi mừng, vì chắc rằng con hổ chạy qua cầu không dám chạy mau, thế nào mình cũng trước được mấy thước. Quả thế, khi tôi tới bên kia suối thời đã thấy cách con hổ chừng mười bước. Tôi còn nhớ lúc bấy giờ thấy đã vững dạ, đạp lại càng hăng.

Trong mấy giây đồng-hồ sau, con hổ lại cố đuổi cho kịp, nhưng không được nhanh - nhẹn như trước nữa. Thấy thế tôi lại thêm vững lòng rồi nhìn lại thời thấy nó với mình vẫn cách xa. Tôi không thể nói rằng bấy giờ lại càng gắng sức thêm lên, vì tưởng thế đã là cực-điểm rồi, nhưng tôi hết sức giữ cho không kém đi. Chạy được mấy trăm thước thời nhìn lại thấy không những mình vẫn trước nó mà nó lại kém mình đến mấy thước nữa. Đến chỗ giốc, tôi cứ để cho xe chạy xuống như hòn quần lăn lại càng mau hơn được một ít nữa.

Bấy giờ trong bụng đã khoan-khoái như người thắng trận, chắc rằng thoát nạn rồi, lại càng vui-vẻ mà đạp mạnh thêm, chợt gặp sự bất - ngờ, suýt nữa hỏng cả : chạy vào một cánh đồng trồng chuối, thấy có một cành cây rậm-rạp của ai chặt bỏ ngay ngang đường, chắn mất lối đi. Đến đấy tránh không kịp nữa, mà muốn cúi rạp xuống hay là muốn dừng xe lại cũng không thể được. Tôi quyết đạp phăng mà chạy vượt qua.

Hại thay, tôi đạp khi sai, phải dừng lại mấy vòng để khỏi ngã nghiêng ra, con hổ chắc nó trông thấy, nó cố hết sức một lần cuối cùng nữa ; lại chỉ một suýt nữa thời nó quờ được tôi. Bấy giờ tôi sợ mướt mồ-hôi ra, lưng-vựng tưởng như mình ngã vào nơi hang sâu vực thẳm nào trơ-trọi một mình, đã đành lòng chịu chết, nhưng chỉ thoảng qua một lát mà thôi.

Ngay lúc sau tôi lại ráng hết sức, mà đến tao này là tao cuối cùng, gắng đến thế thời thôi, chớ không sao được nữa, nhưng, con hổ bấy giờ tuy vẫn còn chạy mau bằng con ngựa tốt, song xem chừng đã chịu thua cái xe-đạp rồi. Được một chốc thời nó thôi không đuổi nữa, phần thời nhọc và chán, phần thời có lẽ thấy đến gần làng sợ không dám đuổi nữa.

Tuy nó thôi rồi mà tôi vẫn đạp thẳng một mạch cho đến tận trước nhà. Đến đấy mới thấy hồi-tỉnh lại mà lấy làm lạ rằng mình vừa tránh khỏi được một sự nguy-hiểm to lớn như thế, lại vui-mừng rằng mình còn được sống ; lại tự-cao rằng mình đã thi chạy được mau hơn một con vật lanh - lẹ dữ-tợn nhất trong muôn loài.

Từ ngày đó tôi mới hiểu rằng cái khí-cụ mảnh-rẻ, mềm-mại và linh-hoạt là cái xe-đạp kia thật đã mở cho loài người một cuộc đời mới, và tôi đây có lẽ là người thứ nhất đã dám dụng thuần cân-lực mà chạy thi nổi với hổ ; bấy giờ tôi mới hiểu rằng giống người ta sinh ra từ đời thượng-cổ trên mặt địa-cầu bấy giờ chỉ có những giống vật to-lớn và chậm-chạp, được cái thân-thể lanh-lẹ thật đã ưu - thắng hơn vạn-vật biết bao nhiêu.

P.T.C.

dịch pháp-văn của ông J.H. Rosny.

IV

GIẤC CHIÊM-BAO DỮ

Trần và Nguyễn, hai người đi tùng-chinh xong việc được về cố-quốc, vui mừng rủ nhau đi đánh chén, đến khuya mệt đều về ngủ.

Trần nằm chiêm-bao, hò-thét xỉ-mạ om-sòm. Nguyễn tỉnh giậy gọi Trần, hỏi việc gì mà kêu-la ầm-ỹ như thế.

Trần vẫn còn mơ-màng đáp lại rằng : « Thưa anh, em trách những kẻ có trách-nhiệm cùng dân, ăn trên ngồi trước, mà chẳng lo gì đến dân-sinh quốc-kế, chỉ muốn lợi-dụng cái ngu giốt của dân, để dễ áp-chế mà tư-lợi cho mình. Anh em ta vì nghĩa-vụ, vì hai chữ « danh-dự » mà đem thân ra chốn chiến-trường, xa nhà xa cửa, lìa vợ lìa con, bỏ quê cha đất tổ, đem thân ra lưu-lạc chốn đất khách quê người, để cho tỏ mặt người Việt-Nam cùng thiện-hạ, tưởng rằng trong lúc mình đi vắng, thời từ trên đến dưới ai ai cũng hết lòng làm-ăn học-hành, lo-liệu cho nước được giàu, dân được mạnh, ngờ đâu lúc trở về lại thấy nhiều điều đau lòng, nên em tức giận mà hò-thét cho hả hơi.....»

Nguyễn hỏi : « Vậy anh chiêm-bao những điều gì mà giận dữ thế ? »

Trần nói : « Thưa anh, tôi chiêm-bao đi chơi từ nhà quê lên đến tỉnh, thấy lắm truyện nực cười mà đáng lo thay ! Ở chốn hương-thôn, thì phong-tục nặng-nề, kẻ cường-hào ức-hiếp dân em, học-hành chẳng có, lũ trẻ con chơi-bời lêu-lổng, quanh năm chỉ khu-khu chốn đình-trung mà rượu chè xôi thịt, ngồi trên ngồi dưới, ngoại-giả không còn truyện gì khác nữa ; năm được mùa còn có ăn, đến năm lụt-lội hạn-hán thì cơ-hàn khám-khổ, kể sao cho xiết !

« Đến nơi thành-thị, thì lại lắm truyện phiền lòng, cái vỏ văn-minh đã từng thấy trong hầu khắp các hạng người trong xã-hội, nhưng cái tinh-thần văn-minh nào đã có mấy người hưởng-thụ. Những người có quyền-thế, giàu có, phần nhiều chỉ biết lợi lấy mình, ai chết mặc ai ; bọn thiếu-niên học-hành có giáng chăm-chỉ, cũng chẳng qua mong được cái văn-bằng rồi chữ lại trả thày, chưa ra khỏi trường mà biết bao nhiêu tình-dục đã chực sẵn để cám-dỗ rồi. Nào lên xe xuống ngựa, áo nọ mũ kia, nay tiệc rượu, mai lầu son, trên nguyệt dưới hoa, cái bể ái-tình cùng cái nạn hoàng-kim thi nhau mà xô-đẩy bọn thiếu-niên chìm-đắm miệt-mài, không còn cất đầu lên được, làm cho tấm lòng hi-vọng của quốc-dân về bọn thanh-niên hóa một sự mộng-ảo.

« Nào có thế mà thôi đâu, người trong một nước lại không biết thương yêu nhau, cứu giúp nhau. đồng-tâm hợp-lực mà bỏ điều lầm, theo điều phải, cứu-vãn lấy đạo-đức, khai-hóa cho đồng-bào, lại còn bè nọ đảng kia, dèm pha nhau, sâu-sé nhau cho lụn-bại mới bằng lòng. Biết bao nhiêu điều hay không thấy bắt chước, chỉ đua nhau mà tập-nhiễm lấy điều dở.

« Còn đến bọn nữ-lưu, thì bao nhiêu nề nếp hay ngày xưa như là dung, công, ngôn, hạnh, đã tiêu-mòn đi hết, ta chỉ thấy la-liệt những kẻ ăn chơi cờ bạc, đua chị đua em, lên xe xuống ngựa, vòng nọ hột kia, coi gia-đình như rơm-rác, xem luân-lý bằng đất bùn. Ôi ! cái nạn nữ-quyền càng ngày càng tràn khắp trong xã-hội !

« Trông thấy cảnh-tượng xã-hội ta ngày nay mà thở dài....

« Văn-minh hay dã-man, tiến - bộ hay thoái-bộ ? »

Nói đến đấy, Trần cũng còn chưa tỉnh hẳn, nên lại toan hò-thét lần nữa. Nguyễn phải đánh thức mà khuyên-giải rằng : « Thưa anh, cái bi-cảnh ấy là lỗi tại giáo-dục còn ít, trình - độ còn thấp, dần - dần rồi quốc-dân ta cũng có ngày tấn - tới, lo chi a anh, rồi cũng có ngày ! »

Trần giận đáp rằng : « Thế thì anh định đến bao giờ mới cho rằng « đến trình-độ », hay là đến bao giờ tuệ-tinh gặp địa-cầu, làm cho thiên-hạ thay hình đổi giạng, lúc ấy mới « đến trình-độ » hay sao ? »

Nguyễn nói : « Nếu anh nói thế, thì chúng bảo anh là yếm-thế, anh là người không thức-thời đạt-thế, điên-cuồng mộng-ảo, mà thôi ! »

Trần nói : « Thôi đi anh, nguy-biện mà làm chi, mình phải biết lỗi mình, chớ nên mượn câu nói của thiên - hạ mà thoái - thác. Tôi thử hỏi anh, nếu trong nước, từ trên chí dưới, nhờ được chính-sách khai-hóa của Bảo-hộ, biết bỏ lòng tự - tư tự-lợi, lo làm ăn học-hành, cố công hết sức mà dìu-dắt nhau, khai - đạo cho nhau, thì muôn việc trong nước cải-lương tự bao giờ, còn đâu như ngày nay ? Tôi cũng biết, mình nói cũng chẳng ăn thua gì, cũng như nước đổ lá khoai, nhưng sự đời, chuông có đánh mới kêu, dẫu người đời nay mang-nhiên không biết, nhưng người hậu-thế cũng biết vì lỗi ai mà thống-trách ; vả lại không phải bày cái bi-kịch của xã-hội ra đây, là có ý yếm-thế đâu, vì muốn chữa thuốc cho người đau, trước hết phải rõ căn bệnh mới chữa khỏi được, ta càng trông thấy bi-cảnh bao nhiêu, thì lòng ta lại nên hăng-hái mà làm việc nghĩa - vụ bấy nhiêu, anh ạ ; em chẳng như ai, sinh-trưởng trong nước mà chẳng nghĩ gì đến nước, tham danh trục lợi một mình đâu.... »

Nói đến đây thì đã gà gáy o o, mà Trần cứ nhắm mắt nói hoài, Nguyễn thét to lên rằng : « O hay ! Sao anh nói mãi thế, anh này phát sảng hay sao ? »

Trần giật mình ngồi phắt giậy : « Không, tôi vừa tỉnh giậy, có nói gì đâu ! »

Nguyễn lại nói : « Thế ra anh chiêm-bao rồi ! »

Trần nói : « Có lẽ chiêm-bao thật, mà *là giấc chiêm bao vô-tình, bừng con mắt giậy thấy mình tay không*, đó anh ạ ! »

H. H. Đ. *lai-cảo*

V

TRUYỆN CỒ-BỒN-CA

(dịch truyện Tàu)

Cuối đời nhà Chu, có một người tên là Trang-Chu, học đạo Lão-tử được phép biến-hóa, phân-thân ẩn-hình ; tuy rằng tu-tiên đắc-đạo, nhưng vẫn không bỏ luân-lý vợ chồng, ba lần lấy vợ, lần thứ nhất vợ chết, lần thứ hai có lỗi đuổi đi, đến lần thứ ba lấy người nước Tề là Điền-thị, nhan-sắc cũng khá, vợ chồng kính-trọng lẫn nhau, ân-ái vô-cùng. Sở-vương nghe tiếng là người hiền, đón làm thượng-tướng, Trang-sinh không chịu làm quan, đem

vợ vào ẩn Nam-hoa-sơn.

Một hôm Trang-sinh đi chơi, thấy một cái mả đất hãy còn mới, bên cạnh có người đàn bà, mình mặc tang-phục, tay cầm cái quạt, quạt luôn vào mả. Trang-sinh lấy làm lạ, hỏi cớ làm sao.

Người đàn bà nói : « Thiếp cùng phu-quân sinh-tiền thân yêu nhau lắm, nay phu-quân tạ-thế, táng ở mả này. Khi sắp tắt nghỉ có dối lại rằng : « Bao giờ đất mả khô thì sẽ cải-giá » ; thiếp sợ đất mới hãy còn ướt, cho nên quạt để chóng khô. »

Trang-sinh nói : « Nương-tử muốn cho đất chóng khô, cũng không khó gì, tiểu-sinh xin giúp một tay. »

Người đàn-bà mừng lắm, liền đưa quạt cho Trang-sinh. Trang-sinh cầm lấy quạt, làm phép phẩy luôn mấy cái, đất trên mả lập-tức khô ngay. Người đàn-bà lạy tạ, rồi đưa cái quạt tặng cho Trang-sinh. Trang-sinh nhận lấy quạt, có ý ngậm-ngùi không bằng lòng.

Trang-sinh về đến nhà, cầm cái quạt ngắm đi ngắm lại, một mình than-thở, đọc mấy câu rằng :

Vợ chồng ân-nghĩa đính ba-sinh,
Chết được bao lâu đã phụ tình !

Điền-thị nghe tiếng, hỏi duyên-cớ làm sao. Trang-sinh đem việc người đàn-bà quạt mồ kể lại một lượt.

Điền-thị nói : « Mả chồng chưa khô đã muốn lấy chồng, những kẻ ấy chẳng qua là tuồng dĩ dại, nói làm chi cho giơ cả tai. » Trang-sinh lại than mấy câu rằng :

Nhân-tình bội-bạc nghĩ mà lo,
Chết được bao lâu đã quạt mồ !
Vẽ hồ vẽ da xương khó họa,
Biết người biết mặt bụng khôn dò !

Điền-thị nổi giận nói rằng : « Người ta ở đời, người ba đấng, của ba loài, không ai giống ai, có lẽ đàn-bà thiên-hạ, ai cũng như người quạt mồ ấy hay sao? »

Trang-sinh nói : « Phu-nhân mặt hoa-da phấn, nếu bất-hạnh ta có mệnh nào, không biết có đợi được năm ba năm hay không ?

Mới hay những kẻ vô-tình,
Nói người đã vậy nghĩ mình làm sao ? »

Điền-thị nghe nói cũng tức lắm, nó khích Trang-sinh rằng : « Bày-tôi trung không thờ hai vua, con gái chính không lấy hai đời chồng, chớ không như đàn ông chết vợ này lấy vợ khác, bỏ người nọ lấy người kia. » Nói đoạn cầm cái quạt xé tan nát ra.

Ước được mấy ngày, Trang-sinh mắc bệnh, càng ngày càng nặng, bảo Điền-thị rằng : « Hoài của ! cái quạt đã xé tan mất rồi, nếu còn lại để nay mai phu-nhân dùng mà quạt mồ thì hay lắm nhỉ ? »

Điền-thị khóc rằng : « Phu-quân nghĩ-ngợi làm chi, thiếp tuy đàn bà cũng biết lễ-nghĩa, xin dốc một lòng trông một đạo, thề không dám có bụng nào, nếu phu-quân không tin, thiếp tự-tử trước mặt, cho tỏ tấm lòng. »

Trang-sinh nói : « Hiền-thê có lòng kiên-trinh, thì ta dẫu chết cũng nhắm mắt. » Nói xong thì mất, Điền-thị vật mình thương khóc, rất là thảm-thiết, sắm-sửa quan-tài nhập-liệm, để tạm ở trong thảo-đường.

Mới được bảy ngày, chợt có một người tuổi trẻ, da trắng như ngọc, môi đỏ như son, ăn mặc rất là lịch-sự, đem một người lão-bộc đến thăm, tự-xưng là Vương-tôn nước Sở, nguyên trước có đính-ước với tiên-sinh để nhập-môn thụ-nghiệp, không ngờ hôm nay đến nơi thì đã tạ-thế rồi, thay mặc áo trắng, đến lạy bốn lạy, tình-nguyện ở lại thụ-chế một trăm ngày. Vương-tôn vào yết-kiến Điền-thị, xin mượn sách của tiên-sinh, sao viết đem về học-tập. Điền-thị thấy Vương-tôn trẻ tuổi đẹp trai, tấm lòng trinh-tiết mười phần đã

siêu mất chín phần, sai người dọn gian nhà cạnh thảo-đường, cho Vương-tôn ở tạm, và đưa cho mượn sách « *Nam-hoa đạo-đức chân-kinh* », ngày nào cũng giả cách ra trước linh-cữu lễ-bái, cùng Vương-tôn trò-truyện lân-la, con mắt đưa tình, phải lòng chết mệt.

Hồn-vía Điền-thị lúc nào cũng phảng-phất bên cạnh Vương-tôn, không thể khuấy được, bèn gọi lão-bộc hỏi rằng : « Vương-tôn đã kết-duyên với ai chưa ?» Lão-bộc bẩm : « Chưa, tiểu-chủ tôi nghĩ rằng kén ai như phu-nhân thì mới chịu kết-duyên. » Điền-thị mừng lắm, nhờ lão-bộc tác-thành giúp cho. Lão-bộc nói : « Tiểu-chủ tôi cũng muốn như thế, chỉ ngặt vì cùng tiên-sinh là nghĩa thày trò, sợ người ngoài chê cười không tiện. » Điền-thị nói : « Chủ ngươi chẳng qua mới đinh-ước với tiên-phu ta, đã nhập-môn thụ-nghiệp đâu, mà gọi là thày trò; vậy nhờ ngươi cứ nói giúp ta việc ấy, hễ xong thì báo tin cho ta biết. » Lão-bộc vâng lời, xin về nói với Vương-tôn.

Hôm sau Điền-thị không thấy lão-bộc trả lời, mong đỏ cả hai con mắt lên, lại cho gọi đến hỏi rằng : « Sự-thể thế nào, có xong không? » Lão-phu lắc đầu nói rằng : « Việc không xong rồi.»

Điền-thị hỏi : « Cớ làm sao ? » Lão-bộc nói : « Tiểu-chủ tôi nghĩ có ba điều không tiện : 1º trong nhà có đồ tang-khí và linh-cữu tiên-sinh, làm cát-lễ thì không hiệp ; 2º tiên-sinh là bậc đạo-đức, cùng phu-nhân ân-ái muôn phần, nay tiểu-chủ tôi kém tiên-sinh xa lắm ; 3º chủ tôi chỉ đến tay không, không lấy gì làm sinh-lễ được. » Điền-thị nói : « Điều thứ nhất thời xin bỏ đồ tang-khí, và rước linh-cữu vào hậu-đường ; điều thứ hai thời tiên-phu ta ba lần lấy vợ, nào có ân-ái gì đâu, thấy người ta quạt mồ, lại quạt giúp cho đất chóng khô, người đạo-đức có đâu như thế ; còn như điều thứ ba, Vương-tôn không sẵn tiền, ta xin đưa 20 lạng bạc để sắm-sửa lễ-vật. »

Lão-bộc lại về nói với Vương-tôn, Vương-tôn vâng lời, xin đêm hôm nay làm lễ thành-thân. Điền-thị mừng lắm.

Đêm hôm ấy Điền-thị sai rước linh-cữu vào hậu-đường, đặt bàn giải chiếu, treo đèn kết hoa. Điền-thị và Vương-tôn sắm-sửa phục-sức lịch-sự trang-hoàng, làm lễ giao-bái, đem nhau vào động-phòng, rót rượu hợp-cẩn, vừa toan vào trong màn, bỗng chốc Vương-tôn kêu đau bụng, mặt mũi nhăn-nhó, không nói ra tiếng được nữa. Điền-thị ôm Vương-tôn vào trong lòng, hầu-hạ đấm bóp, sai lão-bộc đi tìm thuốc-thang. Lão-bộc nói : « Chủ tôi xưa nay vẫn có chứng đau bụng, không thuốc gì uống khỏi ; mới hôm nọ bị đau một cơn, chúa-công tôi phải chém một người tử-tù lấy óc cho uống, nay lấy đâu được của ấy bây giờ, tính-mệnh chủ tôi đành nguy mất. » Điền-thị hỏi : « Óc người chết có uống được không ? » Lão-bộc nói : « Người chết chưa đầy 49 ngày, óc chưa khô lắm, thì uống cũng khỏi ». Điền-thị nói : « Tiên-phu ta mới mất được mươi hôm nay, ta cùng Vương-tôn đã là vợ chồng, mình còn chẳng tiếc, huống-chi cái óc người đã chết rồi. » Nói đoạn bảo lão-bộc ngồi với Vương-tôn, rồi đứng giậy một tay cầm búa, một tay cầm đèn, chạy xăm-xăm vào hậu-đường, lấy búa đập vỡ quan-tài ra, định lấy óc cho Vương-tôn uống. Vừa cạy được tấm thiên ra, chợt thấy Trang-sinh thở dài một tiếng, rồi ngồi nhỏm giậy. Điền-thị sợ-hãi, hồn vía bay lên trời, chạy vào thảo-đường, thì không thấy Vương-tôn và lão-bộc đâu nữa.

Điền-thị bấy giờ trong bụng bàng-hoàng, giả cách tìm lời nói khéo bảo

Trang-sinh rằng : « Từ khi phu-quân tạ-thế, thiếp tôi thương nhớ vô-cùng, vừa rồi nghe trong quan-tài có tiếng động, vậy thiếp tôi đập vỡ để cho phu-quân ra. » Trang-sinh hỏi : « Vì cớ gì mà ăn-mặc trang-hoàng, vả lại linh-cữu sao không để nhà chính-tẩm ? » Điền-thị tắc cổ không nói được nữa.

Trang-sinh sai lấy rượu uống chơi, Điền-thị ngồi cạnh ton-ngót, làm ra ý ân-cần, Trang-sinh viết một câu rằng :

Vì chăng ăn ở cùng nhau,
Chỉ e búa đập vỡ đầu còn chi !

Điền-thị thẹn đỏ mặt lên ; Trang-sinh lại viết rằng :

Gớm thay cái gái đập vỡ !
Lại còn chê gái quạt mồ khi xưa !

Viết xong, trỏ ngón tay vẫy một cái đã thấy Vương-tôn và lão-bộc rồi. Điền-thị giật mình kinh sợ, ngảnh đi ngảnh lại không thấy đâu nữa, đều là phép Trang-sinh phân-thân ẩn-hình để thử Điền-thị.

Điền-thị nghĩ bụng xấu-hổ, tự-ải mà chết. Trang-sinh bỏ vào quan-tài vỡ, rồi gõ cái chậu sành hát mấy câu rằng :

Chồng còn ra giảng kiến-triuh,
Chồng vừa mới chết phu-tình như chơi.
Vì bằng chết thật thời thôi,
Ngựa người ta cưỡi vợ người ta yêu !

Hát xong đập vỡ tan cái chậu sành ra, lấy lửa đốt cả cửa nhà và quan-tài, thành tiên mà hóa.

. . .

Kết-luận. — Phương-ngôn có câu rằng : « Tài trai lấy năm lấy bảy, phận gái chính-chuyên một chồng. » Vậy thì đàn bà cốt lấy chữ trinh làm đầu, lòng son dạ sắt, sống gửi thịt, chết gửi xương, mới là phải đạo, nếu thấy chồng người tốt giả quan mốt mà lấy, thì còn là loài người sao được ? Như Điền-thị thấy người đàn bà quạt mồ cho khô, để đi cải-giá, trong bụng tức giận, xé tan cái quạt ra, nghe những lời phỉ-báng người đàn bà ấy, ai chẳng tưởng là người trinh-tiết ; ngờ đâu chồng chết mới được một tuần lễ, đã phải lòng trai, thậm-chí đập sằng lấy óc chồng cho trai uống thuốc, chẳng nghĩ gì đến tình ân-ái khi xưa, vì với người đàn bà quạt mồ lại còn độc-ác gấp mấy. Trang-sinh ẩn hình để mà thử, đã biết đến tâm-can rồi, đến lúc Trang-sinh ngồi giậy lại còn giả cách ôn-tồn. Trang-sinh nói kích cho mấy câu, thì xấu-hổ mà tự-ải chết, rõ thân làm tội đời, Trời nào có dung kẻ phụ-bạc ? Nên có câu rằng :

Ngán thay cái gái quạt mồ !
Ghê thay cái gái lấy vỡ đập sằng !

NGẠC-ĐÌNH *dịch*

Ý-KIẾN CỦA CÁC BẠN ĐỌC BÁO

BÀN VỀ TRUYỆN CỔ AN-NAM TA

Đời cổ An-nam ta có nhiều truyện huyền. Những truyện ấy làm trang điểm Nam-sử thêm vẻ thần-tiên lạ-lùng.

Kìa như truyện vua Lạc-long lấy bà Tiên-cơ đẻ ra một trăm trứng, nở ra một trăm con. Năm-mươi con theo cha lên núi ; năm-mươi con theo mẹ xuống bể, hay là xuống đồng-bằng thì phải hơn. Truyện này đặt ra hình như để giảng nghĩa tại làm sao trong nước ta ở các miền lắm núi có nhiều giống người khác nhau như Thổ, Mán, Mường, Nùng, v. v. ; ở các miền dưới đồng-bằng, dân mỗi nơi mỗi khác, như mỗi làng thờ

một vị thần, một phong-tục, một giọng nói, v. v. Nhiều làng giống như những nước ở Hi-Lạp đời xưa vậy Chắc rằng có xe lửa, có mọi cách thông-đồng dễ tiện, thời Trung-châu ta sau này dân mọi nơi đều giống nhau cả.

Truyện Sơn-tinh Thủy-tinh, đã có nhà sử-ký cắt nghĩa rằng : ấy là bởi sông Nhị-hà cứ đến mùa hè thời nước lên có khi quá 10 thước tây, cho nên truyện ấy bày ra. Vua Hùng-vương có một bà Công-chúa rất đẹp. Vua nước Thục là nước láng-giềng hỏi cho thái-tử, vua Hùng-vương không gả. Có hai chàng cùng đến hỏi bà công-chúa làm vợ. Ấy là Sơn-tinh và Thủy-tinh. Sơn-tinh ở núi, Thủy-tinh ở đồng-bằng. Vua không biết nhận lời bên nào, nói rằng hễ ai đem lễ cưới đến trước thì gả cho. Sơn-tinh đến trước, được lấy bà công-chúa đem về núi Tản-viên. Thủy-tinh tức mình, muốn báo-thù, bèn làm mưa to gió lớn dâng nước cao, tưởng làm đổ được núi, rút-cục lại không làm gì nổi Sơn-tinh.

Truyện thần-qui : truyện này là một bài tiểu-thuyết hoang-đường mà có vị chân-thực, vừa là một bài bi-kịch rất thảm-thiết. Vua An-dương được thần-qui giúp đắp xong thành ở chốn kinh-đô. Thần-qui cho một cái móng để làm máy nỏ, bắn một phát có thể giết được vạn người. Triệu-Đà đến đánh, phải chịu thua, rồi mưu-mẹo cầu hòa với An-dương-vương, gửi con trai tên là Trọng-Thủy để làm tin. Trọng-Thủy lân-la dỗ bà công-chúa tên là Mị Châu phải lòng, rồi lấy trộm được cái móng thần-qui, đem về đưa cho cha là Triệu-Đà. Triệu-Đà đem binh xông vào trong nước. Vua An-dương mất móng thần-qui bị thua, đem công-chúa chạy. Mị-Châu đi đến đâu thì giắc lông ngỗng đến đấy. Trọng-Thủy đuổi theo, đi đến bờ bể thì thấy [illegible] thấy bà chúa nằm đấy. Thần-qui đã hiện bảo vua An-dương rằng chính công-chúa đã làm hại vua, vua chém đầu công-chúa rồi gieo mình xuống bể. Máu bà Mị-Châu chảy ra nổi trên mặt nước, con chai hớp lấy thành ra hạt chai đẹp lạ. Trọng-Thủy đau-đớn điên-cuồng, đem xác bà chúa về Loa-thành chôn, rồi đâm đầu xuống giếng. Về sau người ta lấy nước giếng ấy rửa hạt chai thành ra sáng lạ.

Vua Đinh Tiên-Hoàng đánh mười-hai sứ-quân, nhất-thống trong nước. Lúc còn bé ở Hoa-lư-đồng với ông chú Có một hôm ông chú đi vắng, cùng với lũ trẻ con trong làng bày trò chiến-tranh, giết lợn khao quân. Ông chú về, vác gậy đuổi Đinh Tiên-Hoàng chạy đến bờ sông có rồng nổi lên, bèn chạy lên trên lưng rồng mà sang bờ bên kia. Ông chú không đuổi kịp. Có lẽ chỗ ấy có cầu, cái cầu ấy tơ-tưởng hóa ra con rồng chăng ?

Bà mẹ vua Lý Thái-tổ, người xấu xí, ở chùa, đêm nằm ngủ mộng thấy thần đến, rồi có thai, có lẽ thần ấy là nhân-thần, điều này khó biện ! Cứ lấy lẽ thường mà suy thì điều ấy không thể tin được. Lại có một điều không thể tin được nữa, là vua Lý Thái-Tổ khi hãy còn làm tiểu ở chùa, đên nhang trẽ-biếng. Thổ-thần báo mộng mách sư cụ. Sư cụ xét thực đánh mắng tiểu Tiểu giận thổ-thần, cầm bút để đàng sau lưng thổ thần : « *dỡ tam thiên-lí* ». Thổ-thần kêu-van, thời tiểu mới xóa cái án ấy cho.

Ấy là những truyện lạ có ghi trong Nam-sử. Hai quyển sách *Lĩnh-Nam trích-quái*, và *Truyền-kỳ man-lục* cũng có chép nhiều sự-tích lạ nữa. Cũng còn nhiều truyện khẩu truyền, không có biên trong sách nào cả.

Không kể những câu ca-dao, nhiều câu có ý-vị lắm, như :

Ba cô đội gạo lên chùa,
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư.
Sư mê sư ốm tương-tư, v. v.

Truyện khẩu-truyền của An - nam ta nhiều bài hay lắm. Như truyện thằng Cuội nói dối, có câu « *Sầm vào Cuội ra* » thành ra câu tục-ngữ ; truyện sao Hôm sao Mai đặt ra để tả một cảnh gia-đình. Như truyện thằng Cuội nói dối, với thằng Cuội ngồi gốc cây đa trong cung Hằng-nga, thì ta có thể nói rằng những truyện ấy thuộc về thiên-văn. Còn nhiều truyện thuộc về nhân-tình thế-cố, như Tô - thị vọng-phu, Tấm Cám, Vợ cóc, Chồng giê, v, v.

Tai ta nghe những câu ca-dao cùng những truyện cổ-tích mẹ truyền khẩu cho con khi còn ngây-thơ, mắt ta hình như coi thấy quốc-hồn phảng phất ở trong những câu ca dao dịp-dàng, những truyện cổ-tích có lý-thú ấy. Nếu ta ngẫm-nghĩ một chút thì ta biết rằng quốc-hồn ấy không phải chỉ riêng của An-nam mà thôi đâu, có quan - hệ đến tâm - hồn cả nhân-loại. Như truyện Tấm Cám tương-tự với truyện *Cendrillon* của PERRAULT. Chiêm - thành ngày xưa cũng có một truyện giống như truyện của ta.

Nói về Chiêm-thành thời giống gạo chiêm của ta có lẽ vốn ở nước ấy mà ra, điều này xin để các nhà bác-học chuyên-môn kê-cứu. Nay nước ta ngày xưa thôn-tính được Chiêm-thành, nó phải sáp-nhập vào nước ta, tiêu-hóa vào trong phạm-vi nước ta ; ta thường coi Chiêm-thành là rợ-mọi, nhưng mà bây giờ nhờ có kinh hiền-vi cách-trí Pháp đã rõ ra rằng Chiêm-thành văn-minh có phần cao hơn văn - minh của ta.

Chuyện Tấm-Cám vốn là của An-nam ta hay là của Chiêm-thành ? Cứ xem như tấm lòng sùng Phật một cách êm-ái giải ra trong truyện ấy thì có người bàn rằng không phải của An-nam đã thêu-rệt ra.

Truyện chồng Giê là một truyện vui-vẻ, tưởng nên kể ra sau này.

Ngày xưa, có hai vợ chồng kia hiếm-hoi, cầu trời khấn bụt mãi thì đẻ ra được một con giê. Nuôi nó đã lớn, nó muốn lấy vợ.

Trong làng có một nhà không có con trai, chỉ có ba con gái chưa lấy chồng. Giê nói với mẹ đến hỏi vợ cho mình ở nhà ấy. Mẹ nó bảo nó là giê thì người ta không gả cho đâu. Nó không nghe, cứ dục mẹ đi. Mẹ nó chiều lòng, đem trầu cau đến nói với bố mẹ đẻ ra ba cô con gái, xin gả một cô cho con mình. Bố mẹ gọi cô lớn nhất ra hỏi có muốn lấy chồng giê không, cô lắc đầu trả lời : — Con chả lấy chồng giê.

Hỏi cô thứ hai, cô cũng lắc đầu không thuận, kêu có khi nào người lại làm bạn với giê.

Đến khi gọi cô thứ ba ra hỏi, thì cô là người có hiếu nói : Cha mẹ đặt đâu xin ngồi đấy.

Bố mẹ định ngày làm lễ nghênh-hôn trang-trọng.

Đến khi cô râu chú rể vào buồng, đốt đuốc hoa, thì giê đổi lốt thành ra một người đẹp như tiên trên trần.

Hai chị đến chơi với em thấy chồng em đẹp trai thì hối-hận đau lòng xót ruột, không biết thế nào mà nói được. Khi về nhà, nói với bố mẹ rằng cũng muốn lấy chồng giê, xin tiền bố mẹ đi đến chợ gần đó, thấy có người bán một con giê đực, mừng lắm, mua giê giắt về nhà, yêu giê quí giê, kính giê trọng giê. Hai chị làm cỗ thật là tinh khiết, mời giê ăn, giê kêu *be be*, rồi giẫm chân vào bát đĩa vỡ cả. Tối đến, hai chị sắm-sửa giường cao chiếu sạch, mắc màn điều, kéo giê vào màn, giê vào màn, lấy sừng húc vào màn điều thủng rách cả ra ! Hai chị sợ điên cuồng.

Hai chị lập mưu cướp chồng em.

Chồng em đi lính (có người nói là đi làm quan), để vợ ở nhà. Trước khi đăng-trình thì có dặn vợ lúc nào cũng phải giắt luôn trong mình một quả trứng gà và một con dao. Dặn-dò xong rồi, chồng đi, vợ tiễn chồng nửa đường lộn lại.

Buồng không một mình, em buồn. Hai chị đến rủ ra bờ sông chơi. Hai chị dựng một cây đu, bảo em ngồi đu, hai chị đứng đánh đưa cái đu, trước còn sẻ-sẽ dịu-dàng, em ngồi gió mát dễ chịu. Đến sau hai chị ra tay đẩy cái đu mạnh hắt nàng xuống sông, chìm lỉm. Có một con cá lớn qua đó, nuốt nàng vào trong bụng. Nàng sẵn dao giắt ở mình, cắt ruột con cá : con cá chết, nổi lên mặt nước rồi trôi rạt vào bãi cát. Nàng khoét thủng bụng con cá chui ra.

Quả trứng nàng giắt trong lưng, sau nó nở ra một con gà trống. Nàng nuôi nó, cùng với nó ở một nơi rừng núi.

Lúc Giê trở về thăm nhà, đi qua đó, nghe có tiếng gà gáy, lấy làm lạ. Vào tìm trong rừng thấy vợ. Vợ kể đầu đuôi. Giê giấu vợ một chỗ, rồi về nhà hỏi hai chị : « Vợ tôi đi đâu? » Hai chị nói dối rằng em đi tắm bờ sông, chẳng may chết đuối.

Giê đem vợ về. Hai chị trông thấy em còn sống, xấu hổ tự-vẫn, rồi hóa ra hai cây nhài.

Truyện này hẳn tự ở xứ nào có nuôi súc-vật nhiều mà bày ra. Theo lối nhà nho mà giảng nghĩa, giê là tượng thời-tiết mùa xuân, khí dương thịnh, trời đất muôn vật đều có sinh-sắc sáng đẹp. Ấy là vẻ thiều-quang. Mùa hạ, mùa thu' mùa đông, không được tốt-đẹp bằng mùa xuân, nhất là mùa thu các nhà làm thơ coi như mùa buồn, phản-đối với mùa xuân vui. Xuân qua rồi xuân lại lại, làm tan những khối sầu các mùa kia đã chồng-chất ở trên mặt đất.

Hi-lạp ngày xưa có một vị thần thuộc về khí dương thịnh, danh-hiệu là Pan.

Trong pho sách tự vựng chép những cổ-tích Hi-lạp La-mã (*Dictionnaire des Antiquités grecques et romaines*) có một bài của ông Y-A. HILD nói về vị thần ấy. Diễn tóm ra quốc-âm như sau này.

Tổ-quốc ông Pan ở Arcadie, lắm rừng núi. Quân Hi-Lạp thắng trận ở Marathon, hôm sau thì ông Pan hiển-hiện báo cho dân ở thành Athènes biết, rồi tự đấy mà lan ra khắp trong Hi-Lạp. Theo truyện cổ-tích, ông Pan hiện ra trên núi Parthénius, báo cho người chạy thư ở thành Athènes đến biết tin mừng ấy mà bá-cáo cho dân Sparte. Ông Pan đã giúp nước được công ấy, cho nên dân mới lập đền thờ.

Có lẽ ông Pan ở trong xứ Arcadie, không những là một vị linh-thần, mà lại là vị thần cao nhất cả. Khởi đầu thờ tự ở núi Lycée. Ở trên tất cả các đỉnh núi trong xứ Arcadie, hình như có đền thờ ông Pan cả. Bởi thế các nhà chuyên-môn kê-cứu các sự-tích thần-thánh đời xưa coi ông Pan là một vị thần thái-dương, giáng-sinh trước thần Zeus, cao hơn thần Zeus.

Ông ROSCHER bàn rằng : ông Pan chỉ là cái hình-tượng tình-cảnh nhà chăn súc-vật mà thôi. Dẫu thế nhưng mà vẫn là vị thần dân sùng hơn cả ở đất Arcadie, cao hơn cả các vị thần khác. Bởi thế cho nên ông Pan không phải là một vị có đức-hạnh, có lòng quảng-đại theo như ý-tưởng của HOMÈRE và HÉSIODE. Ông Pan không dự gì đến việc trị-quốc tề-gia, việc tế-tự, việc mĩ-thuật, chỉ theo lẽ tự-nhiên mà thôi.

Cứ theo bài văn ca-tụng (*hymne homé-*

rique), cha ông Pan là ông Hermès, mẹ đẻ ra ông là bà tiên tên là Driop ở xứ Arcadie. Ông Pan chân giê, sừng giê, đề tóc mọc hoang, râu rậm, thường cùng với chư-tiên-nữ ở các bụi rậm, núi non, đồng cỏ, nhẩy-nhót rầm-rĩ. Có lúc thì săn đuổi các giống thú. Buổi chiều ông Pan nghỉ, thổi sáo hay hơn chim sơn-ca hót. Khi bà mẹ đẻ ông ra, thấy nửa người nửa vật, hay nô, lẳng-lơ, bà mẹ sợ đi chốn. Nhưng mà cha là ông Hermès lấy bộ gia thổ bọc con rồi đem lên trên Thiên-đình (*Olympe*), các bách-thần coi lấy làm vui lòng, nhất là ông thần Dionysos, bèn đặt tên ông là Pan, nghĩa là làm ai ai cũng thỏa-thích.

PINDARE lập ban thờ ông Pan ở trong nhà, cùng thờ với bà thầu-nữ Cybèle là mẹ đẻ ra bách-thần. PINDARE là một nhà hay thơ, lúc ban đêm nghe những các cô con gái ca-tụng ông Pan, thì PINDARE khởi-hứng cũng soạn một bài ca, tôn ông Pan làm chúa-tể trong đất Arcadie, coi giữ các đền linh, làm thánh-sư các nhà câu cá.

ESCHYLE ở trong vở tuồng đề là *Les Perses*, kể truyện trận Salamine có nói đến ông Pan.

SOPHOCLE, EURIPIDE, ARISTOPHANE, cũng có khi ca-tụng đến ông Pan.

PLATON mới sinh ra, cha mẹ đem lên núi Hymette để bán khoán cho ông Pan, cho các tiên-nữ, cho ông Apollon Nomios. Trong sách *Phèdre* của PLATON có tả những thắng-cảnh, sông Ilissus chẩy qua, ở đây có thờ ông Pan, cùng với các tiên-nữ và ông thần Achélous (Hà-bà).

HÉRODOTE kể sự-tích ông Pan hiển linh ở thành Athènes, có nói rằng ông Pan giống như một vị trong tám vị thần lớn ở thành Mendès bên Egypte. Ở thành ấy thờ ông thần Osiris thịnh-hành nhất cả. Osiris cũng là một vị thuộc về loài thú, tính dâm-đục, hay làm sinh-sản vượng-đinh cũng như ông Pan vậy.

Ở kinh-đô Hi-lạp, nhân-dân thờ thần Pan hơn cả mọi nơi. Ở đấy không có đền to lập lên để thờ ông, không có đúc tượng để chơi hay là để thờ, như ở tất cả các nơi khác, nhưng mà ở đấy dân-gian sùng-bái thành-tâm lắm. LUCIEN nói rằng : ở trong gầm trời không có nơi nào sùng ông Pan hơn nữa. Kể về hồi chiến-tranh ở Péloponèse, nói như thế thì thật. Mỗi năm, hai ba kỳ nhân-dân họp nhau làm lễ tế ông Pan, họ dùng đủ cách để mà tả hình ngài, cả đến đồng tiền cũng có hình ngài.

Ông ROCHER có soạn một bài kê-cứu riêng về ông Pan, kể các công việc của ông theo như truyện cổ-tích truyền lại. Xét ra thì tất cả công việc ấy căn-nguyên ở một việc chính của ông là việc chăn súc-vật. ROCHER lấy những phong-tục bây giờ hãy còn ở xứ Arcadie mà giảng nghĩa những công việc của vị thần ấy. Bởi ông là một nhà nuôi súc-vật, chăn cừu, nhất là hay chăn giê, đi qua các nơi thanh-vắng rừng-rú, chỉ có súc-vật làm bạn với mình, bởi thế hình ông nửa người nửa thú. Cách cư-xử của ông, công việc của ông, những sự vui chơi của ông, những sự ông giao-thiệp với các ông thần khác, với người ta và các giống vật, cũng có cái tính nửa người nửa thú cả. Ông chăn súc-vật cho nên các nhà làm thơ, các nhà mĩ-thuật tả cảnh ông theo giê cái, hình ông như giê đực, tính nết của ông cũng giống như giê đực. Ông ở hang núi, nhiều khi ở dưới gốc cây, bởi thế cho nên nơi nào sùng-bái ông, thì đều dùng hang núi, gốc cây để làm chỗ thờ ông vậy.

Người ta vẽ ông thần Pan chăn súc-vật, thời hay vẽ ông đứng ở trên núi cao trông xa để coi đàn súc-vật, kẻo có xẩy ra sự gì hại đến những giống ấy chăng.

ở các bình lọ, thì thường hay vẽ ông lấy bàn tay che mắt, đứng ở trên đỉnh núi, trời quang rạng, có chỗ thì chào Hélios đứng giậy, có chỗ thì chào Sélena đi, có chỗ thì nhìn chân trời để tìm các giống thú hay là các loài ác-điểu ; bởi vì không những ông hay chăn súc-vật mà lại hay đi săn nữa. Các người ở xứ Arcadie khi đi săn cúng ngài để cầu ngài phù-hộ cho Nếu đi săn không được muông gì, thời lấy roi đét vào cái tranh vẽ ông ! Ông Pan hay bắt chim, cũng có khi câu cá. Ông lại là vị thần coi-sóc các tổ ong, cũng như ông Aristée và ông Priape. So-sánh ông Pan với ông Priape thì nhiều điều giống nhau. Các người sùng - bái ông Pan lấy mật ong để cúng. Ông sở-thích họa đàn với múa nhẩy, không phải họa đàn với múa nhẩy theo luật phép mĩ-thuật nhã-nhặn, nhưng mà đàn với múa nhẩy một cách quê-kệch rầm-rĩ. Ông đã chế ra thứ sáo thổi, chập bảy ống sậy cao thấp không đều nhau. Trong khi ông ở cô-độc một mình ở trên núi Ménale, nghĩ ra cách chế thứ sáo ấy. Cổ-tích truyền lại rằng cái sáo ấy chính là nàng Syrinx tiên-nữ, ông theo nàng ấy mà ve-vãn. Ở trong rừng-rú thường có tiếng kêu ầm-ầm kỳ-dị, thì các người bản-xứ giải nghĩa rằng ấy là tiếng ông Pan chơi nỗ với chư-vị tiên-nữ, ca-xướng, cho nên tiếng ấy vang đi xa. Ông hay chơi đàn sáo, múa nhẩy không chán, hay đùa-đủ, đua nhau với các vị Satyres. Ông làm trò xoay vật mình, ngón tay sát vào nhau kêu tách-tách, lấy chân hất cái nắp đạy giỏ thờ (*ciste sacré*), như một đứa quê-kệch hay nghịch-ngợm.

Theo lý-tưởng một cuộc đời dã-man dâm-dục, thời ông Pan cùng với các vị Satyres và ông Priape, là vị thần hình-tượng mối ái - tình. Ông Pan phải lòng tuốt cả chư-vị tiên-nữ. Ông theo đuổi các nàng tiên ở cánh đồng, ở trong rừng. Trong số chư-vị tiên-nữ ấy, không kể bà Syrinx đã nói rồi, thì có bà Pytys, là thần cây thông bao giờ cũng xanh tươi. Ông thường ngủ ở dưới gốc cây ấy và múa nhẩy ở đấy. Ông thần Écho làm cho tiếng sáo của ông vang ra khắp các cánh đồng cỏ yên-lặng.

Trong bài ca-tụng ông Pan có câu : « Khi nào ngài nhẩy, chư-vị tiên-nữ vừa hát vừa múa, thì ở các đỉnh núi có tiếng vang rầm-rĩ. » Nói về những tiếng ầm-ầm ấy thì nên nhắc lại ở trong sách *Odyssée* có một đoạn kể chuyện ông Ulysse ngủ giậy, nghe thấy tiếng các nàng tiên theo hầu bà Nausicaa, thì ông Ulysse không biết có phải là có thần ám vào mình hay không. Cứ theo truyện cổ-tích thì cái sáo ông Pan thổi làm cho các người nhà quê và các người tiểu-phu phải khiếp hãi. CICÉRON có bàn đến những tiếng rầm-rầm của các vị Faunes, không nghe thấy bao giờ, nhưng mà đã nhiều lần trong lúc chiến-tranh có nghe thấy. Bởi thế mới sinh ra sự tơ-tưởng có yêu-tinh kêu rú, kỳ quái làm cho hồn người khiếp-sợ. Ở Marathon là lần thứ nhất, ông Pan đã hiển-linh ra một cách như thế để giúp cho nước được độc-lập, trước mắt các dân Hi-lạp kết-đảng với nhau để chống lại với quân Perses. Cho nên khắp cả nước cảm-tạ ông Pan, cũng như ông Echetlos là một đứng anh-hùng đã lấy lưỡi cầy mà đánh giặc. Ông Pan làm cho sĩ-tốt ở nơi chiến-trường phải khiếp-hãi, cũng như ông làm cho những con bò trong chuồng mê-hoảng, rồi chạy nháo lên hỗn-độn. Ở Salamine, ông cũng hiển-linh như vậy, người ta mục-kích thấy ông bay trên một quả núi thè-lè ra bể. EURIPIDE nói rằng ông Pan Cromien lấy cái roi dữ tợn của ông mà ra oai. Ngày xưa quân Gaulois đến cướp đền Delphes, thì ông Pan cùng với ông

Apollon hiệp-lực hiển-linh làm cho quân Gaulois khiếp hãi mà bị thua chạy. ROSCHER giảng nghĩa cái oai thần ấy nói rằng: ấy là lúc giờ ngọ nắng nực cho nên người ta cùng các giống vật nhọc-mệt ngủ mê, tưởng như có bóng đè khó chịu. Cổ-nhân tin rằng có một con yêu-tinh hiện ra giữa trưa, tức là ông Pan, ông Faune với ông Sylvain. Hai ông này là hai vị thần la-mã đồng-loại với ông Pan.

Lúc giữa trưa, người nào gặp các ông ấy, thì các ông ấy trêu-ghẹo giận-dữ. THÉOCRITE nói rằng đang giữa trưa người chăn súc-vật phải nhịn chơi sáo để cho ông Pan được tĩnh mà nghỉ-ngơi, không thì ông giận. Trong khi vào đám tôn kính bà thần Palès là một vị coi-sóc giữ-gìn các súc-vật, người chăn súc-vật cầu bà phù-hộ cho lúc giữa trưa đừng gặp ông Faune, đang buổi ấy ông Faune hay đi qua các cánh đồng, ấy là yêu-tinh Hi-lạp tên là Ephialtès MACROBE bàn rằng yêu-tinh ấy ám vào người ta, đè lên trên mình mà làm cho người ta tưởng rằng như có ai bóp cổ. Nhưng mà Ephialtès cũng có lúc hóa ra Ophélès chữa bệnh cho người ta. Nhưng cái mộng-mị bóng đè lại biến thành ra những giấc chiêm-bao lành, báo tin cho biết việc tương-lai, làm cho người ta nghĩ đến những phương-dược trị bệnh. Bởi vậy ông Pan là một vị thần làm thầy lang. Thành Trézène phải một hồi nhộn, sau rồi sùng-bái ông Pan gọi là Luterios. Nói đại-khái thì cổ-nhân có lúc coi ông như một tay phù-thủy có ích cho người ta, có thể bảo cho biết những lời sấm-ngữ, người đi đường lạc thì ông chỉ đường cho biết, ông thổi sáo có thể làm cho gió bão phải im. Các nhà tạc tượng tạc ông Pan nhổ chông gai ở chân người ta, ấy là để mà tả cái vẻ phúc-hậu.

Ông Pan ở Hi-lạp đem vào truyện hoang-đường bên La-mã, thì thành ra giống với các vị thần Nông-phố cả nước đều kính thờ, hình-giong dã-man cũng như ông, coi súc-vật cũng như ông, có tính dâm-dục thô-tục cũng như ông.

Đến hồi đạo-lý bách-thần suy, PLUTARQUE mê hoảng như một người chỉ trông thấy chứng bệnh phát ra ngoài mà không suy-xét đến bệnh-căn. PLUTARQUE kể truyện ông Pan mất, sự mất ấy chung cả môn đạo bách-thần đều mất, nhưng mà không mất hẳn đâu, lại sống lại, biến-hóa ra một vật gớm-ghiếc, biến-hóa ra ma. Cứ coi hình-giạng con ma, tâm-tính con ma, mà sánh với ông Pan của dân Arcadie tôn kính thời nó giống như bóc vậy. »

Xem một truyện thần Pan như thế ấy thì đủ biết tấm lòng của người Hi-lạp đời xưa tín mộ thánh-thần, cũng giống như dân An-nam ta phụng-sự bách-thần, nghĩa là tôn kính những vị thần linh để hộ-quốc ti-dân, nhiều khi kể bề đức-hạnh của những vị ấy thì không hợp vào khuôn phép của Khổng-giáo hay là Phật-giáo.

Người ta thường nói rằng bây giờ An-nam ta đang lúc giao-thời, văn-minh Á suy, văn-minh Âu thịnh, còn đương tìm lối mĩ-thuật, lối văn-chương, lối tư-tưởng cho thích-hợp với trình-độ dân-trí trong nước. Thiết-nghĩ muốn tìm những lối ấy thì ta trước hết nên để bụng vào sự học cổ-nhân, nhất là nên xem-xét văn-chương truyền-khẩu của An-nam đời xưa. Văn-chương ấy với lại biết bao những cổ-tích, bia, tháp, v.v., giải-rác mọi nơi, ấy thực là cái gia-tài của cổ-nhân giàu-có để lại cho ta đấy. Nhưng mà có một điều cốt-tử, đồng-bào ta nên lưu-tâm đến: là sự cần phải coi

Hi-lạp La-mã làm mẫu. Cái ánh sáng của Hi-lạp đã cùng với La-mã chiếu khắp Âu-châu; có lẽ nào người An-nam ta cố nhắm mắt không muốn nhìn cái ánh sáng đẹp-đẽ ấy, hay sao ?

Đỗ Hào-Đình *lai-cảo.*

VIỆC CẢI-LƯƠNG HƯƠNG-CHÍNH Ở TỈNH HÀ-ĐÔNG

Ngày thứ hai 11 tháng tư tây vừa rồi, tức là ngày mồng 4 tháng ba ta, làng Phương-trung, thuộc huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-đông, làm lễ khánh-thành trường học, nhà hộ-sinh và nhà hội-nghị-công-quán của làng. Làng có mời các nhà làm báo ở Hà-nội về xem : nhân ký-giả được mục-kích các việc cải-lương của xã Phương-trung là một xã to-lớn giàu-có vào bậc nhất trong hàng tỉnh. Bữa ấy các quan tỉnh Hà-đông và mấy qui-quan về sở Y-tế về chứng-kiến đông lắm. Dân làng nghênh-tiếp rất trọng-thể, vui-vẻ như ngày hội. Lễ khánh-thành bắt đầu tự chín giờ sáng, đến hơn mười-một giờ thời xong : trong đình diễn-thuyết, ngoài sân pháo nổ, sự-lệ cũng như thường, không có gì là lạ, duy có phường kèn tỉnh Hà-đông đến thổi giúp và trai làng ra múa kiệu phất cờ, nghi-vệ xưa, âm-nhạc mới, có cái vẻ Á-Âu hòa-hợp, cũng là một cái đặc-sắc của lễ khánh-thành hôm ấy. Lễ xong thời dân làng có đặt tiệc mời các quan tỉnh Hà-đông và các nhà soạn báo. Tiệc đoạn, quan Thái-tử Thiếu-bảo lĩnh Hà-đông Tổng-đốc Hoàng Đại-nhân, ngài là người chủ-động cả mọi việc cải-lương hương-chính ở tỉnh này, nhân tiện có rủ chúng tôi đi xem mấy nơi cải - lương ở gần tỉnh lại dẫn-dụ cắt-nghĩa cho nghe rõ-ràng, thật là một bài học mục-kích rất có ích-lợi Nay xin biên-chép những sự mắt thấy tai nghe và phụ thêm mấy lời nghị-luận về việc cải-lương hương-chính là cái vấn-đề hiện nay dưới từ quốc-dân, trên đến Chánh-phủ đương chú-ý đến, và những bậc thức-giả trong nước bàn-bạc cũng đã nhiều.

. . .

Trước hẵng nói về việc cải-lương ở xã Phương-trung. Xã này người nhiều của có, thật là đủ tư-cách để thực-hành việc cải - lương. Lại được các đàn-anh trong làng hiểu biết thời-thế, biết thuận theo lời khuyên - bảo của quan đầu tỉnh, nên việc cải - lương mới chóng thành - hiệu. Dân này trước đã lập khoán - ước cải-lương, đến bây giờ thời có nhà công-quán để làm nơi đồng-dân hội-họp mà bàn-bạc việc công, thế là cái cơ-quan chính-trị đã có rồi ; có nhà học - đường để lấy chỗ con em trong làng đến học-tập cho tiện, thế là cái cơ-quan giáo-dục đã có rồi ; lại có nhà hộ-sinh để trông - nom giúp - đỡ cho đàn-bà đến ngày sinh-nở, thế là cái cơ-quan vệ-sinh đã có rồi. Lớn từ một nước, nhỏ đến một làng, những việc quan-trọng nhất chẳng phải là việc chính-trị, việc giáo-dục, việc vệ-sinh ru? Nay làng Phương-trung thuộc về ba khoản đó đã dựng nên cơ-quan chỉnh-bị rồi, thế là đã bước được một bước to trên đường cải-lương vậy. Nhưng còn phải bước dần lên nữa, mới thật là tới nơi mục-đích. Vì những nhà trường, nhà hội, nhà đẻ đó, chẳng qua là cái hình-thức sự cải - lương mà thôi ; lại phải có cái tinh - thần sự cải-lương nữa

mới thực là hoàn-toàn. Cho nên quan Công-sứ trong lời hiểu-dụ đáp lại bài trần-thuyết của dân có nói rằng : « Dân có bụng tốt đón tiếp quan trọng-thể như thế này, quan lấy làm vui mừng lắm. Nhưng dân nên biết rằng không phải là quan vui vì trông thấy nhiều cờ quạt tàn lọng đâu, vui là vì dân đã biết hiểu sự cải-lương là có ích. » Lại quan Tổng-đốc hiểu-dụ cho dân có nói rằng : « Tôi thấy dân Phương-trung làm được nhà trường, nhà hội, nhà đẻ, tôi lấy làm mừng cho dân lắm. Nhưng tôi lại ước-ao rằng từ nay trở đi, suốt trong đồng-dân, kẻ trên người dưới, đều một lòng hòa-thuận với nhau, đừng có phân ra bè nọ đảng kia, tranh nhau kiện nhau, như thế mới thật là cải-lương. »

Các đàn-anh xã Phương-trung đã biết theo phong-trào mới mà gây-dựng lại cái nền hương-thôn cũ cho chỉnh-đốn, thời chắc rằng cũng sẽ biết thể hết cái ý của quan trên, nhất là quan Tổng-đốc Hoàng, mà thực-hành việc cải-lương cho đến mực hoàn-toàn vậy. Ký-giả đã được mục-kích sự cải-lương trong làng tốt-đẹp là đường nào, rất là mong-mỏi cho xã Phương-trung lắm lắm.

. . .

Ở Phương-trung về, quan Tổng-đốc Hoàng đưa đi xem trường dạy « thư-ký các làng », cách tỉnh-lỵ Hà-đông vài cây-lô-mét. Trường này do quan Tổng-đốc xướng-lập ra, mục-đích là dùng cách dạy tốc-thành mà luyện-tập lấy một bọn những người có tư-cách biên giữ các sổ-sách trong làng, như sổ đinh, sổ điền, sổ sinh-tử, giá-thú, v. v. Vì Chánh-phủ Bảo-hộ hiện nay đương biên-tập bộ Hộ-luật mới (tức là dân-luật), mấy thiên đầu về nhân-sự và tài-sản đã thành-cảo, quan trên biết tỉnh Hà-đông là tỉnh đã cải-lương sớm hơn các tỉnh khác, vậy định giao cho mấy thiên ấy để thí-nghiệm th hành trước. Trong luật mới có định rằn mỗi làng phải đặt một chức « hộ-lại » tức là một người thư-ký để giữ sổ-sác cho làng. Trường thư-ký các làng này chính là trường « hộ-lại » đó.

Hiện nay trường còn đặt tạm ở đìn làng Vạn-phúc, nhưng nghe đâu nay ma sẽ dọn về tỉnh-lỵ cho quan trên tiệ giám-đốc. Số học-trò được tám-mươ người, toàn là những người của các làn cử ra, hoặc đã làm thư-ký ở làng rồi hoặc tốt-nghiệp rồi về sẽ bổ thư-ký, mỗ người được ăn lương của làng sá đồng, học trong hạn sáu tháng. Còn nhiều người muốn xin học không lương mà vì chưa có chỗ chưa thể nhận được Lại có người lấy hạn học sáu tháng là ít quá, muốn xin học thêm một hạn nữa trình-độ hơi cao hơn. Quan Tổng-đốc Hoàng nói rằng muốn khoáng-trương cho to-tát thời có thể dung được hai trăm học-trò, đặt làm hai lớp.

Thầy giáo là các ông tham ông hậu tòng-sự ở nha-môn quan Tổng-đốc và ông thầy-thuốc ngạch Y-tế của bản-tỉnh. Giám-sát việc học và các công-việc về nhà trường là quan Án-sát lĩnh Thương-tá Hà-đông NGUYỄN TẤT-TẾ, ngài là một tay giúp việc rất cần của quan Tổng-đốc HOÀNG về các việc cải-lương dân-chính trong bản-tỉnh. Chương-trình học là những điều phổ-thông về các khoa toán-học, địa-dư, luật-học, vệ-sinh, việc cai-trị bản-xứ, và thứ nhất là cách biên-giữ các sổ-sách. Bấy nhiêu món đều dạy bằng tiếng An-nam, chữ quốc-ngữ cả.

Trường mới mở được hai tháng mà học-trò đã tấn-tới lắm. Quan Tổng-đốc có hỏi mấy người cho chúng tôi xem, hỏi về các thứ sổ chi-thu ở Đông-Pháp và cách lập sổ chi-thu thế nào, thời người nào cũng nói vanh-vách, ra ý thông-hiểu

lắm. Buổi ấy giữa là buổi ông thày thuốc bản-tỉnh là ông MARCEL dạy khoa vệ-sinh. Ông nói chuyện cũng ra người nhiệt-thành về việc cải-lương lắm. Ông nói rằng phận-sự ông là thày thuốc thời ông chủ ý nhất về việc vệ-sinh ở các làng. Ông thường đi giám-sát các nơi, hết sức khuyên dân về khoản đó. Như khoa vệ-sinh ông dạy đây là toàn các khoản vệ-sinh ở chốn hương-thôn cả, như hiện nay đương dạy về cách đắp đường khơi ngòi cho nước khỏi ứ, lấp ao rẫy cỏ để trừ giống muỗi, nói tóm lại là những phương-pháp làm cho đất lành người mạnh.

Xem xong trường thư-ký, ở đình Vạn-phúc ra, ký-giả có một cái cảm-giác rất tốt về việc cải-lương hương-chính và về cả tương-lai chữ quốc-ngữ ta nữa. Hai khoản đó tựa-hồ như không quan-hệ gì với nhau, mà thực là quan-trọng cho sự tiến-hóa dân ta lắm; khoản dưới coi như tầm-thường mà lại rất là thiết-yếu. Nếu tiếng ta không thể dùng để dạy học cho người ta được thời việc quốc-dân giáo-dục hỏng mất, việc quốc-dân giáo dục đã hỏng thời sự cải-lương dân-chính cũng hư, dân chính đã hư-nát thời mọi sự tiến bộ trong xã-hội sẽ bị đình-đốn hết. Cái động-cơ chỉ bằng tí, mà sức mạnh khiên-động cả xã hội: cái động-cơ ấy tức là tiếng quốc-âm, chữ quốc-ngữ của ta đó.

Nay xét ở trường thư-ký Hà-đông dùng tiếng ta mà dạy được hết các khoa phổ-thông cho những người lớn tuổi học, theo có trong khoảng năm bảy tháng mà cái trình-độ học tưởng chẳng kém gì các cậu học-trò Pháp-Việt lớp nhất lớp nhì, vì một đằng dạy thẳng bằng tiếng ta, dạy đến đâu biết đến đấy, một đằng phải dạy qua ở tiếng Pháp, bao nhiêu công-phu để vào học tiếng cả, đến chính cái học-thức phổ thông người ta ai cũng cần phải có, thời đến khi tốt-nghiệp thường vẫn hãy còn mơ-hồ! Xem như thế thời tiếng An-nam ta có thể dùng để dạy học được, dẫu không dạy được tới các khoa chuyên-môn, cũng dạy được hết các môn phổ-thông: và trong nước trừ một số ít người chuyên-trị Pháp-văn và Hán-văn cho rất thâm, còn phần nhiều nếu được lấy quốc-văn mà làm cái tiếng để dạy để học, thời trình-độ dân-trí chắc không bao lâu sẽ được tăng tiến hơn lên. Song vấn-đề này muốn bàn cho kỹ phải nói dài lắm mới hết lẽ, nay bàn riêng về việc cải-lương hương-chính thời trường thư-ký các làng của tỉnh Hà-đông này, tuy là một sự lâm-thời thiết-lập, cần đến phải đặt, mà thật là có ích cho việc cải-lương lắm lắm. Nhiều người phàn-nàn rằng việc cải-lương trong nhiều làng chẳng qua là hư-ứng để đẹp lòng quan trên, chớ chưa có gì là thực-hành, thành ra chỉ cải-lương trong khoán-ước, trên tờ giấy, mà không thấy cải-lương ra thực-sự; nhưng sở-dĩ làm sao mà ra thế, không phải là dân lười-biếng hay ngoan-ngạnh chi đâu, chỉ vì bọn đàn-anh nhiều khi còn mơ-hồ, quan bảo sao nghe làm vậy mà thực chưa hiểu cái lẽ cải-lương ra làm sao. Nay mỗi làng đã có một vài người ra học ở tỉnh, được nghe giảng những điều thiết-yếu về các lẽ cai-trị, các ý-nghĩa luật, chắc là trí-thức được mở-mang thêm ra và hiểu các lẽ cải-lương thay-đổi ở đời nay; những người ấy không những biết riêng một mình, khi về làng lại truyền-dạy cho người khác, thành ra dần-dần trong hương-thôn có nhiều người thông-hiểu, thời việc cải-lương lo gì mà không thực-hành được? Bởi thế nên ký-giả ước-ao rằng không những một tỉnh Hà-đông mà các tỉnh khác cũng nên

theo gương tỉnh Hà-đông, không những ở một nơi tỉnh-lỵ mà ở cả các phủ huyện-lỵ, đều nên đặt ra những trường như thế, lợi-dụng các ông hậu-bổ trợ-tá về ngạch cũ hiện nay không có chức vụ gì nhất-định để làm thầy giáo dạy, không những dạy cho những người chuyên chức thư-ký các làng mà thôi, lại những đàn anh có phần việc trong làng cũng nên cho lần-lượt nhau đến mà nghe giảng ; thành hẳn một nhà học-đường thường-lập như các trường huấn giáo khi xưa, chớ không phải là một nơi tập-luyện lâm-thời mà thôi. Hoặc có người nói : « Thế ra lập trường kỳ-mục sao ? Kỳ-mục có thể dạy được sao ? » Xin đáp rằng : « Kỳ-mục tuy không có thể dạy như dạy học-trò được, nhưng phàm người đàn-anh trong một làng có thể giảng-dụ cho nghe những điều thiết-yếu về việc dân-chính, để đến khi về nhà lại truyền - dạy cho con em, tức là một cách phổ-thông giáo-dục rất hay. Bây giờ đâu đâu cũng nói cải-lương, vậy mà trừ mấy xã ở tỉnh Hà-đông, còn nhiều nơi cải-lương cũng chưa thấy kết-quả gì cho lắm, dường như thảo xong một tập khoán-ước, đọc xong mấy bài diễn-văn, thế là xong việc cải - lương, là tại làm sao ? Là tại còn thiếu những người đàn-anh có đủ tư-cách mà thực-hành việc cải-lương. Không có người thời phải gây lấy người ; gây lấy người, phi dùng cách đặt trường như trên kia đã nói, tưởng không có cách nào khác nữa, trừ bỏ tay ngồi đợi cho bao giờ dân đến trình-độ mà thôi. Nhưng trình-độ ấy biết bao giờ cho đến? Cho nên nói rằng kỳ-mục tuy không thể dạy được mà cũng cần phải dạy là nghĩa thế... »

Ở Vạn - phúc ra, quan Thượng Hoàng đưa luôn đi xem làng Thanh - liệt, thuộc uyện Thanh-trì, là một làng cải lương rước nhất ở tỉnh Hà-đông. Ngài nói rằng hồi ngài mới về Tổng-đốc Hà-đông, nghĩa là đã được mười-ba mười-bốn năm nay, dân làng này nát lắm, chỉ những kiện-cáo nhau hoài. Ngài bèn ra sức khuyên-bảo cho cải-lương, dần-dần dân thuần tục tốt, ngày nay thời đã thành cơ-sở vững-vàng rồi. Chúng tôi có xem qua nhà trường, máy lọc nước (máy này xây bằng gạch và xi-mo, phí-tổn mất sáu trăm đồng, để lấy nước ao, lọc, chứa vào một cái bể kín, rồi có vòi vặn ra, tiện cho người dân khỏi phải dùng nước chuôm nước ao bẩn sinh ra bệnh-tật), rồi vào đình xem ; ở đấy có đặt bàn-ghế để làm nơi công-nghị. Quan Thượng cùng chúng tôi về đây là lính - cờ, không có sức trước, thế mà chỉ trong mấy phút đồng-hồ tuần đi báo bao nhiêu các hội-viên hàng xã cùng những người có phần việc đều có mặt ở đình cả. Coi đó thời đủ biết trong làng đã có trật-tự lắm.

Đến năm giờ chiều thời chúng tôi cáo-biệt quan Thượng Hoàng mà quay xe trở về Hà-nội.

Ngồi trong xe mấy anh em bàn về việc cải-lương ở tỉnh Hà - đông, ai nấy đều thâm - phục quan Thượng Hoàng là một ông quan sáng - suốt mà lại có tài thực - hành, trong mười mấy năm trọng-nhậm tỉnh Hà - đông đã làm được bao nhiêu công việc ích-lợi, khiến cho tỉnh này ngày nay nghiễm-nhiên thành như một cái gương, một cái mẫu cho các tỉnh khác bắt chước, trên từ Chánh-phủ, dưới đến quốc-dân cũng đều công-nhận như thế. Không những việc cải-lương hương-chính, ngài chủ-trương xướng-suất ra trước nhất, ngài lại thường-thường giám-đốc đến luôn, mà thứ nhất là các công-nghệ trong hàng tỉnh, ngài thật đã ra công chấn-loát. Một tay ngài đã mở ra biết bao nhiêu những công-nghệ nhỏ như tiếng tây gọi là « gia-đình công-nghệ » (*industries*

familiales), nghĩa là những nghề trong dân-gian nhà nào làm cũng được, phòng khi mùa màng không lợi, hay là tháng rỗi ngày rỗi, làm một cách sinh-nhai thêm rất tiện-lợi; vì ngài biết rằng muốn cải-lương cho dân, phải chăm đường sinh-kế cho dân trước nhất. Ngày nay những nghề làm dồ, mây, dệt gấm, và nhất là nghề đan « den » (*dentelles*) ở tỉnh Hà-đông thịnh như thế, tiêu-thụ ra ngoài và thâu-lợi cho dân được nhiều như thế, chính là nhờ tay quan Thượng Hoàng đó. Mỗi năm đến kỳ Đấu-xảo hay là kỳ Hội-chợ, cứ xem một gian tỉnh Hà-đông, nhiều những đồ khéo kiểu lạ biết bao nhiêu, thời đủ biết công-nghiệp quan Thượng Hoàng chấn-hưng công-nghệ cho dân tỉnh ấy thế nào.

Thế-nhân khen ông quan hay thường vì như một vị phúc-tinh, nhưng xét ra chữ ấy lạm dụng cũng nhiều. Nay gọi quan Thiếu Hoàng là vì phúc-tinh cho tỉnh Hà-đông, thời tưởng cũng không phải là quá-đáng vậy. Ngài là phúc-tinh cho tỉnh Hà-đông mà cũng có thể gọi là mô-phạm cho cả quan-trường nữa. Ôi! ở thời-buổi này, những bậc năng-quan lương-lại cũng ít có, mà có thời cũng ít người làm nên sự-nghiệp to-lớn, có ích cho dân, phần nhiều chỉ cốt giữ lấy thân-danh cho chu-toàn, mà tựu-trung cũng có người giữ không được vẹn, vậy mà Hoàng Tổng-đốc đã khéo biết lập nên một cái nền dân-chính rất xứng-đáng, lấy chấn-hưng công-nghệ làm gốc, cải-hóa dân-phong làm ngọn, tưởng cũng không thẹn với các bậc danh thần thủa trước, và thực đã làm khởi-sắc cho quan-trường đời nay vậy.

THƯỢNG-CHI

THỜI-ĐÀM

Quan Toàn-quyền Long đã trở về Đông-Pháp. — Quan Toàn-quyền LONG năm ngoái về Đại-Pháp để thương-thuyết các việc, mới đây đã trở lại Đông-Pháp, vắng cả thảy có năm tháng. Trong năm tháng ấy, ngài đã trù-tính được nhiều việc có ích-lợi cho Đông-Pháp. Ngài đã trực-tiếp với quan Thuộc-địa Tổng-trưởng SARRAUT, giao-thiệp với các ông nghị-viên hai viện, các nhà công-nghệ buôn-bán, mà quyết-định một cái chương-trình những công-việc lớn để mở-mang các tài-nguyên trong bản-xứ và giúp cho cuộc kinh-tế phát-đạt hơn lên. Trước nhất ngài định làm xong đường xe-lửa từ Hà-nội về Sài-gòn, còn một quãng Vinh-Đông-Hà hơn 300 cây-lô-mét chưa thành, quãng ấy mà nối liền lại được, thời Nam-Bắc giao-thông, tiện-lợi đủ đường. Bởi thế nên ngài đã xin phép Nghị-viện mở một cuộc công-trái bằng bạc riêng trong nội-địa Đông-pháp, hạn số là sáu trăm vạn đồng (6 triệu), tùy-nghi muốn mở làm mấy lần, mở vào bao giờ cũng được, để lấy tiền kinh-phí việc đó. Hiện nay Hạ Nghị-viện đã cho phép rồi, còn đương đệ ra Thượng-nghị-viện, chắc cũng duyệt-y, bấy giờ thời sẽ châm-chước thi-hành. Bản chí dịch dưới này đạo luật về cuộc công-trái đó mà Hạ nghị-viện đã duyệt rồi. — Về chính-sách đối với người bản-xứ thời ngài đã đồng-ý với Chánh-phủ và Nghị-viện Đại-Pháp định cứ theo một chính khoan-dung đại-độ như quan Toàn-quyền SARRAUT trước, hết sức khai-hóa cho người dân và dần dần cho những người có đủ tư-cách được tham-dự vào việc nước.

Nay muốn biết những công-việc của quan Toàn-quyền LONG đã trù-tính bên Đại-Pháp trong mấy tháng vừa rồi, không gì bằng tóm-lược đại-ý bài diễn-thuyết của ngài ở Hội

Thương-nghiệp Sài-gòn hồi ngài mới tới Nam-kỳ đầu tháng này.

Về việc tiền-tệ. — Các bạn đọc báo chắc còn nhớ rằng năm ngoái quan Toàn-quyền về Pháp là định để giải-quyết vấn-đề tiền-tệ. Nhưng cái tình-hình tiền-tệ năm ngoái với năm nay khác nhau xa lắm, nên ngài định rằng hiện nay cứ nên giữ y-nguyên, không nên cải-cách gì, vì Hội-đồng tiền-tệ năm ngoái có xin đặt tiền vàng làm bản-vị mà hiện nay không phải cơ-hội đặt được. Duy có luật đặt bạc giấy cưỡng-hành (*cours forcé*) thời nay mai sẽ bãi, vì số hiện-kim của nhà băng năm ngoái có năm triệu đồng, năm nay đã tăng tới mười bốn triệu, và có lẽ mỗi ngày một thêm lên nữa; như vậy thời từ sau trở đi phàm giấy bạc sẽ được tùy ý đổi lấy bạc đồng bao nhiêu cũng được, không có hạn-chế như trước nữa.

Việc cho nhà Đông-Pháp ngân-hàng được tái-hạn đặc-quyền. — Nhà « Đông-Pháp ngân-hàng » (*Banque de l'Indochine*) là một công-ti riêng, nhưng được đặc-quyền như một sở ngân-hàng của Nhà-nước, thứ nhất là quyền phát-hành bạc giấy. Đặc-quyền ấy đến sang năm thời hết hạn, quan Toàn-quyền đã cùng với quan Thuộc-địa-bộ thương-thuyết định lại cho tái-hạn, nhưng bắt ép công-ti phải để lợi-quyền riêng cho Chánh-phủ và các nhà công-thương Đông-Pháp, như cho Chánh-phủ vay không lấy lãi, cho các nhà công-thương bản-xứ vay lấy nhẹ lãi, có lời thời phải nộp tiền hoa-hồng vào sổ chi-thu chung, v.v.

Các công-trình lớn. — Một thuộc-địa lớn như Đông-Pháp càng ngày càng mở-mang phát đạt, thời các công-trình lớn càng ngày lại càng nhiều, chánh-phủ kinh-lý không xuể. Quan Toàn-quyền đã thương-thuyết với bên Bộ, định đem mấy việc to giao cho các công-ti riêng làm, chính-phủ giám-đốc, cùng với công-ti giúp một phần kinh-phí và hưởng một phần lợi-ích. Như đã mấy năm nay chính-phủ định đặt một sở Vô-tuyến-điện (T.S.F.) rất to ở Sài-gòn để thông với các nước Âu-Mĩ, nhưng bấy lâu chưa làm xong được vì thiếu tiền, thiếu người. Nay định giao cho công-ti « Vô-tuyến-điện tổng-cục » (*Compagnie générale de T.S F.*) kinh-lý, chỉ trong khoảng một năm nữa thời thành-công. Lại như xưởng làm tàu ở Sài-gòn, hiện thuộc về bộ Hải-quân bên Pháp, nhưng chính-phủ cũng không hết sức kinh-lý được, vậy quan Toàn-quyền đã xin với bên Bộ giao lại cho Đông-Pháp để mở đấu-giá cho một công-ti riêng lĩnh-trưng. Thuộc về các đường xe lửa thời trừ đường xe lửa lớn Hà-nội — Sài-gòn, khúc Vinh-Đông-hà hiện đã lập chương-trình đâu đấy rồi, chỉ đợi mở công-thái 6 triệu đồng để lấy tiền mà làm nốt, không kể, còn mấy đường nhỏ đã dự-định từ lâu, như đường Mỹ-tho — Cần-thơ — Sốc-trăng — Bạc-liêu, đường nối vào Lang-Biang, đường Sài-gòn đến Kratié và giáp-giới nước Xiêm, mà chưa lập chương-trình, thời hiện đã có mấy công-ti xin nhận làm, chính-phủ sẽ thương-lường mà liệu giao cho làm dần. — Những việc gì không làm xuể, chánh-phủ hiệp-đồng với các công-ti thật là một sự hay và rất tiện-lợi. Nhưng việc gì chánh-phủ kinh-lý lấy cũng nên gọi vốn trong dân-gian để cho người dân được hưởng lợi chung. Bởi thế nên quan Toàn-quyền xin mở công-trái 6 triệu đồng, chỉ để dùng riêng mà làm nốt đường xe lửa Vinh-Đông-hà. Khúc ấy tuy thuộc về địa-hạt Trung-kỳ, nhưng ai không hiểu rằng quan-hệ đến cả toàn-hạt Đông-Pháp? Việc là việc ích-lợi chung, ai cũng đã rõ, chắc rằng đến khi mở công-trái thời người dân cả ba kỳ đều vui lòng mà giúp vào.

Việc hằng-hải. — Hiện nay ở Paris có sửa-soạn lập một công-ti phụ với công-ti Hằng-hải Á-đông (*Messageries maritimes*) để đặt tàu chạy từ Pháp sang Đông-Pháp, Tàu và Nhật-bản. Công-ti ấy định lấy Thượng-hải (*Shanghai*) và Hoành-tân (*Yokohama*) làm mục-đích và lấy các cửa bể Đông-Pháp là nơi ghé-đáp mà thôi, như thế thời không tiện cho Đông-Pháp lắm. Quan Toàn-quyền đã hết sức thương-thuyết cho công-ti ấy lấy Sài-gòn và Hải-phòng làm mục-đích, chắc rồi cũng được.

Đó là các đường hằng-hải lớn, đến các đường phụ, thời Đông-Pháp ta hiện đương tổ-chức một đội thương-thuyền, theo như chủ-ý quan SARRAUT năm xưa. Đội thương-thuyền ấy hiện nay đã có một chiếc đương chạy, là

chiếc *Indochine* ; còn một chiếc 3100 tấn hiệu *Albert Sarraut* mới hạ-thủy ở Sài-gòn và hai chiếc 1500 tấn đương làm ở Hải-phòng. Đội thương-thuyền mới ấy quan Toàn-quyền cũng định sẽ giao cho một công-ti họp cả vốn người Tây người Nam kinh-lý.

Về công-nghệ. — Trong khi ở Đại-Pháp, quan Toàn-quyền cũng chú-ý đến công-nghệ bản-xứ. Ngài có vào thăm hội Thương-nghiệp thành Lyon, nói cho các nhà đại-thương ở đấy biết về tình-hình công-nghệ ở Đông-Pháp. Thành Lyon vốn là một nơi dệt đồ tơ-lụa to nhất trong thế-giới, xưa nay vẫn buôn tơ của Tàu và Nhật-bản nhiều. Nghe quan Toàn-quyền nói, lập-tức có mấy nhà buôn lớn định mở một công-ti vốn 5 trăm vạn để mua tơ của Đông-Pháp, chỉ nhờ Chánh-phủ giúp khuyên-bảo người dân những cách nuôi tằm lấy tơ cho khéo mà thôi.

Quan Toàn-quyền diễn-thuyết xong, kết-luận nói rằng trong khi ngài ở Đại-Pháp ngài đã hết sức cổ-động cho Đông-Pháp ta, hiện nay người qui-quốc đã biết đến bên ta lắm, và trên tự Chánh-phủ cùng các nghị-viên, dưới đến dư-luận đồng-dân, đều công-nhận cái chính-sách chấn-hưng kinh-tế và khai-hóa thổ-dân, chính là cái chính-sách hiệp-lực cộng-tác của quan SARRAUT đã xướng ra năm xưa, và từ bấy đến nay quan Toàn-quyền nào cũng một lòng theo, thấy nước được bình-yên thịnh-vượng, dân được vui-vẻ làm ăn, như thế thời chắc là cái đường-lối chánh-đáng rồi, không bao giờ sai nữa. Nên ngài kết rằng : « Cái chí tôi là cứ quả-quyết mà theo một đường ấy ; những sự tôi mắt thấy tai nghe tại mẫu-quốc mới rồi cũng đủ làm cho tôi vững lòng. Đường-lối ấy, chính-sách ấy, thật là hợp với cái quyền-lợi của Đại-Pháp mà lại hợp với lẽ tiến-hóa của các dân-tộc Á-đông đời nay vậy. »

. . .

Luật về cuộc công-trái 6 triệu. — Phàm mở công-trái phải có một đạo luật tuyên-bố, cả hai nghị-viện duyệt-y cho phép mới được. Đạo luật về cuộc công-trái 6 triệu của Đông-Pháp, Hạ-nghị-viện đã duyệt-y, hiện còn đệ-trình Thượng-nghị-viện. Luật có 6 điều, xin lược-dịch như sau :

« *Điều thứ* 1. — Chánh-phủ Đông-Pháp được phép mở một cuộc công-trái 6 triệu đồng, trả làm ba mươi năm, và dùng để hiệp với các khoản tiền đã dự-định trong luật ngày 26 Décembre 1912 và sắc-lệnh ngày 11 Septembre 1913 mà làm nốt đường xe lửa Vinh — Đông-hà (Khu Vinh — Tân-ấp và Đông-hà — Ngạn-sơn).

« *Điều thứ* 2. — Số tiền trích ra để trả đồng-niên không được quá số lãi 7,50 %, của tổng-số công-trái trong một năm, kể cả các khoản kinh-phí về việc phát-hành.

« Số tiền đồng-niên ấy, Chánh-phủ Đông-Pháp được phép chia ra từng phần gọi là « lô » (*lots*), rồi rút thăm trong những người mua vé công-trái, ai trúng thời được lĩnh, nhưng không bao giờ được lĩnh hơn số gốc quá 1 %, một năm.

« *Điều thứ* 3. — Công-trái có thể phân ra mà mở làm nhiều kỳ, tùy sự cần-dùng.

« Mỗi kỳ mở phải có sắc-lệnh quan Giám-quốc chiếu lời trình của quan Thuộc-địa-bộ cho phép và đăng vào Quan-báo Đại-Pháp.

« Trong tờ trình đính theo với sắc-lệnh cho phép lần nào cũng phải nói rõ các khoản thu lần trước tiêu những việc gì, kể tên những người đã nhận tiền ấy, kể số những tiền phí-tổn về việc quảng-cáo, nói rõ công-việc đã làm được đến đâu và phải cần bao nhiêu nữa mới làm xong.

« Trong tờ trình lại phải kê rõ rằng các khoản kinh-phí về những công-việc đã làm xong rồi, những công-việc sắp sửa làm, và những công-việc dự-định thêm, tổng-cộng không quá cái số của cuộc công-trái này.

« *Điều thứ* 4. — Những vật-liệu dùng để làm đường, cùng những máy-móc dụng-cụ dùng để kinh-lý khi đường đã thành, hễ trong bản-xứ không có đủ thời phải mua của Đại-Pháp và phải chở bằng tàu Pháp.

« Song lâm-thời quan Thuộc-địa-bộ có thể ký nghị-định cho phép đặc-cách trái lệ này được.

« *Điều thứ* 5. — Số mỗi năm trích ra để trả lãi và trả gốc dần về cuộc công-trái này, thời năm nào cũng phải biên rõ-ràng vào sổ chi-thu chung của Đông-Pháp.

« Tiền lãi và tiền gốc chiếu theo số phiếu rút thăm trúng mỗi năm thời trả ngay ở Đông-Pháp.

« *Điều thứ 6.* — Những công-văn thuộc về cuộc công-trái này mà cần phải trước-bạ thời phải chịu thuế trước-bạ nhất-định là ba quan tiền tây và 1 $ 20 tiền Đông-Pháp. »

. . .

Đội thương-thuyền Đông-Pháp — Chiếc tàu «Albert Sarraut». — Trên kia đã nói rằng đội thương-thuyền của Đông-Pháp hiện nay có bốn chiếc : một chiếc đã chạy rồi, một chiếc mới tiệm xong và hai chiếc còn đương làm. Chiếc thứ nhất là chiếc *Indochine* hiện nay đương chạy đường Đại-Pháp — Đông-Pháp, nguyên là một chiếc tàu cũ của Nhật-bản hiệu *Unkai-Maru*, Chánh-phủ Đông-Pháp mua được, rồi trang-chỉnh lại, trong khi chiến-tranh hiểm tàu cũng đã giúp được việc ; chiếc thứ nhì là chiếc *Albert Sarraut* chế ở xưởng Thủy-quân (*Arsenal*) Sài-gòn, mới hạ-thủy ngày 6 Avril vừa rồi, trước mặt quan Toàn-quyền LONG ; hai chiếc nữa, một chiếc đặt hiệu là *Van Vollenhoven* (tên quan Phó Toàn-quyền tử-trận) và một chiếc đặt hiệu là *Fils Doumer* (để kỷ-niệm hai người con trai quan nguyên Toàn-quyền DOUMER bị tử-trận) thời hiện đương làm ở công-ti chế tàu Hải - phòng (*Société des Ateliers Mritimes*).

Chiếc tàu hạ-thủy ngày 6 avril vừa rồi làm sao lại đặt tên là *Albert Sarraut*, thời chắc các bạn đọc báo cũng đã hiểu vì cái thâm-ý của Chánh-phủ muốn tỏ ơn với quan nguyên Toàn-quyền ALBERT SARRAUT, ngài là người đã xướng-lập ra đội thương-thuyền Đông-Pháp trước nhất.

Nay xét tàu *Albert Sarraut*, có những đặc-tính như sau này : Trường : 85 thước ; — khoát : 12 thước ; — dung-lượng (nghĩa là sức chở hàng) : 3100 tấn ; — trọng-lượng (nghĩa là sức nặng) : 6000 tấn ; — cao : 12 thước ở giữa. — Hai cột buồm, mỗi cột nặng là 6520 cân ; vỏ sắt dầy ước 20m/m. ; ống khói khẩu-kính rộng 3 thước ; hai nồi lửa mạnh 120 mã-lực ; tốc-độ ước chừng 11 hải-lý một giờ ; trong tàu có bốn kho đựng hàng, 5 cái trục để cất hàng, bốn cái nặng 4 ngàn cân và một cái nặng ba ngàn cân. Các máy thời mua ở công-ti « Société des Chantiers de la Loire » và nồi lửa cùng các đồ phụ-trang thời thửa ở công-ti Dubigeon ở thành Nantes, bên Pháp.

Kinh-phí tổng-cộng là 1 nghìn vạn, mới coi cũng khá đắt, nhưng vì trước khi làm tàu phải sửa-sang lại xưởng Thủy-quân ở Sài-gòn, tiền phí cũng kể cả vào đấy. Chắc làm một chiếc thứ nhì nữa thời đồ-dùng kiểu-mẫu đã sẵn rồi, kinh-phí có thể giảm được non nửa.

TẠP-TRỞ

Cuộc diễn-kịch về tích « Thương-khó » Đức Gia-tô. — Đức Gia-tô là đứng giáo-chủ đạo Thiên-Chúa chính-truyền, trong một đời Ngài giáng-sinh xuống thế-gian để cứu-khổ cho nhân-loại, các kinh chép biết bao nhiêu là sự lạ tích kỳ, nhưng không có đoạn nào cảm-kích bằng đoạn Ngài chịu nạn, tức trong sách bên giáo gọi là tích « Thương-khó » (*la Passion*), nghĩa là chịu thương chịu khó cho loài người. Ngày chủ-nhật 27 Mars vừa rồi, nhân lễ *Pâques*, các ông hội-viên hội « Nam-thanh », là một hội những bậc tri-thức bên giáo ở Hà-nội, có mở một cuộc diễn - kịch tại trường Thày - giòng (*École Puginier*) về tích «Thương khó», để lấy tiền tu-bổ nhà trường « St Jean-Baptiste de la Salle ». Việc là việc nghĩa, tích là tích hay, lại cách các quan-viên Hội bài-trí diễn-tập rất là chỉnh-đốn, rất có công-phu, nên bữa ấy và bữa sau diễn lần thứ nhì, bao nhiêu những thân-hào quan-chức cùng những gái lịch trai thanh trong Hà-thành ta đều đến xem đông lắm, cả cái buồng rộng trong trường Thày-giòng chật ních những người.

Kịch chia làm mười-lăm cảnh ; từ lúc Đức Gia-tô cùng đồ-đệ vào thành Jérusalem, cho đến lúc Ngài phải tội câu-rút rồi phục - sinh lại, qua những đoạn Mẹ Con than khóc, Thày Trò luyến thương, lại những đoạn Judas phản-bội, Trấn - thủ hỏi-tra, lịch - lịch như trông thấy bao nhiêu nỗi khổ tình thương đồ dồn cả lại, hình như để biểu rõ cái thiên-chức của một đứng giáo-chủ chí - tôn trong lịch-sử loài người vậy. Mắt nhìn những cảnh khổ ấy, tai nghe những lời thương ấy, dù người bên giáo hay người bên lương, ai ai cũng phải cảm-động.

Nói tóm lại thời cuộc diễn - kịch này cũng đã khéo lắm, nhất là mấy vai đóng Đức Gia-tô, Đức Mẹ, Judas và quan Trấn-thủ, y-phục toàn theo y-phục đời bấy giờ, trông cũng lạ.

Đương lúc quốc-dân nhiệt-thành về sự cải-lương diễn-kịch, các ông hội-viên hội Nam-thanh đã tổ-chức được một cuộc diễn-kịch vừa hay vừa khéo, lại vừa có cái đạo-vị thâm-trầm như thế, thật là đáng khen lắm.

Tích này diễn có vở, là sách « *Diễn hoạch Gia-tô khốn-nạn* » của Cụ NHÂN, in ở sở Thiện-bản, Ninh-bình, từ năm 1913. Lời văn tuy theo giọng các sách bên giáo mà đại-đề cũng chơn-chu dễ hiểu.

GIỚI - THIỆU SÁCH

1. — *Truyện ba người Ngự - lâm pháo-thủ* (Les trois Mousquetaires). Pháp - quốc lịch - sử tiểu - thuyết. ALEXANDRE DUMAS soạn. NGUYỄN VĂN-VĨNH diễn nôm. Cuốn thứ nhất, 32 trang. Giá 0$15. In tại nhà in Trung-Bắc tân-văn.

Người ta ai cũng thích xem tiểu-thuyết, mà những tiểu-thuyết truyền-kỳ về lịch-sử lại càng nhiều người ưa hơn cả. Tiểu-thuyết truyền-kỳ về lịch-sử thời ở Á - đông ta không bộ nào phổ-thông bằng bộ *Tam-quốc* ; ở bên Pháp thời không truyện nào phổ-thông bằng « Truyện ba người ngự-lâm pháo-thủ » của ALEXANDRE DUMAS. Truyện này ông VĨNH đã dịch ra quốc-ngữ từ năm xưa, đăng trong báo *Notre Revue*, rồi lại tiếp đăng trong *Đông-dương tạp-chí*, nay nhân có nhiều người thích xem, ông mới in riêng ra thành sách. Quốc-dân bây giờ đương hiếm sách quốc-ngữ để đọc, nay được truyện này vừa tích hay vừa dịch khéo, chắc nhiều người hoan-nghênh và sách sẽ tiêu-thụ được nhiều vậy.

Truyện này dài lắm, đây mới là cuốn thứ nhất, còn đến mấy chục cuốn nữa mới hết.

. . .

2. — *Hùng-sơn ngọc-phả* 雄山玉譜. Tùng-sơn PHẠM HUY-HỒ soạn. — Hà-nội, Vĩnh-Thành công-ti in, 1921 ; 18 trang. Giá : 0$20.

Sách này cụ Tùng-sơn soạn từ năm 1916, năm nay nhân ngày hội Đền Hùng mồng 10 tháng 3 vừa rồi, cụ mới xuất-bản để giúp cho những người đi xem hội biết sự-tích giòng vua thủy-tổ nước Nam ta. Song sách này tuy lâm-thời xuất-bản mà thực là một thiên bổ cho quốc-sử, dẫu ngoài ngày hội quốc-tổ đọc cũng có ích-lợi. Bài tựa trên đầu kể duyên-do việc trùng-tu lăng-miếu Hùng-vương ở núi Cổ-tích, thuộc phủ Lâm-thao, tỉnh Phú-thọ. Sách chia ra 14 chương như sau này : 1° Ông khai sáng nước ta ; 2° Ông thủy-tổ Bách-Việt ; 3° Hồng-bàng định kinh-đô đặt quốc-hiệu ; 4° Nói về danh-hiệu vua quan đời Hùng ; 5° Dạy dân nghề-nghiệp ; 6° Việc ngoại-giao đời Hùng ; 7° Việc chiến-công đời

Hùng ; 8° Vua Hùng-vương nhượng-vị cho ông Thục-Phán ; 9° Bờ-cõi đời Thục ; 10° Dòng-dõi Hồng-bàng ; 11° Hùng-vương tại-vị lâu năm ; 12° Đời Hồng-bàng đã có chữ Hán ; 13° Phụ chép câu đối ; 14° Phụ chép việc mở hội Hùng-sơn kỷ-niệm.

. . .

3. — *Tiểu-thuyết tàu. Chim đồng-mệnh.* Dịch-giả : NGUYỄN HỮU-KIM và NGÔ VĂN-TRIỆN. In tại nhà in Trung-Bắc-tân-văn, 1921. Cuốn thứ nhất, 20 trang. — Giá : 0 $ 15.

Đây là bản dịch bộ tiểu-thuyết « Đồng-mệnh-điểu » 同命鳥 của ông Lý Định-Di người Trung-hoa làm ra từ năm mậu-ngọ (1918). Tiểu-thuyết tàu bây giờ thật là nhiều, nào là ngôn-tình tiểu-thuyết, nào là trinh-thám tiểu-thuyết, mấy hiệu sách Quảng-đông Thượng-hải xuất-bản kể hàng trăm hàng nghìn thứ, phần nhiều là mô-phỏng của Thái-Tây mà bịa đặt thêm vào, ít quyển có giá-trị. Nay hai ông NGUYỄN HỮU-KIM và NGÔ VĂN-TRIỆN chọn dịch bộ *Đồng-mệnh-điểu* này, cũng là sách ngôn-tình mà là tình chánh-đáng, có ý khuyên-răn về luân-lý, thật là một bộ tiểu-thuyết hay, không giống các sách tầm-thường kia. Lời dịch chải-chuốt dễ đọc, dưới mỗi chương lại có phụ thêm lời bàn. — Sách có 28 chương, cuốn thứ nhất này mới có 5 chương, còn 4 cuốn nữa mới hết.

. . .

4. — *Bưu-chính chỉ-nam* 郵政指南. VŨ ĐÌNH-PHIÊU soạn. — In ở Vĩnh-Thành Công-ty ; 42 trang. Giá bán : 0 $ 45.

Sách *Bưu-chính chỉ-nam* này là một tập « sách thiết-thực », chỉ rõ các thể-lệ cách-thức về việc gửi giấy gửi hàng ở nhà giây-thép. Soạn-giả là ông VŨ ĐÌNH-PHIÊU, chủ nhà giây-thép ở Việt-trì : một ông chủ giây-thép giảng về việc bưu-chính, còn gì đích-đáng hơn nữa ! Khắp trong quốc-dân ai là người không có lúc phải giao-thiệp với sở giây-thép, hoặc gửi cái thơ, hoặc gửi kiện hàng, vậy thời ai ai cũng phải cần biết thể-lệ nhà giây-thép. Cho nên sách « *Bưu-chính chỉ-nam* » này không những là một quyển sách thiết-thực, mà lại là một quyển sách tất-yếu nữa ; nhất là các nhà buôn-bán, trên bàn giấy bao giờ cũng phải có một quyển này.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Biên-bản kỳ họp hội-đồng quản-trị ngày 27 Mars 1921. — Ngày chủ-nhật 27 Mars 1921, 3 giờ chiều, hội-đồng quản-trị Hội « Khai-trí tiến-đức » họp tại nhà Hội Trí-tri để xét các việc như sau này :

1° — Định ngày giờ và chương-trình kỳ đại hội-đồng thường-niên năm 1921 ;

2° — Rút thăm 12 ông hội-viên hội-đồng quản-trị phải bầu lại năm nay, theo điều thứ 11 trong Điều-lệ.

Đến dự hội-đồng có những ông sau này : Hoàng Trọng-Phu, Thân Trọng-Huề, Choulet, Chế Quang-Ân, Đặng Đức-Cường, Phạm Quỳnh, Nguyễn Hữu-Thu, Nguyễn Văn-Vĩnh, Lê Văn-Phúc, Nghiêm Xuân-Quảng, Nguyễn Quí-Toản.

Những ông sau này có giấy cáo : Grossin, Trần Văn-Thông, Mai Trung-Cát.

Hội-đồng quản-trị có 36 ông, phần nhiều ở các tỉnh, nay có bấy nhiêu ông đến dự hội-đồng thời không đủ lệ quyết-nghị được. Song kỳ hội-đồng này cũng không phải quyết-nghị việc gì quan-trọng, nên định tuy không đủ số lệ mà cũng cứ họp.

Các hội-viên bàn một lát thời đồng-ý chọn ngày chủ-nhật 10 Avril làm ngày đại-hội-đồng thường-niên, và định chương-trình kỳ đại Hội-đồng như sau này :

1° — Nghe tờ trình của tòa trị-sự về công việc và tiền bạc của Hội trong năm vừa qua ;

2° — Bầu lại một phần hội-đồng quản-trị theo điều thứ 11 trong Điều-lệ ;

3° — Bàn các việc linh-tinh.

Theo điều thứ 11 trong Điều-lệ, thời Hội-đồng quản-trị có 36 hội-viên, cứ mỗi năm chia ba bầu lại một phần, nghĩa là 12 người. Việc bầu lại ấy là do đại-hội-đồng, nhưng trước khi họp đại-hội-đồng thời phải biết 12 ông nào là phải bầu lại. Trong Điều-lệ không nói rõ cách thức thế nào, nên hội-đồng định dùng cách rút thăm. Bèn đem kê cả tên 36 ông, mỗi tên vào một mảnh giấy con, vê tròn lại, bỏ lộn vào trong cái hộp, rồi rút thăm lấy 12 viên, mở ra xem thời thấy lần lượt 12 tên các ông như sau này: Đào-văn-Sử, Trần-văn-Thông, Bùi-đình-Tá, Phạm-văn-Thụ, Hoàng-quang-Hương, Nguyễn-năng-Quốc, Chế-quang-Ân, Thân-trọng-Huề, Lê-văn-Phúc, Từ-Đạm, Mai-du-Lân, Đỗ-Thận. Tức là 12 ông năm nay phải ra, nhưng có thể lại tái-bầu lần nữa, nghĩa là 12 ông ấy lại bầu lại cả cũng được. Song muốn cho đại-hội-đồng hoặc có muốn thay đổi ai cho dễ kén chọn, hội-đồng quản-trị định kê thêm tên tám ông nữa, đều là người trong Hội cả: Ông Phạm-văn-Khoan, Nguyễn-tất-Tế, Hoàng-hữu-Đôn, Hoàng-kim-Bảng, Nguyễn-văn-Tâm, Nguyễn-văn-Tố, Nguyễn-huy-Hợi, Trịnh-văn-Hợi.

Xét xong các việc trong chương-trình, đến 4 giờ 1/2 thời hội-đồng tan.

. . .

Biên-bản kỳ đại hội-đồng thường niên ngày 10 Avril 1921. — Ngày chủ-nhật 10 Avril 1921, 3 giờ chiều, hội «Khai-trí-tiến-đức» họp đại-hội-đồng thường-niên các chủ-trì tán-trợ hội-viên tại nhà hội Trí-trí. Chương-trình các việc như sau này :

1o. — Nghe tờ trình của tòa Trị-sự về công việc và tiền bạc của Hội trong năm vừa qua ;

2o. — Bầu lại một phần hội-đồng quản-trị theo điều thứ 11 trong Điều-lệ.

3o. — Bàn các việc linh-tinh.

Đến dự hội-đồng có những ông sau này :

a) — Các hội-viên trị-sự cũ: Hoàng Trọng-Phu, Thân Trọng-Huề, — Trần Văn-Thông, — Nguyễn Hữu-Thu, — Nguyễn Văn-Vĩnh, — Phạm Quỳnh, — Phạm Duy-Tốn, — Lê Văn-Phúc, — Choulet, — Đỗ-Thận, — Trần Trọng-Kim, ;

— b) Các hội-viên chủ-trì tán-trợ : — Aviat, — Bạch Văn-Lam, — Bùi Huy-Tín, — Bùi Thiện-Căn, — Dương Bách-Duyệt, — Đào Trọng-Vận, — Đặng Đức-Giục, — Đàm Duy-Huyên, — Đinh-Văn-Nhuệ, — Đinh Văn-Thiện, — Hoàng Gia-Luận, — Hoàng Hữu-Đôn, — Hoàng Quang-Hương, — Lacombe, — Lê Đình-Tĩnh, — Lê-Hữu-Tích, — Lê Văn-Hiền, — Ngạc Văn-Đồng — Nghiêm Xuân-Quảng, — Ngô Ngọc-Trấn, — Nguyễn Bá-Trác, — Nguyễn-Chuẩn, — Nguyễn-Diệp-Quảng, — Nguyễn Đình-Khôi, — Nguyễn-Đức-Thúy, — Nguyễn Gia-Huy, — Nguyễn Huy-Hợi, — Nguyễn-Kỳ, — Nguyễn Năng-Quốc, — Nguyễn-Qui, — Nguyễn Qui-Toản, — Nguyễn-Tất-Tế, — Nguyễn Tất-Nhuận, — Nguyễn Trọng-Hỗ, — Nguyễn Trọng-Vinh, — Nguyễn Văn-Bùi, — Nguyễn Văn-Liên, — Nguyễn Văn-Luận, — Nguyễn Văn-Phước, — Nguyễn Văn-Tâm, — Nguyễn-ý-Củ, — Phạm Huy-Lục, — Phạm Mạnh-Xứng, — Phan Tất-Tạo, — Reny, — Trần-Quỳnh, — Trần-Thúy, — Từ-Đạm, — Vũ-Cầu, — Vũ Công-Thiệu, — Vũ Đình-Chung, — Vũ Đức-Đôn, — Vũ Minh-Châu.

Những ông có giấy cáo : Nguyễn Văn-Thọ, ở La-ba-ti bên Tàu ; — Dương Đức-Huy, tri-huyện Kim-sơn, Ninh-bình ; — Lê-Tường, ở Tam-quan, Quảng-nam.

Theo điều-lệ Hội, những ông hội-viên nào không thể đến dự hội-đồng được có thể ủy-quyền cho ông khác thay mặt. Những ông có uy-quyền cho người thay mặt là những ông sau này :

1) Ủy-quyền cho ông *Bùi Huy-Tín* :
Ông Mai Du-Lân, — Trần Văn-Quang.

2) Ủy-quyền cho quan *Hoàng Trọng-Phu*:
Ông Grossin, — Nguyễn Văn-Đồng.

3) Ủy-quyền cho ông *Hoàng Quang-Hương* :
Ông Hoàng Đức-Hàm, — Hoàng Quang-Bình, — Hoàng Quang-Thịnh.

4) Ủy-quyền cho ông *Lê Văn-Phúc* :
Ông Bạch Thái-Bưởi, — Bạch Thái-Sơ, — Chu Tam-Duy, — Dương Tự-Nhu, — Đào Văn-Sử, —

Đỗ Tiên-Tiến, — Hà Duy-Thăng, — Hà Vũ-Giực, — Hoàng Huy-Tường, — Lã Quí-Chấn, — Lê-Tụng, — Nguyễn Bá-Tiệp, — Nguyễn Hoàng-Thu, — Nguyễn Hợp-Phác, — Nguyễn Hữu-Dĩnh, — Nguyễn Hữu-Đản, — Nguyễn Hữu-Trí, — Nguyễn Hữu-Kiến, — Nguyễn Trí-Phú, — Nguyễn Văn-Nguyên, — Nguyễn Xuân-Chử, — Phạm Bá-Rong, — Phạm Đình-Công, — Phạm Kim-Bảng, — Phạm Văn-Hanh, — Phan Nhật-Tân, — Trần Phượng-Thế, — Vi Văn-Định, — Vũ Huy-Trực, — Vũ Hữu-Thường, — Vũ Văn-Khang.

5) Ủy-quyền cho ông *Ngạc Văn-Đồng*: Ông Đặng Ngọc-Hiền, — Đặng Đình-Ngọc, — Nguyễn Văn-Mỹ.

6) Ủy-quyền cho quan *Nghiêm Xuân-Quảng*: Ông Bùi-Bành, — Nghiêm Canh-Khoan, — Phạm Văn-Thụ, — Trần-Mỹ.

7) Ủy-quyền cho ông *Nguyễn Bá-Trác*: Ông Hà Văn-Ngoạn, — Lê Thiệu-Bảo, — Nguyễn Hữu-Hậu, — Nguyễn Thụy-Bành.

8) Ủy-quyền cho ông *Nguyễn Gia-Huy*: Ông Nguyễn Đức-Thục.

9) Ủy-quyền cho ông *Nguyễn Huy-Hợi*: Ông Cung Đình-Huệ, — Nguyễn Tất-Đạt.

10) Ủy-quyền cho ông *Nguyễn Hữu-Thu*: Ông Trần-Đình-Khải.

11) Ủy-quyền cho ông *Nguyễn Văn-Bùi*: Ông Bùi Trọng-Nga, — Ngô Quang-Nghiệp.

12) Ủy-quyền cho ông *Nguyễn Văn-Vĩnh*: Ông Nguyễn Đình-Giám, — Nguyễn Đức-Đản, — Nguyễn Tôn-Khải, — Trần Dụng-Hoàn, — Vũ Văn-Hòa (Hợp-hòa).

13) Ủy-quyền cho ông *Phạm Duy-Tốn*: Ông Nguyễn Hữu-Phái, — Đỗ Lệnh-Huy.

14) Ủy-quyền cho ông *Phạm Mạnh-Xứng*: Ông Lương Văn-Phúc, — Nguyễn Hữu-Ích, — Phạm Gia-Xứng.

15) Ủy-quyền cho ông *Phạm Quỳnh*: Ông Bùi Thiện-Cơ, — Lưu Đức-Tâm, — Mai Toàn-Xuân, — Mai Trung-Cát, — Ngô Như-Bình, — Ngô Tiên-Cảnh, — Nguyễn Kỳ-Nam, — Nguyễn-Lễ, — Nguyễn Mạnh-Bồng, — Nguyễn Như-Gi, — Nguyễn Văn-Đào, — Trần Lưu-Vị, — Võ-Chuẩn, — Vũ Bội-Hoàng, — Vương Khả-Lâm.

16) Ủy-quyền cho quan *Thân Trọng-Huề*: Ông Chế Quang-Ân, — Đặng Đức-Cường, — Nguyễn Văn-Bảu, — Phan Đình-Hòe, — Vũ Đình-Khôi.

17) Ủy-quyền cho ông *Trần-Thúy*: Ông Phạm-Diễm.

18) Ủy-quyền cho quan *Trần Văn-Thông*: Ông Bùi Phụ-Kính, — Lê Trung-Ngọc.

Những ông có giấy ủy-quyền, mà người được ủy-quyền lại vắng mặt: Ông Bùi Huy-Tiên, và Trịnh Kế-Vinh, nhờ ông *Bùi Đình-Tá*, — Ông Đỗ-Uông, nhờ ông *Nguyễn Đỗ-Mục*, — Ông Lê Thế-Vỹ, nhờ ông *Chế-Quang Ân*, — ông Mai-Thạc, nhờ ông *Mai Du-Lân*, — ông Nguyễn Văn-Thỉnh, nhờ ông *Ngô Đăng-Mai*, — ông Nguyễn Văn-Vũ (tức Mộc) nhờ ông *Vũ Ngọc-Oánh*; — Ông Trần-Vượng nhờ ông *Trịnh Văn-Hợi*.

Những ông không ủy-quyền cho ai mà có gửi giấy bầu về; — Ông Hà Dương-Quang, — Lê Thanh Giai, — Nguyễn Đức-Thắng, — Phạm Gia-Thụy, — Phó Bá-Thuận, — Phùng Huy-Biên, — Vũ Ngọc-Oánh. (Những vé bầu ấy cũng tính như vé người có mặt).

Các hội-viên tựu-tọa đâu vào đấy rồi, quan Hội trưởng Hoàng Trọng-Phu khai hội, đọc tờ trình của tòa trị-sự về công việc Hội trong năm 1920, trước đọc bản chữ Pháp để các ông hội-viên lấy để nghe, rồi ông Phạm Quỳnh đọc bản quốc-văn để cả hội-đồng nghe. Tờ trình lục đăng như sau này:

« Thưa các ngài,

« Theo Điều-lệ thời hội-đồng quản-trị các ngài đã bầu năm ngoái bữa nay phải trình các ngài về công-việc Hội trong năm vừa qua. Song Hội ta chưa có hoạt-động gì, vì hiện nay còn đương là buổi xếp-đặt chưa thành, và mục-đích Hội là làm một nhà hội-quán thời nhà hội-quán hiện nay cũng còn đương xây dựng chưa xong. Vậy tôi nói đây không phải là báo-cáo tường-tất về các công-việc Hội,

chẳng qua là lược kể tình-hình Hội trong năm ngoái mà thôi.

« Trước hết số hội - viên ta đã tăng nhiều lắm. Cuối năm 1919 có chừng 400 ông, đến cuối năm 1920 được 540 ông, chia ra các hạng như sau này :

Tán-trợ hội-viên ..... 15 ông

Chủ-trì hội-viên..... 367 ông

Thường-hội-viên..... 160 ông

« Trong số đó thời có chừng 15 ông Tây, nhờ có mấy ông hội - viên trị - sự dủ được vào Hội, hoặc là quan cai-trị, hoặc là quan tòa án, hoặc là các ông thày kiện, buôn-bán, công - nghệ, ông nào cũng sẵn lòng xin dự vào nhà hội - quán sau này. Hội ta được các qui - ông chiếu-cố như thế, lấy làm hân-hạnh lắm, vì cái mục-đích thứ nhất của Hội Khai-trí này chính là để liên-lạc những bậc thượng - lưu trong hai nước, trước kia vẫn có ý cách-biệt nhau, từ nay đi lại quen biết, chắc sẽ có tình thân-mật hơn lên. Tôi xin thay mặt đồng-nhân kính chào các quí-ông có mặt tại hội-đồng hôm nay.

« Tuy phần nhiều các ông hội-viên là người Bắc-kỳ, nhưng cũng có ông người Trung-kỳ, Nam-kỳ. Lại nhiều ông sang làm việc ở Cao-miên, ở Ai-lao, hay là ở các tòa lãnh-sự cùng tô-giới Đại-Pháp ở bên Tàu, cũng có gửi giấy xin vào Hội. Hội ta lại gồm đủ các hạng người trong xã-hội : các bậc quan-lại, các nhà học-hành, các nhà buôn-bán, làm ruộng, các viên-chức tòng-sự ở các sở công sở tư. Mới rồi lại mới nhận được giấy xin nhập-hội của một vị sư trụ trì một chùa ở tỉnh Nam-định, trong thơ lại có đính theo một cái măng-đa 15 đồng bạc để quyên vào việc làm nhà hội-quán. Người xuất-thế mà còn có bụng nghĩ đến việc công-ích của quốc-dân, của xã-hội, thật đáng khen thay !

« Lát nữa ông thủ-qui sẽ đọc để các ngài nghe các khoản chi-thu của Hộ trong năm ngoái. Đây tôi chỉ xin nói qua các ngài biết rằng tài-chính Hội hiện nay đã khá lắm, và tự tháng giêng tây đến giờ tòa trị-sự chúng tôi có giao-thiệp với phủ Toàn-quyền và phủ Thống-sứ Bắc kỳ, được quan Toàn-quyền trợ-cấp cho 10.000 $ và quan Thống-sứ trợ-cấp cho 5.000 $. Ơn đặc-biệt đó thật là nhờ lòng quảng-đại của hai quan Toàn-quyền LONG đại-nhân và Thống-sứ RIVET đại-nhân, hai ngài đã rõ rằng Hội ta có ích-lợi cho việc chính-trị là đường nào, nên hết lòng giúp-đỡ như vậy. Tôi xin thay mặt cả Hội ta kính dâng lời cảm ơn hai quan LONG và RIVET.

« Nhờ chính-phủ giúp được hai trọng-khoản đó, và nhờ cuộc lạc-quyên của các hội-viên từ kỳ đại-hội-đồng năm ngoái — cuộc lạc-quyên này kể tính cả thời được tổng-cộng chừng 7.000 $, nhưng còn nhiều ngài chưa nộp hết, — mà ngay từ cuối năm 1920 có thể thực-hành được việc dựng nhà hội-quán, là việc đã rắp định từ ngày mới lập hội đến giờ. Ngày 25 tháng một tây năm ngoái tòa trị-sự đã ký tờ giao-kèo với ông AVIAT là nhà thầu-khoán, lại là người có chân Hội ta, giao cho ông lĩnh-trưng việc làm nhà khoán là 26.000 $. Nhà dựng theo cái kiểu vẽ đã được phần thưởng nhất năm ngoái, nhưng có chữa sửa lại một đôi tí để làm lấy một buồng hội-đồng cho thật rộng. Các ngài chắc còn nhớ rằng năm ngoái đã định làm nhà một từng mà thôi, vì Hội còn ít tiền lắm không thể làm ngay hai từng được. Vậy nhà hội quán đương cất bây giờ chỉ có một từng mà thôi, nhưng trong tờ giao-kèo đã nói rõ rằng người thầu-khoán phải đắp móng, xây tường, làm trần gác sàn bằng bê-tông sắt, thế nào cho rất mực vững-vàng, để sau này cứ việc thế mà nâng lên một tầng nữa, không phí-tổn gì.

« Hiện nay công-việc làm đã chạy lắm, chừng đến tháng bảy tây này thời sẽ hoàn-thành. Chốc nữa nếu còn thì-giờ thời mời các ngài quá-bộ lại xem qua cho biết công việc.

« Tôi vừa nói rằng Hội có mở cuộc lạc-quyên trong các hội-viên để lấy tiền thêm vào việc làm nhà hội-quán. Nhân dịp đây tôi xin cám ơn cả các ngài đã có bụng tốt quyên vào Hội, nhất là hai ông Bạch-thái-Bưởi và Nguyễn-hữu Thu, một ông quyên 2.000 $, một ông 1.000 $. Lại có nhiều bà tuy không là người Hội mà cũng gửi tiền vào quyên, như Cụ Cố Bố-chính Tôn-thất Loan phụ-nhân quyên 50 $, bà Đồng-thuận và bà Nghĩa-lợi mỗi bà một trăm 100 $. Coi đó thời biết trong phong-tục nước ta đã có thay đổi, và các bà An-nam ta trước kia chỉ biết việc gia-đình nội-trợ, nay đã để bụng đến việc công-ích xã-hội, cũng là một sự hay, rất nên mừng.

« Ngoài mấy việc đó là những việc ở trong Hội, còn năm ngoái Hội ta cũng không có hoạt-động gì ở ngoài, chỉ trừ cuộc diễn kịch hồi tháng tư năm 1920 là chủ-ý để cổ-động cho Hội và lấy tiền giúp vào mấy việc thiện. Các ngài chắc còn nhớ hai kỳ diễn-kịch bài tuồng « Bệnh-tưởng » về tháng tư tháng năm năm ngoái, cả thành-phố đến xem tại nhà Hát-Tây Hà-nội. Cuộc diễn-kịch đó cũng là một cách cổ-động cho Hội rất hay, mà trước sau lại thu được hơn 3.000 $, chia ba một phần chi các khoản kinh-phí, còn hai phần thời giúp vào các việc thiện, như giúp cho Hội « Đông-Pháp trận-vong chiến-sĩ kỷ-niệm » ở Paris 1.500 $, và giúp cho nhà Phúc-đường của Bà Antoine ở Thái-hà 500 $.

« Ấy tình-hình Hội trong năm vừa qua đại-khái như thế. Như trên kia tôi đã nói, Hội ta chửa có hoạt-động gì. Khi nào nhà hội-quán thành rồi mới có thể làm công nọ việc kia được. Chừng tháng bảy tây này thời nhà xong. Tôi mong rằng toà trị-sự các ngài sắp bầu chốc nữa, đến kỳ đại-hội-đồng sang năm, sẽ có nhiều công-việc mà kỷ-thuật để các ngài nghe hơn là việc năm ngoái tôi vừa kể đó.

« Sau hết có một điều quan-trọng, tôi xin các ngài chú-ý, là việc lý-tài trong Hội ta. Hiện nay thời nhờ Chánh-phủ giúp, nhờ hội-viên quyên, trong quĩ ta vẫn có đủ tiền để chi việc làm nhà. Nhưng nhà làm xong rồi, phải có đồ-đạc mà bày, lại phải có thường-khoản để năm năm bảo-tồn tu-bổ; một cái nhà lớn như nhà Hội ta những khoản phí đó không phải là ít. Vậy mà trừ tiền trợ-cấp của Chánh-phủ, trừ tiền lạc-quyên của hội-viên, là những khoản thâu-nhập phi-thường, rút lại tư-bản của Hội chỉ có món tiền góp của các chủ-trì-hội-viên mà thôi. Tiền góp đó hoặc góp một lần 20 $, hoặc góp mỗi năm 2 $, kể không được bao nhiêu, những một khoản kinh-phí về nhà hội-quán cũng vị-tất đã đủ. Vậy xin các ngài nghĩ xem có cách gì cho Hội có thêm tư-bản hơn.

« Còn nhiều việc hệ-trọng nữa, các ngài cũng nên chú-ý, như việc xếp-đặt và việc hành-động trong nhà hội-quán, như việc lập chi-hội ở các tỉnh và các hạt, v.v.. Các việc đó, lắc nữa bầu hội-đồng xong, xin các ngài bàn luôn cho kỹ.

« Thưa các ngài, Hội Khai-Trí Tiến-Đức ta, nay thế là đã thành cơ-sở vững-vàng rồi. Đã sắp qua thời-kỳ tổ-chức, mà đến thời-kỳ thực-hành. Phận-sự của các hội-viên ta là phải làm thế nào cho Hội có hoạt-động, có khởi-sắc, cho xứng-đáng cái tôn-chỉ cao-thượng của Hội là giúp cho việc khai-trí tiến-đức trong quốc-dân ta. »

Đọc xong tờ trình về công việc Hội, thời ông Thủ-quĩ Lê Văn-Phúc đứng lên đọc tờ trình về các khoản chi-thu trong năm 1920, kết-toán đến ngày 31 Décembre 1920:

Các khoản thu vào

Còn trong quĩ ngày 31-12-1919.		28 $ 09
Thu của 3 ông tán-trợ hội-viên, mỗi ông 100 đồng		300. 00
Thu của 83 ông chủ-trì hội viên mỗi ông 20 đồng		1660. 00
Thu của 22 ông chủ-trì hội-viên (hạng nộp 2 đồng một năm).		44. 00
Thu của 57 ông thường-hội-viên (tiền nhập-hội 2 đồng)		114. 00
Thu tiền quyên vào hội:		
2 ông quyên mỗi ông 500 $ = 1000 $		
2 — » 300 . 600		
3 — » 200 . 600		
8 — » 100 . 800		
1 — » 60 . 60		
1 — » 50 . 50	3635 . 00	
9 — » 30 . 270		
5 — » 20 . 100		
12 — » 10 . 120		
2 — » 15 . 30		
1 — » 5 . 5		
Bán dấu-hiệu của Hội 2 cái, mỗi cái 1 đồng		2 . 00
Tiền thu về hai buổi diễn-kịch «Bệnh-tưởng»		3058 . 35
Lãi tiền gửi nhà băng	sáu tháng đầu năm 1920.	41.61
	sáu tháng cuối năm 1920.	58.05
Tổng-cộng các khoản thu vào		8.941 $ 50

Các khoản chi ra

Tiền bút giấy và bưu-phí	45 $ 96
Trả tiền in mấy chục quyển Điều-lệ	12 . 80
Trả tiền in Điều-lệ và các giấy-má	180 . 00
Trả tiền đăng cáo-bạch vào các báo tây	40 . 10
Trả tiền thường thi vẽ kiểu nhà	550 . 00
Mua nhật-báo «Echo Annamite».	15 . 83
Thừa một bức hoành-phi để biếu Hội «Đông-Pháp kỷ-niệm»	32 . 00
Quyên vào Hội «Đông P.-háp kỷ-niệm».	1500 . 00
Quyên vào nhà Phúc-đường Antoine (hai khoản này là lấy tiền thu được về cuộc diễn-kịch).	500 . 00
Chi-phí về hai buổi diễn-kịch	1577 . 00
Mua một đồng tiền vàng biếu cô con gái ông Kao đã giúp đóng vai trong bài tuồng	12 $ 00
Mua một cái đỉnh đồng biếu ông Reny đã giúp về cuộc diễn-kịch.	40. 00
Mua một cái máy đánh chữ hiệu «Royal»	150. 97
Tiền phụ-cấp cho người giúp việc (chạy giấy, thu tiền, v. v)	46. 95
Mua sổ sách	4. 24
Tổng-cộng các khoản chi ra	4.708 $ 41

Thu vào	8 941 $ 50
Chi ra	4.708 . 40
Còn lại	4 233 $ 09

trong số ấy thời để nhà băng hiện ngày 31 Décembre 1920	4.199 $ 66
và giữ trong quĩ ông thủ-quĩ	33. 43
gồm với số tiền để nhà băng từ năm 1919	3.522. 14
Tổng-cộng của Hội còn	7,755 $ 23

Trước kỳ đại-hội-đồng, tòa trị-sự đã ủy quan Thân Trọng-Huề cùng hai ông Phạm Duy-Tốn và Nguyễn-Thành để kiểm-tra sổ-sách của ông Thủ-quĩ. Vậy khi ông Thủ-quĩ đọc xong các khoản chi-thu ở trên thời quan Thân đứng lên trình với hội-đồng rằng ngài cùng hai ông Phạm Duy-Tốn và Nguyễn-Thành đã kiểm tra kỹ các sổ sách của ông thủ-quĩ Lê văn-Phúc thấy đúng đâu vào đấy cả, xin Hội-đồng cứ duyệt-y các khoản chi-thu vừa trình, và lại xin Hội-đồng vỗ tay khen ông đã tận-tâm giúp việc Hội.

Cả Hội-đồng duyệt-y các khoản chi-thu ở trên và vỗ tay khen ông Lê Văn-Phúc.

Theo điều thứ 19 trong Điều-lệ thời Hội đầu mỗi năm phải làm một sổ dự-toán (*budget*), dự-tính sẵn các khoản chi-thu trong năm ấy. Ông thủ-quĩ Lê Văn-Phúc có thay mặt tòa trị-sự trình một sổ dự-toán các khoản chi-thu về năm 1921 như sau này:

Dự-toán các khoản thu vào trong năm 1921

Khoản I. — Thu tiền nhập-hội của các hạng hội-viên ..... 2000 $ 00

Khoản II. — Tiền trợ-cấp của Chánh-phủ:

Phủ Toán-quyền .... 10.000 $ 00
Phủ Thống-sứ ..... 5.000 . 00

Khoản III. — Tiền quyên (những khoản từ trước chưa thu hết và những khoản mới). 10.000 . 00

Khoản IV. — Dự-toán mở diễn-kịch, v. v..... 3.000 $ 00

Khoản V. — Tiền góp về hội-quán 200 . 00

Khoản VI. — Tiền thu về hội-quán (chưa dự-định được).

Khoản VII. — Tiền còn năm ngoái (1920)..... 7.755. 23

Tổng-cộng..... 37.955 $ 23

Dự-toán các khoản chi ra trong năm 1921

Khoản I. — Tiền làm nhà..... 26.500 $ 00

Khoản II. — Sắm-sửa đồ-đạc và mua sách..... 5.500 . 00

Khoản III — Mua nhật-báo ... 100 . 00

Khoản IV — Phí diễn-kịch, v. v. 1 000 . 00

Khoản V — Công người làm.. 400 . 00

Khoản VI — In giấy má..... 100 . 00

Bưu-phí..... 59 . 70

Khoản VII. — Bảo-tồn đồ-đạc... 100 . 00

Bảo-tồn nhà hội-quán. 150 . 00

Khoản VIII. — Tiền đèn điện. 150 . 00

Khoản IX. — Tiền trữ-tích (còn thừa)..... 3.795 . 53

Tổng-cộng..... 37.955 $ 23

Sổ dự-toán đọc xong, hội-đồng đều ưng-thuận duyệt-y.

Đoạn rồi bắt đầu bầu-cử để thay cho mười hai ông hội-viên hội-đồng quản-trị phải ra năm nay. Kể cả các hội-viên có mặt tại đại-hội-đồng cùng những ông có giấy ủy-quyền và những ông có gửi vé bầu về thời tổng-cộng được 175 vé, vậy thời ai được quá nửa là 88 vé mới được trúng-cử.

Đến khi kiểm vé xong thời thấy như sau này

Ông Thân Trọng-Huề... 165 vé.
» Trần Văn-Thông ... 164 »
» Nguyễn Năng-Quốc. 146 »
» Phạm Văn-Thụ..... 139 »
» Lê Văn-Phúc..... 139 »
» Lacombe..... 130 »
» Đỗ-Thận ..... 122 »
» Nguyễn Tất-Tế..... 114 »
» Từ-Đạm..... 111 »
» Hoàng Hữu-Đôn .... 96 »
» Chế Quang-Ân..... 82 »
» Hoàng Quang-Hương. 78 »
Ông Nguyễn Huy-Hợi..... 69 vé
» Nguyễn Văn-Tâm.... 67 »
» Nguyễn Văn-Tố..... 65 »
» Trịnh Văn-Hợi..... 64 »
» Mai Du-Lân..... 51 »
» Hoàng Kim-Bằng.... 48 »
» Đào Văn-Sử..... 37 »
» Phạm Huy-Lục..... 35 »
» Bùi Đình-Tá..... 22 »
» Hà Duy-Thăng..... 21 »
» Phạm Văn-Khoan... 12 »
» Nguyễn Bá-Trác... 2 »
» Nghiêm Xuân-Quảng 2 »
} 2 ông này vốn đã có chân hội-đồng quản-trị rồi.
» Lê Văn-Đinh ..... 1 »
» Vũ Công-Thiệu..... 1 »

Chiếu số vé đó thời chỉ có 10 ông đầu (từ ông Thân Trọng-Huề đến ông Hoàng Hữu-Đôn) là trúng-cử, vậy còn thiếu hai ông nữa mới sung-số. Hội-đồng định lấy thêm hai ông được nhiều vé nhất ở dưới là ông Chế Quang-Ân và Hoàng Quang-Hương cho đủ số. Xét ra thời mười-hai ông hội-viên quản-trị cũ được bầu lại 9 ông (Trần Văn-Thông, Phạm Văn-Thụ, Hoàng Quang-Hương, Nguyễn Năng-Quốc, Chế Quang-Ân, Thân Trọng-Huề, Lê Văn-Phúc, Từ Đạm, Đỗ Thận), chỉ trừ có ba ông không được tái-cử (Đào Văn-Sử, Bùi Đình-Tá, Mai Du-Lân), có ba ông mới thay (Lacombe, Nguyễn Tất-Tế, Hoàng Hữu-Đôn). — Vậy thời hội-đồng quản-trị cả mới cả cũ gồm 36 ông sau này:

1. Marty — 2. Hoàng Trọng-Phu — 3. Thân Trọng-Huề — 4. Trần Văn-Thông — 5. Nguyễn Hữu-Thu — 6. Nguyễn Văn-Vĩnh — 7. Phạm Quỳnh — 8. Phạm Duy-Tốn — 9. Lê Văn-Phúc — 10. Lacombe — 11. Nguyễn Tất-Tế — 12. Hoàng Hữu-Đôn — 13. Grossin — 14. Choulet — 15. Đỗ Thận — 16. Trần Trọng-Kim — 17. Vũ Ngọc-Oánh — 18. Bạch Thái-Bưởi — 19. — Bùi Huy-Tín — 20. Chế Quang-Ân — 21. Đặng Đức-Cường — 22. Hoàng Mạnh-Tế — 23. Hoàng Quang-Hương — 24. Lê Trung Ngọc — 25. Mai Trung-Cát — 26. Nghiêm Xuân-Quảng — 27. Nguyễn Bá-Trác — 28. Nguyễn Hữu-Ích — 29. Nguyễn Kim-Lão — 30. Nguyễn NăngQuốc — 31. Nguyễn Quý Toản — 32. Phạm Mạnh-Xứng — 33 Phạm Văn-Thụ — 34. Trần-Mỹ — 35. Trần Huề Soạn — 36. Từ Đạm.

Bầu xong hội-đồng quản-trị, thời những ông có chân hội-đồng quản-trị ngồi riêng ra một nơi để bầu tòa trị-sự năm 1921, định không phải bỏ vé, bầu bằng dơ tay mà thôi. Xét ra thời ba ông hội-viên quản-trị phải ra năm nay là ông Đào Văn-Sử, Mai Du-Lân và Bùi Đình-Tá đều có chân trị-sự cũ, hội-đồng định cứ để tòa trị-sự cũ mà thay 3 ông ấy thôi. Cả hội-đồng đều thuận dơ tay bầu ông Nguyễn Qui-Toản và Hoàng Quang-Hương làm phó-thủ-quĩ thay cho ông Đào Văn-Sử và Mai Du-Lân; ông Nguyễn Tất-Tế làm cố-vấn thay cho ông Bùi Đình-Tá. Hội-đồng lại bàn rằng trong các ông cố-vấn có ông Grossin làm quan cai-trị ở tỉnh xa không thường về hội-đồng được luôn, nên chọn một người ở Hà-nội thay : cả các hội-viên đều đồng-thanh cử ông Lacombe thay cho ông Grossin làm cố-vấn. Vậy thời tòa trị-sự mới năm 1921 như sau này :

Chánh dự hội-trưởng	: L. Marty
Chánh Hội-trưởng	: Hoàng Trọng-Phu.
Phó Hội-trưởng	: Tuân Trọng-Huề,
—	: Trần Văn-Thông,
—	: Nguyễn Hữu-Thu,
—	: Nguyễn Văn-Vĩnh.
Tổng Thư-ký	: Phạm Quỳnh,
Phó Thư-ký	: Phạm Duy-Tốn.
Chánh Thủ-quĩ	: Lê Văn-Phúc,
Phó Thủ-quĩ	: Nguyễn Qui-Toản,
—	Hoàng Quang-Hương.
Trị-sự hay là cố-vấn :	
hội-viên	: Lacombe.
—	: Choulet
—	: Nguyễn Tất-Tế,
—	: Đỗ-Thận,
—	: Trần Trọng-Kim.

Bầu-cử xong đâu vào đấy rồi thời bàn đến các việc linh-tinh.

Vấn-đề cốt-yếu nhất là việc tư-bản của Hội. Ông Nguyễn Văn-Vĩnh bàn xin mở một cuộc diễn-kịch như năm ngoái để thêm tiền cho Hội. Nhân ông Trần Văn-Thông là chủ Hội Thể-thao ở Hà-nội (*Jeunesse sportive*), nói rằng hội này muốn xin hội Khai-trí bảo-hộ và sẽ cử hội-viên là những người thanh-niên tây-học để giúp vào cuộc diễn-kịch ấy, nhưng xin hội Khai-trí giúp cho tiền để mua đất làm vườn thể-thao. Nhiều ông hội-viên đáp lại rằng chính Hội Khai-trí còn chưa đủ tiền, lấy đâu mà giúp cho Hội khác. Ông Nguyễn Hữu-Thu bàn việc đó nên giao cho tòa trị-sự xét.

Đoạn rồi đến ông Hoàng Hữu-Đôn đứng lên nói, xin ba điều : 1o Hội chánh cho phép các tỉnh đặt chi hội và chỉ rõ cho cách-thức thế nào là tiện-lợi; 2o Nên bỏ mấy điều trong Điều-lệ về sự đánh cờ bạc ; 3o Nên đặt một cái bằng và cái dấu hiệu riêng cho người có chân hội.

Ông Nguyễn Hữu-Thu lại đứng lên nói rằng xin các hội-viên ông nào có bàn điều gì thời viết ra giấy, nói tường-tất, rồi gửi về cho tòa trị-sự hay là hội-đồng quản-trị bàn xét, chớ nói ngay ở đại hội-đồng thời không tiện và cũng không có thì giờ xét hết được. Cả hội-đồng đều ưng như thế.

Đến 7 giờ tối thời đại hội-đồng tan.

.·.

Đơn xin vào Hội. — Trong tháng vừa rồi có những ông sau này gửi giấy xin vào hội, hạn trong hai tháng trong các Hội-viên ông nào có dị-nghị xin viết thơ về cho hội biết.

A. *Xin vào chân chủ-trì.*

1 — Ông Nguyễn Văn-Ích, thông-phán tòa Sứ Nam-định. — (*Quan Mai Toản-Xuân án-sát Nam-định giới-thiệu*).

2 — Trần Từ-An, làm ruộng ở làng Hoàng-xá, tổng Vạn-điềm, phủ Thường-tín, tỉnh Hà-đông.

3 — Trần Văn-Khúc, buôn bán, ở làng Hoàng xá, tổng Vạn-điềm, phủ Thường-tín, tỉnh Hà-đông.

(*Hai ông Trần Từ-An và Trần Văn-Khúc là ông Đặng Đức-Giục giới-thiệu*).

4 — Vũ Túc, directeur de l'Ecole franco-chinoise de Fort Bayard, Kouang-tcheou-wan.

5 — Vương Khả Phúc, secrétaire des Douanes et Régies, à Hanoi.

6 — Lê Đăng-Phương, secrétaire des Douanes et Régies, à Hanoi.

7 — Đỗ Huy Oánh, secrétaire des Douanes et Régies, à Hanoi.

8 — Nguyễn Văn-Mùi, infirmier à Văn-Yên (Sơn-la).

(*Bốn ông Vương Khả-Phúc, Lê Đăng-Phương, Đỗ Huy-Oánh và Nguyễn Văn-Mùi là ông Ngô Đăng-Mai giới-thiệu.*)

9 — Cung Đình-Qui, étudiant à l'Ecole supérieure d'agriculture et de Sylviculture (Université) Hanoi.

10 — Nguyễn Bắc-Lộc, sergent de la garde municipale, Concession française, Han-K'éou (Chine).

11 — Phạm Hoàng-Trung, Secrétaire des Travaux Publics, Rue des Etoffes, Hà-nội (*Quan huyện Cẩm-giàng Vũ Đình-Khôi giới thiệu*).

B. *Xin vào Thường-hội-viên*

1. Ông Nguyễn Văn-Bản, Chánh-tổng Ngọ-dương, huyện An-dương, tỉnh Kiến-an. (*Ông Nguyễn Đức-Trí, giáo-học trường Song-mai giới-thiệu*)

2. Ông Nguyễn Văn-Vị, hiệu Đức-thái, buôn-bán ở phủ Mỹ-đức, Hà-đông. (*Ông Nghiêm Xuân-Lan, giáo-học Mỹ-đức giới-thiệu*)

3. Ông Vũ Lê-Khoáng, nguyên trợ-giáo trường Câu-thượng, tỉnh Kiến-an, quán ở làng Phụng-công, tổng Phụng-công, huyện Văn-giang (Bắc-ninh).

4. Ông Trần Ngọc-Giốc, thừa-phái tòa án đệ-nhị-cấp Ninh-bình.

* * *

Sổ quyên vào Hội. — Trong tháng vừa rồi có các ông các bà sau này gửi tiền quyên bảo Hội, bản-hội xin có lời cám ơn:

1. — Ông Lưu Xuân-Tô, thầu-khoán ở Yên-viên (Bắc-ninh)..... 10 $ 00

2. — Bà Lê Thị-Lý tức Nghĩa-Lợi, buôn-bán ở đường Bờ-sông, Hà-nội. 100,00

3. Bà Phạm Thị-Thịnh, tức Đồng-Thuận, ở số 248 phố Hàng Bông Hà-nội 100,00

4. — Bà Cô-Tư, thưởng thụ chánh tứ-phẩm phu-nhân..... 100,00

5. — Bà Vạn-Tường, buôn bán ở phố hàng Đào, số 21 50,00

6. — Quan Nguyễn Hữu-Ích, Tuần-phủ tỉnh Sơn-tây..... 50,00

7. — Quan Lê Thế-Vỹ, án sát tỉnh Thái-bình..... 20,00

8. — Ông Trần Lưu-Thứ, Tri-phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây..... 20,00

9. — Ông Nguyễn Quang-Cơ, chủ Hội Đồng-ích, tỉnh Thái-bình.... 20,00

10. — Ông Nguyễn Bá-Tiệp, Tri-huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây... 15,00

11. — Đỗ Tiên-Tiến, buôn bán ở Phú-thụy, Hưng-yên..... 15,00

12. — Ông Nguyễn Tăn-Thịnh, đít Tăng-ích, buôn bán Hải-phòng, phố Bonnal..... 6,00

13. — Ông Chu Tam-Duy, buôn-bán ở phủ Từ-sơn, Bắc-ninh..... 5,00

Khẩn-cáo

Nam-phong Báo-quán có lời cẩn-cáo các ngài hội-viên Hội Khai-trí tiến-đức biết cho rằng báo-quán chúng tôi mỗi lần in một tập Kỷ-yếu về công việc Hội là vì hội-đồng trị-sự Hội có mượn tạp-chí của chúng tôi để làm như cái cơ-quan môi-giới cho các quan viên hàng hội, và chúng tôi xét ra mục-đích Hội với mục-đích báo chúng tôi cũng là một, nên trước sau vẫn sẵn lòng giúp Hội, không dám quản hơn thiệt gì. Nay nghe có một vài ông hội-viên phàn-nàn rằng báo-quán ép các ông phải mua báo. Ông nào nghĩ thế là hiểu lầm, vì sự mua báo là quyền tự-do, không ai bắt ép được ai; vả lại chủ-ý chúng tôi giúp Hội Khai-trí là vì nghĩa-vụ, không phải vị cầu-lợi. Phần nhiều các ngài vì báo chúng tôi mà biết đến Hội Khai-trí, sau khi vào hội không quên đến bản-báo, đó là cái cảm-tình riêng của các ngài đối với chúng tôi, chớ bản-báo không hề viện thể-lệ Hội mà cưỡng ép ai phải mua báo bao giờ. Xin các ngài biết cho.

Nay cẩn-cáo.

Quan Khâm-sứ Trung-kỳ Pasquier đại-nhân

(mặc phẩm-phục)

Chánh-phủ Bảo-hộ mới cử quan PASQUIER lĩnh trọng-chức Khâm-sứ Trung-kỳ. Ngài năm xưa đã từng làm Công-sứ Thanh-hóa, có chính-tích nên quan dân tỉnh Thanh dựng bia kỷ-niệm; sau làm Đốc-lý Hà-nội, đã từng xin với Chánh-phủ lập ra cuộc Hội-chợ hàng năm; đến sau cùng làm Đổng-lý phủ Toàn-quyền hồi quan SARRAUT làm Toàn-quyền, thật là một tay giúp việc có công của quan SARRAUT. Khi quan SARRAUT trở về Pháp, ngài cũng đi theo; về tới Paris thời ngài được Ngoại-vụ-bộ đặc cử để thảo điều-ước với nước Xiêm. Đương khi ở Pháp thời được thăng bổ Khâm-sứ Trung-kỳ.

Quan PASQUIER không những là một nhà chánh-trị giỏi, lại là một tay văn-sĩ tài. Bản-chí trong số 45 đã giới-thiệu cho các bạn đọc báo biết bộ sách « Cổ Nam-Việt » (*L'Annam d'autrefois*) của ngài — bài giới-thiệu ấy kỳ này có dịch ra hán-văn, — xem sách ấy thời biết cái cảm-tình của ngài đối với dân ta nước ta vậy. Một người đã có cái cảm-tình như thế, chắc là có cái chánh-kiến khoan-dung đại-độ khác thường. Vả quan PASQUIER có thể gọi là học-trò quan SARRAUT, nói thế cũng đủ rõ cái chánh-sách của ngài. Nay Trung-kỳ, trên được Kim-Thượng là một đấng anh-quân, lại được một quan Khâm-sứ như quan PASQUIER, từ giờ chắc là sẽ được tấn-bộ hơn xưa bội phần, quốc-dân lấy làm mong-mỏi lắm.

N.-P.